**THÁI DOÃN NGÀ**

# HỒI KÝ

**2011**

# HỒI KÝ PHẦN 1

# THÁI DOÃN NGÀ

# LỜI MỞ ĐẦU

Tôi vẫn nghĩ, trong đời sống hàng ngày của chúng ta, thỉnh thoảng vẫn có những chuyện bất ngờ xảy ra. Có những chuyện bất ngờ, mang lại cho chúng ta niềm vui. Có những chuyện bất ngờ, mang đến cho chúng ta nỗi buồn. Cũng có những chuyện bất ngờ khiến chúng ta phải suy nghĩ và, từ đó đưa chúng ta tới những quyết định hay những chọn lựa mà có thể trước đó, chúng ta không hay chưa hề nghĩ tới.

Tôi muốn nói tới chuyện cháu Johnathan Mai cháu ngoại của chúng tôi, hiện đang học lớp 11, ở thành phố Huntington Beach. Một hôm tan học về, cháu hớn hở khoe với mọi người trong nhà về một bài luận văn nhỏ của cháu, chẳng những được cô giáo khen mà, còn được cô giáo cho biết sẽ gửi cho nhật báo Los Angeles Times đăng tải (LA Times có 1 triệu độc giả).

Tôi hỏi cháu, đại ý con viết gì mà đến mức độ cô giáo phải nghĩ tới chuyện gửi bài viết của con cho báo đăng tải. Cháu bảo, con chỉ viết lại chuyện ông ngoại đã kể cho con nghe về những ngày ông ngoại chỉ mới 11 tuổi, đã là thành viên của một lò đúc súng ở Quy Nhơn trong chiến tranh Việt Pháp. Rồi khi lò đúc súng này không còn thuốc súng để chế tạo những trái lựu đạn nội hóa, ông ngoại còn được mang một mật thư, từ An Khê đi Bồng Sơn, để yêu cầu cơ sở kháng chiến ở Bồng Sơn cưa những trái bom không nổ của Pháp, lấy thuốc súng chuyển về cho lò đúc súng ở Quy Nhơn…

Sự kiện xảy ra khiến cá nhân chúng tôi suy nghĩ khá nhiều.

Việc một bài luận văn hay, được cô, thầy trong lớp khen là chuyện rất bình thường. Nhưng cũng bài luận đó, khi nó khiến cô, thầy phải nghĩ tới chuyện gửi cho một tờ nhật báo nổi tiếng với số lượng phát hành, mỗi ngày, trên dưới một triệu ấn bản, thì nó không còn là chuyện bình thường nữa.

Từ đó, chúng tôi nghiệm ra rằng, hóa ra cuộc đời của chúng tôi, từ thơ ấu, vốn đã là một cuộc đời khá đặc biệt.

Cuộc đời đó, không chỉ ý nghĩa với chúng tôi, mà nó còn mang một ý nghĩa rộng rãi hơn, đáng kể hơn vì nó đã phản ảnh, nó tiêu biểu cho tinh thần yêu nước chống ngoại xâm của những đứa trẻ Việt Nam sống trong thời ly loạn.

Cũng từ sự kiện vừa kể, chúng tôi đã có ý nghĩ, tại sao chúng tôi không viết lại toàn bộ cuộc đời mình, từ thành công tới thất bại, những nỗi buồn tới những niềm vui trên lộ trình 75 năm làm người của mình...

Sự viết lại này, theo thiển ý của chúng tôi, sẽ không chỉ giới hạn trong ý nghĩa cho đám con cháu đời sau biết được những thăng trầm, những chìm nổi, những hy sinh của thế hệ cha ông đời trước như thế nào, mà có thể những trang sách ấy, biết đâu chẳng giúp phần nhỏ bé nào đó, cho những người muốn tìm hiểu một phần lịch sử Việt Nam thời chiến tranh Việt Pháp. Xuyên qua sự tham gia trực tiếp của một trong những thiếu nhi Việt Nam, ở khắp mọi miền đất nước, mà chúng tôi là một trường hợp điển hình, trong hoàn cảnh đó.

Qua những suy nghĩ kể trên, hôm nay chúng tôi quyết định ngồi xuống, ghi lại những diễn tiến thăng trầm của những năm qua. Bắt đầu từ một "nhi đồng cứu quốc, đến một thầy giáo dạy toán cho hầu hết các trường trung học tại Huế, rồi sau này là Đà Nẵng.

Tôi vẫn nghĩ viết về cuộc đời một người vốn đã khó khăn, huống hồ chi, viết về chính bản thân mình. Bởi lẽ nói như thế nào để tránh đề cập nhiều đến cái "tôi" đáng ghét. Trong khi đó lại muốn ghi lại trung thực, đầy đủ những điều đã xảy ra trong đời mình. Nhưng với tâm thành, và ý nguyện gửi lại cho một số bằng hữu, người thân cùng các con cháu một chút kỷ niệm của chúng tôi. Chúng tôi tin quý vị sẽ rộng lòng tha thứ mọi thiếu sót, khó tránh trong tập hồi ký này.

Sự tha thứ của quý vị, cũng là những đóa hoa khoan dung, dành cho người viết. Trân trọng,

California 2010.
Thái Doãn Ngà

## CHƯƠNG MỘT

### NHỮNG NGÀY NIÊN THIẾU
### HAY, TỪ LÒ SẢN XUẤT SÚNG TỚI VAI TRÒ GIAO LIÊN CỦA MỘT NHI ĐỒNG CỨU QUỐC.

Tôi không biết những người khác, nghĩ gì về nguồn gốc, dòng tộc của họ; riêng cá nhân tôi, ngay từ khi còn tấm bé, tôi đã hãnh diện được là con cháu của dòng họ Thái Doãn. Tôi cũng rất hãnh diện được mang dòng họ "Thái". Một dòng họ tương đối lạ, so với những dòng họ quen thuộc khác. Như các họ Lý, Lê, Trần, Nguyễn, Phạm…

Lớn lên một chút, khi trí óc bắt đầu phát triển, tôi càng hãnh diện hơn nữa, mỗi khi, trong các bữa cơm, những buổi họp mặt gia đình, cha tôi kể cho chúng tôi nghe về cuộc đời ông; như những bài học vỡ lòng mà cha tôi muốn truyền thụ cho chúng tôi về tình yêu tổ quốc, bổn phận hay trách nhiệm của chúng tôi đối với quê hương Việt Nam, với đồng bào ruột thịt của mình, qua những giai đoạn thăng trầm của đất nước mà cha tôi đã trải qua…

Và, nhân Lễ Tạ Ơn ngày 26 tháng 11 năm 2009 vừa qua, khi đại gia đình chúng tôi tập trung lại tại miền Nam California, chúng tôi nói chuyện với nhau về lòng biết ơn của chúng ta cần phải có đối với đất nước Hoa Kỳ này, chúng ta cũng không thể không nói lên lòng biết ơn của chúng ta đối với nơi chốn đã sinh ra, đã nuôi dưỡng biết bao thế hệ của gia đình chúng ta, là đất nước nước Việt Nam bên kia bờ biển đại dương. Nhưng, để nói lên lòng biết ơn nguồn cội, cụ thể nhất, chúng tôi trộm nghĩ, chính là nói về đấng sinh thành ra mình. Nếu không có những bậc cha, ông ấy, chúng tôi đã không thể có ngày hôm nay.

Tuy không phải là một nhà văn, cũng không hề là một nhà báo, nhưng tôi nghĩ, bằng vào tất cả lòng chân thành, cố gắng của mình, tôi tin, rồi tôi cũng sẽ hoàn tất được trong chừng mực nào đó, cuốn hồi ký về đời mình như một biết ơn cụ thể đối với tổ tiên dòng họ.

Bắt chước những cuốn hồi ký nhân vật đã được đọc, xin quý bạn cho phép tôi được bắt đầu việc vẽ lại chân dung của mình, từ cái gốc cây hệ phả của dòng họ Thái chúng tôi, tự thời gian xa xôi nhất mà chúng tôi biết được.

Trước nhất, kính thưa quý bạn, theo lời kể của cha tôi thì, dòng họ Thái của chúng tôi từ bên Tàu di cư qua Việt Nam, từ nhiều trăm năm trước, mà người đứng đầu, chúng tôi nhìn như ông Tổ của dòng họ là cụ Thái Văn Toản.

Vì dòng họ Thái ngày một lớn mạnh nên, cũng như một gốc cây tươi tốt, tự phát triển và chia thành nhiều cành nhánh này, mà sau này, chúng tôi biết rằng, chúng tôi thuộc nhánh "Thái Doãn", với ông cố của chúng tôi, là Thái Doãn Bình.

Theo tài liệu còn được lưu truyền tới ngày hôm nay thì, ông cố Thái Doãn Bình của chúng tôi, từng giữ chức vụ lớn thời vua Khải Định. Từ ông cố Thái Doãn Bình, chúng tôi có ông nội Thái Doãn Cung. Ông nội Thái Doãn Cung sinh ra cha chúng tôi là Thái Doãn Sung.

Đó là người mà chúng tôi muốn được ghi lại một phần đời của ông, như một tấm gương yêu nước, tấm gương tận tụy phục vụ quê hương, để hàng con cháu chúng tôi sau này có cơ sở, tài liệu hầu cố gắng noi theo.

Đọc kỹ gia phả của dòng "Thái Doãn", tôi phát hiện ra rằng, tinh thần yêu nước của cha chúng tôi, vốn khởi đi từ ông nội chúng tôi là cụ Thái Doãn Cung. Vì ông nội chúng tôi được thừa hưởng gia tài của ông cố Thái Doãn Bình, nên ngay từ tấm bé, thân phụ Thái Doãn Sung của chúng tôi đã được hướng dẫn vào khuôn nếp học hành, đặng có thể nối nghiệp cha ông…

Đến đời chúng tôi, lớn lên thì cũng là thời gian Đệ nhị Thế chiến bùng nổ, lan tràn tới Đông Dương. Trong cơn lốc

ảnh hưởng toàn cầu này, phong trào chống thực dân Pháp ở Việt Nam, cũng nương theo đà đó mà dâng lên rất cao.

Là một thanh niên trẻ tuổi, đầy nhiệt huyết, như đa số thanh niên Việt Nam thời đó, cha chúng tôi đã quyết định bỏ ngang việc học, theo bạn tham gia tổ chức chống Pháp thời đó là phong trào Việt Minh.

Khi ông nội chúng tôi hay biết việc làm liều lĩnh của con trai, ông nội đã bắt thân phụ chúng tôi phải trở lại trường. Việc trở lại trường của ông bất thành vì, ban giám đốc (tất cả đều là người Pháp), đã dứt khoát khai trừ ông vì tội hoạt động cách mạng chống Pháp. Cuối cùng, để chiều lòng ông nội, thân phụ chúng tôi, Thái Doãn Sung đã xin vào học một trường kỹ thuật, cũng tại Thừa Thiên - Huế.

(Thời đó, hầu như tất cả mọi người chỉ biết Việt Minh là một phong trào tập trung những người yêu nước chống Pháp, chứ không phải là một đảng phái. Nên thân phụ chúng tôi tham gia với tất cả nhiệt huyết của một thanh niên tự nguyện hiến mình cho lý tưởng độc lập, tự do của đất nước như tất cả những công dân Việt Nam thuở đó mà thôi).

Sau khi bị bắt rồi được trả tự do, coi như mộng làm cách mạng cứu tổ quốc không thành, thân phụ của chúng tôi trở lại trường kỹ thuật học tiếp để thi tốt nghiệp. Mặc dù thi đậu, nhưng vì quá khứ từng bị tù vì tội theo Việt Minh, nên ông vẫn bị theo dõi ngày đêm! Ông không thể xin bất cứ một công việc nào phù hợp vời bằng cấp chuyên môn của mình. Cuối cùng, ông dành chọn con đường tạo sự yên ổn đến cho gia đình bằng cách đăng lính.

Quyết định của ông là cả một hy sinh, quên mình để nghĩ tới vợ con.

Khi đó, thân phụ chúng tôi đã có tôi lúc đó đã bắt đầu bước vào tuổi niên thiếu.

Theo khai sinh thì tôi, Thái Doãn Ngà sinh năm 1934 tại làng Mỹ Lam, huyện Phú Vang, Thừa Thiên.

Qua tài liệu tìm được, chúng tôi được biết Phú Vang, nơi tôi được sinh ra là một huyện đồng bằng ven biển và, có nhiều đầm phá. Như phá Tam Giang chảy giữa huyện, cùng

nhiều đầm nổi tiếng như đầm Thủy Tú, đầm Chuồn, đầm Thanh Lam, đầm Hà Trung. Đầm này vốn nổi tiếng nhiều thủy sản và, là địa điểm du lịch sinh thái đầy tiềm năng của tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Phú Vang nằm về hướng đông-nam của tỉnh Thừa Thiên, cách Huế 25 cây số. Phú Vang là nơi diễn ra các lễ hội, tập quán đặc thù như Hội Vật làng Sình; chợ Gia Lạc, mở trong ngày Tết; Lễ Hội Cầu Ngư ở Thuận An, cứ ba năm lại tổ chức hội lớn một lần, với cuộc thi được dân chúng ưa thích như đua thuyền.

Ngoài ra quê hương Phú Vang của tôi còn được nhiều người nhắc đến như một "Thành phố Lăng" đầy bí ẩn, quyến rũ. Phú vang cũng là nơi đặt đền thờ của một nhân vật nổi tiếng trong lịch sử như nhà thơ và cũng là hoàng tử Tuy Lý Vương. Ông một trong những người con của vua Minh Mạng.

Hoàng tử Tuy Lý Vương được dân chúng biết đến qua một câu thơ của vua Tự Đức, còn được lưu truyền tới ngày hôm nay:

*"Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán*
*"Thi đáo Tùng,Tuy bất thịnh Đường".*

Nhằm ngợi ca tài thơ phú của hoàng tử Tuy Lý Vương.

Nhà thờ hoàng tử Tuy Lý Vương ở tại làng Vỹ dạ, huyện Phú Vang hiện nay. Ngoài hoàng tử Tuy Lý Vương được thờ ở Phú Vang và Phú Vang cũng còn được chọn làm nơi đặt đền thờ Ninh Thuận Quận Vương, Kiến Tường Quận Công, Phong Quốc Công, Phù Cát Quận Công v.v…

Tôi không dám nói rằng, nơi sinh của tôi là một vùng địa linh nhân kiệt. Nhưng Phú Vang hiển nhiên là một địa danh tập trung được cả hai yếu tố tâm linh, linh thiêng với những đền thờ của nhiều nhân vật lịch sử; và sinh thái, với sông nước mênh mông cùng nhiều đầm, phá nổi tiếng trong sử sách.

Nên tôi trộm nghĩ, ít nhiều gì, vùng đất này cũng đã ảnh hưởng tới tinh thần, suy nghĩ, nhân cách của mình.

Dẫu vậy, theo tôi, thì sự ảnh hưởng lớn lao, trực tiếp hơn cả lên cuộc đời của mình, từ tấm bé tới khi trưởng thành, vẫn là từ thân phụ chúng tôi. Cụ ông Thái Doãn Sung.

Vì thân phụ chúng tôi phải gia nhập quân đội hầu tránh sự theo dõi của sở liêm phóng tức phòng nhì Pháp sau thời gian tham gia một tổ chức cách mạng chống Pháp, nên khi thân phụ chúng tôi bị đổi vào Quy Nhơn, tôi đã phải theo vào đó, để tiếp tục việc học.

Giữa khi tôi đang học hết lớp 3 thì xẩy ra vụ quân đội Nhật đảo chánh Pháp. Đó là năm 1945 (Vào thời đó gọi là thi yếu lược, và học sinh có thể nói tiếng Pháp trôi chảy).

Thời đó, tất cả mọi môn học được dạy ở trường tôi, đều bằng tiếng Pháp. Luật lệ thi cử do người Pháp đặt ra, rất khắt khe; nhằm giới hạn thành phần trí thức người bản xứ.

Điều khó nhất trong việc học thời đó là khi cô giáo người Pháp đọc chính tả. Học sinh nào chép sai, dù chỉ một lỗi thôi, cũng bị coi là hỏng rồi. May mắn, tôi hầu như không gặp một trở ngại nào; trừ những thời gian chiến tranh, chạy loạn, hay vì tình hình chính trị xáo trộn khiến chính phủ không thể tổ chức các kỳ thi mà thôi.

Khi quân đội Nhật đảo chánh Pháp, cũng là thời điểm phong trào Việt Minh nổi dậy khắp nơi, đấu tranh giành độc lập, tự do cho Việt Nam.

Đây cũng là thời điểm thân phụ chúng tôi đào ngũ khỏi quân đội Pháp, đem cả gia đình họ Thái, tham gia cao trào cách mạng giải phóng đất nước này.

Khi ấy, tôi chỉ mới được 11 tuổi.

Sự kiện cả gia đình họ Thái Doãn chúng tôi cùng tham gia phong trào Việt Minh chống Pháp và Nhật, đã đưa thân phụ chúng tôi và cả anh em chúng tôi cùng làm việc cho một xưởng đúc súng của tổ chức Việt Minh, ở An Khê, làng Cửu An.

Thời gian này, có một chuyện mà mỗi khi kể lại cho các con cháu nghe, tôi vẫn còn nguyên niềm hãnh diện.

Đó là việc tôi được Tướng Giáp Văn Cương, tín cẩn, tuyển làm liên lạc viên, mang tin từ địa phương này qua địa phương khác.

Tôi không biết có phải vì thuở bé, nhờ có diện mạo sáng sủa, lại lanh trí cho nên tôi đã được tuyển vào vai trò quan trọng nhưng cũng cực kỳ nguy hiểm này?

Tới hôm nay, tôi cũng không biết nguyên nhân sâu xa, đích thực của việc tuyển chọn vừa kể. Nhưng theo những người hiểu chuyện kể cho tôi nghe thì, phong trào Việt Minh thời phôi thai từ tổ chức tới nhân sự, phương tiện còn thô sơ, yếu kém. Ngoài tấm lòng yêu nước, như những ngọn lửa đêm ngày ngùn ngụt cháy trong huyết quản của họ, thì gần như mọi phương tiện của họ đều rất hạn hẹp. Về phương diện thông tin, liên lạc, họ không có một phương tiện nào khác hơn là dùng người để liên lạc từ địa phương này tới địa phương khác. Từ qua cơ quan nọ tới cơ quan kia. Để thực hiện được cái khâu quan trọng này, phong trào Việt Minh đã rất khôn khéo khi tuyển chọn trong hàng ngũ thiếu nhi, và thiếu nữ. Những thiếu nhi, thiếu nữ nào có gương mặt sáng sủa, dễ coi, lại thông minh, có khả năng ứng đáp cao, nói được tiếng Pháp, hầu có thể trả lời trôi chảy những câu hỏi của lính Pháp, một khi những liên lạc viên này bị chặn xét.

Những vị cao niên giải thích cho tôi nghe về sự kiện tại sao phong trào Việt Minh thường chọn thiếu nhi để làm liên lạc viên còn vì một lý do tâm lý, cũng quan trọng không kém. Đó là sự kiện người Tây Phương nói chung, người Pháp nói riêng có truyền thống yêu quý trẻ em và phụ nữ. Nhất là những trẻ em và phụ nữ có khuôn mặt dễ thương, lễ phép, nói tiếng Pháp lưu loát…

Tôi nghĩ có thể, dạo đó tôi đáp ứng được những tiêu chuẩn vừa kể, nên đã được ông Tướng Giáp Văn Cương tuyển chọn. Lại nữa, cùng phục vụ trong xưởng đúc súng còn có bác sĩ Lê Khắc Quyến (thân phụ của thầy Hằng Trường, hiện đang truyền, giảng Phật pháp ở miền nam Cali), là chỗ quen biết với thân phụ của chúng tôi, có thể đó cũng như một yếu tố thêm vào sự tin tưởng của tướng Cương dành cho tôi chăng?

Suốt thời gian làm liên lạc viên (còn gọi là giao liên), từ chỗ này tới chỗ kia, từ cơ quan chính là xưởng đúc súng ở An Khê, tới nhiều cơ quan khác thuộc tỉnh Bình Định, tôi

chưa từng thất bại hay gây nguy khốn cho cơ quan một lần nào. Tôi không chỉ hoàn tất mọi công tác được giao phó một cách trót lọt, mà trong phần đời làm liên lạc viên, tôi còn ghi được một thành tích to lớn vào thời đó!

Cháu Johnathan, cháu ngoại của chúng tôi tuy chỉ nghe kể lại thôi, không thể hình dung sự việc, địa danh, hoàn cảnh thực tế của thời ấy ra sao, thế nào, vì cháu được sinh tại Hoa Kỳ. Vậy mà cháu cũng đã hãnh diện, cảm hứng dâng trào… khiến cháu viết thành một bài luận văn đặc biệt về thời niên thiếu của ông ngoại cháu. Bài luận kia, làm cho cô giáo của trường, đã đi tới quyết định chọn bài viết ấy, để gửi cho tờ nhật báo Los Angeles Times đăng tải.

Chúng tôi xin nói rõ hơn: Đó là chuyện một hôm, tôi được trao một mật thư của vị chỉ huy trưởng xưởng đúc súng ở An Khê, gửi cho một cơ quan cũng liên quan tới việc đúc súng đạn ở Bồng Sơn, để xin nơi này cưa những trái bom không nổ của Pháp, lấy thuốc súng, chuyển về lò đúc súng ở An Khê; để nơi này dùng số thuốc súng đó, chế tạo những trái lựu đạn nội hóa… Những trái lựu đạn nội hóa sẽ được cung cấp cho các đơn vị quân sự của Việt Minh ở miền Trung có thêm vũ khí mở những cuộc tấn công tiêu diệt lính Pháp.

Để bạn đọc có thể hình dung rõ hơn những năm tháng niên thiếu của tôi trong cái gọi là xưởng đúc súng của Việt Minh ở An Khê, cũng như lý do tại sao, ở cái tuổi 11 là tuổi còn quá ngây thơ, chưa biết gì (?!). Vậy mà tôi đã nhận lãnh trách nhiệm giao liên, một trách nhiệm phải nói là nguy hiểm và cực kỳ quan trọng.

Trước nhất, vì tinh thần chiến đấu cho một Việt Nam độc lập, cả gia đình nội ngoại của dòng họ Doãn Thái chúng tôi đã tình nguyện trở thành thành viên của xưởng đúc súng An Khê. Một địa điểm bí mật tập trung trên dưới 300 nhân viên. Người giữ chức vụ Trưởng Xưởng là ông Bửu Thận, thân phụ chúng tôi được giao phó chức vụ Phó Xưởng. Một vai trò cực kỳ khó khăn, đầy trách nhiệm…

Dạo ấy, khi mà cả đại gia đình chúng tôi phục vụ cho xưởng đúc súng đạn, rất nhiều tai nạn đã xảy ra. Điển hình

như vụ, một lần lựu đạn nổ tung, làm sứt mũi ông Bửu Thận hoặc; trong một tai nạn khác, một người anh ruột của tôi, đã bị thương, đổ ruột ra ngoài!.

Nhưng, tất cả những nguy hiểm, những tai nạn nguy hiểm tới tính mạng kia, vẫn không làm nhụt chí kháng chiến chống thực dân Pháp của gia đình họ Thái Doãn của chúng tôi, mà tôi là thành viên nhỏ nhất.

Lý do tôi sớm có được cho mình cái tinh thần yêu nước cao độ như vậy là bởi vì khi còn rất nhỏ, tôi đã chứng kiến cảnh rất nhiều người Việt nam bị phòng Nhì của Pháp bắt bớ, giam cầm; mà thân phụ của chúng tôi là một trong số những nạn nhân ấy…

Tuy còn rất nhỏ, nhưng tôi sớm hiểu rằng, có nhiều người thuộc thế hệ cha anh chúng tôi, bị quân Pháp tra tấn, hành hạ, thậm chí thủ tiêu, mất xác…

Tình cảnh ấy, đã như những vết đen nám sớm in hằn trên trang giấy tâm hồn trong trắng của tôi. Lòng thù hận quân Pháp, hình thành trong tâm của mình, như một hệ quả tất nhiên, dứt khoát, mãnh liệt, không tránh khỏi.

Chính vì thế mà khi thân phụ chúng tôi cho các thành viên trong gia đình biết, quyết định của ông là sẽ di chuyển toàn thể gia đình vào An Khê, phục vụ xưởng đúc súng đạn ở nơi này thì không một ai phản đối. Ngay tôi, được ông hỏi ý kiến sau cùng, đã hăng hái đưa tay, hưởng ứng.

Trở lại nhiệm vụ giao liên, mang mật thư từ An Khê đi Bồng Sơn, thời đó, muốn đến được Bồng Sơn, việc đầu tiên là phải vượt qua đèo An Khê, trước khi nhắm hướng Nam để về Bồng Sơn.

Kính thưa bạn đọc, quý vị nào có con cháu ở tuổi 11 hôm nay, chỉ cần bỏ chút thì giờ quan sát chúng… Chúng ta sẽ thấy thật khó tưởng tượng nổi rằng, cách đây trên nửa thế kỷ, khi tôi cũng chỉ mới 11 tuổi đầu mà đã vượt qua bao nhiêu đèo, dốc, bao nhiêu đồn bót của giặc Pháp, bao nhiêu nút chặn của những toán quân lưu động Pháp phối hợp với những người Việt Nam, đi lính cho Pháp, để trao bức mật thư xin viện trợ thuốc súng của chiến khu Bồng Sơn, cho xưởng đúc súng An Khê.

Dạo đó, tuy chỉ mới 11 tuổi đầu nhưng tôi cảm thấy vô cùng hãnh diện được cấp trên giao công tác tối mật, nên trên lộ trình giao liên ngặt nghèo ấy, tôi đã phải linh động, ứng phó với từng hoàn cảnh, từng địa thế, từng khu vực, khi thì leo xe lửa, lúc đi bộ, khi quá giang xe, cũng có lúc phải dùng tới phương tiện ghe, tầu nữa…

Bây giờ, kể lại chuyện xa xưa cho con, cháu nghe, đôi lúc tôi cũng ngậm ngùi nhớ lại những ngày đêm, với bao lần bị chặn, xét… tôi cũng không biết nhờ đâu mà cuối cùng đã mang được bức mật thư, tới tay người chỉ huy của cơ sở cung cấp thuốc súng ở Bồng Sơn.

Tôi còn nhớ mãi rất lâu sau đó, tôi mới biết lý do nào mà xưởng đúc súng ở An Khê lại cầu cứu, trông mong vào sự tiếp viện thuốc súng ở Bồng Sơn? Hóa ra, ở bãi biển Bồng Sơn hồi ấy, máy bay Pháp thả rất nhiều bom và, tướng Giáp văn Cương biết rõ, có rất nhiều trái bom không nổ…

Nếu thời đó, các ông không nghĩ ra cách ấy, thì mấy ổng đào đâu ra thuốc súng để mà chế lựu đạn cho quân mình sử dụng?

Nhưng điều làm tôi cảm động hơn cả là khi hoàn thành công tác, an lành trở về An Khê. Tôi thấy nó giống hệt như một giấc mơ. Khi ấy thân phụ chúng tôi cũng không tin đó là sự thật! Và, khi nhìn thấy những giọt lệ mừng tủi trên gương mặt âu lo, già sọm của mẹ tôi…Tôi đã không cầm được nước mắt, mừng mừng tủi tủi. Mừng vì thấy mình làm tròn được công việc giao mật thư. Nhưng cũng cảm thấy tủi thân vì nghĩ, nếu mình bị bắt hay, bị giết thì không biết mạ mình sẽ sống ra sao…"

Có một điều khi nhớ lại, tôi vẫn thấy chạnh lòng thương tiếc đó là thân phận của Tướng Giáp Văn Cương - Người đã hoàn toàn tin tưởng - giao phó một trọng trách quá lớn cho tôi, khi tôi còn rất nhỏ.

Ông là người có công rất lớn ngay từ giai đoạn khởi sự của cuộc kháng chiến chống Pháp, là người quên hẳn cá nhân mình, cho nền độc lập của đất nước đáng được vinh danh và Tổ Quốc ghi ơn.

## CHƯƠNG HAI

## TRỞ LẠI TRƯỜNG: TRÒ THÁI DOÃN NGÀ, THỜI TRUNG HỌC ĐỆ NHẤT CẤP.

Năm 1946, khi quân Pháp đánh với Việt Minh, Nhật đầu hàng Mỹ, đại gia đình giòng họ Thái Doãn chúng tôi, lại trải qua một biến chuyển lớn. Biến chuyển này như thể đó là tiếng gõ cửa khác của định mệnh, nó ảnh hưởng rất lớn, rất quan trọng tới cuộc đời của tôi.

Số là cùng với nỗ lực đánh trả quân Nhật trên các mặt trận, để dành lại quyền cai trị Việt Nam, quân Pháp còn có chủ trương tấn công các xưởng chế tạo bom đạn của Việt Minh, bằng cách thả bom tất cả những địa điểm nào mà họ nghi ngờ.

Xưởng đúc súng An Khê của Tướng Giáp Văn Cương đương nhiên trở thành một trong những mục tiêu chính của máy bay oanh tạc Pháp. Chúng cho máy bay oanh tạc và thả bom gần như mỗi ngày xuống địa điểm tọa lạc của xưởng đúc súng.

Thấy tình thế mỗi lúc một nguy ngập hơn, không thể để toàn bộ đại gia đình họ Thái Doãn tập trung tại một địa điểm có thể bị chết sạch, nếu những trái bom của máy bay Pháp rớt trúng xưởng đúc súng An Khê; nên thân sinh chúng tôi đã phải quyết định cho gia đình di tản khỏi nơi đã trở thành mục tiêu san bằng của máy bay Pháp. Theo quyết định của ông, tất cả mọi người trong gia đình phải di tản về Mỹ Lam, Thừa Thiên - Huế. Bám trụ ở xưởng đúc súng đạn, sẽ chỉ còn tôi và cụ thân sinh ra mình.

Tôi không hiểu tại sao, thân sinh tôi lại cho tôi ở lại, trong khi tất cả những người khác phải di tản (gồm luôn cả người anh ruột của tôi, với vết thương khá nặng, do tai nạn lựu đạn nổ giữa dây chuyền sản xuất).

Không biết có phải vì cha tôi tin rằng, tôi tuy nhỏ tuổi nhưng đã đủ lanh lẹ và, kinh nghiệm để tồn tại một khi xưởng bị tấn công?

Nhiều năm sau, tôi cũng không dám hỏi ông lý do sâu xa của quyết định đó. Tuy nhiên, cũng chỉ ít ngày sau khi mẫu thân chúng tôi hướng dẫn phần chính của đại gia đình Thái Doãn tản cư về làng cũ, khi quân Pháp gia tăng mức độ oanh tạc nhắm vào xưởng đúc súng An Khê, thân sinh chúng tôi thấy rằng, tình hình đã đi tới mức đe đoạ mạng sống của người con trai bé nhỏ và của chính ông. Vì thế, dù Tướng Giáp Văn Cương chưa cho lệnh giải tán công binh xưởng An Khê. Nhưng một đêm, cha chúng tôi trốn ông Giáp Văn Cương, chở tôi bằng xe đạp, về Huế…

Tôi được ông chở đi "di tản" khỏi An Khê bằng chiếc xe đạp chỉ có bánh sau là bánh "bọng" (bánh có bơm hơi, để đạp cho nhẹ), còn bánh trước đặc; nên chẳng những xe không thể đạp nhanh mà khi ngồi trên sườn xe, tôi phải khom người xuống và, bị nhồi xóc khủng khiếp…

Ấy vậy mà khi hai cha chúng tôi đến được Phù Cát, gặp một ông phú hộ vì quá thích cái bánh xe "bọng" của chúng tôi, nên đã "thết tiệc," mời cơm hai người.

Trước sự tha thiết quá mức, cũng như lòng tử tế của ông phú hộ, qua một bữa cơm thịnh soạn mà từ lâu, chúng tôi

không được thọ dụng; chưa kể lúc đó, ba tôi gần như đã cạn tiền lộ phí; nên ông cụ quyết định bán cái bánh "bọng" và lắp bánh đặc cho chiếc xe đạp, để đi tiếp…

Cũng nhờ số tiền bán bánh bọng cho ông phú hộ ở Phù cát, chúng tôi có tiền mua vé xe lửa về Huế.

Trở lại quê nhà, tôi được đi học lại ngay lập tức. Tôi biết, mình phải cố gắng để chuộc lại một năm mất trắng vì theo "kháng chiến," chế lựu đạn…

Thời gian đi học lại ở một trường tiểu học làng Vân Thê năm 1947, cũng là thời gian chính phủ Trần Trọng Kim quyết định đổi chương trình giáo dục từ Tây sang Việt. Do đó, khi tốt nghiệp Primaire tức là lớp 5, tôi đã tham dự cuộc thi tuyển vào lớp Đệ Thất trường trung học Khải Định, chương trình mới.

Với tổng số trên 1,000 thí sinh, chỉ lấy 300 người. Tôi không những được chấm đậu mà còn đậu rất cao: Hạng thứ 11 trong số 300 học sinh tân tuyển ấy.

Nhờ đậu cao lại đúng thời kỳ chính phủ có chính sách khuyến khích, giúp đỡ thiết thực những học sinh giỏi, tôi được Bộ Giáo Dục cấp cho một học bổng toàn phần là 150 đồng một tháng. Số tiền này, rất lớn ở giai đoạn sinh hoạt kinh tế thời ấy. Đó là thời điểm chỉ mất có 50 đồng tiền cơm, cho một người sống trong một tháng.

Mới hồi cư về làng cũ, thân sinh chúng tôi không có việc làm. Sự thất nghiệp của ông cụ, khiến cho gia đình rơi vào khó khăn, túng thiếu. Một người em ruột của tôi không có điều kiện đến trường lớp. Khi thấy tôi được lãnh học bổng toàn phần, thân sinh chúng tôi đã gửi người em kế ra Huế cho tôi trông nom.

Đó là năm 1948, khi tôi mới vào học lớp đệ thất Khải Định, đã thay cha mẹ, nuôi em ăn học rồi!

Nhắc tới giai đoạn trở về Huế, đi học lại của tôi mà không nhắc tới công lao, sự giúp đỡ của một người Cậu của tôi là ông Phan Xuân Chí, thì đó là một thiếu sót khó được tha thứ.

Bởi vì, ngay khi ra Huế học từ năm 13 tuổi, tôi đã được Cậu Phan Xuân Chí hân hoan đón nhận.

Những người ở Huế thời đó, hẳn còn nhớ tiệm sách tên AJS của cậu Chí em ruột của thân mẫu chúng tôi.

Cậu Chí không chỉ là người lý tưởng mê sách vở, mở tiệm sách để giúp những người hiếu học, có lòng mở mang kiến thức, nâng cao dân trí mà ông còn là một người cực kỳ yêu nước. Ông bí mật thành lập Hội sinh viên, học sinh chống Pháp. Ông lập nhà xuất bản, xuất bản sách báo, tài liệu chống Pháp, phổ biến cho dân chúng. Phong trào chống Pháp do cậu Phan Xuân Chí của chúng tôi gầy dựng, đã như một mồi lửa hừng hực, lan nhanh trong nhiều tầng lớp quần chúng. Chính vì thế, khi quân Pháp điều tra và biết được đầu mối khởi đi từ cậu của chúng tôi, chúng đã vây bắt ông. Chúng hành hạ, tra tấn ông một cách dã man, tàn bạo… Kết quả của những trận đòn khảo tra này đưa tới tình trạng ông bị ho lao nặng và bệnh hoạn liên miên.

Cùng với những mối căm hận thực dân Pháp từ nhiều năm trước đó, hầu hết các thành viên trong đại gia đình họ Thái Doãn, đã đi đến kết luận chung:

- Phải làm một cái gì đó, để trả thù cho ông cậu Phan Xuân Chí, cũng như cho mối nhục mà thân sinh chúng tôi từng bị Pháp ruồng bắt, tù đầy…

- Là người Việt Nam, có chút học thức, hiểu biết, các thành viên trong đại gia đình chúng tôi, càng lúc càng thấy rõ, không thể đội trời chung với quân xâm lược Pháp!"

Cái "kết luận chung" đầy tinh thần ái quốc kia, đã dẫn tới một sự kiện phải nói là vô cùng lớn lao của đại gia đình dòng họ Thái Doãn, với kết quả cụ thể là:

- Người anh ruột của tôi, sau khi lành vết thương, đã quyết định ra ngoài Bắc, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp cùng lúc với một người chị ruột của tôi (sau này bà trở thành một bác sĩ rất giỏi).

Nếu không vì có học bổng, mà học bổng đó, tôi lại có thể cưu mang một người em ruột của mình, thì nhiều phần tôi cũng đã theo chân anh, chị tham gia chiến khu Việt Bắc rồi.

Trường hợp đó, nếu xảy ra, tôi tự hỏi, liệu tôi có gặp nhà tôi? Ngay cả khi nếu có, thì liệu đến hôm nay, chắc chắn số

phận, định mệnh đã ném chúng tôi vào một khung cảnh khác, môi trường khác…

Tôi không biết, và cũng không ai, ngay cả cha tôi, có thể trả lời những câu hỏi vừa nêu. Nhưng tôi biết một điều, chắc chắn một điều là sẽ không có chuyện, ngày hôm nay tôi ngồi ở đây, ở một thành phố thuộc quận hạt Orange County, nơi tập trung nhiều nhất, người Việt tỵ nạn để mà viết lại cuộc đời đầy thăng trầm của mình trên những trang sách này!

Nghĩ lại tôi thấy chúng tôi thật may mắn. Với may mắn có được này, tôi lại càng thấy việc chúng tôi phải ghi ơn cha mẹ là điều cần thiết, và đáng kể hơn bất cứ một điều gì khác trong đời mình.

Trở lại với những năm tháng đầu trung học, tuy tôi không được theo anh và chị trốn khỏi vùng Pháp chiếm đóng, để trực tiếp chiến đấu dưới ngọn cờ kháng chiến chống thực dân của đội ngũ những người Việt yêu nước, nhưng không vì thế mà trong thâm sâu của tâm hồn mình, tôi nguôi ngoai được mối căm hận quân xâm lược.

Bằng chứng cụ thể là khi học đệ Lục, tôi có một người bạn học cùng lớp, tên Hoàng Tăng Thông. Không biết bạn Thông, lấy từ đâu hay nhận được từ ai, tổ chức nào, một số truyền đơn. Và, Thông đã chọn tôi là một trong vài bạn học mà Thông biết rõ có thể tin tưởng hoàn toàn (vì tinh thần yêu nước, chống Pháp), mỗi người một tập truyền đơn để rãi cùng thành phố Huế.

Tôi đã hoàn tất công việc nguy hiểm mà Thông giao phó một cách tốt đẹp. Cũng chính vì cái kết quả mỹ mãn này, mà Thông đã ngỏ ý rủ rê tôi, thoát ly, bỏ học, ra Bắc, đi vào chiến khu. Lúc bấy giờ, nếu không vì thương em, lại thêm tinh thần ham học, chắc tôi đã theo chân Hoàng Tăng Thông, ra Bắc rồi.

Nhớ lại những ngày niên thiếu kia, lòng tôi bùi ngùi khôn xiết, tôi bị phân vân, đắn đo, suy nghĩ nhiều ngày, trước đề nghị rất hợp ý của Thông. Nhưng, nghĩ tới ngày đứa em ruột bị đuổi khỏi trường, bơ vơ, thất thểu không chỗ ở, không cơm ăn với một tương lai, chắc chắn là mờ mịt trước mặt, lòng tôi không đành! Thêm nữa, ngay từ ngày ấy, tôi đã

nghĩ, là một người yêu nước thì dù ở đâu, vai trò nào, cũng đều có thể thể hiện tinh thần yêu nước của mình, qua những đóng góp thiết thực ở nhiều lãnh vực khác nhau…

"Không nhất thiết chỉ là việc ném lựu đạn hay cầm súng nhắm vào quân thù…". Tôi nghĩ, trong hoàn cảnh và tình trạng đất nước thời đó, để thực hiện được hoài bão, lý tưởng của mình, tôi biết, chỉ có một cách là "cắm đầu" học. Học để có căn bản, có bằng cấp giúp mình, giúp em và mai sau, giúp đời.

Phải nhìn nhận rằng, bên cạnh việc làm cực kỳ nguy hiểm, là việc nhận truyền đơn của bạn, nếu bị phát giác, chẳng những tôi sẽ mất học bổng, bị đuổi học, nhiều phần tôi sẽ còn bị tù đầy và gây liên lụy cho cả gia đình nữa. Gia đình tôi khi đó ở Hàng Bè, tôi được một người thầy là thầy Lê Quý Chi, dậy Lý Hóa, sáng sáng đều ghé qua, chở tôi đi học ở Khải Định.

Thuở đó, chương trình học ở trường Khải Định chia thành hai buổi. Buổi thứ nhất từ 8 giờ tới 12 giờ trưa. Buổi thứ nhì thì từ 2 giờ tới chiều. Cứ đều đặn như thế cộng chung ngày bốn buổi đi về, thầy Chi đã cưu mang tôi, suốt thời gian tôi học ở ngôi trường nổi tiếng xứ Huế này.

Tới đây, tôi nghĩ, có lẽ cũng nên ghi lại một vài chi tiết về sự khác biệt giữa hai tên gọi rất quen thuộc, đó là Khải Định và Quốc Học.

Trước nhất, trường Khải Định là hậu thân của trường Quốc Học. Mà thân phụ của cố Tổng thống Ngô Đình Diệm (người dựng nên nền Đệ nhất Cộng Hòa miền Nam Việt Nam), là vị chưởng giáo (tức Hiệu Trưởng đầu tiên).

Giữa thập niên 1950, khi ông Ngô Đình Diệm đã trở thành Tổng thống, cũng là thời điểm ông Nguyễn Văn Hai là hiệu trưởng trường Khải Định. Nhân cơ hội chính phủ muốn xóa bỏ tàn tích phong kiến, ông Nguyễn Văn Hai với tinh thần tốt, đã đề nghị Tổng thống Diệm lấy tên Ngô Đình Khả là cha của Tổng thống Diệm, thay thế cho tên Khải Định. Nhưng Tổng thống Diệm thấy đề nghị đó quá chướng, không thể chấp nhận được. Cuối cùng Tổng thống Diệm quyết định đổi tên Khải Định thành Quốc Học.

Từ ngày trường Khải Định đổi thành Quốc Học, trường này càng nổi tiếng hơn nữa. Lý do, mỗi lần Tổng thống Diệm đi kinh lý Thừa Thiên - Huế, ông đều viếng thăm trường Quốc Học. Nhân dịp này, bao giờ ban Giám đốc nhà trường cũng tổ chức những cuộc đón tiếp Tổng thống rất huy hoàng, trang trọng. Điều này có nghĩa, thời đó, ai được chọn để dạy tại trường Quốc Học hoặc học sinh Quốc Học, đó là một vinh dự rất lớn…

Trở lại những năm ở Khải Định rồi Quốc Học, theo tôi, đó là những năm vui thú và ý nghĩa của thời cắp sách. Lý do, nhờ học giỏi, luôn luôn đứng đầu lớp ba môn chính là Toán, Lý Hoá và, Pháp Văn; nên ngoài việc được học bổng, tôi còn được các thầy, cô rất mực tin tưởng, thương yêu.

Sự tin tưởng của các vị thầy, cô dành cho chúng tôi, thể hiện qua việc tôi luôn được chọn làm người ôm sổ đầu bài.

Nói cách khác, hồi Trung học Đệ nhất cấp, chúng tôi không chỉ được thầy Lê Quý Chi thương yêu và giúp đỡ mà, ngay cả thầy Phạm Văn Nhu, là thầy dạy Pháp văn, cũng rất thương yêu. Tưởng cũng nên nói thêm, giáo sư Phạm Văn Nhu sau này là Chủ tịch Quốc Hội đầu tiên của nền Đệ nhất Cộng Hòa, thời cố Tổng thống Diệm.

Riêng thầy Lê Quý Chi, mỗi khi nhớ đến tôi đều không khỏi buồn rầu, đau xót khi vị thầy khả kính thời niên thiếu của tôi, hiện trong tình trạng "coma" tại một bệnh viện ở nước Pháp.

## CHƯƠNG BA

### TRỞ LẠI TRƯỜNG: TRÒ THÁI DOÃN NGÀ, THỜI TRUNG HỌC ĐỆ NHỊ CẤP.

Ngay tự những bước chân đầu tiên, lên Trung học Đệ nhị cấp, tôi đã gặp nhiều may mắn. Tôi đã định dùng hai chữ "phát đạt" để chỉ những may mắn mà tôi nhận được khi theo học lớp Đệ tam, tức năm lớp 10 theo cách gọi sau này… Nhưng tôi trực nhớ ra rằng hai chữ "phát đạt" dường như chỉ được dùng cho lãnh vực thương mại, văn phòng, dịch vụ chứ không ai dùng cho việc học hành cả.

Có lẽ hai chữ "thăng tiến" theo tôi là đúng hơn cả, khi tôi không còn ở trong nhà cậu Phan Xuân Chí của chúng tôi nữa mà, ăn ở ngay trong nhà của Đại tá Nguyễn Viết Đạm.

Thời đó, Đại tá Đạm là Trưởng phòng Nhì, rất uy quyền ở Huế. Ông nhờ tôi dạy kèm cho mấy người con của ông.

Như tôi biết, một trong những người con của đại tá Đạm, sau này trở thành một nhà bác học nổi tiếng ở Úc châu. Đó là nhà bác học Nguyễn Ngọc Bích.

Nhà bác học này mới từ trần trong sự thương tiếc và kính trọng của người dân Úc!

Vì được Đại tá Đạm giữ lại trong nhà ông, cho nên chẳng những tôi đã có học bổng, có lương dạy kèm, tôi lại còn không phải trả tiền cơm tháng cho nhà hàng nữa.

Cũng nhờ sự "dư giả" này mà tôi có thể gửi tiền về quê, giúp gia đình. Đồng thời, cũng nhờ sự "dư giả" đó mà tôi đã đón được cha tôi, từ nhà quê ra Huế sống.

Sau khi đón được cha mình ra Huế, hồi đó, tuy vẫn còn nhỏ tuổi, nhưng tôi đã sớm thấy rằng, không thể để ông đi ra, đi vô, suốt ngày, không có việc gì để làm! Tình trạng này có thể sẽ không tốt cho tinh thần của cha tôi. Điều đó, cũng đồng nghĩa với sự rảnh rỗi có thể sẽ khiến cha tôi có những giao thiệp hay hành động không thích hợp trong những ngày ở Huế.

Trước tình cảnh này, chưa biết xoay sở ra sao thì, bất chợt, một tia sáng bỗng loé lên cuối đường hầm.

Số là tôi chợt nhớ ra một nhân vật tên tuổi thời đó, hàng xóm của Đại tá Đạm. Tôi muốn nói tới ông Trần Sử. Ông Trần Sử khi ấy đang làm bí thư cho Trần Văn Lý, đại biểu chính phủ ở miền Trung. Quyền uy bao trùm tất cả mọi lãnh vực khắp miền Trung, chỉ sau ông đại biểu Trần văn Lý mà thôi.

Vì là chỗ hàng xóm, ra, vô đụng đầu nhau, chưa kể người vợ trước của ông Trần Sử lại là bà dì của tôi (dì Lại), nên tôi cho rằng cách hay nhất là trình bày với ông Sử, để nhờ ông giải quyết giúp, trường hợp của cha tôi.

Chuyện tôi nhờ cậy ông Trần Sử, cũng không có gì là lớn lao, khó khăn lắm. Bởi vì cha tôi chỉ muốn được dạy tại trường Kỹ Thuật Huế.

Với bằng cấp kỹ thuật mà cha tôi đã có từ trước, sau khi nghe trình bày, ông Bí Thư Trần Sử bảo, cứ yên tâm, về nhà lo việc học. Chuyện cha tôi, để ông lo.

Và Bí thư Sử đã giữ lời, khi không đầy một tháng sau, cha tôi được bổ nhiệm vào vai trò giáo sư trường Kỹ Thuật Huế.

Sự thực, như tôi biết, thì ông Trần Sử là một người rất tốt bụng. Ông không chỉ giúp cho tôi mà ông còn là ân nhân của nhiều người khác nữa!…

Sau thời gian làm bí thư cho ông Trần Văn Lý, đại biểu chính phủ Trung phần, ông được đề bạt làm Bí Thư cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Ở vị trí mới, quyền hạn mới, tôi nghe nói, ông Sử đã giúp thêm rất nhiều người. Trong số đó, có cả những tổng bộ trưởng thời cố Tổng Thống Diệm!

Tôi không biết tiền kiếp giữa tôi và bí thư Trần Sử có một liên hệ hay, một duyên nợ nần gì không mà, sau này, khi tôi

ra trường, vào đời, thì, ông Sử cũng chính là người giúp đỡ cho cá nhân tôi nhiều nhất.

Có lẽ vì bản chất bí thư Trần Sử vốn nhân hậu, tử tế, từng giữ những chức vụ quan trọng, suốt một đời thanh bạch, chỉ giúp người mà không cần ai phải nhớ hoặc đền ơn như vậy, cho nên khi qua đời, bí thư Trần Sử đã để lại một người vợ bơ vơ, ngơ ngác, không biết xoay trở sao để sống còn… Thời may mắn làm sao, bà Sử được một người bạn học cũ của chồng, là học giả Thái Văn Kiểm, hết lòng giúp đỡ.

Chính học giả Thái Văn Kiểm là người vận động với chính phủ Việt Nam cũng như chính phủ Pháp, để đưa bà Sử qua Pháp sinh sống.

Tôi rất khâm phục và kính trọng việc làm đầy nghĩa khí, một thứ tình bạn cao quý của những người trí thức như học giả Thái Văn Kiểm, dành cho vợ con bạn, khi bạn mình đã từ trần!

Nhiều người hỏi tôi về liên hệ gia tộc giữa gia đình chúng tôi và học giả Thái Văn Kiểm. Cứ như lời giải thích của cha tôi thì học giả Thái Văn Kiểm cùng một gốc họ Thái với chúng tôi. Nhưng ông thuộc chi, nhánh khác; không nằm trong chi nhánh "Thái Doãn" như chúng tôi đã trình bày từ đầu hồi ký này.

Học giả, Tiến sĩ Văn chương Quốc gia Pháp, Thái Văn Kiểm Hội viên Hàn Lâm Viện Khoa Học Hải Ngoại, Huy chương Hàn Lâm Viện Pháp 1982, hiện cư ngụ tại Pháp quốc, nay đã trở về Việt Nam để nghỉ già.

Ông có nhiều tác phẩm, công trình nghiên cứu văn hoá Việt Nam, được người Pháp kính trọng.

Hiện nay, học giả, tiến sĩ Thái Văn Kiểm đã về hưu. Tuy nhiên, ông vẫn được người Pháp tin tưởng và trọng dụng. Chính quyền cũng như giới nghiên cứu văn học Pháp khi cần biết hoặc kiểm chứng việc gì liên quan tới văn hoá Việt Nam, đều tìm đến ông, như tìm đến một nhà cố vấn khả tín nhất.

Nhân nhắc tới học giả Thái Văn Kiểm, tôi cũng muốn nhắc tới một chuyện mà thâm tâm tôi có hãnh diện phần nào.

Đó là chuyện học giả Thái Văn Kiểm có một người con trai tên Thái Văn Trung, vốn là một trong những học trò mà tôi được chọn để kèm học cho họ, thời tôi mới di chuyển vào Saigòn.

Anh Thái Văn Trung sau này tốt nghiệp Thạc sĩ; trở thành một tên tuổi lớn khiến ông Hoàng Văn Hoan, nguyên Uỷ viên Bộ Chính Trị đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1979 tới năm 1991 phải mời làm cố vấn đặc biệt cho ông ta.

Tôi xin lùi lại quá khứ xa hơn một chút, để trình bày hầu quý bạn đọc về câu chuyện ông Hoàng Văn Hoan và thạc sĩ Thái Văn Trung.

Như tôi hiểu thì câu chuyện bắt đầu từ cuộc bầu lại Bộ Chính Trị năm 1976, ông Hoan bị phe cánh Lê Duẩn, Lê Đức Thọ loại bỏ do sự tranh dành quyền lực giữa các phe phái.

Vì thế năm 1979, trong một chuyến đi sang Đông Đức chữa bệnh, được sự giúp đỡ của Trung Cộng, ông Hoan đã bỏ trốn tại phi trường Karachi, Pakistan, để đổi chuyến bay tới Bắc Kinh.

Tại Bắc Kinh, ông Hoan tố cáo chính quyền CSVN đối xử với người Việt gốc Hoa còn tệ hại hơn cả cách nhà độc tài Hitler đối xử với người Do Thái. Do đó, ông bị nhà nước CSVN kêu án tử hình khiếm diện…

Nhưng điều chính tôi muốn nhắc đến đó là sự kiện từ Bắc Kinh, ông Hoàng Văn Hoan đã liên lạc với thạc sĩ Thái Văn Trung (cũng được nhiều người biết dưới tên Thái Quang Trung), để mời thạc sĩ Trung làm cố vấn cho ông ta, chống lại đảng CSVN. Khi ông Hoàng Văn Hoan qua đời năm 1991 tại Trung Cộng, thạc sĩ Thái Văn Trung lại được Tổng thống Mã Lai mời làm cố vấn đặc biệt cho chính phủ Mã Lai.

Trở lại năm tôi tốt nghiệp tú tài phần nhất, cũng là năm mà đất nước bước vào một khúc quanh mới.

Một tái diễn đau thương của lịch sử Việt Nam mấy ngàn năm!

Đó năm 1954! Hiệp định Genève chia đôi Việt Nam ra đời.

Như chúng ta đã biết, mặc dù chính phủ miền Nam của Tổng thống Ngô Đình Diệm không ký, nhưng hiệp định này vẫn được thi hành với lằn ranh chia đôi đất nước là chiếc cầu Bến Hải. Bên kia cầu Bến Hải, tức từ vĩ tuyến 17 trở ra, thuộc về miền Bắc, theo chế độ Cộng sản. Bên này cầu Bến Hải, tức từ vĩ truyến 17, trở vào tới mũi Cà Mâu, thuộc về miền Nam, theo chế độ tự do.

Biến cố bất ngờ, tan nát ruột gan này, đã để lại trong ký ức của cá nhân tôi, nhiều kỷ niệm đau thương và nhiều nước mắt!

Một trong những kỷ niệm như nhát dao xả đôi thân tâm cá nhân tôi thuở đó, là chuyện, vào lúc 9 giờ tối, khi tôi và một người bạn học tên Vũ Đình Minh, qua đài phát thanh, nghe tin đất nước bị các cường quốc chia cắt, chúng tôi rủ nhau ra cầu Trường Tiền, đứng đó, nhìn thành phố, nhìn nhau, rồi cùng bật khóc nức nở!

Bạn học Vũ Đình Minh của chúng tôi, sau này đã trở thành một bác sĩ nổi tiếng. (Bác sĩ Vũ Đình Minh hành nghề Y khoa tại miền Nam California và, nếu tôi không lầm thì ông còn là một nhà văn, với nhiều tác phẩm gía trị).

Cùng với biến cố Genève được quyết định, áp đặt bởi các cường quốc trên số phận đất nước và dân tộc Việt Nam như đã nói, cá nhân tôi còn bị thêm một biến cố nhỏ, có tính cách riêng tư, nhưng cũng vì thế mà nó đã đem nhiều thay đổi đến cho chúng tôi.

Tôi không rõ có phải vì sự qua phân đất nước, chuyện miền Nam chấm dứt chế độ phong kiến, trở thành chế độ Cộng Hoà hay vì những lý do thầm kín, sâu xa nào khác mà, cậu Phan Xuân Chí của chúng tôi quyết định từ bỏ nhà in AJS ở Huế để vô Saigòn lập nghiệp.

Tôi càng không hiểu hơn nữa, khi cậu Chí muốn tôi vô Saigòn, đổi trường để ở bên cạnh và, phụ với cậu trông nom nhà in mới của cậu ở nơi xa lạ kia.

Tôi không có một chọn lựa nào khác, khi cậu nói với mẹ tôi rằng, cậu biết cậu không sống được bao lâu nữa, nên:

"Chị phải cho thằng Ngà nó vào Saigòn ở với em. Ngộ nhỡ có bất trắc gì xẩy ra cho em, thì còn có nó thay em, trông nom cơ sở, dùm bọc mấy đứa em của nó…"

Mặc dù cha mẹ tôi không ép buộc, ông bà cho phép tôi suy nghĩ, và quyết định. Nhưng khi nhớ lại thời chân ướt chân ráo cha con tôi bỏ trốn xưởng đúc súng đạn ở Bồng Sơn về lại Thừa Thiên, tôi thi đậu vào lớp đệ thất trường Quốc Học (khi đó còn có tên là Khải Định) ở Huế, nếu cậu Chí không cưu mang tôi thì, tôi e rất khó có được ngày nay. Lại nữa, cậu Chí còn là người em mà mẹ tôi thương yêu nhất…

Cuối cùng, tôi đã phải quyết định rời bỏ ngôi trường Quốc Học thân yêu, dầy kỷ niệm, vô Saigòn, ghi tên xin học lớp đệ nhất trường trung học Chu Văn An.

Tuy cậu Chí linh cảm rằng có thể cậu không sống được bao lâu nữa, nhưng có lẽ vì bản chất phiêu lưu ưa khai phá những vùng đất mới, thích đối đầu, đua tranh với định mệnh, nên cậu Chí của chúng tôi đã xây dựng, khai trương một nhà in lớn ở ngay trung tâm thành phố Saigòn. Cậu tôi đặt tên là Nhà in Võ Tánh, còn lớn hơn cả nhà in AJS cũ của cậu ở Huế nữa.

Thời gian phụ việc với cậu Chí ở nhà in Võ Tánh, nằm trên đường Võ Tánh, Saigòn, có một chuyện mà tôi còn nhớ tới bây giờ.

Đó là chuyện nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ, hình như có quen biết gì trước đó với cậu tôi, cầm bản nhạc đầu tay, nhan đề "Trăng rụng xuống cầu" tới nhà in Võ Tánh, yêu cầu cậu tôi mua bản quyền, với giá nào cũng được, chỉ miễn là bản nhạc được in ra.

Thời đó, thời 1955, 1956, nói chung các nhạc sĩ tân nhạc đa số đều không được khá giả cho lắm. Riêng nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ, như tôi biết, sau này, ông không chỉ nổi tiếng về nhạc mà còn nổi tiếng về phương diện tổ chức các cuộc trình diễn, biểu diễn ca vũ nhạc kịch… Ông đã thành lập nguyên một vũ đoàn, có tên là Vũ đoàn Hoàng Thi Thơ, rất nổi tiếng.

Vũ đoàn của ông từng được chính phủ cử đi, đại diện miền Nam, trình diễn văn nghệ ở một số nước Á Châu.

Tới hôm nay, tôi vẫn còn lấy làm hãnh diện là cậu cháu chúng tôi đã giúp đỡ nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ trong bước chân khởi đầu sự nghiệp của ông ấy.

Khi bắt tay và vào sâu trong vai trò phụ việc cho cậu Chí ở nhà in Võ Tánh, tôi mới biết cậu tôi có tình thân với ông Trần Chánh Thành, khi đó là bộ trưởng Thông Tin của chính phủ Ngô Đình Diệm.

Tôi được cậu tôi giao cho nhiệm vụ đi gặp ông Trần Chánh Thành ở bộ Thông Tin, để đấu thầu in truyền đơn, tài liệu cho bộ này. Từ sự liên hệ của cậu tôi với bộ trưởng Trần Chánh Thành mà, tôi cũng được cậu giao phó nhiệm vụ liên lạc với một vài ông bộ trưởng khác…

Dĩ nhiên, tất cả mọi công việc của tôi chỉ giới hạn trong việc liên quan tới tin tức đấu thầu, tham dự đấu thầu phần in ấn cho những bộ đó.

Trách nhiệm nặng nề, lớn lao nhất của tôi là phải bỏ thầu làm sao để được trúng thầu.

Mặc dù thời đó, tôi chỉ mới 17, 18 tuổi thôi, nhưng tôi nghĩ, tôi đã không phụ lòng tin của cậu tôi trong vai trò khó khăn, phức tạp này!

Bằng chứng, chưa bao giờ cậu Chí phải rầy rà tôi về các cuộc đấu thầu căng thẳng ấy.

Như tiên đoán từ trước của ông, cậu tôi từ trần năm 1963, tại Saigòn vì chứng bệnh ho lao! Hậu qủa của những ngày tháng bị Pháp bắt giam và tra tấn dã man! Khi từ trần, cậu tôi chỉ mới ở tuổi 57 mà thôi!

Cậu tôi mất đi, để lại nhà in Võ Tánh cho người con trai của ông. Hiện tại, nhà in đó đã được em tôi phá bỏ, xây thành một building 7 tầng, cho thuê…

Tuy là một phụ tá tương đối đắc lực của cậu tôi trong việc điều hành nhà in Võ Tánh, nhưng không vì thế mà tôi bê trễ hay, lơ đãng việc học.

Hình như lúc nào tôi cũng canh cánh trong lòng mối ưu tư hay mục tiêu phải học giỏi để có thể giúp đỡ cha mẹ, lo cho các em…

Chiến tranh, loạn lạc đã khiến gia đình chúng tôi tan nát, chia cắt và cha mẹ tôi dường cũng chưa có được bao nhiêu

ngày vui. Nên, nếu tôi thất bại trong việc học, thì kể như tương lai không chỉ của tôi mà, của gia đình tôi, các em tôi sẽ khó bề sáng sủa!.

Như tôi đã kể, một lần nữa, khi biết tôi di chuyển vào Saigòn, theo gia đình cậu Chí tôi, ông Trần Sử lại tìm một chỗ kèm trẻ cho tôi, ngay khi tôi mới vào trường học năm đệ nhất, ở trường Trung học Chu Văn An.

Nơi tôi được ông Sử giới thiệu để dậy tại gia, lại chính là nhà của học giả Thái Văn Kiểm.

Công việc của tôi là kèm học cho mấy người con của học giả Thái Văn Kiểm. Đó là lý do tại sao, ở mấy trang hồi ký trên đây, tôi kể rằng, Thạc sĩ Thái Văn Trung, con trai của học giả Thái Văn Kiểm, từng là học trò và cũng là niềm hãnh diện thầm kín của tôi.

Trường Quốc Học - Huế

## CHƯƠNG 4

# CẬU TÚ THÁI DOÃN NGÀ GIỮA NGÃ BA ĐƯỜNG: DU HỌC PHÁP, ĐỂ TRỞ THÀNH PHI CÔNG THỜI CHIẾN, HAY HỌC LÊN NỮA ĐỂ TRỞ THÀNH GIÁO SƯ?

Niên khoá 1955-1956, là thời gian tôi theo học lớp đệ nhất trường trung học Chu Văn An, ở Saigòn. Thời gian này trong giới học sinh có bằng tú tài phần nhất như chúng tôi, bỗng rộ lên phong trào thi vào trường Salon, trường đào tạo sĩ quan Không Quân ở bên Pháp, hoặc thi vào trường Brest, là trường đào tạo sĩ quan Hải Quân rất nổi tiếng, cũng ở bên Pháp.

Nghiên cứu tài liệu được phổ biến thời đó, tôi được biết trường Không quân Salon ở về phía nam của nước Pháp, cách thành phố Provence trên dưới 4 cây số, do đó, trường có tên là Salon-de-Provence.

Ngoài việc đào tạo những sĩ quan trẻ cho không quân Pháp, trường cũng nhận đào tạo sĩ quan cho các quốc gia có liên hệ với Pháp. Trong số các quốc gia ấy, đương nhiên có Việt Nam. Nói rõ hơn, là chính phủ Việt Nam Cộng Hoà, ở miền Nam Việt Nam.

Trường này nhận đào tạo 3 loại sĩ quan không quân khác nhau: Một là sĩ quan phi hành hay phi công. Hai là sĩ quan không phi hành hay sĩ quan cơ khí. Và, ba là sĩ quan điều khiển phi trường.

Đầu năm 1956, một thông cáo của chính phủ cho biết, trường salon sẽ nhận 6 sinh viên sĩ quan không quân VN, theo học trường Salon, sau một kỳ thi tuyển.

Một số bạn học của tôi, háo hức rủ nhau nộp đơn thi.

Trước đó, một người bạn học của tôi thời đó là anh Trần Văn Sơn thi đậu và đã lên đường qua Pháp, để theo học trường đào tạo sĩ quan hải quân Brest, nổi tiếng thế giới.

Dấu cha mẹ, dấu cậu Chí, tôi lén nộp đơn thi vào trường Salon de Provence. Kết quả tôi được chấm đậu hạng thứ ba, trong tổng số 6 thí sinh trúng tuyển.

Nhưng sau khi biết mình đã đậu và cơn mừng vui chưa kịp tan đi thì, mối lo lắng đã ào đến với tôi. Đó là những câu hỏi thật to lớn, như:

- Rồi mình sẽ ra sao nơi đất lạ quê người?

- Liệu mình có đủ sức khoẻ, đủ kiên nhẫn để theo đuổi chương trình học cho tới ngày mãn khoá?

- Sinh hoạt quân trường ra sao?

- Kỷ luật khắt khe tới mức độ nào?

- Nếu nửa chừng vì lý do gì đó, phải bỏ dở khoá học, rồi tương lai mình sẽ đi về đâu?

Đứng trước những câu hỏi chỉ được đặt ra cho tôi sau khi đã trúng tuyển, khiến tôi phải viết thư cho bạn học Trần Văn Sơn của tôi, để hỏi ý kiến anh.

Trong thư trả lời, anh Trần Văn Sơn chỉ cho tôi biết đại khái là qua Pháp, dù theo học chương trình đào tạo sĩ quan thuộc binh chủng nào, Không Quân hay Hải Quân, đều cực lắm…

Trước khi chấm dứt thư trả lời, anh Sơn khuyên tôi rằng:

"Theo tau thì mi nên đi theo ngành giáo dục thì sẽ sướng hơn!".

Tôi hiểu chữ "sướng hơn" trong thư của bạn tôi hàm ý thích hợp với cá nhân cũng như hoàn cảnh của tôi hơn là sự theo đuổi binh nghiệp.

Cũng vì thư trả lời khuyên bảo của anh Trần Văn Sơn, lại thêm sự lo sợ của cha tôi, khi ông hay tin tôi đậu vào trường Salon de Provence ở Pháp. Cha tôi lo lắng vì ông quả quyết rằng, nếu tôi trở thành sĩ quan không quân, ông bảo đảm tôi sẽ… "chết sớm!"

Sự việc tôi chết đi, sẽ không chỉ là một thiệt hại cho chính tôi mà còn là mất mát to lớn cho cả gia đình của tôi nữa.

Giống như để bảo kê cho kết luận của mình, cha tôi kể lại một câu chuyện thương tâm mà cha tôi là nhân chứng. Và, câu chuyện mang tính thảm kịch ghê gớm đó đã treo lửng trong ký ức của cha tôi suốt mấy chục năm trường.

Đó là chuyện cha tôi có một người bạn, ông ấy có con tốt nghiệp phi công trường Sanlon ở Pháp. Khi trở về nước, chàng ta lái chiếc phi cơ chiến đấu Bearcat do Pháp để lại, từ Saigòn ra Huế thăm cha.

Vì được báo trước nên cha tôi và người bạn tới phi trường để đón tiếp. Nhưng, ngay khi phi cơ chuẩn bị hạ cánh thì máy bay phát nổ ngay trước mặt các ông.

Cảnh tượng chiếc máy bay nổ tung rớt, cháy từng mảnh và dĩ nhiên, người phi công mới ra trường, cũng bị thiêu cháy rùng rợn!…

"Nhưng bất nhẫn hơn cả là tai nạn xẩy ra ngay trước mắt mọi người mà chẳng một ai có thể làm được bất cứ điều gì, dù nhỏ nhặt, để cứu nạn nhân, ngoài việc chết trân, bất lực, bó tay nhìn tai nạn…"

Vì ý kiến không rõ ràng, không dứt khoát của bạn, nhất là sự cản ngăn quyết liệt của cha tôi, cuối cùng, tôi đã phải đành lòng bỏ đi cơ hội du học không quân tại Pháp.

Tuy thâm tâm tôi có tiếc cơ hội "xuất dương du học" là cơ hội vô cùng hiếm hoi thời bấy giờ; nhưng rồi lòng tiếc rẻ của tôi cũng nguôi ngoai khi nhớ lại rằng, ngày từ khi còn nhỏ,

mới lên trung học, tôi đã là đứa con, người anh giúp đỡ phần nào vật chất cho gia đình và em út.

Tôi nghĩ thêm:

"Nếu mình đi Pháp học, mấy năm mới về, liệu rồi gia đình mình có vì thế mà gặp khó khăn về vấn đề tài chánh không?"

Lại nữa, tôi cũng thấy rằng, nếu mình thực sự có lý tưởng, muốn cống hiến cuộc đời mình cho đồng bào, cho đất nước thì dù ở vai trò nào mình cũng có thể tận hiến khả năng của mình… Và lãnh vực giáo dục, học đường dù ở thời nào, giai đoạn nào, đất nước nào cũng vẫn là lãnh vực quan trọng nhất. Việc dưỡng dục con em, nói chung thế hệ trẻ là căn bản, là nền móng xây cho tương lai của một dân tộc, một đất nước.

Tôi cho rằng không có đóng góp nào ý nghĩa hơn khi một người thầy tận tâm, thành khẩn truyền dạy văn hoá, kiến thức của mình cho hàng trăm hàng ngàn thanh niên học sinh. Đó là sự chuẩn bị hành trang tốt nhất, cần thiết nhất cho tương lai, khi họ lên đường, bước vào đời…

Từ đó, tôi nghĩ:

"Nếu có điều gì đó, cần phải quan tâm, lo nghĩ là nên sợ mình không đủ khả năng và không đủ kiên nhẫn để theo đuổi lý tưởng của mình mà thôi".

Sau khi thấy được rõ ràng con đường mình phải đi từ thực tế là hoàn cảnh cá nhân và gia đình, tới lý tưởng là ước mơ được phục vụ nhiều thế hệ…

Tất cả những tác động tinh thần, tâm lý đó đã giúp tôi quay trở lại việc học để chuẩn bị thi tú tài toàn phần, một cách hứng khởi hơn.

Trước khi bước qua phần kế tiếp của cuộc đời học sinh, của tôi ở Saigòn, tôi xin phép kể thêm một chút về một trong những người bạn học của tôi, bạn Trần Văn Sơn mà tôi đã đề cập.

Trần Văn Sơn không chỉ là một người bạn thân thiết, đáng tin cậy của tôi, mà anh còn là người tôi rất quý mến vì tinh thần dấn thân cũng như lý tưởng phục vụ quê hương của anh.

Có lẽ vì thế mà tôi không chút ngạc nhiên khi sau này, bạn Trần Văn Sơn của chúng tôi, được nhiều người biết dưới tên Trần Bình Nam, từng giữ vai trò bình luận cho đài phát thanh BBC, phần Việt ngữ. Anh cũng còn nổi tiếng trong lãnh vực hoạt động chính trị ở quê nhà với vai trò dân biểu thị xã Nha Trang…

Tại nghị trường, anh Trần Văn Sơn từng được ghi nhận như là một dân biểu trẻ thường cất lên những tiếng nói đối lập; được nhiều bạn đồng viện nể trọng.

Như đã nói ở trên, sau khi đoạn tuyệt hẳn mơ ước xuất ngoại du học ngành không quân tại trường Salon ở Pháp, tôi trở lại với việc học một cách chuyên cần hơn nữa…

Vì thế, việc tôi thi đậu tú tài phần hai, chấm dứt giai đoạn học sinh trung học, để lên đại học, đã không có một trở ngại nào, nếu không muốn nói là khá dễ dàng…

Nhớ lại lời khuyên của bạn, nên theo học ngành giáo dục, tôi ghi tên và thi đậu vào trường Cao Đẳng Sư Phạm, Saigòn năm 1956.

Ngay những ngày đầu tiên, khi bước chân vào trường Cao Đẳng Sư Phạm Saigòn, tôi chợt nghiệm ra rằng, hình như định mệnh đã mở rộng cánh cửa giáo dục cho tôi được bước vào từ những ngày niên thiếu mà tôi không biết.

Tôi nhớ lại những năm tháng làm "gia sư / précepteur" từ Huế vào tới Saigòn. Tôi nhớ tới lòng tốt, sự tử tế của những gia đình danh giá đã mướn tôi làm "gia sư" cho con cái của họ.

Tôi nhớ tới sự thành đạt rực rỡ sau này của những… "học trò" mà tôi có cái may mắn được luyện kèm cho họ…

Với tôi, dường như đó là những chỉ dấu báo trước cho tôi biết, đó là con đường tốt đẹp nhất mà tôi đã được số mệnh chọn lựa, cầm tay và dắt đi trong một hành trình dài lâu, gắn liền với cuộc đời tôi, những năm tháng kế tiếp.

Những năm học tại trường Cao Đẳng Sư Phạm Sài Gòn qua nhanh, rất nhanh, như một giấc mơ ngắn thuộc đời sinh viên của tôi.

Năm 1958, tôi tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Sư Phạm Sàigòn.

Trường này nguyên là trường Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương thành lập từ năm 1928. Trường chuyên đào tạo các giáo sư bậc trung học cho toàn cõi Đông Dương.

Như đã nói, hình như định mệnh đã "chấm" tôi từ rất sớm, dọn đường cho tôi bước vào ngành giáo dục với rất nhiều may mắn.

Định mệnh cũng chuẩn bị cho tôi những bước đi thênh thang, hạnh phúc trong lãnh vực này, suốt một đời tôi. Ra trường tôi được bổ về dạy một trong hai trường trung học nổi tiếng nhất thời đó là trường Trương Vĩnh Ký, còn gọi tắt là Pétrus Ký ở Saigòn, và Quốc Học ở Huế.

Dù chọn trường nào thì với tôi cũng là cả một vinh dự và hãnh diện. Cứ như ý nghĩ ban đầu của tôi thì tôi muốn chọn dạy tại trường Trương Vĩnh Ký ở Saigòn. Vì ngoài sự nổi tiếng của trường này, tôi cũng muốn ở lại Saigòn vì đã bắt đầu cảm thấy quen thuộc với sinh hoạt của thủ đô miền Nam.

Chưa kể, nếu ở Saigòn, tôi còn có thể tiếp tục phụ giúp cậu Chí của chúng tôi, trông nom nhà in Võ Tánh ấn quán của cậu.

Nhưng, cha tôi, khi biết tôi cũng được Quốc Học chọn để về dạy cho Quốc Học, thì ông lại muốn tôi về Huế để gần gũi gia đình, phụ với cha mẹ trông nom, kèm cặp các em.

Chưa kể, mẹ tôi, không biết bà nghe được những gì về đời sống của Saigòn mà bà đã khóc lóc bảo tôi rằng:

"Mẹ không muốn gì ngoài chuyện con trở về lại Huế với Mẹ và các em…"

Những giọt nước mắt của mẹ tôi, cho tôi cảm tưởng hình như bà lo sợ bà sẽ mất trắng đứa con trai của bà, là tôi, nếu tôi không chịu trở về Huế.

Tôi biết rất nhiều người, không cứ gì mẹ tôi, ở những nơi khác, khi nhìn về đời sống, sinh hoạt ở Saigòn, nhiều người thấy thành phố này giống như một điều gì "dễ sợ" lắm. Nó là một nơi chốn tượng trưng cho những sa đoạ, phóng túng mà giới trẻ lao đầu vào như những con thiêu thân thấy ánh lửa…

Với tôi, tuy cũng là thanh niên, nhưng thực sự sống tại Saigòn, hít thở nhiều năm cái không khí của một thứ thủ đô mới của một nửa phần đất nước, tôi chỉ thấy nó tốt đẹp, nó tự

do và nó là cơ hội cho bất người nào muốn tiến thân, muốn đi xa hơn trong nỗ lực gây dựng, kiến tạo sự nghiệp cho mình mà thôi.

Tuy nhiên, bản chất tôi từ hồi nào giờ, vốn là người lúc nào cũng vâng theo ý muốn của cha mẹ. Không biết có phải vì tôi được thấm nhuần tinh thần lễ giáo của Khổng-Mạnh từ tấm bé hay không? Nhưng hiển nhiên, lúc nào tôi cũng tôn trọng, trân trọng tinh ý muốn của cha mẹ.

Cái tinh thần "quân sư phụ" in hằn và chi phối đời sống tôi, không chỉ thời tuổi trẻ mà mãi cho đến ngày hôm nay, khi tôi đã bước vào giai đoạn gần đất xa trời.

Tôi luôn tìm thấy ý nghĩa, sự tốt đẹp trong tinh thần lắng nghe và vâng lời người trên đó.

Viết tới đây hẳn quý bạn đọc đã đoán được chọn lựa sau cùng của tôi là chấp nhận về Quốc Học, như nhiệm sở đầu tiên của cuộc đời dạy học chính thức của mình, kể từ ngày tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sư Phạm, Saigòn.

Huế đối với tôi không chỉ giống như mối tình đầu của một thời trẻ dại mà, Huế với ngôi trường Khải Định, sau đổi thành Quốc Học, đối với tôi còn là khu vườn rộng bao la với rất nhiều hoa thơm, rất nhiều cỏ lạ.

Tôi muốn nói ngôi trường ấy với những khung cửa lớn mở vào những chân trời mới lạ như lý, hoá, sinh ngữ, cổ văn kim văn, sử ký, địa lý thế giới, công dân giáo dục với những bài học về tổ chức công quyền như hành pháp, tư pháp và lập pháp… là những môn học, những kiến thức tôi không được học thời tiểu học…

Để đánh dấu ngày tôi trở lại Huế, được trở về dạy ngay tại ngôi trường ngày xưa tôi đã học, cha tôi đã làm một buổi tiệc phải nói là rất lớn đối với gia đình chúng tôi, mời cả làng tham dự.

Tôi không biết cha mẹ, các em tôi hãnh diện tới mức nào khi thấy thực khách đủ mọi thành phần kéo tới chúc mừng sự trở lại nơi chôn nhau cắt rốn của tôi, trong cương vị giáo sư một ngôi trường danh tiếng… Riêng cá nhân tôi, tôi rất cảm động khi thấy rõ vẻ hân hoan hạnh phúc nơi gương mặt sớm già nua vì chiến tranh, vất vả, âu lo của cha mẹ tôi.

Tôi cũng cảm thấy đôi chút hoang mang, lo lắng không biết mình có đáp ứng được sự trông đợi, hy vọng của biết bao người dành cho tôi, khi thực sự bước vào một khúc quanh mới của sự nghiệp đời mình.

Nhưng không hiểu tại sao, tôi luôn vững tin rằng, trường hợp nào thì, cuối cùng, rồi định mệnh cũng sẽ mỉm cười với tôi, như tôi từng thấy trong qúa khứ, trước những khó khăn, ngặt nghèo tưởng chừng không thể giải quyết được.

Và, thưa quý độc giả, thực tế định mệnh đã dành cho tôi những ưu đãi nhiều hơn mơ ước của tôi rất nhiều.

Tôi muốn gọi một cách đơn giản là những may mắn kỳ lạ. Những may mắn mà cá nhân tôi không thể tự giải thích được.

## CHƯƠNG NĂM

## KHI TRÒ THÁI DOÃN NGÀ TRỞ VỀ TRƯỜNG CŨ TRONG TƯ CÁCH GIÁO SƯ.

Tôi không biết diễn tả thế nào để quý bạn đọc hiểu được cảm giác của tôi trong ngày đầu tiên trở lại trường cũ sau nhiều năm xa cách!

Nếu nói rằng đó là cái cảm giác xa lạ thì không đúng. Bởi vì ngôi trường Quốc Học của tôi, những ngày niên thiếu, vẫn hiện ra đúng như những hình ảnh đã in đậm trong ký ức của tôi, vẫn y như ngày nào tôi mới phải rời đi để vào Saigòn, dù cho mầu tường vôi có phần nào phai nhạt. Những gốc cây cổ thụ trong sân trường, có phần nào già nua hơn trước. Hàng hàng, lớp lớp học sinh tôi gặp trên đường đi, có xa lạ, có thoáng chút ngỡ ngàng khi những ánh mặt gặp gỡ, giao nhau…

Nhưng một mặt nào đó, tôi cũng cảm thấy có chút gì xao xuyến, bồi hồi, lạ lẫm… Giống như thể tôi là một chú rể hồi hộp ra mắt gia đình bên vợ lần đầu tiên. Hay cái tâm trạng vừa hoang mang vừa mừng rỡ hạnh phúc của một cô dâu mới về nhà chồng… Mặc dù hiển nhiên, tôi không hề và cũng không thể là một… cô dâu trong thực tế.

Có thể vì ngay từ ở nhà, lúc sửa soạn tới trường, tôi đã hiểu rằng, tôi trở lại trường cũ với một tư cách khác: tư cách một giáo sư. Và, không một ai có thể nói trước cho tôi biết, những gì sẽ chờ đợi, sẽ chào đón tôi, ở ngôi trường thân yêu và quen thuộc kia.

Tuy nhiên, tất cả mọi âu lo chen lẫn bồi hồi của tôi đã tan nhanh khi người đầu tiên tôi được gặp trong ngày trình diện nhiệm sở lại chính là thầy Đinh Quy. Người thầy cũ từng dạy tôi môn toán ngày xưa.

Thấy tôi, thầy Đinh Quy không dấu được mừng rỡ. Tôi không biết thầy hay tôi, ai là người dang tay ôm lấy người kia trước. Hoặc cả hai chúng tôi cùng lúc bật ra cái cử chỉ thân mật ấy vì xúc động.

Tới bây giờ, dù đã trải qua bao nhiêu năm, với không biết bao nhiêu biến cố lớn, nhỏ trong đời, tôi vẫn nhớ câu nói đầu tiên của thầy Đinh Quy dành cho tôi:

"Tôi nhận được sự vụ lệnh nói anh sẽ về trình diện trường vậy mà tôi vẫn nôn chờ được gặp anh".

Tuy cha tôi cho biết, thầy Đinh Quy của tôi, đã trở thành Hiệu Trưởng Quốc Học, nhưng không vì thế mà tôi bớt ngạc nhiên một cách thích thú khi được gặp lại và được thầy ôm trong tay.

Với tư cách Hiệu Trưởng, đồng thời cũng là thầy cũ của tôi, thầy Đinh Quy hướng dẫn tôi vào văn phòng dành riêng cho các giáo sư.

Thầy thuyết trình một cách ngắn gọn cho tôi biết những luật lệ, giờ giấc của trường mà giáo sư nào cũng phải tuân theo.

Thầy cũng giải thích cho tôi rõ rằng, vì tôi mới ra trường nên thầy xếp cho tôi dạy lớp đệ tam. Theo cách nói hôm nay thì đó là lớp 10, lớp đầu tiên của ba năm học cuối cùng của chương trình trung học đệ nhị cấp.

Thầy nhấn mạnh:

"Anh chịu khó dạy một thời gian, ít nhất là một niên học, sau sẽ ưu tiên xếp cho anh dạy lớp đệ nhị, nếu có chỗ trống".

Tôi nói, thầy cho tôi dạy lớp nào cũng được. Xin thầy đừng qúa bận tâm tìm xếp lớp dạy cho tôi. Vì cái hạnh phúc

to lớn nhất của tôi, chính là sự được gặp lại thầy và, lại có được thầy trong cương vị hiệu trưởng…

Khi tôi mới dạy Toán lớp đệ tam được đâu chừng sáu tháng thì thầy Tôn Thất Ngạc dạy Toán lớp đệ nhị, di chuyển đi trường khác.

Thầy Đinh Quy bảo:

"Tôi không thấy có ai xứng đáng hơn anh để thay thế thầy Ngạc. Vậy anh sẽ thế chỗ thầy Ngạc ngay và tôi sẽ tìm người dạy thế anh ở lớp đệ tam…"

Với một giáo sư mới ra trường như tôi, chỉ sau một thời gian rất ngắn, đã được chỉ định dạy lớp cao hơn là cả một vinh dự, nhất là lớp cao đó lại nằm nơi một trường nổi tiếng cả nước, như trường Quốc Học.

Nhưng thưa quý bạn đọc, dạy lớp đệ nhị là lớp cuối năm, học sinh sẽ đi thi tú tài một. Về phương diện trách nhiệm thì đây là một trách nhiệm vô cùng nặng nề. Nó nặng nề quan trọng ở chỗ, một học sinh đậu tú tài một, nếu không học nữa hoặc có rớt tú tài hai, phải đi lính, thì tương lai của trò đó, vẫn là sĩ quan.

Ngược lại, nếu không dậu tú tài một thì tương lai của học sinh đó sẽ chỉ là binh nhì, hoặc trung sĩ khi bị gọi nhập ngũ.

Quý đọc giả nào từng ở trong quân đội chắc chắn sẽ hiểu rõ sự khác biệt to lớn như thế nào giữa hàng sĩ quan và binh sĩ của quân đội. Nhất là quân đội trong thời chiến.

Vì nghĩ tới tương lai học trò của mình, chỉ cách nhau một đường tơ rất mỏng manh mà họ sẽ có một cuộc đời khác biệt ghê gớm; nên tôi tự nhủ mình phải để hết thì giờ, tâm trí trong việc soạn bài, giảng bài… làm sao để học trò của tôi khi đi thi, sẽ đậu được thật nhiều.

Tôi luôn nhắc nhở mình rằng:

"Thêm được một học sinh thi đậu, thì không chỉ thêm được một cuộc đời sáng sủa khi họ phải nhập ngũ mà, còn giảm bớt nỗi lo buồn, đau khổ của gia đình họ nữa…"

"Rồi kết quả ra sao?"

Thưa quý độc giả, kết quả năm đó, học sinh của lớp tôi dạy đậu rất nhiều. Số lượng học sinh đậu nhiều tới mức vang

dội sang cả trường nữ, là trường Trung học Đồng Khánh nữa.

Vì thế, cô Tịnh Nhơn, Hiệu trưởng trường Đồng Khánh bấy giờ, mời tôi qua bên đó nói chuyện.

Nếu tôi nhớ không lầm thì câu hỏi đầu tiên mà cô Tịnh Nhơn dành cho tôi là:

"Ông có vợ chưa?"

Tuy biết rằng trường Đồng Khánh là trường dành riêng cho nữ sinh ở Huế. Nhưng điều đó, cũng không tránh được cho tôi sự ngỡ ngàng trước một câu hỏi mà tôi không hề chờ đợi. Dẫu vậy, tôi vẫn trả lời cô, một cách rất thành thật rằng:

"Tôi sắp… có vợ."

"Vậy thì tôi mời ông dạy tạm cho trường Đồng Khánh của chúng tôi. Nhưng nếu qua năm mà ông không cưới vợ thì chúng tôi sẽ không thể mời ông tiếp tục dạy tại trường chúng tôi được nữa".

Tôi gật đầu đồng ý và, ngay đầu niên khoá mới, cô Tịnh Nhơn giao tôi dạy hai lớp 11 A1 và A2. Môn dạy tôi được giao phó là môn Toán.

Trong lớp 11A tôi phụ trách, có một nữ sinh khá đặc biệt, tới nay tôi vẫn còn nhớ. Đó là nữ sinh Trương Thị Bích Túy. Chị ruột của cô là vợ của dược sĩ Nguyễn Cao Thăng.

Thời đó, dược sĩ Thăng đã là cận thần của cố vấn Ngô Đình Cẩn, em ruột của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Do đó, ông là một nhận vật nổi tiếng và đầy quyền uy ở Huế bấy giờ.

Sở dĩ tôi nhớ rõ và cố tình nhắc tới nữ sinh Trương Thị Bích Túy là bởi vì, sau khi tôi dạy cho trường Đồng Khánh được khoảng nửa năm thì một hôm, ông Biện lý Toà Án Huế, giáo sư Nguyễn Hữu Thứ, cho người gọi tôi qua trình diện ông. Giáo sư Thứ là hiệu trưởng đầu tiên của trường Quốc Học, khi trường này được đổi tên từ Khải Định.

Cuộc gặp gỡ, đúng hơn là trình diện của tôi trước giáo sư Nguyễn Hữu Thứ, cũng đem đến cho tôi những câu hỏi bất ngờ, như khi tôi gặp cô Tịnh Nhơn vậy.

Sau một vài câu thăm hỏi xã giao, giáo sư Thứ đi thẳng vào vấn đề, bằng câu hỏi mà, thoạt nghe, tôi chẳng hiểu ất giáp gì cả:

"Chú mi còn giờ không?

Tôi hỏi lại:

"Thưa ông Biện Lý cần gì nơi tôi?"

"Tau cần chú mi dạy học ít giờ… Mỗi tuần, khoảng 8 tiếng…"

Câu trả lời của giáo sư Thứ làm tôi chưng hửng! Tôi không thấy tôi có giờ rảnh nào khi mà tôi đã nhận dạy quá nhiều lớp 11 cho cả hai trường Quốc Học và Đồng Khánh, Bán Công và Văn Hóa Quân Đội.

Sau một hồi cân nhắc, tôi nghĩ tôi cần phải nói thật rằng, tôi không còn giờ rành, dù chỉ là 8 tiếng cho mỗi tuần:

"Thưa ông Biện Lý, tôi không còn giờ rảnh nào trong tuần, vì thời khóa biểu sắp xếp xong".

Giáo sư Thứ nghiêm mặt, lạnh lùng bảo:

"Mi không dạy thì mi ở tù!"

Nghe ở tù tôi vừa hoảng vừa tò mò muốn biết ông muốn tôi dạy kèm cho con cháu nhà ai mà "dễ sợ" quá vậy? Tôi hỏi:

"Thưa ông Biện lý, tôi phải dạy ai?"

"Mi dạy em vợ ông Cố vấn!"

Nghe ba chữ "Ông Cố Vấn" tôi nhớ ngay tới cô nữ sinh đặc biệt ở lớp 11A của tôi. Cô Trương Thị Bích Tuý.

Nghe ba chữ "Ông Cố Vấn" tôi cũng hiểu ngay rằng, giáo sư Nguyễn Hữu Thứ không hề nói đùa. Ông rất dứt khoát, khi khẳng định:

"Mi không dạy thì mi ở tù!"

Những ai ở Huế trong khoảng thời gian cuối thập niên 1950, đầu thập niên 1960 đều hiểu rằng, khi ông Biện lý hay những nhân vật có quyền cao chức trọng ở địa phương, muốn cho ai vô tù thì người đó kể như hết đường chạy trốn.

Trước tình thế tiến thối lưỡng nan này, tôi chưa biết mình phải trả lời ra sao thì giáo sư Thứ lại nhồi thêm câu hỏi khác:

"Chú mi dạy ở Quốc Học lương bao nhiêu?"

Làm như hỏi để mà hỏi vậy thôi chứ từng là hiệu trưởng Quốc Học, giáo sư Thứ thừa biết mức lương của tôi.

Ông nói tiếp; thực ra là hạ lệnh:

"Tau trả chú mi 8 ngàn cho 8 tiếng, mỗi tuần. Mi về và nhớ lo bỏ mấy trường kia đi…"

Tôi lui ra khỏi văn phòng ông Biện Lý với một tâm trạng vừa não nề vừa băn khoăn, lo lắng. Bỏ tất cả các lớp, tức bỏ các học sinh của tôi khi họ đang ở giữa năm thi tú tài một của họ, là điều tôi không đành. Nhưng, nếu không tìm ra 8 tiếng mỗi tuần cho em vợ ông cố vấn Nguyễn Cao Thăng, thì chuyện vào tù của tôi là một điều gì đó, không thể chắc chắn hơn!

Cuối cùng, tôi thu xếp được 4 giờ một tuần, để thi thành lệnh của giáo sư, Biện lý Nguyễn Hữu Thứ.

Hàng tuần tôi tới nhà riêng của gia đình ông cố vấn Nguyễn Cao Thăng, kèm cho Trương Thị Bích Túy. Ngoài tiền lương như giáo sư Thứ cho biết, gia đình Bích Túy đối xử với tôi rất lịch sự, tử tế.

Cuối năm, khi đi thi, Bích Túy không những đậu mà còn đậu cao nữa.

Sau này, tôi mới biết được rằng, gia đình muốn Bích Túy đậu cao ở cả hai phần tú tài, để có thể nộp đơn xin du học ngoại quốc.

Cũng sau này, định mệnh lại đem cựu nữ sinh Trương Thị Bích Túy của tôi bước vào đại gia đình chúng tôi, trong vai trò một người cháu dâu.

Số là, khi dạy Bích Túy tôi thấy cô rất ngoan, xinh đẹp, lại học giỏi nữa, nên tôi giới thiệu Bích Túy cho một người cháu ruột của nhà tôi là Hà Xuân Trừng. Hai bên hứa hôn với nhau, đợi khi Bích Túy du học trở về mới làm lễ thành hôn. Người cháu ruột của nhà tôi Hà Xuân Trừng, sau này, có lúc làm tới Tổng trưởng tài chánh, thời đệ nhị Cộng Hoà.

Tôi trộm nghĩ có thể do sự vận động của anh vợ Bích Túy là dược sĩ Nguyễn Cao Thăng nên cháu ruột nhà tôi đã được mời vào chức vụ quan trọng này.

Tưởng cũng nên nói thêm rằng, thời tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, dược sĩ Nguyễn Cao Thăng là chủ nhân viện bào

chế nổi tiếng OPV. Ông cũng được Tổng thống Thiệu mời làm cố vấn chính trị.

Ngoài viện bào chế OPV, dược sĩ Nguyễn Cao Thăng còn là người được chính quyền cho độc quyền nhập cảng vào Việt Nam, nhiều loại thuốc tây thông dụng…

Với vai trò cố vấn chính trị và sự giầu có gần như nhất nhì miền Nam, nên những người hiểu chuyện, dường như không ai ngạc nhiên khi biết ông Thăng có ảnh hưởng rất lớn với chính quyền Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu.

Nữ Trung Học Đồng Khánh – Huế

## CHƯƠNG SÁU

## NGAY VỚI TÌNH DUYÊN, ĐỊNH MỆNH CŨNG KHÔNG QUÊN NỤ CƯỜI HOAN HỈ.

Mới đây, có người hỏi tôi, đại ý, vì định mệnh đã cười miết dọc lộ trình sự nghiệp của tôi, nên ở những lãnh vực khác, tỷ dụ như tình duyên, chắc định mệnh chỉ có thể dành cho tôi những cái mặt nhăn nhó, khó ưa, thậm chí hầm hầm, ác độc… Vì ai trong chúng ta cũng biết rằng "thiên địa ố toàn!". Trời đất có mấy khi cho một người tất cả mọi thứ đều tốt đẹp cả đâu!

Tính "lá lay thiên tặc" trời vốn là sự kiện hầu như hiển nhiên; chẳng một ai trong chúng ta còn thắc mắc! Nếu không như vậy, chắc đâu cụ Nguyễn Du đã có câu "Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen" (?)

Bởi thế, câu hỏi bất ngờ mà tôi nhận được, với tôi là một câu hỏi thật hay.

Nhờ câu hỏi này tôi mới trực nhớ ra rằng, có lẽ tôi là một trong rất ít người thuộc thành phần… ngoại lệ. Nghĩa là tôi không bị nằm trong trường hợp đương nhiên của đa số. Trường hợp của những người được ông trời cho một số đều tốt đẹp ở tay này, nhưng ông ấy lại lấy đi khỏi mình, một số điều mình hằng ước mơ, khao khát, mòn mỏi…

Tệ hại hơn nữa là khi bên cạnh những may mắn hơn người, chúng ta phải nhận lãnh những bất hạnh khác…

Khi nhớ lại trường hợp của mình, tôi trả lời ngay người hỏi tôi rằng:

"Không. Chẳng những tôi được may mắn trên đường gầy dựng sự nghiệp mà, tôi còn nhận được rất nhiều may mắn từ ông trời về cả đường tình duyên, vợ con nữa…"

Nói cách khác, ngay ở lãnh vực tình duyên, định mệnh cũng đã không quên gửi cho tôi những nụ cười hoan hỉ.

Nhắc tới chuyện tình duyên, tôi cũng lại chợt nhớ rằng, ở những trang sách trên, tôi kể quyết định trở về Huế để nhận dạy tại trường Quốc Học của tôi, bắt nguồn từ những yêu cầu khẩn thiết của cha tôi và, những giọt nước mắt nghẹn ngào của mẹ tôi, người đã một đời hy sinh, quên mình cho chồng con…

Tuy sự thật có đúng như thế thật, nhưng tôi thấy, tôi vẫn che dấu một động cơ thúc đẩy khác, quan trọng không kém! Chính động cơ này khiến tôi chẳng những đã dứt khoát, mà còn cảm thấy nôn nóng trở về…

Đó là động cơ tình cảm riêng tư, thầm kín.

Đó là hình ảnh của một người con gái của trường nữ Đồng Khánh.

Hình ảnh, bóng dáng người con gái đó, đã nung nấu mãnh liệt trong tim tôi từ những năm cuối trung học, trước khi tôi phải rời bỏ trường Quốc Học, để vào Saigòn với cậu Chí…

Chuyện tình cảm thầm kín nhưng mãnh liệt và bền bỉ kia ở lại trong tôi, rất sớm.

Nó bắt đầu từ năm tôi học đệ tam, kéo dài tới hết năm đệ nhị, trước khi đến thời kỳ bị gián đoạn mất ba năm…

Nhưng, thưa quý bạn đọc, để những ai không ở Huế khoảng thời gian trước 1954 có một chút ý niệm về khung cảnh hay sự tương quan, gần cận giữa hai trường Quốc Học và Đồng Khánh; hầu từ đó, bạn đọc có thể thấu hiểu và thông cảm cho mối "tình… câm" của tôi. Mối tình đầu của một cậu học trò nhà nghèo nó chân thành, nó khó khăn, nó kiên trì và khổ công đến mức nào!

Như tôi biết, năm 1947, địa điểm toạ lạc của hai trường Đồng Khánh và Khải Định. Người Pháp chiếm làm căn cứ quân sự. Đầu năm 1956, quân Pháp rút về cơ sở của 2 trường được trả lại tạm thời dùng như cũ.

Tôi dùng hai chữ "tạm thời" vì bấy giờ là thời kỳ chiến tranh. Mọi thứ đều tạm bợ. Vì nhu cầu giáo dục, nhà nước phải tạm trưng dụng căn cứ quân sự này, để có chỗ cho hằng ngàn học sinh Huế và các vùng phụ cận, có được nơi học.

Sự tạm bợ ấy còn rõ ràng hơn nữa, khi mà cả hai cơ sở giáo dục vừa kể, đều không có lấy một tấm bảng ghi tên trường!

Tuy nhiên, nếu từ ngoài nhìn vào căn cứ quân sự này, người ta sẽ thấy ngay, bên phải là cơ ngơi của trường Khải Định, thuộc đám con trai và, bên trái là "cấm địa" của trường Đồng Khánh với những thiếu nữ, mỗi ngày tha thướt trong chiếc áo dài tím, trừ Thứ Hai.

Tôi nghĩ có thể Thứ Hai là ngày nữ sinh Đồng Khánh phải mặc áo dài trắng, để tham dự lễ chào cờ đầu tuần(?)

Vì hai trường cùng chung một cơ sở cho nên, Ban Giám Hiệu của hai trường đã phải chia giờ học khác nhau. Ngay cả tiếng trống, tiếng kẻng cũng không được giống nhau, giúp cho học sinh hai trường dễ phân biệt.

Cụ thể, học sinh Khải Định chúng tôi phải vào lớp lúc 8 giờ sáng, với tiếng trống báo hiệu.

Trong khi nữ sinh Đồng Khánh vào học trễ hơn nửa tiếng, tức 8:30 với tiếng kẻng vào lớp.

Trở lại với "mối tình câm" thời học trò của mình, tôi nhớ hồi đó, đối tượng "mối tình câm" của tôi là một nữ sinh Đồng Khánh. Nàng học lớp Đệ Tứ, trong khi tôi đã học Đệ Tam. Vì hai trường chung một địa điểm nhưng giờ học chênh lệch nhau 30 phút; nên mặc dù tan học trước nàng, nhưng tôi vẫn quanh quẩn ở trường chờ nàng tan lớp.

Ngày ngày, tôi vẫn chờ nàng tan lớp như vậy, để được thấy, được lẽo đẽo đi theo nàng cho tới khi nàng về tới nhà và, biến mất sau cánh cửa khép kín.

Tôi nghĩ có một điều tôi nên kể thêm là, không phải chỉ một mình tôi theo nàng đâu! Trong đám học sinh sớm "si tình" kia, còn có cả những người bạn học mà, bây giờ tôi vẫn còn nhớ, như các bạn Hoàng Tăng Thông, Lê Trọng Ngưng…

Riêng tôi vì nhút nhát, hay mắc cỡ nên tôi khi theo nàng tới cầu Gia Hội, lẽ ra tôi phải phải quẹo để về căn nhà của mình là 85 Hàng Bè, thì tôi cũng băng qua cầu, vượt khỏi

nhà nàng một đỗi khá xa… Sau đó, tôi mới bỏ đi ngược trở lại cầu, để trở về nhà mình…

Mặc dù suốt hai năm ôm mối tình… câm, không nói với nhau một lời nào, càng không thể có một hứa hẹn đợi chờ gì hết; nhưng khi phải theo cậu Phan Xuân Chí vào Saigòn, không hiểu sao, tôi vẫn tự tin rằng, nàng sẽ ở đó, chờ tôi.

Cái linh cảm mơ hồ nhưng chắc như "đinh đóng cột" này của tôi, cũng là một động lực khiến tôi thấy mình phải học tới nơi tới chốn.

Thuở đó, tôi đã nhớ nằm lòng thành ngữ "phi cao đẳng bất thành phu phụ". Và tôi hiểu, sẽ chẳng có một con đường nào khác hơn, cho tôi đi, ngoài con đường tốt nghiệp cao đẳng.

Có dễ vì tôi bị nhập tâm thành ngữ vừa kể, nên ngay đêm đầu tiên, sau khi thi đậu Cao Đẳng Sư Phạm Saigòn, tôi đã nằm mơ thấy ngày tôi được cưới người con gái tôi đã thầm yêu từ nhiều năm trước.

Tuy giấc mơ của tôi chẳng hề được căn cứ, dựa trên bất cứ một mấu chốt căn bản nào, nhưng nó cũng đã đủ khiến cho tôi tăng thêm quyết tâm:

"Phải về. Phải trở về Huế. Phải đi lại con đường dẫn qua cầu Gia Hội…"

Do đấy, một trong những việc làm quan trọng nhất đối với tôi, trong những ngày đầu tiên về lại Huế là, băng qua… cầu Gia Hội… Viếng thăm thân mẫu của người con gái trong mộng của mình.

Sau lần đầu tiên cần nhiều "can đảm", tôi đã trở lại thăm gia đình nàng nhiều lần khác nữa.

Càng về sau, sự thăm viếng của tôi càng ít cần đến sự "can đảm" hơn! Bởi vì tôi nghĩ, dù sao tôi cũng là người đã có địa vị (là giáo sư dạy trường nổi tiếng, Quốc Học). Tôi cũng đã có tiền rủng rỉnh. Tôi đâu còn là học sinh nghèo nữa. Tôi đã tự sắm được cho mình chiếc xe Vespa.

Thời đó, thời cuối năm 1958, đầu 1959, số Vespa ở Huế có thể đếm trên đầu ngón tay.

Đó cũng là thời gian cuốn phim tình cảm cực kỳ lãng mạn "Vacances Romaines" do nữ tài tử Audrey Hepburn và nam

tài tử Gregory Peck thủ vai chính đang làm say mê hằng triệu trái tim thanh niên, thiếu nữ khắp năm châu.

Đó là cuốn phim nói về một cuộc tình ngắn ngủi, trong ít ngày thôi, của một công chúa đi trong một phái đoàn viếng thăm thành Rome, với một phóng viên báo chí địa phương. Tay phóng viên này thuộc loại nghèo. Phải nói là rất nghèo. Anh ta chỉ có trần xì một chiếc Vespa để chở công chúa lá ngọc cành vàng kia, đi khắp cùng mọi ngõ ngách thành Rome…

Cuộc tình chấm dứt một cách tức tưởi, khi nàng công chúa phải theo phái đoàn về nước. Để người phóng viên nghèo cho thành Rome…

Mối tình tuy ngắn ngủi, nhưng là mối tình chân thật, thiêng liêng, nên không vì nghèo mà mà anh chàng phóng viên chịu bán số ảnh, cũng như câu chuyện tình lãng mạng của anh cho tờ báo anh đang công tác…

Cuốn phim thu hình năm 1953, với đạo diễn William Wyler. Năm sau 1954, phim được trao 3 giải Oscar. Trong số đó, có giải nữ diễn viên chính, xuất sắc nhất, dành cho Audrey Hepburn…

Theo tôi, phim này còn được trao thêm một giải không chính thức. Đó là giải quần chúng trao "vương miện" cho… chiếc Vespa. Để từ đó, chiếc Vespa của Ý trở thành niềm mơ ước cháy bỏng trong khao khát của biết bao người.

Cá nhân tôi không chỉ cảm thấy vinh dự có được cho mình một chiếc Vespa mà, tôi còn thầm biết ơn chiếc Vespa đó nữa.

Số là một hôm, tình cờ tôi thấy người trong mộng của tôi đi bộ trên con lộ chính của thành phố Huế. Con đường Lê Lợi. Tôi mời nàng lên xe. Và nàng nhận lời.

Tới hôm nay, thỉnh thoảng nhớ lại, tôi còn tự hỏi, không biết cái ngày định mệnh kia sẽ ra sao? Nếu tôi chỉ có một chiếc Mobilette, chứ không phải chiếc Vespa? Với chiếc Mobilette, liệu nàng có nhận lời?

Tôi không thể biết. Nhưng chiếc Vespa của tôi ngày đó, với tôi, đã chính là chiếc Vespa trong phim "Vacances

Romaines". Và, người ngồi sau xe, cũng đã chính là Audrey Hepburn của riêng tôi vậy.

Bằng vào chiếc Vespa của mình, tôi chở Audrey Hepburn của riêng tôi đi chơi khắp cùng xứ Huế. Ở bất cứ nơi nào chúng tôi tìm đến, định mệnh cũng nở những nụ cười hạnh phúc rạng rỡ, với chúng tôi.

Một năm sau, giấc mơ có từ ngày tôi tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm, đã trở thành hiện thực.

Mặc dù nàng Audrey Hepburn của tôi thuộc dòng họ Nguyễn Khoa, một dòng họ thế giá ở Huế, lại được rất nhiều người theo đuổi, ngấm nghé…

Diệu Trà

## CHƯƠNG BẢY

Nhà cũ ở Saigon

## CÓ AN CƯ MỚI LẠC NGHIỆP.

Hôm nay, bước qua tuổi bảy mươi, những lúc rảnh rỗi, ngồi chiêm nghiệm cuộc đời mình, tôi càng thấy người xưa đã để lại cho chúng ta rất nhiều lời khuyên vô cùng giá trị. Tôi thí dụ như câu "*có an cư, mới lạc nghiệp*".

Tôi nhớ lại lời khuyên gần như chân lý này, của ông bà mình ngày xưa cùng lúc với sự kiện tôi chưa quên, đó là câu chuyện xẩy ra cho tôi, năm 1960.

Năm đó, tuy tôi mới ra trường, dạy học được ít năm, nhưng nhờ dạy nhiều giờ, lại được trả lương cao, nên khi có một người bà con gợi ý tôi nên một mua căn biệt thự ở Vỹ dạ và được trả góp. Căn nhà vốn thuộc về một vị quan đại thần, triều đình Huế ngày trước.

Từ gợi ý vừa kể, tôi bèn dẫn nhà tôi đi xem. Sau một vài lần đi tới đi lui, cân nhắc thiệt hơn, cuối cùng, chúng tôi đã quyết định mua căn biệt thự.

Vì là nhà của quan đại thần, nên nó rất lớn, lại được xây cất theo kiểu biệt thự của Pháp; có vườn rộng với rất nhiều cây ăn trái.

Mặt tiền ngôi nhà trông ra lộ chính, đường Thuận An. Mặt sau là bến sông, rất nên thơ. Từ bến sông này, hàng ngày chúng tôi có thể chèo chiếc thuyền nhập vào dòng sông Hương êm đềm.

Ở căn nhà mới tôi cũng có nhiều ngày xách vợt lên Câu lạc bộ Thể thao của thành phố Huế mà mọi người quen gọi là "Xẹc", chơi tennis.

Nhớ lại, tôi cho rằng, đó là thời gian sung sướng, hạnh phúc nhất của đời tôi.

Sung sướng và hạnh phúc vì khi đó, còn quá trẻ, mà tôi đã có danh phận. Có nhà cửa, cùng vợ đẹp, con khôn…

Thực vậy, tôi nghĩ tôi không thể may mắn và hạnh phúc hơn, vì nhà tôi sau khi tốt nghiệp sư phạm, chương trình một năm, phải bị đi dạy ở một nơi nào đó, rất xa Huế…

Nhưng vì kết hôn, có chồng dạy tại Quốc Học, nên nhà tôi được đổi về dạy tại trường Nguyễn Tri Phương.

Tôi cũng nhớ, người xưa thường nhắc nhở chúng ta rằng "hoạ vô đơn chí, phước bất trùng lai"; để khuyên bảo chúng ta: Một khi gặp tai họa, chúng ta nên chuẩn bị tinh thần, để lỡ có phải nhận thêm một tai họa khác nữa thì cũng đừng ngạc nhiên, hoảng hốt.

Ngược lại, điều may mắn hay hạnh phúc to lớn, thường chỉ đến với chúng ta một lần mà thôi. Khi nó đã đến, chúng ta nên nhận hưởng và đừng mơ ước một lần khác nữa, tương tự.

Nhưng tới ngày hôm nay, khi nhìn lại, tôi thấy may mắn hay những thành quả to lớn, ý nghĩa thường đến với tôi không chỉ một lần mà nó tái hồi nhiều lần thật bất ngờ, trên hành trình sinh sống dài đằng đẵng của đời người.

Tôi muốn nói, sau khi tôi lấy được nhà tôi, có được một cơ ngơi phải nói là đáng kể thời đó, khi tôi chỉ mới 25 tuổi, nhà tôi 21, một năm sau chúng tôi đã có cháu gái đầu tiên là cháu Diệu My.

Tới đây, tôi nghĩ có lẽ cũng nên kể lại câu chuyện đặt tên cho cháu Diệu My. Tôi nghĩ đó cũng là một kinh nghiệm tốt cho những bậc cha mẹ trước vấn đề đặt tên cho con.

Người Việt Nam mình có một tục lệ mà tôi cho là rất hay, rất ý nghĩa khi thường suy nghĩ kỹ càng việc nên chọn cho con cái một cái tên nào đó.

Tất nhiên sự đặt tên được chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau, tùy theo mỗi hoàn cảnh, hoặc mơ ước khác nhau.

Có bậc cha mẹ đặt cho con cái một cái tên thật mộc mạc, đơn giản, với mơ ước khi con cái lớn lên, vào đời, các cháu sẽ có được một cuộc sống bình dị, êm ả, không sóng gió.

Có bậc cha mẹ gửi gấm vào đứa con của mình những giấc mộng bình sinh mình chưa đạt được.

Cũng có những bậc cha mẹ gửi gấm những khao khát thầm kín của đời mình cho con cái qua những tên gọi phản ảnh những khao khát thầm kín ấy.

Nói cách khác, là xuyên qua việc đặt tên, những bậc cha mẹ này, hy vọng con cái sẽ làm rạng danh, nở mày, nở mặt giòng tộc, gia đình mình.

Khi nhà tôi có thai cháu đầu, gia đình chúng tôi cũng không ở trường hợp ngoại lệ.

Mặt khác, với người Huế chúng tôi, ngoài truyền thống đặt tên cho con phải đẹp, nó còn phải có ý nghĩa nữa.

Có lẽ vì cả hai vợ chồng đều sớm bước chân vào ngành giáo dục, nên chúng tôi không hề có mơ ước, mong mỏi con cái của chúng tôi sau này làm vương làm tướng gì hết. Chúng tôi chỉ mong con cái học hành tới nơi tới chốn. Thành đạt trong học vấn để sau này có thể ra giúp đời một cách thiết thực mà thôi.

Vì thế, khi nhà tôi sinh cháu, tên đầu tiên mà chúng tôi chọn để đặt cho cháu là: *Thái Khoa Dạ Triều*.

Trước nhất chữ lót "*Khoa*" là một chỉ dấu đặc biệt của dòng họ bên nhà tôi.

Kế tiếp hai chữ "*Dạ Triều*" cũng được gợi âm, gợi ý từ hai chữ "*Diệu Trà*", là tên của nhà tôi.

Nhưng thầm kín nhất, nếu không nói ra, chắc chắn ít ai biết, hai chữ "*Dạ Triều'* là bút hiệu của nhà tôi, thời thiếu nữ, khi thỉnh thoảng nhà tôi làm thơ…

(Quý độc giả cũng biết, nam giới cũng như nữ giới, khi yêu ai thường làm thơ ghi lại hay diễn tản những rung động, nhớ thương của mình dành cho người yêu của họ. Dù những bài thơ kia có được đăng báo, hay chỉ giữ riêng, thì bao giờ người viết cũng chọn cho mình một bút hiệu, như một tập quán, một đòi hỏi bắt buộc. Nhà tôi ở trường hợp đó).

Tuy nhiên, vì bản chất cẩn thận, lại vốn có quen biết với một thầy tướng nổi tiếng, đồng thời cũng là phụ huynh trường Quốc Học của tôi, ông Giáo Ảnh; nên tôi đã nhờ thầy coi tướng cho cháu.

Sau khi coi tướng cho cháu và biết chúng tôi đã chọn tên "*Dạ Triều*" cho cháu thì Giáo Ảnh đã lắc đầu, bảo rằng:

"Tôi nghĩ tên '*Dạ Triều*' hoàn toàn không thích hợp với tướng của cháu".

Theo lý luận của ông thì: "*Dạ*" là "đêm. "*Triều*" là nước thủy triều.

Ông bạn đồng liêu với tôi nhấn mạnh:

"Người mang tên này sẽ phát với nghề nào thuộc về ban đêm. Càng khuya càng vượng…"

Cuối cùng, ông kết luận:

"Với tên Dạ Triều, tôi e rằng khi lớn lên, có thể cháu sẽ có một nghề… xấu đấy!"

Sau khi nghe lời giảng giải về ý nghĩa của cái tên, cũng như về tướng pháp của cháu, qua thầy Giáo Ảnh, tôi hoảng hốt xin ông nghĩ cách hóa giải, cứu vãn nguy cơ bất toàn cho cháu trong tương lai.

Tôi hốt hoảng bởi vì tôi đã làm khai sinh cho cháu với tên "*Dạ Triều*" ngay sau khi cháu được sinh ra.

Ông Giáo Ảnh lắc đầu. Ông nói ông không có biện pháp nào khác hơn:

"… Phải đặt lại tên cho cháu. Lỡ làm khai sinh rồi thì phải làm lại. Làm ngay bây giờ. Sớm ngày nào, tốt ngày ấy. Không nên nấn ná, chờ đợi gì cả…"

Rồi như để giúp cho tôi dễ dàng hơn trong việc đặt tên lại cho cháu, ông dứt khoát:

"Đặt lại tên gì cũng được. Nhưng phải có một chữ nào đó, có nghĩa là *"đẹp"* thì cháu sau này mới thành công và hạnh phúc hơn …"

Vì thế, sau khi suy nghĩ, cân nhắc, tôi tìm được chữ "*mỹ*". "*Mỹ*" vừa có nghĩa là "*đẹp*", đồng thời cũng còn là hoàn hảo, là "*mỹ mãn*" nữa.

Cuối cùng tên của cháu gái đầu lòng của chúng tôi, khi làm lại khai sinh đã trở thành "*Thái Khoa Diệu Mỹ"*.

Khi di tản, định cư tại Hoa Kỳ, để cho người ngoại quốc dễ gọi, cái dấu "*ngã*" trong tên gọi của cháu, được hủy bỏ, trở thành "*Diệu My*". Dù cho trong khai sinh có từ Việt Nam, cái dấu "*ngã*" kia vẫn còn đó.

Tôi nghĩ không chỉ riêng tôi mang ơn ông Giáo Ảnh, mà ngay cả người anh của tôi là bác sĩ Phan Đông Tùng hiện cư ngụ tại thành phố San Jose, thuộc miền bắc tiểu bang Cali, nếu còn nhớ, chắc cũng mang ơn ông Giáo Ảnh…

Nguyên do anh Phan Đình Tùng của tôi, thời trẻ rất muốn trở bác sĩ y khoa. Nhưng khi anh được ông Giáo Ảnh coi cho thì ông nói ngay rằng, với chữ lót "*đình*", anh tôi sẽ không thể hoàn thành cái mộng làm bác sĩ được.

Ông Giáo Ảnh giải thích cho anh Tùng tôi hiểu rằng, theo ông chữ "*đình*" có nghĩa là "*đình trễ*", "*đình đốn*".

"… Làm cái gì cũng không xong. Làm việc gì cũng bị trễ nải…"

Khi ông Giáo Ảnh nói với anh Tùng tôi thì đó là thời gian anh tôi đang theo học ban Hán tự.

Cũng giống tôi, anh Tùng hỏi xin ông Giáo Ảnh cách hóa giải sự… đình trệ, dở dang đó.

Ông bảo:

"Chỉ có mỗi một cách là thay chữ '*đình*' bằng chữ '*đông*'…"

"*Đông*" là mùa đông. Mà cây "*tùng*" khác hơn các loại cây khác, lại rất thích hợp với mùa đông. Nó không bị rụng lá, không bị khô héo hay chết vì sự lạnh lẽo của cay nghiệt này.

Anh Tùng tôi nghe lời ông Giáo Ảnh.

Anh tôi xin đổi tên thành Phan Đông Tùng, ghi tên theo học ngành y khoa.

Sau đó, đúng như lời dạy của ông Giáo Ảnh, anh học hành suông sẻ, ra trường y khoa với cấp bằng bác sĩ.

Nhắc tới tài ba về lãnh vực tướng số của ông Giáo Ảnh, dù ông mất đã lâu, tôi vẫn thấy nên kể thêm rằng: Tướng Nguyễn Văn Thiệu, trước khi trở thành Tổng thống, vì nghe tiếng ông Giáo Ảnh, đã tìm đến thầy, nhờ ông coi tướng.

Ngay tự thời gian đó, ông Giáo Ảnh đã nói trước rằng rồi đây, ông Thiệu sẽ lên làm Tổng thống!

Tôi vẫn nhớ trong những giờ nghỉ hoặc có dịp gặp ông Giáo Ảnh thường đề cập tới những đổi thay, lên xuống của người này hay người khác.

Những đổi thay lớn lao, có tốt, có xấu mà không ai có thể giải thích hay dẫn chứng lý do một cách rõ ràng!…

Người bạn đồng liêu với tôi, luôn kết luận rằng:

"Bôn ba chẳng qua thời vận".

Hoặc vắn tắt hơn, ông bảo:

"Phần số mỗi người đã được ông trời định sẵn".

Mỗi khi nhớ tới kết luận đơn giản, dễ hiểu, nhưng cũng không thể dứt khoát hơn của ông Giáo Ảnh, tôi lại nhớ tới cuộc hôn nhân của vợ chồng chúng tôi.

Tôi ưa nhớ tới chuyện này, bởi vì đó là một trong những điều mà tôi cho là một trong những ước mơ thành tựu một cách tốt đẹp nhất của đời mình.

Tôi muốn nói, tôi đã kể về mối tình hay mối lương duyên giữa tôi và nhà tôi, nó manh nha từ thời chúng tôi còn đi học.

Quả đúng như lời ông Giáo Ảnh, cũng là một nhà tướng số tài danh, từng nói về phần số hay định mệnh của mỗi người.

Đó là chuyện người bạn đời của tôi có hai chị em. Một người tên Diệu Trà. Em là Diệu Lê.

Về phương diện nhan sắc thì phải công nhận Diệu Lê có phần trội hơn Diệu Trà. Nhưng tôi thích Diệu Trà, tức là người bạn đời của tôi sau này hơn.

Như đã kể, nhà tôi không chỉ là một thiếu nữ đẹp, sinh trưởng trong một gia đình danh giá; và nhà tôi lại còn nổi tiếng đức hạnh nữa.

Bởi vậy, tôi không chút ngạc nhiên khi tôi biết tôi không phải là người mà gia đình nhà tôi muốn chọn!

Tôi xin thú nhận một cách rất thành thực rằng, tôi không xứng đáng với tất cả những gì nhà tôi có, ngoài tấm lòng, trái tim tôi yêu thương nhà tôi, khi nhà tôi còn rất trẻ.

Ngoài ra, tôi cho rằng, có thể tôi đã xuất hiện trong mắt nhà tôi đúng lúc.

Sự đúng lúc này, nếu theo cách nhìn, cách phân tích, lý giải của thầy tướng thì đó là cái số. Là sự sắp đặt từ trước của ông trời hay của định mệnh vậy.

Trước khi chúng tôi được gia đình cho phép lấy nhau, thì nhà tôi đã có người dạm hỏi.

Đôi bên trai gái chỉ còn chờ đợi thời gian thích hợp, thời gian nhà tôi học xong, thì sẽ cho bên đằng trai làm đám cưới.

Sau này, nhà tôi kể lại rằng, có hai lý do chính, khiến nhà tôi cãi lời cha mẹ, cự tuyệt cuộc cầu hôn đó là:

- Thứ nhất, người đó là một người Tàu lai. Nhà tôi không muốn trở thành vợ của một người Tàu. Không muốn trở thành con dâu của một gia đình người Tàu. Dù cho đó là một người Tàu lai.

- Thứ nhì, gia đình của người xin hỏi cưới nhà tôi, vốn giàu có nổi tiếng ở Huế. Nhà tôi cũng không muốn bị mang tiếng cả đời là kẻ tham tiền.

Mà đúng vậy. Với gia thế của gia đình nhà tôi, tuy không giầu có bằng gia đình bên kia, nhưng cũng dư của ăn của để. Nên chẳng có lý do gì khến nhà tôi phải chịu tiếng tham giầu!

Nếu nhà tôi không bận tâm hay không bị chi phối bởi các lý do vừa kể, tôi đã không có được cái may mắn, cái vinh dự, được có nhà tôi cho suốt cuộc đời của mình.

Và, nếu nhà tôi có nhận lời lấy người đàn ông kia, tôi cũng thấy là hợp lý. Tính cách môn đăng hậu đối giữa hai gia đình, là điều khó ai có thể dị nghị.

Nhưng điều đó đã không xẩy ra! Như thế, có phải rõ ràng là cái số. Cái số chúng tôi được trở thành vợ chồng, như lời nói của ông Giáo Ảnh.

## CHƯƠNG TÁM

# TIẾP TAY HÌNH THÀNH PHONG TRÀO "GIÁO DỤC MỚI".

Trở lại cuộc đời dạy học của tôi mà nhiều bạn đồng liêu (luôn cả các môn sinh của tôi) gọi đó là một sự nghiệp lớn của tôi.

Theo họ, tôi không chỉ làm tròn nhiệm vụ của một giáo sư tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm, ra trường dạy học trò, đúng theo giáo trình với tất cả trách nhiệm và lương tâm của một nhà giáo yêu nghề mà song song với trách nhiệm của một ông thầy, tôi còn làm được một số điều đáng kể, nằm ngoài nhiệm vụ của một nhà giáo nữa.

Phần cá nhân tôi, tuy tôi không phủ nhận những ưu tư, băn khoăn lo lắng cho học sinh của tôi liên lủy nhiều năm tháng, những vấn đề nằm ngoài giáo trình… Nhưng tôi vẫn

thấy tôi được nhiều may mắn. Tôi được nhiều người thương mến, chân thành, hết lòng giúp đỡ.

Nói cách khác, tôi tin, định mệnh đã không ngừng dõi theo từng bước chân của tôi, để dìu dắt tôi đi bằng những nụ cười ưu ái đầy khuyến khích.

Cái may mắn thứ nhất trong sự nghiệp dạy học của tôi là, ngay trong 6 tháng đầu tiên khi mới được trở về dạy ở Quốc Học, tôi đã áp dụng cách dạy của thầy Nguyễn Văn Phú, người dạy tôi môn toán trong thời gian tôi học tại trường trung học Chu văn An, ở Saigòn.

Đó là phương pháp dịch từ những sách của Pháp vừa xuất bản, sau đó đem ra áp dụng ngay với học trò của mình. Phương pháp mới lạ, đã tức thì mang thành công đến cho tôi.

Đây là thời gian chiến tranh đã bắt đầu leo thang cao độ ở miền Nam. Riêng tại cố đô Huế, cũng là thời gian mà lãnh vực giáo dục đang trên đà phát triển, được quan tâm mạnh mẽ.

Sau một năm dạy học với thành tích là các học trò lớp đệ nhị của tôi có sĩ số thi đậu rất cao. Tôi rất hãnh diện để được nói rằng, tỷ số học sinh của tôi đậu cao trên cả mức nhà trường có thể kỳ vọng.

Với thành tích phải nói là vẻ vang này, tôi đã được nhiều trường lớn tìm đến, mời tôi về dạy.

Cụ thể như các trường Đồng Khánh, Bình Minh, Văn Hoá Quân Đội (lớp đêm), một số trường bán công và tư thục khác.

Tới đây, tôi xin được nói thêm một chút về Trường Văn Hóa Quân Đội thời ấy. Đó là trường trung học dành cho các sĩ quan của QL/VNCH và công chức đương thời. Những người chưa có bằng tú tài, hiếu học hoặc có nhu cầu điều chỉnh văn bằng, hầu có thể thăng tiến thêm nữa, trong binh nghiệp, theo quy định của chính phủ.

Trường Văn Hóa Quân Đội ở Huế do cha Cao Văn Luận thành lập.

Trường hoạt động vào buổi tối cho thích hợp với những người ban ngày phải đi làm hay bận công vụ.

Trường cũng chỉ có những lớp đệ nhị, luyện thi tú tài một mà không có một lớp nào khác, trường dành riêng cho quân nhân, công chức…

Khi ấy, tôi chỉ mới 26 tuổi đầu. Nhưng đó là thời mà lễ nghĩa và tinh thần quân sư phụ còn được đề cao, tôn trọng.

Nghề thầy giáo rất được học trò kính trọng, nể vì.

Như đã nói, những người theo học lớp đêm ở trường Văn Hóa Quân Đội có mang cấp bậc Trung tá hay Thiếu tá, họ có thể đang giữ những chức vụ lớn trong hệ thống công chức như Chánh sự vụ, Giám đốc các nha sở… Nhưng khi vào lớp, họ giữ đúng tinh thần kỷ luật của lớp, như những học sinh nghiêm chỉnh, lễ độ.

Tôi muốn nói, họ đã vứt bỏ mọi chức vụ, cấp bậc, ngoài cửa lớp.

Suốt buổi học, không ai bảo ai, họ im lặng, lắng nghe lời thầy giảng. Mỗi khi phải cất tiếng hỏi vì những điều chưa hiểu rõ, họ cũng cho thấy một thái độ tự trọng và tôn trong thầy giáo một cách đáng ca ngợi.

Cá nhân tôi, rất thích, rất hài lòng khi nhận lời dạy thêm cho mấy lớp đệ nhị ở trường trung học đặc biệt này.

Phải chăng, cũng nhờ thế mà sau này, khi tôi gặp những trở ngại liên quan tới các vấn đề như xây trường, mở thêm lớp, hoặc những hoạt động có tính cách văn nghệ, xã hội… khi cần đến sự giúp đỡ của những giới chức có thẩm quyền trong tỉnh, hầu như ai cũng sẵn lòng, vui vẻ giúp tôi.

Thời gian đó cũng là thời gian Tổng thống Ngô Đình Diệm thiết lập nền Đệ nhất Cộng Hòa cho miền nam Việt Nam.

Để chứng tỏ chủ quyền đất nước, và phát triển của nền giáo dục Việt Nam, các trường Pháp cũng chuyển qua dạy chương trình Việt Nam. Do đó trường Providence cũng đổi thành trường Thiên Hựu và dạy theo chương trình Việt.

Sự kiện tôi nổi tiếng trong việc dạy các lớp thi tú tài hồi đó, đến tai cha hiệu trưởng Thiên Hựu. Do đấy, cha hiệu trưởng liên lạc mời tôi dạy cho trường của cha, dù chỉ có một lớp.

Mặc dù thực sự tôi không có thì giờ, nhưng chỉ vì sự dễ thương, đáng mến của cha hiệu trưởng Thiên Hữu ngay trong lần tiếp xúc đầu tiên, mà tôi đã nhận lời cha, dạy ở Thiên Hựu một năm.

Khi tôi kể tôi không có giờ để nhận lời các trường khác, hoặc phải bỏ bớt lớp ở một số trường là nói một cách chân thật, chứ không phải lối kể làm cao, hay muốn cho thấy sự quan trọng của cá nhân mình.

Sự thật đúng vậy. Bây giờ nhớ lại, tôi mới nhận ra rằng đối với trường Quốc Học là ngôi trường yêu quý của tôi, tôi đã không nề hà, không ngần ngại đổ công, đổ sức cho trường, trước bất cứ một hoạt động nào mà nhà trường cần đến tôi.

Khi tôi về lại Quốc Học trong vai trò của một giáo sư thì Quốc Học vẫn chưa thành hình những cơ cấu hoạt động cần thiết, như tổ chức Hiệu Đoàn, Thể Thao, Văn Nghệ… Vì thế khi thầy hiệu trưởng Đinh Quy (cũng là vị thầy cũ của tôi,) nhờ tôi giúp thầy đặt nền móng cho những hoạt động vừa kể thì tôi đã "xắn tay áo" lao vào công việc ngay.

Tôi nhận lãnh giúp thầy Đinh Quy phần tổ chức sinh hoạt thể thao cho học sinh.

Tôi không chỉ thành lập những đội bóng cho trường. Tôi còn lo cho học sinh tập dượt. Cuối tuần tôi mang học trò đi đá giao hữu với những đội bóng của các trường bạn.

Sự kiện đáng nói là khi dẫn dắt học sinh của tôi đến đâu, tôi cũng được nơi đó đón tiếp một cách đầy kính trọng. Điều này kiến tôi càng thêm hăng say trong những sinh hoạt ở bên ngoài lớp học.

Cái tinh thần vừa học vừa hành bùng lên như một ngọn lửa đặc biệt ở Quốc Học, khiến hầu như ai cũng phấn khởi. Kết quả là không chỉ thầy hiệu trưởng mà các đồng nghiệp của tôi, cũng không ngần ngại cho thấy sự quý trọng mà họ đã dành cho tôi.

Nhưng điều đáng nói hơn cả, theo tôi là ngọn lửa học và hành này đã làm mồi cho sự hình thành một phong trào gọi là phong trào "Giáo dục mới".

Ba chữ "Giáo dục mới" là chọn lựa của ông Nguyễn Văn Hai mà sau này được đem ra áp dụng cho toàn quốc.

Tới đây, tôi lại muốn quay trở về với cái mà tôi gọi là may mắn không duy nhất, hay chỉ một lần mà, như tôi từng kể rằng: May mắn đến với tôi, luôn đi theo "cặp hai" hay "cặp ba". Nó cũng giống như những người may mắn trúng số xổ… cá cặp hai hay ba vậy.

Đề cập tới chuyện này, tôi muốn nói là rất may mắn cho tôi, khi nhà tôi chẳng những không phản đối việc tôi dành quá nhiều giờ cho Quốc Học, nhà tôi còn hưởng ứng, khuyến khích tôi bằng cách nhà tôi cũng trực tiếp tham gia những hoạt động thể thao, vì căn bản nhà tôi là người cũng thích các bộ môn này.

Nhà tôi quan niệm đó cũng là thời gian vợ chồng được đi chơi với nhau. Nếu chúng tôi không có những giờ sinh hoạt ngoài trời với nhau như vậy, tôi nghĩ, nhiều phần chúng tôi sẽ có rất ít giờ ở bên cạnh nhau.

Lý do, thời đó, theo quy định của Bộ Quốc Gia Giáo Dục thì một giáo sư dạy 16 giờ một tuần đã được coi là dạy toàn gian (full time). Huống hồ chi, trung bình mỗi tuần tôi đạy tới 60 tiếng.

Có lẽ tôi cũng nên nói ngay rằng, thời đó còn trai trẻ, sức vóc còn dồi dào, tôi dạy chẳng những không thấy mệt, đằng khác, còn thấy hứng thú vì những kết quả rất cụ thể mà mình đạt được, nhất là sự tiến bộ hay thành quả thi cử mà học sinh của mình đạt được rất cao.

Tôi cho đó là một thứ phần thưởng tinh thần vô giá. Chính loại phần thưởng này đã giúp tôi cũng như nhà tôi dễ dàng vượt qua mọi trở ngại.

Lại nữa, dù phải dạy 60 giờ một tuần, không kể những hoạt động thể thao, dẫn dắt học trò đi đấu giao hữu với các trường bạn, vậy mà liên tiếp 6 năm, vợ chồng chúng tôi có được 6 đứa con xinh đẹp, tốt lành. Sự tốt lành này, có phần đóng góp không nhỏ của hai bên nội, ngoại, giúp tôi không phải lo việc nhà. Đồng thời nhà tôi dạy lớp nhỏ nên cũng không tốn nhiều thì giờ lắm cho học trò.

## CHƯƠNG CHÍN

# TỪ GIÁM HỌC RỒI HIỆU TRƯỞNG PHAN CHU TRINH ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG NỮ TRUNG HỌC HỒNG ĐỨC, ĐÀ NẴNG.

Năm 1966 khi tôi tới tuổi bị động viên, bộ Quốc Gia Giáo Dục ra một thông báo, nội dung cho biết, bất cứ giáo sư nào nếu giữ chức vụ quan trọng ở trong trường sẽ được hoãn dịch vì lý do công vụ.

Rất may cho tôi là một người thầy cũ của tôi, thầy Đinh Quy, khi đó thầy đã được đổi vài Saigòn giữ chức vụ Phó Giám đốc nha Trung Học; đề nghị cho tôi làm Giám học trường trung học Phan Chu Trinh ở thành phố Đà Nẵng. Đây là một chức vụ quan trọng, chỉ đứng sau chức vụ hiệu trưởng của một trường trung học mà thôi.

Đề nghị của thầy Đinh Quy có thể giúp tôi hoãn dịch, nhưng nó cũng đặt tôi trước thực tế là nếu vào Đà Nẵng, tôi sẽ bỏ mất hơn 40 giờ dạy, là một thiếu hụt khá lớn về phương diện tài chánh của gia đình tôi. Khi đó, nhà tôi đã có năm cháu và nếu tôi về trường Phan Chu Trinh thì không thể đi theo vào Đà Nẵng cùng một lượt với tôi được.

Tuy nhiên, cuối cùng sau khi bàn bạc với nhà tôi, tôi nhận đề nghị của thầy Đinh Quy, vào Đà Nẵng, trở thành Giám học của trường Phan Chu Trinh.

Nhà tôi phải ở lại Huế, mãi một năm sau, vợ chồng con cái mới được đoàn tụ.

Năm 1966 hiệu Trưởng trường Phan Chu Trinh là ông Trần Vinh Anh. Ông mới ra trường đồng thời là đảng viên của đảng Đại Việt. Mà thời gian đó, đảng Đại Việt có thế lực rất lớn ở miền Trung.

Tôi còn nhớ trung tướng Hoàng Xuân Lãm, khi ấy đang là Tư lệnh Quân đoàn I quân khu I. Ông Lãm có người em chú bác ruột tên Hoàng Xuân Tửu, làm dân biểu Quảng Trị.

Có lẽ vì thế mà ông Tửu đã đưa được đảng viên của mình là Trần Vinh Anh về làm hiệu trưởng trường trung học Phan Chu Trinh; mặc dù từ hồi nào giờ, trong lịch sử bổ nhiệm chức vụ hiệu trưởng một trường trung học, chưa hề có một giáo sư mới ra trường nào được đề bạt làm hiệu trưởng ngay lập tức một trường lớn như thế.

Làm Giám học trường Phan Chu Trinh được 6 tháng thì không hiểu tại sao, tôi vẫn nhận được giấy động viên vào trường Trừ bị sĩ quan Thủ Đức.

Thời gian tôi phải nhập học trường Võ Bị Thủ Đức, một việc rất lớn xảy ra, liên quan tới hiệu trưởng Trần Vinh Anh, khiến cho dư luận ồn ào một thời gian rất lâu, với nhiều giả thuyết, nhiều tin đồn khác nhau, vì người giết hại ông Trần Vinh Anh được Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ tha bổng.

Về phương diện dữ kiện thì nội vụ có thể tóm tắt như sau:

Mùa hè năm 1966, ông Trần Vinh Anh được chỉ định làm Chủ tịch cuộc thi tốt nghiệp trung học tại thành phố Nha Trang. Trong cuộc thi không biết vì lý do gì, ông Trần Vinh Anh đã đuổi một nam thí sinh…

Ngay sau đó, cậu học trò bị đuổi, tìm ông để trả thù.

Trước sự việc này thay vì gọi cảnh sát can thiệp thì ông Trần Vinh Anh, tin rằng mình có đai đen Tae Kwon Do, nên ông đã đánh lại cậu học trò ngang ngược hỗn xược ấy, không ngờ cậu học trò này đã thủ sẵn dao trong người, cậu ta đã đâm chết thầy Trần Vinh Anh!

Ông Trần Vinh Anh từ trần lúc chỉ mới có 25 tuổi. Và vụ án trò giết thầy, nhiều năm sau đó, vẫn còn được dư luận nhắc đến kèm theo nhiều đồn đãi.

Tôi dùng hai chữ "đồn đãi" trong ý nghĩa đó, vì tin đồn truyền miệng trong dân gian mà không có bất cứ một bằng chứng cụ thể nào.

Để hiểu được tại sao dư luận lại nghiêng nhiều về phía lời đồn đãi này, tôi nghĩ, chúng ta cần phải lui lại khoảng thời gian trước đó.

Trong thời gian làm hiệu trưởng trường trung học Phan Chu Trinh, ông Trần Vinh Anh đã ra lệnh đuổi Hội Việt Mỹ ra khỏi khuôn viên của nhà trường. Quyết định của ông không gây nhiều ngạc nhiên trong quần chúng.

Hầu hết người dân ở miền Trung đều biết rằng, đảng Đại Việt vốn không thích có sự hiện diện của người Mỹ ở miền Trung nói riêng, ở miền Nam, nói chung.

Sự kiện bất ngờ này khiến tòa Lãnh Sự Hoa Kỳ tại Đà Nẵng bị mất mặt, bẽ bàng…

Ông Lãnh Sự tòa Lãnh sự Hoa Kỳ ở Đà Nẵng liền trình nội vụ với tòa Đại Sứ Mỹ ở Saigòn. Đồng thời phàn nàn với bộ Quốc Gia Giáo Dục.

Khi phủ Tổng thống nhận được thư phản đối của tòa Đại sứ Mỹ ở Saigòn, buộc lòng phủ Tổng thống phải có văn thư hỏi bộ Quốc Gia Giáo Dục…

Bộ Quốc Gia Giáo Dục tất nhiên không thể hài lòng trước việc làm thiếu tính chất ngoại giao của ông Trần Vinh Anh, vì bộ Giáo Dục không chủ trương, cũng không chỉ thị dù gián tiếp, cho ông Trần Vinh Anh có bất cứ một hành động nào tương tự như vậy.

Dư luận này ồn ào một thời gian rồi tự nó tan biến đi khi không có một chứng cớ hay manh mún gần xa nào hỗ trợ cho giả thuyết đó.

Lúc vụ án trò giết thầy xẩy ra ở Nha Trang thì tôi đã nhập ngũ trường Võ Bị Thủ Đức được ba tháng.

Một hôm bất ngờ tôi nhận được lệnh triệu hồi trình diện bộ Quốc Gia Giáo Dục gấp.

Với cái đầu gần như trọc vì chỉ còn tối đa 3 phân tóc và bộ quần áo nhà binh thùng thình, tôi trình diện ông Đổng lý văn phòng Bộ. Ngày đó, Đổng lý văn phòng bộ Quốc Gia Giáo Dục là ông Huỳnh Hòa.

Sau này, tôi mới biết ông Huỳnh Hoà là bạn thân của thầy Đinh Quy.

Qua vài câu thăm hỏi xã giao, ông Đổng Lý đi ngay vào vấn đề với câu hỏi thật bất ngờ đối với tôi. Tới giờ tôi vẫn nhớ nguyên văn câu hỏi mà tôi không chờ đợi ấy. Đó là câu:

"Chú mi có muốn đi về làm Hiệu trưởng Phan Chu Trinh hay tiếp tục đi lính?"

Đối với tôi, câu hỏi thật bất ngờ nhưng ý nghĩa của nó cũng không thể minh bạch, rõ ràng hơn.

Đi lính thì đương nhiên là tôi không thích rồi. Vì con đường tôi chọn cho mình ngay từ khi còn trẻ là con đường giáo dục chứ không phải binh nghiệp. Nhưng tôi nghĩ thêm, dù sao thì ông Trần Vinh Anh cũng mới mất. Mà cái chết của ông thì lại quá thê thảm. Nếu tôi nhận thay thế ông ngay lúc này, thâm tâm tôi thấy có chút gì giống như áy náy, bất an…

Lúc đó, tôi không biết mình phải trả lời sao cho trọn đôi đường?

Tôi nghĩ bề gì mình cũng là một giáo chức chánh ngạch, thì bộ Giáo Dục chỉ thị sao mình sẽ phải nghe vậy mà thôi.

Ý nghĩ này đã đưa tôi tới câu trả lời không thể hợp tình hợp lý hơn là:

"Thưa ông Đổng Lý, tôi là công chức chính ngạch ngành giáo dục. Do đó, ông Đổng Lý đặt tôi ngồi đâu, tôi xin ngồi đó".

Chẳng biết có phải câu trả lời của tôi vô tình nhắc nhở ông Đổng Lý Huỳnh Hòa rằng, dù sao thì tôi cũng là một giáo chức chính ngạch, được đào tạo chính quy chứ không phải ở lâu trong trong ngành rồi được cải ngạch. Không biết có phải nhờ câu trả lời mà sau đó, ông không còn gọi tôi là "*chú mi*" nữa.

Ông bảo:

"Qua gặp Chánh văn phòng nhận chỉ thị với một điều kiện tôi sẽ nói sau".

Điều kiện mà ông Đổng Lý Huỳnh Hòa sẽ cho tôi biết sau, là một điều kiện rất khó khăn cho tôi, trong vai trò Hiệu trưởng trường Phan Chu Trinh.

Mới chân ướt chân ráo về trường, lạ nước lạ cái, lại mang trên vai một trách nhiệm nặng nề mà tôi sẽ nói ở phần sau. Tuy nhiên điều ám ảnh trước mắt là nỗi băn khoăn không rời bởi cái chết thê thảm của vị Hiệu Trưởng tiền nhiệm Trần Vinh Anh. Ông chết đi để lại một người vợ quá đỗi thơ dại, 19 tuổi với cái thai trước mặt. Nhìn người góa phụ trẻ mà lòng ai không thắt đau. Tôi là người thực tế, nỗi thương cảm có làm não lòng, nhưng hoàn cảnh đơn chiếc, bơ vơ của người vợ trẻ không nơi nương tựa kia thúc hối tôi phải làm một điều gì đó thực tế hơn là những giọt nước mắt thương cảm. Nghĩ là làm, tôi đứng ra tổ chức 2 buổi văn nghệ, lấy tiền giúp cho người góa phụ trẻ. Nghĩa tử là nghĩa tận, ai cũng muốn góp một bàn tay. Nhờ ơn trên phù hộ, và cũng có thể nhờ ngay chính hương hồn Thầy Trần Vinh Anh. Hai buổi tổ chức đã mang lại kết quả rất khả quan, 200 ngàn đồng được trao tận tay cho bà Trần Vinh Anh.

Trở lại chuyện, "điều kiện" mà tôi phải thực hiện khi nhận nhiệm vụ Hiệu Trưởng.

Với tôi, nó không chỉ khó khăn mà còn cực kỳ tế nhị nữa. Thực vậy, khi chọn tôi thay thế chức vụ hiệu trưởng của ông Trần Vinh Anh, Bộ Quốc Gia Giáo Dục muốn tôi coi lại biên bản vụ đuổi Hội Việt Mỹ ra khỏi khuôn viên trường Phan Chu Trinh.

Tôi cần phải tìm hiểu, tại sao một quyết định như vậy của ông Anh lại được tất cả các giáo sư cơ hữu của trường chấp thuận.

Ý của Bộ là muốn tôi trong vai trò hiệu trưởng phải thu xếp làm sao để có thể đem Hội Việt Mỹ trở lại sinh hoạt trong khuôn viên Phan Chu Trinh một cách êm đẹp mà không làm mất mặt các giáo sư.

Với tư cách hiệu trưởng, tôi có thể để cho Hội Việt Mỹ trở lại sinh hoạt như cũ, trong khuôn viên của trường. Nhưng tôi sẽ phải ăn nói làm sao với các giáo sư?

Nếu tôi đích thân qua bên tòa Lãnh Sự Mỹ để bàn phương kế giải quyết thì dư luận sẽ cho tôi chạy theo Mỹ. Tôi là một thằng hèn! Tôi nghĩ tôi không thể làm một việc có thể di hại cho danh dự, uy tín của cá nhân tôi như vậy.

Nhưng nếu không liên lạc với phía Mỹ thì giải quyết vấn đề bằng cách nào?

Đó là một câu hỏi lớn, nhức đầu nhất của tôi, ngay tự những ngày đầu, khi mới về lại Đà Nẵng, chính thức nhận chức hiệu trưởng Phan Chu Trinh.

Suy đi tính lại, tôi nghĩ cách tốt đẹp nhất là dùng một thông dịch viên của toà Lãnh Sự Mỹ, làm trung gian, hầu từ đó hy vọng có thể lần ra đầu mối giải quyết vấn đề.

May cho tôi, vâng, may mắn lại đến với tôi hoàn toàn ngoài dự trù, khi ông thông dịch viên qua gặp tôi, tôi chưa kịp cho ông ta biết chuyện gì thì ông đã tỏ ý rất thích chiếc xe hơi mà tôi mua lại của thầy Nguyễn Quới.

Ông ta thích chiếc xe tới mức độ, ông đã không ngần ngại khi cho tôi biết, ông muốn mua lại chiếc xe ấy, bất cứ lúc nào, ngày nào tôi không còn muốn giữ nó nữa.

Thưa bạn đọc, khỏi nói là tôi đồng ý ngay. Tôi đồng ý bán xe cho ông ta như một trao đổi rất quan trọng đối với tôi. Tôi nói:

"Anh muốn mua lại chiếc xe của tôi, tuy tôi không có ý định bán lúc này; nhưng tôi cũng đồng ý chỉ với một điều kiện…"

Người thông dịch viên tòa Lãnh Sự không dấu được hân hoan:

"Thầy hiệu trưởng đưa điều kiện nào tôi cũng đồng ý hết…"

Tôi bảo với anh ta rằng, tôi sẽ làm giấy bán xe ngay cho anh ấy với một gia rất phải chăng. Phần anh, sau đó, anh phải liên lạc với ông Lãnh Sự, chuyển tới ông ta những đề nghị, kế hoạch của tôi về việc tìm phương cách cho Hội Việt Mỹ hoạt động trở lại, mà tôi không phải trực tiếp gặp ông ta vì lý do tế nhị…"

Tất nhiên tôi không nói tôi sợ người ta cho tôi là thằng hèn, hay một nhà giáo chạy theo bợ Mỹ.

Tôi nhấn mạnh, việc làm đó, muốn thành công phải tuyệt đối giữ bí mật. Sự kiện tôi không gặp trực tiếp ông Lãnh Sự là một phần của sự giữ bí mật đó.

Khi đề cập tới vụ rắc rối giữa trường Phan Chu Trinh và Hội Việt Mỹ ở Đà nẵng, người thông dịch viên này hiểu ngay. Vì đó là một biến cố lớn gần như không người dân nào ở Đà Nẵng mà không biết.

Kế hoạch mà tôi vạch ra trong đầu là làm cách nào có thể xử dụng được miếng đất ở ngay bên cạnh trường Phan Chu Trinh.

Miếng đất này khi xưa là khu mả Tây. Thời gian đó Tướng Nguyễn Chánh Thi còn làm Tư lệnh Quân đoàn 1. Ông đã cho xây trên đó một trường học.

Trường chưa hoàn tất, chưa được đưa vào xử dụng thì ông bị trục xuất khỏi Việt Nam. Chính phủ miền Nam thuở đó giải thích rằng Tướng Thi bị bệnh, nên cần phải được đi Mỹ chữa bệnh!

Sau khi dò hỏi, tôi được biết rằng, muốn xử dụng miếng đất đó thì phải hội đủ ba điều kiện căn bản:

- Thứ Nhất, việc xử dụng phải được bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 chấp thuận. Vì miếng đất thuộc quyền Tướng Thi khi ông làm Tư Lệnh Quân đoàn. Nay ông đi rồi thì miếng đất đương nhiên thuộc quyền sở hữu của Quân đoàn.

- Thứ nhì, vì miếng đất nằm trong địa giới của thị xã Đà Nẵng, nên mọi việc xử dụng, xây dựng phải được Hội đồng Thị xã chấp thuận.

- Thứ ba, việc xây cất dành cho nhu cầu mở trường, phải được bộ Quốc Gia Giáo Dục ở Saigòn đồng ý công nhận. Bộ có đồng ý công nhận thì tương lai, khi trường hoạt động, trường mới có giáo sư, bàn ghế, học cụ, lao công vân vân…

Về điều thứ nhất, tôi nghĩ tôi có thể vượt qua được vì một người chị con chú con bác với nhà tôi là bà Nguyễn Khoa Diệu Liễu. Khi ấy chồng đang giữ chức Phó đại biểu chính phủ ở miền trung Trung phần tên Nguyễn Văn Đãi. Tôi cho là nhiều hy vọng vì như tôi biết, ông Đài phụ tá cho Tướng Hoàng Xuân Lãm.

Bà Nguyễn Khoa Diệu Liễu nguyên là Hiệu trưởng trường Bùi Thị Xuân Đà Lạt. Sau khi Tổng thống Ngô Đình Diệm bị các tướng lật đổ, bà Diệu Liễu bị đổi về làm giáo sư trường Phan Chu Trinh, Đà Nẵng.

Là một giáo sư giỏi, có kinh nghiệm, nhưng vì bị coi là có liên hệ tới chế độ nhà Ngô, nên ở trường Phan Chu Trinh bà chỉ được dạy học sinh đệ nhất cấp mà thôi. Nhưng ngược lại chồng bà lại làm lớn như vừa kể, nên tôi nhờ bà nói hộ với ông Phó Đại biểu. Khi trình bày vấn đề, tôi cũng nhấn mạnh rằng, nếu ngôi trường mới thành hình thì, chính bà Diệu Liễu sẽ phải là Hiệu trưởng đầu tiên của ngôi trường đó.

Tôi biết về phương diện tâm lý, bà Nguyễn Khoa Diệu Liễu không thể không cảm thấy sung sướng hạnh phúc hơn được, một khi ngôi trường mới thành hình, bà trở thành Hiệu trưởng đầu tiên. Đấy là một việc vừa phục hồi danh dự cho bà, vừa xứng đáng với tài năng, giá trị của bà trong nghề nghiệp.

Và, đúng như tôi dự đoán, tôi đã gõ đúng cửa vì chồng bà đã thuyết phục được Tướng Hoàng Xuân Lãm.

Ông Lãm trả lời đồng ý. Ông nói, ông ấy không thấy gì trở ngại.

Điều thứ hai liên quan tới quyết định của Hội Đồng Thị Xã Đà Nẵng.

Đứng trên phương diện lợi ích chung cho dân chúng, những gia đình có con em hiện đang phải học tại một trong khoảng 10 trường tư thục thuở đó, nếu giờ có thêm một trường công lập với khả năng thu nhận khoảng 1000 học sinh, thì chắc chắn cư dân sẽ hoan hô hết mình. Nhưng tôi hiểu là không dễ gì các vị chủ trường tư bị mất học sinh, với con số khổng lồ vừa kể, sẽ dễ dàng chấp nhận.

Tôi nghĩ chỉ có cách phải nhờ tới một người bạn có uy tín tại thành phố là ông Nghị viên Phạm Ngọc Vinh liên lạc với Hội đồng Thị xã (Ông Phạm Ngọc Vinh là đồng nghiệp của tôi ở trường Quốc Học Huế). Tôi đề nghị ông xin một buổi thuyết trình trong một buổi họp có đủ 5 nghị viên thành phố, để tôi trình bày cặn kẽ nhu cầu và sự ích lợi của thị xã Đà Nẵng khi có thêm một ngôi trường công lập nữa.

Hội đồng thị xã chấp thuận.

Sau khi nghe ông Phạm Ngọc Vinh trình bày cặn kẽ, cuối cùng với số phiếu thuận là 3/5 các nghị viên của Hội Đồng Thị Xã Đà Nẵng đồng ý cho phép tiến hành việc mở trường. Điều còn lại là quan điểm của bộ Quốc gia Giáo dục ở Saigòn.

Như tôi đã trình bày, nếu bộ Giáo Dục vì một lý do gì đó mà không đồng ý thì kế hoạch của tôi cũng sẽ phải xếp xó!

Tôi không thể đào đâu ra số giáo sư cần thiết cho ngôi trường mới này.

Kết quả cũng như mong ước của tôi, Bộ chấp thuận dự án tôi đề nghị vì bộ Giáo Dục biết.

Ý định của tôi là mời Hội Việt Mỹ sinh hoạt trở lại trong ngôi trường mới đó.

Ông Chánh văn phòng cũng cho biết trước rằng, trong buổi lễ khánh thành, đích thân Tổng trưởng Giáo Dục sẽ bay ra chủ tọa buổi lễ…

Tuy nhiên, kẹt một nỗi là Bộ quá nghèo. Ông Chánh Văn Phòng nói, ông không nhìn thấy Bộ có khả năng cung cấp tiền cho Uỷ Ban Vận Động để trả cho chi phí thiết lập hệ thống điện, nước của trường, dù đề nghị của tôi rất hợp lý.

Đứng trước khó khăn này, tôi lập tức nảy ra cái ý nghĩ phải liên lạc vớiTòa Lãnh Sự Mỹ để hỗ trợ hoàn thành công tác tu bổ.

Sự tiếp tay của Tòa Lãnh Sự Mỹ ở thị xã này, sẽ được tất cả mọi giới chức, và toàn thể đồng bào biết tới. Mà điều tôi trông cậy, nhờ vả Tòa Lãnh Sự không phải là điều gì quá to lớn, vượt ngoài tầm tay Tòa Lãnh Sự.

Nó chỉ là việc xin Tòa Lãnh Sự phụ trách hộ phần xây dựng hệ thống điện nước, sơn quét, và sửa sang cho ngôi trường mới mà thôi.

Chưa kể, sau khi hoàn tất, Toà Lãnh Sự sẽ được xử dụng cơ sở này vào việc giáo dục, phổ biến văn hóa Mỹ. Cụ thể là Hội Việt Mỹ sẽ có được một cơ ngơi khang trang, mới mẻ hơn trường Phan Chu Trinh để tiếp tục hoạt động nữa.

Đề nghị của tôi được tòa Lãnh Sự đồng ý ngay. Với họ, việc sửa chữa, tân trang một ngôi trường là chuyện quá đơn giản.

Chỉ một tuần sau khi tòa lãnh Sự Mỹ đồng ý, ngôi trường mới được hoàn thành.

Hội đồng giáo sư đề nghị tên Nữ Trung học Hồng Đức cho ngôi trường này.

Đề nghị được Bộ chấp thuận, và chuyển nữ học sinh của trường Phan Chu Trinh qua trường mới.

Hội Việt Mỹ được quyền xử dụng cơ sở của Hồng Đức vào ban đêm, khi các lớp được bỏ trống.

Cùng với sự hình thành Trung học Hồng Đức, tôi còn làm được một việc mà sau này rất nhiều giáo sư vẫn nhớ ơn. Đó là sự kiện, nhờ có ngôi trường mới mà các giáo sư ở những nơi đèo heo hút gió, được thuyên chuyển trở về Đà Nẵng, dạy ngay tại quê quán của họ. Chưa kể những sinh viên mới tốt nghiệp đại học sư phạm cũng có thêm nhiệm sở để chọn lựa…

Nhiều ngày, đứng trước ngôi trường khang trang mới tinh, với phòng ốc, cửa kính, sơn mới còn ướt… chờ được khánh thành, đôi khi tôi thấy như không thật. Tôi thấy nó như một giấc mơ! Nhưng là một giấc mơ đã trở thành thực.

Nó thực ở chỗ tôi có thể sờ mó, có thể mở cửa bước vào bất cứ một phòng học nào. Tôi có thể bước từng bước trên chiếc cầu thang còn thơm mùi vôi vữa… Tôi nghe được nhịp đập hạnh phúc thầm kín từ sâu xa nơi trái tim mình.

Tôi gọi thầm hai tiếng Hồng Đức! Hồng Đức! Mà tưởng như mình có thể chảy nước mắt.

Những giây phút đó, tôi tin, nhiều phần có được do ơn phước của đấng thiêng liêng, ban phát cho tôi.

Trong những giây phút cảm động mà tôi vừa kể, tôi cũng mơ hồ cảm nhận rằng, dường như tôi cũng đã nhận được sự tiếp tay, dẫn dắt của anh linh nhà cách mạng Phan Chu Trinh, một trong "Ngũ Phụng Tề Phi" của đất Quảng Nam. Một mảnh đất xứng đáng với danh hiệu: Địa linh nhân kiệt.

Tin tức về sự hoàn tất trường trung học Hồng Đức với đầy đủ tiện nghi, đầy đủ điện nước không chỉ chấn động tỉnh

Quảng Nam mà nó còn dội vang về tới Bộ Quốc Gia Giáo Dục ở Saigòn.

Tôi biết từ ông Tổng trưởng tới các viên chức lớn nhỏ trong Bộ đã đón nhận tin này, như đón nhận một phép lạ, vì đã giải quyết được việc Hội Việt Mỹ ở Đà Nẵng.

Nhưng trên hết, tôi nghĩ, vẫn là niềm vui, là hạnh phúc hết sức to lớn cho học sinh và đồng bào ở Đà Nẵng, Quảng Nam.

Ngày khánh thành trường Hồng Đức, tôi nhớ vào khoảng cuối tháng giêng năm 1968; có sự hiện diện của ông Tổng trưởng Giáo dục bay ra từ Saigòn như ông Chánh Văn Phòng Bộ đã thông báo từ trước.

Dĩ nhiên, ngày khánh thành trường, phải có bà Nguyễn Khoa Diệu Liễu, nguyên Hiệu trưởng trường Bùi Thị Xuân Đà Lạt, người mà tôi đã hứa sẽ để bà làm hiệu trưởng đầu tiên của trường, cũng như phải có ông Nguyễn Văn Đãi, chồng bà Diệu Liễu, phụ tá đại biểu Chính phủ miền Trung, Trung phần, đại diện Trung tướng Hoàng Xuân Lãm, tư lệnh quân khu 1. Và tất nhiên cũng có rất nhiều giới chức cao cấp Việt Mỹ khác mà nay tôi không thể nào nhớ hết.

Bên lề lễ khánh thành trường Trung học Hồng Đức còn có một sự kiện khá quan trọng đã xẩy ra ngay buổi chiều hôm ấy. Đó là sự kiện Tướng Hoàng Xuân Lãm biệt phái một chiếc trực thăng, để đón gia đình tôi và ông Nguyễn Văn Đãi ra Huế ăn Tết, như phần thưởng từ tay Tướng Tư Lệnh Quân Khu.

Tôi từ chối không ra Huế vì tôi nghĩ rằng, tôi hoàn tất được việc xây dựng trường Hồng Đức là do may mắn, cùng sự tích cực tiếp tay âm thầm của nhiều người; chứ không phải hoàn toàn do công sức của một mình tôi.

Sự không nhận của tôi ấy vậy mà lại mang đến cho tôi một may mắn khác!

Thời gian đó là tháng 2 năm 1968, nên khi ông Nguyễn Văn Đãi ra Huế ăn Tết thì ông đã bị Việt Cộng bắt trong dịp Tết Mậu Thân, 1968.

Kể lại chuyện này thâm tâm tôi không khỏi thầm hãnh diện vì thấy dù sao, cuối cùng mình cũng đã làm được một

việc vô cùng khó khăn, nhưng cũng vô cùng ý nghĩa, vừa giải quyết cho bộ Giáo Dục có hòa khí với Tòa Lãnh sự, vừa giải quyết học sinh có chỗ để trau dồi thêm sinh ngữ Anh Văn.

Tôi càng thầm hãnh diện hơn nữa, khi biết dư luận dân chúng trong thị xã đã nhìn tôi như một ân nhân của họ.

Trường Nữ Trung Học Hồng Đức - Đà Nẵng.

## CHƯƠNG MƯỜI

### TỪ TRƯỞNG BAN CỨU TRỢ NẠN NHÂN TẾT MẬU THÂN, TỚI CHÁNH CHỦ KHẢO KỲ THI TÚ TÀI TẠI HUẾ.

Trở lại chuyện tôi không ra Huế ăn tết Mậu Thân, sau lễ ăn mừng khánh thành trường Nữ Hồng Đức, tôi muốn nói thêm rằng, nếu giờ phút đó, tôi quyết định đi cùng ông Nguyễn Văn Đài thì không biết hôm nay, tương lai của tôi, gia đình tôi sẽ ra sao? Thế nào?

Liệu tôi có bị Cộng sản bắt và đưa ra miền Bắc như ông Nguyễn Văn Đãi không?

Không một ai có thể nói trước được những hên xui may rủi của tương lai mình, nhưng như trường hợp của ông Phó Đại biểu Chính phủ miền Trung Trung phần Nguyễn Văn Đãi thì tôi cho đó là một đại họa.

Trước tiên là ông Đãi bị Cộng sản bắt rồi đưa thẳng ra miền Bắc. Đó là những ngày cuối cùng thuộc tháng Hai năm 1968, khi họ bị QL/VNCH đánh bật khỏi Huế.

Sau biến cố 30 tháng 4 -1975, ông Nguyễn Văn Đãi trở về Huế. Và, sau chót, khi qua Mỹ định cư, ông đã đi cùng bà

Diệu Liễu (hiệu trưởng đầu tiên của trường trung học Hồng Đức). Ngôi trường mà ông là một trong những người có công vận động để nó được ra đời.

Cũng vì từ chối không lên chiếc trực thăng của Tướng Hoàng Xuân Lãm mà khi Huế rơi vào thảm nạn Tết Mậu, ở Đà nẵng, tôi được đề nghị làm Trưởng ban Cứu trợ Nạn nhân Tết Mậu Thân Huế.

Trong vai trò mới mẻ này, tôi thành lập một phái đoàn khoảng 20 người. Trong số đó có một vài người bạn người Mỹ của tôi.

Chúng tôi đem đồ cứu trợ đồng bào từ Đà Nẵng ra Huế, khi tình hình chiến sự ở nơi này đã lắng dịu.

Những người bạn Mỹ mà tôi quen, vốn là những thầy giáo tình nguyện dạy tại trung học Hồng Đức và Phan Chu Trinh. Tôi chọn đi với họ vì nghĩ, nếu có bất cứ một biến cố nào xẩy đến thì họ có thể gọi máy bay cấp cứu nhanh chóng và hiệu quả hơn bất cứ một nhóm người nào khác.

(Sau này, tôi mới biết rằng, những người bạn Mỹ tình nguyện dạy học cho trường Phan Chu Trinh và trường Hồng Đức lại là nhân viên của cơ quan CIA!).

Lúc được chỉ định làm Trưởng đoàn cứu trợ nạn nhân Tết Mậu Thân Huế, tôi vừa mới bước vào tuổi 33.

Tôi không biết nghiệp duyên nào đã khiến nạn nhân đầu tiên của thảm nạn Huế Tết Mậu Thân mà tôi được gặp để cứu trợ, lại là thầy Nguyễn Văn Hai.

Hẳn bạn đọc còn nhớ chuyện thầy Nguyễn Văn Hai, người cổ súy phong trào "Giáo dục mới".

Như tôi đã kể ở chương hồi ký trước, khi tôi bắt chước phương pháp dạy của thầy Nguyễn Văn Phú (thời gian tôi học năm đệ nhất ở trường trung học Chu Văn An, Saigòn), áp dụng cho học sinh của tôi, ngay những tháng đầu tiên khi mới về dạy ở Quốc Học.

Thấy tôi, thầy Nguyễn Văn Hai không khỏi xúc động. Chúng tôi ôm nhau.

Không thể mừng rỡ hơn, khi biết thầy chẳng những còn sống mà thầy cũng không nằm trong số những viên chức,

những tên tuổi nổi bật của Huế, bị Cộng sản bắt đi, trước khi rút khỏi cố đô.

Dù là một người có tên tuổi, có địa vị và rất giầu có, nhưng trong tình cảnh vừa mới thoát chết, khi tôi trao tận tay thầy Nguyễn Văn Hai, chỉ một hộp cá thôi, mà tôi có cảm tưởng như thầy đã nhận với tất cả xúc động của tình nghĩa những người con của Huế dành cho nhau…

Những ngày chiến trận xẩy ra cho Huế, lượng người lánh nạn di chuyển vào Đà Nẵng mỗi lúc một thêm đông đúc, mà có lúc con số lên tới 5,000 người.

Để giải quyết nơi tạm trú cho số đồng bào kém nay mắn này, chúng tôi phải biến trường Phan Chu Trinh thành địa điểm tạm trú. Rất nhiều nạn nhân chiến cuộc đã ở lại trường này hơn hai tháng mới trở lại Huế.

Như quý bạn đọc đã biết, việc tập trung một số người quá lớn một cách bất thường thì điều đầu tiên, khẩn cấp nhất phải giải quyết ngay, đó là vấn đề nhà vệ sinh. Kế đến là vấn đề nước dùng cho những sinh hoạt căn bản như tắm rửa, nấu nướng, ăn uống…

Bây giờ nhớ lại, tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại nghĩ ngay tới việc cầu cứu sự trợ giúp của chiếc tầu Hope. Chiếc tầu nhân đạo, chữa bệnh miễn phí cho đồng bào Quảng Nam, khi ấy đang đậu trong cảng Đà Nẵng.

Tôi nghĩ, chỉ tầu Hope mới có thể giúp tôi thoả mãn nhu cầu nhà vệ sinh dã chiến, và đào giếng lấy nước cho mấy ngàn đồng bào.

Ngoài ra, tôi không thấy một cơ quan hay tổ chức nào có thể thoả mãn một số lượng lớn và trong một thời gian cấp bách như vậy.

May mắn thay, đúng như hy vọng của tôi, khi tôi tìm tới tàu Hope, trình bày nhu cầu và hoàn cảnh của mình, thì cấp chỉ huy của tàu Hope chẳng những đồng ý ngay, mà họ còn cho thấy họ rất vui vẻ để được giúp đỡ.

Có lẽ vì những con người này vốn quen với các công việc trợ giúp, cứu tế những người hoạn nạn ở khắp nơi trên thế giới, nên họ không chút ngạc nhiên và, bắt tay thực hiện đề

nghị của tôi trong một thời gian phải nói là khó có thể nhanh chóng hơn được.

Nếu lúc lo được nơi ăn chốn ở tạm thời cho số đồng bào lên tới nhiều ngàn người kể trên, tôi mừng rỡ, hạnh phúc bao nhiêu, thì khi đồng bào hồi cư, trả lại trường cho chúng tôi, lòng tôi lại não nuột, âu sầu bấy nhiêu.

Chẳng là khi đồng bào tạm trú trong trường, nhiều người đã lấy bàn ghế của học trò, chẻ ra làm củi nấu nướng! Những cảnh quan khác của trường cũng tan nát, như một khu nhà hoang.

Cảnh tượng này càng hoang tàn hơn nữa khi học sinh chạy loạn về nhà quê, vẫn chưa trở lại trường, dù đã được nghỉ hơn hai tháng.

Một lần nữa, tôi lại nghĩ tới những người bạn Mỹ của tôi. Những người điều hành cơ sở giáo dục Hội Việt Mỹ, ở trường Trung học Hồng Đức.

Cũng may cho tôi là Hội Việt Mỹ vẫn còn nhớ ơn tôi đã đem họ trở lại sinh hoạt trong khuôn viên trường Hồng Đức. Nên họ lại vui vẻ giúp chúng tôi sửa chữa, xây dựng lại những đổ nát, mất mát, một lần nữa…

Tôi cho là tôi sẽ khiếm khuyết nếu không nhấn mạnh rằng, ngoài Hội Việt Mỹ, sự tu bổ trường Phan Chu Trinh của chúng tôi còn được sự tiếp tay, giúp đỡ tích cực của quân nhân các cấp thuộc Quân Đoàn 1 và, các tiểu đoàn Công Binh.

Cũng ngược với cảnh học sinh Đà Nẵng trở lại học hành bình thường thì tôi lại không thể quên hoàn cảnh bất hạnh của học sinh ở Huế!

Tội nghiệp nhất là trong những lần về Huế cứu trợ, tôi thấy hầu hết học sinh của thành phố Huế đều ăn ở dưới… hầm!

Khi phân phát đồ cứu trợ cho học sinh, chúng tôi phải chui từ chiếc hầm trú ẩn này, qua tới chiếc hầm trú ẩn khác…

Tôi cũng hiểu rằng, khi đó là tháng 2, rất nhiều học sinh Huế đã chọn ở luôn dưới hầm để ôn luyện bài thi, vì hằng

ngày đạn trọng pháo Việt Cộng vẫn dội vào thành phố Huế luôn cả ban ngày.

Họ chỉ còn 3 tháng ngắn ngủi trước mặt, để giựt cho được mảnh bằng tú tài 1. Nếu rớt, họ sẽ phải đi lính, và tương lai của họ ra sao thì chỉ có ông Trời mới trả lời được.

Trước cảnh tượng này, tôi rất đau lòng cho các em học sinh Huế, kém may mắn.

Những học sinh ấy không chỉ phải đối đầu với kỳ thi tú tài sẽ được tổ chức mà, trước cảnh Huế tan hoang, Huế đổ nát như vậy, nhiều Chánh chủ khảo ở Saigòn, Đà Lạt không ai muốn nhận nhiệm vụ ở Huế.

Vì vậy, khi tôi được Bộ Giáo Dục đề nghị làm Chánh chủ khảo kỳ thi tú tài 1 ở Huế năm 1968, bởi quá thương học trò trong vùng chiến tranh, tang tóc và đổ nát, tôi đã nhận lời.

Tôi biết, khi nhận lời làm Chánh chủ khảo cuộc thi tú tài, tôi sẽ phải đối đầu với rất nhiều khó khăn, trở ngại. Nó cũng giống như trước đây, khi tôi nhận lời với những viên chức cao cấp của Bộ Giáo Dục Saigòn, giải quyết êm thấm vụ xung đột có tính cách "thể diện" giữa các thành viên của đảng Đại Việt miền Trung và tòa lãnh Sự Mỹ ở Đà Nẵng vậy.

Tuy hai trường hợp đều khó khăn, nhưng trường hợp sau mức độ trở ngại, khó khăn lại có phần nhiều hơn và cũng tế nhị hơn nhiều.

Trước hết, trong suy nghĩ, tính toán của tôi là tôi rất cần phương tiện để đi giao đề thi, vì Huế lúc bấy giờ hoang tàn, xơ xác không có đủ phương tiện.

Thứ đến là tôi rất cần một căn phòng được bảo toàn an ninh tối đa, để cất đề thi, và bài thi. Chưa kể tôi cũng phải tính tới chuyện bảo đảm an ninh, phương tiện di chuyển, ăn ở của các giám khảo, các giáo sư không phải là người địa phương.

Trước hai đòi hỏi quan trọng hàng đầu là xe cộ để đi giao đề thi và phòng lưu giữ đề thi, may sao tôi có được sự giúp đỡ nhiệt tình của một cựu học sinh Quốc Học, anh Lê Chí Cường.

Anh Cường học trên tôi một lớp vì thế mà chúng tôi biết nhau từ lúc còn học chung dưới một mái trường. Anh Lê Chí Cường khi đó đang là Thị trưởng Thị xã Đà Nẵng.

Tôi liên lạc với anh, trình bày nhiệm vụ, công tác mà tôi được giao phó cùng những khó khăn mà trong cương vị Chánh chủ khảo kỳ thi, tôi phải vượt qua được bằng mọi giá.

Sau khi nghe tôi trình bày, anh Lê Chí Cường vui vẻ nhận lời giúp.

Chẳng những anh đã nhận lời cung cấp cho tôi những phương tiện cần thiết để có thể tổ chức kỳ thi, mà bằng vào sự khôn ngoan, lanh trí của anh, anh cũng đã giúp tôi một chuyện khác nữa, cũng quan trọng, sinh tử không kém.

Anh Cường đã thật khôn ngoan, thật nhanh trí khi dùng ngay máy thâu của anh, để thâu tất cả những lời nói của ông Tổng trưởng chỉ thị và cho phép tôi quyết định mọi sự rồi báo cáo sau. Phòng hờ sau này, có chuyện gì thì anh vừa là nhân chứng, lại vừa có vật chứng là cuốn băng trong tay.

Gần tới ngày thi, đúng như lời đã hứa, anh Lê Chí Cường ra lệnh cho một cấp số đội lính dưới quyền anh, với đầy đủ xe cộ, mang đề thi ra Huế. Đồng thời số quân nhân đông đảo này cũng là những người bảo vệ nơi lưu giữ đề thi cho tới ngày cuộc thi khởi sự.

Tới đây, có lẽ tôi thấy có lẽ cũng cần phải kể rõ rằng: Đề thi đã được đưa ra nhiều tháng trước. Nhưng riêng với học sinh Huế thì họ lại không có thì giờ, hoàn cảnh để học.

Tôi muốn nói, dù siêng năng, họ cũng sẽ rất khó đạt được đủ điểm để đậu.

Trước thực trạng bi đát này, là người hiểu rõ hoàn cảnh của học trò ở Huế thời gian đó, lại là người giữ vai trò Chánh chủ khảo, tôi đã âm thầm quyết định sẽ phải vớt đậu tối đa cho các thí sinh. Nghĩa là thí sinh được chấm đậu, càng nhiều càng tốt.

Tôi cho quyết định của tôi là một quyết định hợp tình và cũng hợp lý nữa.

Bởi vì các thí sinh ở Huế đã phải chịu bao tai họa tang thương do cuộc chiến gây ra cho cá nhân, gia đình, thân thích của họ… Nay chỉ vì không có điều kiện để ôn học mà

họ lại bị rớt kỳ thi tú tài này, thì chẳng hóa ra họ và gia đình lại phải gánh chịu thêm một tai họa ghê gớm nữa hay sao?

Từ suy nghĩ vừa kể, tôi đưa quyết định:

Dù kết quả kỳ thi như thế nào thì số học sinh được chấm đậu sẽ phải được cứu vớt tối đa.

Nhưng khi tôi trình bày suy nghĩ, lý luận của mình trước hội đồng giám khảo, có một số các giáo sư trong hội đồng đã phản đối. Họ không đồng ý.

Trước phản ứng chung của các giám khảo, cực chẳng đã, tôi phải mở lại cuốn băng thu cuộc nói chuyện giữa tôi và ông Tổng trưởng Giáo Dục ở Saigòn, cho các giám khảo nghe, để họ dễ thông cảm hơn.

Trong cuộc điện đàm viễn liên được thâu băng đó, ông Tổng trưởng cũng đồng ý trên nguyên tắc với tôi là:

- Phải có biện pháp dễ dàng tối đa dành cho những thí sinh trong vùng chiến cuộc. Biến cố tổng công kích của quân đội Cộng sản, gần như đồng loạt khắp các tỉnh thị miền Nam, nhưng riêng cố đô Huế là nơi bị nặng nhất. Nhiều tang tóc, nhiều đau thương, mất mát nhất.

Sau khi cho họ nghe nguyên cuốn băng thâu cuộc nói chuyện giữa tôi và ông Tổng trưởng Giáo Dục, tôi đánh thêm một đòn tâm lý nữa với các giám khảo rằng:

"Không phải chúng ta chủ trương cho những học trò dốt được đậu. Mà chúng ta chỉ mở rộng cánh cửa, tạo cơ hội cho những học sinh giỏi, không may trong chiến tranh có cơ hội học lên nữa. Ngược lại những học sinh dốt, tất nhiên sẽ bị loại trong kỳ thi kế tiếp là kỳ thi tú tài 2. Nhưng ngay cả khi các học sinh này có bị loại ở kỳ thi năm tới, thì các em cũng sẽ được đi sĩ quan. Không đến nỗi phải đi lính. Tôi cho, đó cũng là một đền bù phần nào những đau thương mất mát mà các em, cũng như gia đình các em đã phải chịu đựng trong thời gian vừa qua..."

Trước khi dứt lời, tôi nhồi thêm một đòn nữa, đòn cuối cùng:

"Quý vị biết cá nhân tôi không phải là người chủ trương hạ giá bằng cấp. Mà ngược lại. Nhưng trước hoàn cảnh đất nước như thế này, tôi nghĩ chúng ta không thể có một chọn

lựa nào khác. Xin các thầy cô nghĩ tới tương lai của đám trẻ bất hạnh ở Huế này, mà cứu vớt họ…"

Có lẽ sự trình bày có lý, có tình của tôi, cộng với lòng xót thương chân thực đi ra từ trái tim tôi, tôi có được trong thời gian đi cứu trợ trước đây, nên giọng nói của tôi vừa hùng hồn vừa xúc động. Cuối cùng các giáo sư trong ban giám khảo, đã đồng ý…

Ấy vậy mà sau khi bảng niêm yết các thí sinh thi đậu, tôi đã vội vã trở về Đà Nẵng ngay vì sợ bất trắc, hoặc những chống đối có thể có, từ những phần tử cực đoan quá khích, oán giận vì không có tên trên bảng vàng.

Trái với sự lo xa của tôi. Tình hình thực tế đã hoàn toàn ngược lại.

Số là, do tiết lộ của một vài giám khảo cuộc thi, ngay chiều hôm đó, đồng bào, học trò bảo nhau, kéo nhau tới nhà ba mạ tôi để ngỏ lời cảm ơn tôi.

Tội nghiệp ba mạ tôi! Ông bà không hề hay biết việc tôi làm. Ông bà đinh ninh dân chúng kéo nhau tới tìm ông bà để biểu tình, phản đối tôi!...

Ba mạ tôi sợ quá bảo nhau chui xuống hầm trú ẩn…!

(Chuyện xảy ra vào giữa năm 1968, nên quý bạn đọc hiểu rằng, nhà nào ở Huế khi ấy cũng vẫn còn duy trì hầm trú ẩn để tránh pháo kích).

Viết tới đây, tôi cũng xin nhắc đến một sự việc mà tôi rất hãnh diện, sung sướng, cho đó là một phần thưởng tinh thần vô cùng quý báu đối với cá nhân tôi.

Đó là cách đây vài tháng, nhân Lễ Kỷ niệm Ngày Thành Lập Sư đoàn 1 Bộ Binh / Huế, ban Tổ Chức có nhã ý mời tôi tới tham dự…

Gặp lại tôi, rất nhiều người còn nhớ chuyện tôi quyết định cho đậu tối đa số thí sinh của kỳ thi tú tài phần nhất, năm 1968, ở Huế. Họ lập lại chuyện này với tất cả lòng biết ơn sâu xa khởi từ tập quán tốt đẹp của người Việt Nam là "ăn quả" luôn nhớ tới kẻ "trồng cây."

Trung Học Phan Chu Trinh - Đà Nẵng

## CHƯƠNG MƯỜI MỘT

### XÂY LẠI TRƯỜNG PHAN CHU TRINH. NHẬN HỌC BỔNG ĐI MỸ.

Khi tôi về làm hiệu trưởng trường Phan Chu Trinh Đà Nẵng thì trường chỉ là một khu nhà trệt, không có lầu; với tổng số 20 lớp học.

Đứng về phương diện xây cất, trường đã bắt đầu xuống cấp. Lý do trường được xây cất đã lâu mà không hề được tu bổ, sửa chữa.

Chính các thanh tra của Bộ Quốc Gia Giáo Dục ở Saigòn cũng nhận thấy nhu cầu phải xây lại trường, thêm lớp, đồng thời tiện nghi hóa để gia tăng khả năng phục vụ số học sinh ngày một lớn thêm theo mức độ phát triển đô thị của thành phố Đà nẵng.

Muốn có thêm phòng ốc để thâu nhận thêm học sinh thì không có cách nào khác hơn là phải xây thêm một tầng lầu cho trường. Ai cũng nhận ra điều đó.

Nhu cầu mở rộng càng cấp thiết hơn nữa khi thực tế cho thấy số học sinh giỏi, nhà nghèo, không có đủ tiền đóng học phí leo thang tại các trường tư thục, là con số không nhỏ.

Khi tôi trình bày hoàn cảnh và nhu cầu phát triển trường Phan Chu Trinh với Bộ Giáo Dục, thì chẳng những Bộ đồng ý mà, Bộ còn khuyến khích chúng tôi làm sao có thể thực hiện được đề án của mình.

Nhưng Bộ cũng không ngần ngại cho biết rằng, ngân khoản của Bộ quá eo hẹp. Trong ngân khoản điều hành của Bộ, không có một danh mục nào dành cho việc tu bổ, sửa chữa hay phát triển cơ sở học tập của những trường đã có sẵn…

Khó khăn, trở ngại này không chỉ ảnh hưởng tới trường Phan Chu Trinh mà hầu như tất cả các trường trong toàn quốc.

Trước hoàn cảnh ngặt nghèo này, tôi nghĩ đến số hội viên của Hội Phụ Huynh Học Sinh Trung Học Phan Chu Trinh. Một hội mà chính tay tôi lập ra, từ những ngày đầu khi tôi mới về tiếp nhận trường.

Tôi trình bày nhu cầu xây cất lại ngôi trường Phan Chu Trinh với Hội Phụ Huynh Học Sinh Phan Chu Trinh. Một nhu cầu chính đáng, quan trọng, khẩn cấp… Nhưng Bộ Giáo Dục ở Saigòn không có khả năng trợ giúp.

Nhu cầu đó là xây cất thêm một tầng lầu, để từ đó, chúng ta sẽ có thêm hàng chục lớp học.

Với hàng chục lớp học mới, chúng ta sẽ có cơ hội thâu nhận thêm hàng ngàn học sinh mới. Các em là những học sinh giỏi, hiếu học, nhưng không có điều kiện, hoặc đang gặp khó khăn về học phí tại các trường tư thục…

Tôi cũng nhấn mạnh đây không chỉ là một vấn đề ý thức về lãnh vực giáo dục, xã hội mà, còn là một nhu cầu đầu tư cho nhân sự tương lai của thị xã Đà Nẵng nói riêng, tỉnh Quảng Nam nói chung.

"Vì chúng ta đều biết, tương lai của học sinh, chính là tương lai của đất nước vậy…", tôi nói.

"Nhưng không vì thế mà tôi kêu gọi các gia đình phụ huynh học sinh của Phan Chu Trinh phải đóng góp tiền bạc quá sức mình. Tôi chỉ xin mỗi gia đình đóng góp cho trường 100 đồng cho một năm mà thôi…"

Khi đưa ra lời kêu gọi và con số vừa kể, tôi đã tính nhẩm trong đầu rằng:

Trường Phan Chu Trinh của tôi có tất cả trên dưới 5,000 học sinh. Vị chi, chúng tôi có 5,000 gia đình. Với 5,000 gia đình chúng tôi sẽ quyên góp được một số tiền căn bản là 500,000 đồng.

Tuy nhiên, tôi nghĩ, sau khi nghe tôi trình bày, những phụ huynh có con em học trong trường thuộc tầng lớp khá giả, giàu có, khi họ thấy được nhu cầu cùng ý nghĩa sâu xa của việc cần mở rộng trường, thêm lớp cho học sinh thuộc những gia đình kém may mắn, nhiều phần họ sẽ cho thêm…

Kết quả lời kêu gọi và trình bày một cách khẩn thiết của tôi, đã được toàn thể phụ huynh học sinh Phan Chu Trinh đồng ý, hưởng ứng.

Thật sung sướng, hạnh phúc biết bao cho tôi, khi kết quả cuộc lạc quyên mở rộng phần xây cất trường Phan Chu Trinh, cuối cùng đã lên tới con số 4 triệu đồng, chứ không phải chỉ là 500,000 như tôi dự trù lúc ban đầu.

Với số tiền có được, tôi lại bàn với Hội Phụ Huynh Học Sinh Phan Chu Trinh, chọn một nhà thầu khoán có con đang theo học trong trường.

Điều này có nghĩa ông bà chủ nhà thầu đương nhiên là hội viên của Hội Phụ Huynh Học Sinh. Nhờ thế, chẳng những nhà trường không bị nhà thầu ăn chặn mà còn được giúp đỡ cụ thể với giá thầu rẻ hơn nếu giao cho một nhà thầu không liên hệ gần xa gì tới trường.

Cuối cùng, một công ty thầu xây cất uy tín của thị xã Đà Nẵng có con là học sinh Phan Chu Trinh, đã nhận lời thực hiện dự án xây cất của chúng tôi, với giá rẻ tới mức trên sự mong đợi của mọi người.

Công trình xây cất, lên lầu cho trường Phan Chu Trinh khởi sự năm 1969, hoàn tất mỹ mãn năm 1970, cùng với một cổng trường mới rất khang trang và cổ kính.

Trong dịp này một đồng nghiệp ở trường Phan Chu Trinh đã làm một bài thơ khen tặng tôi.

Thừa thắng xông lên, qua năm sau, tức là năm 1971, thấy nhu cầu học hỏi, nghiên cứu của học sinh nói riêng và của toàn trường nói chung, cấp bách và chính đáng, tôi nghĩ đến chuyện hình thành một thư viện. Cũng theo phương án cũ và sẵn đà vừa lên tầng của trường. Tôi cũng nhờ sự giúp đỡ của hội phụ huynh học sinh và toán xây cất "quen người quen việc". Một thư viện khang trang ra đời, với sách vở, bàn ghế, kệ tủ…huy động từ nhiều nguồn.

Đôi khi tôi cũng tự thấy mình có một tính tham lam, không bao giờ hài lòng với cái đang có. Đà Nẵng của chúng tôi có trường mới, có lớp thêm, có thư viện… tôi lại nghĩ ra, vẫn còn thiếu, lòng "tham" của tôi vẫn không ngừng. Tôi ao ước có thêm một hội trường để có nơi hội họp, có nơi diễn văn nghệ, có nơi tập trung diễn thuyết, có nơi kêu gọi mọi người góp một tay cho những lần cứu trợ…

Và như trong mơ, chúng tôi… lại có hội trường.

Và Đà Nẵng lúc bấy giờ, từ ngày chúng tôi có hội trường, không tuần nào hội trường của chúng tôi không tràn ngập những khuôn mặt hớn hở, tươi vui đến tham dự một sinh hoạt gì đó.

Tôi nhớ trong những việc cải tổ ngành giáo dục, tôi còn làm một chuyện "tày trời" nữa, là khai sinh ra thêm một trường mới. Tôi xin kể lại ngọn ngành như sau:

Theo nhu cầu phát triển dân số, sĩ số học sinh càng ngày càng tăng, lớp học cứ chất ngẹt những người là người. Phụ huynh học sinh quá quan ngại về tình trạng "nhân mãn" của các lớp học. Họ phân bì, mở trường nữ được tại sao không

mở trường nam? Có phải có chuyện nhất bên trọng nhất bên khinh không?

Là người có trách nhiệm, chúng tôi không yên được, chúng tôi lại nghĩ cách làm an lòng phụ huynh, mà xét cho cùng thì đó là một nhu cầu đúng nếu không muốn nói là rất thiết yếu.

Làm sao đây? Bộ giáo dục thì không tiền, địa phương thì thiếu ngân sách… Tôi nghĩ nát óc không ra phương cách cứu vãn. May thay, tôi nhớ ra, thuở đó thị trưởng Đà Nẵng là ông Nguyễn Ngọc Khôi, là một người có tâm huyết với ngành giáo dục. Tôi đến gặp ông để tỏ ý lo âu của mình và xin ông giúp đỡ. Như đã nói, ông là người có lòng với chữ nghĩa. Ông hứa sẽ giúp, được lời hứa như cởi tấm lòng. Tôi đến trường Nam tiểu học điều đình xin gởi tạm 2 lớp đệ thất ở đó, Họ bằng lòng cho "tạm trú" hai lớp. Ôi! Thật là một tin mừng lớn cho biết bao gia đình có con em lứa tuổi chớm vào trung học. Họ hớn hở nộp đơn thi vô, và năm 1970 ở Đà Nẵng có thêm được hai lớp đệ thất, gần cả trăm học sinh có nơi học.

Hai lớp đệ thất của năm 1970 sẽ lên đệ lục vào năm sau, và sẽ có thêm hai lớp đệ thất mới vào… Năm 1971 sẽ có 4 lớp cần có nơi trú ngụ. Trường Nam tiểu học sẽ không lý nào lại cho mượn chỗ cho 4 lớp học và cứ thế 6 lớp, 8 lớp, 10 lớp…

Tôi đã đẩy ông Thị Trưởng Nguyễn Ngọc Khôi vào con đường "lời hứa mắc quai" rồi!

Ông Thị Trưởng trước sự việc, đành phải chạy đôn chạy đáo lo đất cho… tôi xây trường. Cũng tội ông, ông tất bật lắm, và khó khăn lắm, đi lại không biết bao nhiêu lần mới xin được một miếng đất của Quân Đoàn gần cầu De Lattde De Tassigni cho tôi.

Lại vẫn theo phương án cũ, ông Thị Trưởng nhờ công binh xây trường, tôi kêu gọi phụ huynh góp công sức đóng bàn ghế. Trường Nguyễn Tri Phương ra đời thâu nhận hàng ngàn học sinh, kể cả nam lẫn nữ.

Nhân kể lại chuyện phát triển trường lớp, tôi cũng không quên một việc làm có tính cách áp đặt đã xảy ra ở trường

Bán Công Đà Nẵng. Số là Đà Nẵng có một trường Bán Công. Gọi là Bán Công, tức là học phí chỉ một nửa, nhưng với trường Bán Công ở Đà Nẵng thời bấy giờ học phí vẫn thẳng tay như một trường tư thục. Ai cũng biết trường Bán Công nằm dưới sự điều động của Quốc Dân Đảng. Nắm hết quyền hành ở trường này là một đảng viên kỳ cựu - ông Trịnh Thể. Dạo ấy tôi nhận được chỉ thị của bộ phải biến trường này thành công lập. Thật là một trách nhiệm lớn lao đối với tôi, nặng nề là đàng khác. Bởi lúc ấy ở Đà Nẵng đảng Đại Việt và Quốc Dân Đảng rất mạnh. Cụ thể là ở trường Bán Công, họ nắm quyền từ năm 1952 đến 1972, tất cả các cô thầy giáo muốn dạy ở trường đều phải là đảng viên.

Lại thêm một lần nữa tôi phải vắt óc ra tìm kế, may thay một thầy giáo trong trường Phan Chu Trinh lại là Phó chủ tịch Quốc Dân Đảng, thầy Đặng Ngọc Quế. Tôi nhờ thầy dùng uy tín của mình để qua thương lượng, không ngờ tình hình càng xấu thêm và một điều hiển nhiên là đòn chống đối đó giáng lên đầu không ai khác hơn là tôi. Để bảo vệ cho lý do không thi hành lệnh của Bộ, họ nại cớ tôi là Chủ tịch đảng Dân Chủ, và vấn nạn "đảng" chống "đảng" là chuyện đương nhiên.

Là người không chấp nhận chịu thua những lý lẽ thiếu ngay thẳng. Tôi hạ quyết tâm phải "đánh" cho bằng được trận này. Tội nghiệp cho nhà tôi, nghĩ cho cùng thì những lúc như thế nhà tôi là người chịu thiệt thòi nhiều nhất. Bởi lẽ lấy một ông chồng tối ngày vác ngà voi, toàn đi làm chuyện xã hội, mà giao hết sinh hoạt gia đình cho người vợ. Cho mãi đến sau này tôi mới thấm thía câu nói của ai đó, đằng sau sự thành công của người đàn ông là bóng dáng của người phụ nữ. Tôi cám ơn nhà tôi biết bao trong thời gian lao đao với chồng con.

Trở lại chiêu thức tranh đấu để đem cho được trường Bán Công thành Công Lập. Tôi nghĩ đến phương thức thanh tra để đẩy họ đến đường cụt. Và đẩy thêm một bước nữa, tôi cho họ biết sẽ thanh tra về… tài chánh!

Quả thật họ sợ! Mọi chuyện lem nhem tiền bạc lâu nay sẽ bị phanh phui. Nên họ đồng ý chuyển sang Công lập và tôi

cử giáo sư Nguyễn Ngọc Thanh qua làm hiệu trưởng, ông này bị chống đối từ lớp giáo sư cũ. Nhưng thời gian mọi chuyện cũng qua đi.

Đà Nẵng của chúng tôi như khoác một lớp áo mới, không cũ kỹ như xưa, không đói thiếu văn hóa, không thiếu lớp, thiếu trường.

Tôi vui, vì với tôi, đó là một trong những phần thưởng tinh thần đáng kể nhất mà tôi nhận được trong sự nghiệp giáo dục của mình.

Sự kiện trường trung học Phan Chu Trinh được xây cất lại, khang trang hơn, với khả năng thâu nhận học sinh gần như gấp đôi so với thời gian trước đấy. Khai sinh trường Nữ, khai sinh hội trường, thư viện… Tất cả không chỉ là một biến cố vang dội khắp miền Trung… Nó còn dội vang về tới Bộ Giáo Dục ở Saigòn.

Hàng năm bộ Giáo Dục chọn 12 vị Hiệu Trưởng có công, có thâm niên, xuất sắc nhất của bộ được đi thăm viếng nước Mỹ trong 3 tháng.

Danh sách 12 vị Hiệu Trưởng được Bộ đề nghị, trong năm nay không có tên tôi vì danh sách này đã được chọn trước một năm.

Tuy nhiên, chẳng vì thế mà tôi lấy làm phiền muộn.

Tâm nguyện của tôi là cố gắng làm hết sức mình, để tạo điều kiện cho những học sinh nghèo, hiếu học có cơ hội theo đuổi việc học; hầu tương lai, có khả năng để mà giúp người, giúp đời.

Lại nữa, một khi trường Phan Chu Trinh mở rộng, thì không chỉ thế hệ học sinh thời tôi làm hiệu trưởng được hưởng, mà còn biết bao thế hệ học sinh kế tiếp, sau đó nữa…

Đối với tôi, chuyện đó ý nghĩa và, đáng kể hơn bất cứ một chuyện nào khác.

Giữa lúc tôi không còn nghĩ ngợi gì về việc được học bổng đi tu nghiệp ở nước ngoài thì bất đồ một viên chức cao cấp của bộ Quốc Gia Giáo Dục Saigòn, gọi điện cho tôi.

Ông cho tôi biết 1 trong 12 Hiệu Trưởng được chọn không hội đủ điều kiện nhận học bổng du khảo. Do đó, Bộ đã chọn tôi để thay thế vị Hiệu Trưởng ấy.

Khi tôi nhận được quyết định của Bộ thì thời gian để hoàn tất thủ tục lên đường chỉ còn đúng… 3 ngày!

Tôi không nghĩ với thời gian quá ngắn ngủi như vậy, tôi có thể lo được mọi thủ tục xuất ngoại như sổ thông hành, phiếu khám sức khoẻ, chứng nhận điều tra an ninh quân đội, giấy nhập cảnh, thủ tục đổi tiền bạc, vân vân…

Tuy nhiên, cũng như tất cả những biến cố mà tôi đã phải đối đầu trước đấy, tôi nghĩ, tôi chỉ biết sẽ cố làm hết sức mình. Kết quả ra sao, xin phó mặc cho số phận.

Tôi nhớ, để giải quyết hàng loạt khó khăn kể trên, người đầu tiên tôi nhớ tới và gọi điện thoại nhờ giúp là Tổng trưởng Tài chánh Hà Xuân Trừng. Tôi gọi ông bởi vì khi đó, ông đã thành hôn với Trương Bích Tuý, và có nhiều quyền lực.

Hẳn quý bạn đọc còn nhớ Bích Tuý (em vợ của Dược sĩ Nguyễn Cao Thăng), người mà tôi từng đến nhà kèm học cho cô thời gian cô chuẩn bị thi tú tài ở Huế?

Nhờ chức vụ và uy tín của mình, chỉ trong vòng 1 ngày thôi, ông Trừng đã lo xong tất cả mọi thủ tục cần thiết cho chuyến du hành thăm viếng Hoa Kỳ trong 3 tháng của tôi.

Vì là người có tên sau cùng, nên tôi cũng là người lên máy bay sau cùng, trước sự ngạc nhiên của 11 người kia.

Chuyến xuất ngoại tuy chỉ kéo dài 3 tháng, nhưng luật lệ thời gian đó, cho phép chúng tôi mỗi người được mang theo ba tháng lương (đã được đổi qua Mỹ kim), cộng thêm 12 Đô la mỗi ngày do chính phủ Mỹ đài thọ.

Nhưng khi chúng tôi đặt chân tới Washington thì luật mới quy định rằng, mỗi ngày chúng tôi được chính phủ Mỹ đài thọ tới 27 Đô la.

Trên đường về từ Hoa Kỳ, phái đoàn chúng tôi dừng lại tại thành phố Tokyo, đúng vào lúc thành phố này đang diễn ra Hội Chợ Expo 70. Thế là toàn thể chúng tôi được phép ở lại Tokyo, tham dự hội chợ Expo 70, trong vòng 3 ngày.

Phái đoàn của chúng tôi được cung cấp phòng ngủ với tiền phòng cộng chi phí ăn uống mỗi ngày là 500 Đô la!

Tôi cho rằng đó cũng là một dịp may, một cơ hội để tôi tận mắt thấy nhiều điều hay đẹp, nhiều điều mới lạ của thế giới.

Khi tới Mỹ, trong lúc những giáo sư đi cùng một phái đoàn với tôi lo đi mua sắm thì tôi lại nghĩ tới học trò ở quê nhà.

Tôi nghĩ tôi không nên bỏ qua một cơ hội hiếm hoi này để vận động giới giáo dục Hoa Kỳ giúp đỡ cho học sinh Việt Nam. Cụ thể là các em học sinh của tôi ở trường Phan Chu Trinh.

Chính ý nghĩ và mơ ước kia đã đưa tôi tới quyết định viếng thăm Đại học Wisconsin, với một người bạn thân sống ở Mỹ lâu năm.

Tôi được ông Viện Trưởng đại học này tiếp đón thân tình, như tiếp đón một người khách quý từ Việt Nam, một xứ sở mà đất nước của ông ta đã gửi rất nhiều quân nhân, cũng như đã đóng góp rất nhiều tiền bạc và xương máu cho đất nước ấy.

Khi tôi trình bày với ông Viện Trưởng Đại học Wisconsin về những thiếu thốn từ phòng ốc tới phương tiện giảng dạy cho học sinh, cùng những thiệt thòi mà học sinh của trường Phan Chu Trinh thuộc thị xã Đà Nẵng của tôi phải chịu đựng trong nhiều chục năm qua, ông Viện Trưởng Đại học Wisconsin đã quyết định sẽ dành cho học sinh trường Phan Chu Trinh của tôi mỗi năm 12 học bổng toàn phần.

Ông cũng mau mắn liên lạc với cơ quan UNICEF, là cơ quan Giáo Dục Nhi Đồng thuộc tổ chức Liên Hiệp Quốc ở New York, để cơ quan này chấp thuận tài trợ tiền bạc cho chúng tôi xây cất 40 phòng học, cấp bậc tiểu học cho Thị xã Đà Nẵng, vào những năm tới.

Hết thời hạn tham quan nước Mỹ, trở về nước, tôi trình bày kết quả đạt được với Bộ Giáo Dục ở Saigòn. Các giới chức của Bộ mừng rỡ trước những thành quả bất ngờ này.

Bộ không biết tưởng thưởng tôi cách nào cho xứng đáng… Cuối cùng, Bộ quyết định tặng cho trường Phan Chu Trinh tôi một chiếc xe… Jeep.

Thời đó, trường Phan Chu Trinh Đà Nẵng, có được một chiếc Jeep là vì lý do đó.

Tới ngày hôm nay, khi hồi tưởng chuyện vừa kể, tôi cũng không hiểu tại sao, vì lý do gì mà, dường như ở đâu, lúc nào tôi cũng không quên được hình ảnh những em nhỏ học trò của tôi ở ngôi trường Phan Chu Trinh.

Tôi nghĩ tới các em đôi khi còn nhiều hơn nghĩ tới gia đình, tới con cái của mình.

Mà đúng thế thật. Tôi nghĩ, nếu tôi có giống như các giáo sư khác trong phái đoàn, với thời gian tham quan nước Mỹ chỉ có 3 tháng ngắn ngủi, nếu tôi có dành hết thời gian có được cho việc thăm viếng, shopping, mua sắm quần áo, mỹ phẩm, nữ trang, đồ chơi thậm chí vật dụng cá nhân hay gia đình, thì cũng chẳng phải là điều gì quá đáng…

Nhất là trường hợp của tôi, kể từ lúc tôi bắt tay vào việc xoay sở vận động để dựng nên ngôi trường Hồng Đức; kế tiếp là lo cứu trợ nạn nhân biến cố tết Mậu Thân Huế… Hai chuyện quan trọng này vừa mới xong thì tôi lại bắt tay vào việc cứu hàng ngàn thí sinh kỳ thi tú tài phần nhất mùa hè năm 1968; rồi chuyện xây cất lại ngôi trường Phan Chu Trinh…

Và, kết quả cụ thể của thời gian ngắn ngủi tôi được đi tham quan ở Mỹ là tôi đã gửi được 36 học sinh qua Mỹ học với học bổng do Đại học Wisconsin cấp. Bốn mươi phòng học cấp tiểu học được xây cất khi tôi lên làm Chánh sở Giáo dục và một số lớp khác đang xây cất dở dang thì biến cố 30 tháng 4 -1975 xảy ra.

Một cách rất thẳng thắn, tôi nghĩ tôi có thể nói không một chút mặc cảm rằng, đó là những chuyện gần như "đội đá vá trời" đối với tôi. Bởi vì để thực hiện, để hoàn tất tốt đẹp tất cả những công tác đó, tôi không có trong tay một phương tiện cụ thể nào, ngoài tấm lòng và sự thiết tha vô bờ bến với những học sinh của tôi từ Huế vô tới Đà Nẵng, nói chung là cả miền Trung thân yêu của tôi.

Miền trung, nơi tôi được sinh ra, và khôn lớn làm người.

Nhưng cũng tới ngày hôm nay, nếu có ai hỏi tôi rằng, tôi có ân hận về thời gian 3 tháng ngắn ngủi ở Mỹ, tôi đã nghĩ tới mấy ngàn học sinh của tôi, nhiều hơn nghĩ tới gia đình không? Thì tôi sẽ trả lời ngay rằng:

"Không, tôi không cảm thấy có một chút ân hận nào hết. Trái lại, tôi nghĩ gia đình tôi, các con tôi, nếu có biết tôi nghĩ tới họ, ít hơn nghĩ tới các học sinh của Phan Chu Trinh thì, tôi nghĩ họ cũng sẽ hãnh diện thay vì chê trách. Bởi vì so sánh ra, gia đình tôi, vợ con tôi tuy không hơn ai nhưng ít ra họ cũng được may mắn, đầy đủ hơn rất nhiều gia đình, học sinh khác ở Thị xã Đà Nẵng thời đó".

## CHƯƠNG MƯỜI HAI

# XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẦU TIÊN CHO THỊ XÃ ĐÀ NẴNG.

Ngay từ những ngày đầu tiên khi mới về nhận chức Hiệu trưởng trường trung học Phan Chu Trinh, tôi đã ghi nhận được nhu cầu, đúng hơn khao khát của người dân Đà Nẵng, muốn thấy Đà Nẵng có một trường đại học riêng cho thị xã. Đà Nẵng, một thị xã không chỉ bùng nổ về phương diện dân số mà còn thăng hoa về tất cả những lãnh vực còn lại, như thương mại, kỹ nghệ, giáo dục.

Đà Nẵng, một thị xã có mức độ thay da đổi thịt cấp số nhân, vượt xa thực tế phát triển của tất cả những thị xã trong toàn quốc.

Trước khi quân đội Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng, mật độ dân số của thành phố này đã là trên dưới một triệu người, tính chung cả quân nhân và gia đình của họ.

Nhưng kể từ khi lính Mỹ chọn thành phố này để đồn trú thì Đà Nẵng diễn ra một cuộc bùng nổ dân số ngoài mọi dự trù, tính toán của những giới chức thẩm quyền.

Tôi muốn nói, Đà Nẵng đang từ 1 triệu dân đã trở thành một địa phương của trên 4 triệu người, từ khắp nơi đổ về. Tăng gấp 4.

Rõ ràng sự hiện diện của quân đội Mỹ là nguyên nhân chính và duy nhất của sự bùng nổ đó.

Nó mang đến cho thành phố êm đềm này cả hai mặt: Tích cực và tiêu cực. Mặt xấu cũng như mặt tốt.

Tuy nhiên điều tôi muốn nói ở đây là phương diện giáo dục, trường lớp cho thanh niên, học sinh.

Tôi nghĩ chúng ta đều biết rằng, trước tháng 4 năm 1975, ở miền Nam Tự Do chính phủ VNCH không có chế độ hạn chế sinh đẻ. Người dân được quyền quyết định, chọn lựa số con mình muốn có. Và truyền thống của những gia đình Việt Nam tính tới thời điểm ấy, vốn vẫn còn quan niệm "đông con là nhà có phúc". Do đó, hơn bù kém theo tôi, mỗi gia đình tính bình quân sẽ có 3 con.

Từ con số nhẹ nhàng này, ta sẽ thấy số trẻ em tới tuổi đi học, hay ở hạng tuổi học trung học, hoặc đại học tại Đà Nẵng đã gia tăng không phải là gấp 2 mà gấp 8.

Với tư cách của một người làm công tác giáo dục lâu năm, tôi có mấy nỗi lo lắng, quan tâm chính yếu như:

- Thứ nhất: Nếu không có đủ trường lớp cho thanh niên ở hạng tuổi phải đến trường thì các con em của chúng ta rất dễ rơi vào tình trạng "nhàn cư vi bất thiện". Thanh niên dễ sa ngã, tụm năm túm ba, rơi vào những tệ nạn xã hội thời đó, như lêu lổng, chơi bời, hút xách, gia nhập băng đảng, đánh lộn, gây xáo trộn, làm mất trật tự xã hội… Đó là chưa kể các em còn có thể bị cộng sản dụ dỗ, mua chuộc…

- Thứ nhì: Mặc dù thành phố Đà Nẵng cũng được coi là môi trường rất thích hợp cho sự phát triển các trường tư thục. Nhưng không phải gia đình nào cũng có khả năng cho con đi học. Chưa kể học phí tại các trường tư thục đã gia tăng tới mức chóng mặt theo với mức gia tăng của vật giá.

- Thứ Ba: Vì số thanh niên, học sinh tại Đà Nẵng gia tăng ở mức độ chóng mặt như tôi mới ghi lại ở trên, cho nên số học sinh tốt nghiệp trung học, cũng là một con số rất lớn. Nhưng vì Đà Nẵng chưa có trường đại học, cho nên những học sinh tốt nghiệp tú tài 2, muốn học tiếp phải ra Huế, Đà Lạt hoặc vào Saigòn, để ghi tên thi vào những phân khoa bắt buộc phải thi tuyển, như y, nha, dược, sư phạm, canh nông, quốc gia hành chánh, kỹ sư các ngành v.v…

- Thứ Tư: Ngay cả khi các em có thi đỗ vào những trường đại học chuyên khoa, nhưng nếu không có học bổng thì tốn kém, chi phí cho sự ăn, ở, di chuyển ở những địa phương

không phải là quê nhà thì đấy cũng là một trở ngại không dễ gì vượt qua!

Viết tới đây, tôi xin nhắc quý bạn đọc rằng, khi tôi nói ra những khó khăn kể trên thì thấy thật dễ dàng… Nhưng bước vào thực tế, đối với những gia đình eo hẹp về tài chánh thì, con đường mở ra cho các em muốn học lên cao rất nhiêu khê, rất gập ghềnh, kể cả những khổ tâm, buồn rầu của các bậc phụ huynh khi họ phải đối diện với sự bất lực của mình!

Tôi biết một số học sinh hiếu học, và học giỏi ở Đà Nẵng đã phải phá ngang, đi làm sớm hoặc gia nhập quân đội vì gia đình không lo nổi cho các em với 3, 4 năm đại học!

Trong khi đó, như tôi biết, năm 1964, Đại học tư Vạn Hạnh do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở Saigòn thành lập. Kế tiếp là Đại học Cửu Long, được thành lập năm 1966 ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long; rồi Đại Học Minh Đức, một đại học tư khác, cũng được thành lập tại Saigòn năm 1972, do Giáo Hội Công Giáo Việt Nam điều hành…

Tôi trộm nghĩ tất cả các em học sinh ở Saigòn, Đà Lạt, Cần Thơ, Vĩnh Long, nói chung là các thành phố, các tỉnh ở miền Nam, họ mới may mắn làm sao! Chẳng những các em có không biết bao nhiêu đại học công lập, để chọn lựa… Các em còn có cả những đại học tư để theo học, nếu muốn.

Ngay cả những em không cư ngụ tại những thành phố tôi vừa kể, các em ở những tỉnh khác, có phải di chuyển để thích ứng với việc học thì sự di chuyển, ăn ở cũng không tốn kém bao nhiêu vì nó gần, rất gần với quê quán gốc của các em.

Càng nghĩ, tôi càng thấy các em học sinh ở thị xã Đà Nẵng của tôi, mới thiệt thòi, mới khó khăn biết bao!!!

Đứng trước thực trạng này, tôi lại nhớ những ngày tôi được mời tham quan nước Mỹ trong phái đoàn giáo chức do Bộ Quốc Gia Giáo Dục tuyển chọn.

Điều ở lại trong tôi mạnh mẽ nhất, ấn tượng nhất không phải là sự giầu có, vĩ đại của nước Mỹ. Cũng không phải là hệ thống xa lộ mênh mông, như lưới nhện mà lại rất khoa học, dễ dàng cho người sử dụng. Hoặc tinh thần dân chủ,

thượng tôn pháp luật của công dân Mỹ. Tính hiếu khách của những người Mỹ tôi hân hạnh được gặp gỡ, được tiếp xúc…

Điều tôi nhớ nhất là hệ thống đại học cộng đồng của nước Mỹ.

Chính hệ thống đại học cộng đồng của nước Mỹ mới gây cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ.

Từ đó, một mơ ước thầm kín nhen nhúm trong tôi.

Nếu được phép ví von một chút cho bớt phần căng thẳng, nặng nề, thì tôi muốn ví ám ảnh hay mơ ước kia của tôi, nó gần giống như một người đàn ông tương tư, mơ ước có ngày được tỏ rõ tình yêu của mình với một người con gái vậy.

Mơ ước đó của tôi là câu hỏi:

- Không biết tới bao giờ miền Nam nói chung, thị xã Đà Nẵng, nơi tôi đang phục vụ nói riêng, mới có thể có một trường Đại học cộng đồng khang trang, đầy đủ tiện nghi như một Đại học cộng đồng của người Mỹ?

- Nếu một ngày nào thị xã Đà Nẵng của tôi có một Đại học cộng đồng như nước Mỹ; với nhiều ngành chuyên môn, từ khoa học kỹ thuật, tới khoa học nhân văn… thì phải chăng đó là ngày hạnh phúc nhất của hơn 4 triệu đồng bào ruột thịt của tôi ở Đà Nẵng?

Với một Đại học như thế, thành hình được, tôi không biết sẽ có bao nhiêu em học sinh học giỏi có cơ hội bước chân lên đại học?

Tôi cũng không thể biết miền Trung của tôi nói riêng miền Nam nói chung, sẽ có thêm bao nhiêu khối óc, bao nhiêu nhân tài trẻ tốt nghiệp ra trường, bắt tay phục vụ đất nước.

Tôi không biết bao nhiêu, nhưng chắc chắn đó là con số không nhỏ. Cũng sẽ không nhỏ, con số những bậc phụ huynh không còn bị mặc cảm vì đã không thể lo cho con mình được ăn học đến nơi, đến chốn.

Nhớ tới hệ thống các trường Đại học cộng đồng ở Mỹ, tôi xin nói ngay rằng, tôi dám so sánh với những hệ thống Đại học cộng đồng của các quốc gia tây phương khác. Vì ở thời điểm đó, tôi chưa có dịp viếng thăm.

Nhưng với hệ thống Đại học cộng đồng, tức hệ thống Đại học công, học 2 năm, sau đó, sinh viên nếu muốn học thêm nữa, sẽ ghi danh học đại học, thêm hai năm nữa để hoàn tất văn bằng cử nhân, tôi cho là thật lý tưởng.

Tôi nghĩ với sự chia thành hai giai đoạn của học trình 4 năm đại học: Hai năm ở giai đoạn Đại học cộng đồng, rồi tới 2 năm ở Đại học chính thức, sẽ thích hợp vô cùng cho những quốc gia chậm phát triển hay, đang mở mang, và nhất là không may, bị trôi trong tình trạng chiến tranh triền miên, như Việt Nam.

Cái hay của hệ thống Đại học cộng đồng Hoa Kỳ nằm ở chỗ:

Đối với những sinh viên không muốn hay, không có điều kiện học thêm nữa, thì với mảnh bằng Đại học 2 năm, cũng đã tạm đủ cho họ bước vào đời với một căn bản chuyên môn vững vàng. Chưa kể, khi ra đời đi làm rồi, những thanh niên hiếu học vẫn có thể vừa đi làm vừa đi học với căn bản 2 năm Đại học cộng đồng mà họ đã có sẵn trong tay…

Từ Hoa Kỳ trở về, tâm nguyện phải thực hiện cho bằng được một Đại học, riêng cho Đà Nẵng càng thôi thúc tôi một cách mãnh liệt. Thì may quá, ý định này cũng nằm trong mơ ước của một số người, mà đại biểu là Bác Sĩ Đinh Văn Tùng và nhà thơ nổi tiếng Thái Can, nhà văn Duy Lam v.v…

Họ là ngọn cờ đầu trong việc thành hình một Uỷ Ban Vận Động Đại Học Đà Nẵng. Năm đó là năm 1971.

Sau khi thăm dò một số nhân vật có uy tín và thích hợp với mục tiêu đề ra, Uỷ Ban Vận Động Đại Học Đà Nẵng chính thức ra đời. Theo đó, nhà thơ nổi tiếngThái Can, được bầu vào chức vụ Chủ tịch Uỷ Ban Vận Động. Bác sĩ Đinh Văn Tùng trong chức vụ Phó Chủ tịch Uỷ Ban. Cá nhân tôi, được đề cử vai trò Tổng thư ký, cùng với một vài nhân vật tên tuổi khác, trong những vai trò quan trọng còn lại, như các chức vụ Đệ nhị Phó Chủ tịch, Phụ tá Tổng Thư ký, Trưởng ban Tài chánh, Trưởng ban liên lạc, giao dịch…

Ngoài ra tôi cũng muốn nhắc đến một người rất có công trong công cuộc này là nhà văn Duy Lam, tức Trung tá Nguyễn Kim Tuấn.

Hồi đó, nhà văn Duy Lam là chánh văn phòng của Trung tướng Tư Lệnh Quân Đoàn 1. Sự có mặt của ông trong Uỷ ban Vận Động thành lập Đại Học Cộng Đồng theo tôi là rất cần thiết.

Bởi vì khi một đề nghị thành lập Đại Học Cộng Đồng cho Đà Nẵng được Bộ Quốc Gia Giáo Dục Saigòn chấp thuận, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ký nghị định ban hành, thì chúng tôi rất cần tới sự tiếp tay thiết thực của Quân Đoàn 1 với những phương tiện cơ hữu dồi dào mà quân đoàn có.

Để biến mơ ước thành hiện thực, ngay sau khi thành lập Uỷ Ban vận Động Một Trường Đại Học cho Đà Nẵng ra đời, chúng tôi đã mở những cuộc vận động sâu rộng với những giới chức có thẩm quyền trong Bộ Quốc Gia Giáo Dục ở Saigòn. Chúng tôi cũng chia nhau thăm dò, vận động những giới chức thẩm quyền thuộc những cơ quan văn hoá, xã hội của người Mỹ tại Đà Nẵng.

Uỷ Ban chúng tôi cũng thực hiện nhiều chuyến bay vô Saigòn để gõ cửa, trình bày, thuyết phục mà mục tiêu sau cùng, xin cấp giấy phép cho chúng tôi được thực hiện giấc mơ của chúng tôi. Giấc mơ của chúng tôi, chính là giấc mơ, khao khát thầm kín bao nhiêu năm của cư dân Đà Nẵng vậy.

Sau nhiều cuộc vận động với sự trợ giúp của nhiều giới chức, cộng với những can thiệp trực tiếp cũng như gián tiếp của nhiều nguồn ảnh hưởng khác nhau, cuối cùng Uỷ Ban Vận Động của chúng tôi có được sự chấp thuận của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Tổng Thống Thiệu ký nghị định ban hành, cho Đà Nẵng được mở một trường đại học cộng đồng, căn cứ theo đề nghị của bộ Quốc gia Giáo Dục.

Để bảo đảm và tạo uy thế cho đại học này, chúng tôi cũng đã mời được giáo sư Ngô Đồng, tốt nghiệp văn bằng tiến sĩ ở Mỹ, nhận chức Viện trưởng.

Vì giáo sư Ngô Đồng từng là bạn học cùng lớp với chúng tôi trong quá khứ, nên việc mời ông tương đối dễ dàng.

Ông mau mắn nhận lời đề nghị của chúng tôi và không đòi hỏi một điều kiện tiên quyết nào hết.

Khi nghị định thành lập Đại Học Đà Nẵng được chính thức ban hành, thay vì Bộ Giáo Dục gửi nghị định ra Đà Nẵng cho Uỷ ban Vận Động, thì Bộ lại muốn tôi đích thân vào Saigòn để trực tiếp nhận nghị định.

Từ Đà Nẵng vào Saigòn ngày Thứ Năm thì ngay hôm sau, Thứ Sáu tôi đã có nghị định trong tay.

Tất cả mọi người muốn tôi phải trở về Đà Nẵng ngay hôm sau, tức ngày Thứ Bảy để Thị xã tổ chức hội họp thân hào nhân sĩ Đà Nẵng, mừng một thành công vĩ đại của Thị Xã.

Trên thực tế, khi Đà Nẵng được chính phủ cho phép thành lập một Đại học thì trừ Huế đã sẵn có Viện Đại Học, tất cả những tỉnh, thị còn lại chưa một nơi thứ hai nào có trường Đại học Công lập.

Cho nên theo tôi, tin vui này không chỉ dành riêng cho Đà Nẵng mà chung cho cả miền Trung của chúng tôi nữa.

Trở lại chuyện xây dựng Đại Học Đà Nẵng, như tôi đã kể ở trên, năm 1972 Đại Học Cộng Đồng Đà Nẵng ra đời trong sự vui mừng, hãnh diện của tất cả cư dân cách ngành ở thị xã Đà Nẵng.

Song song với nỗ lực thành lập một Đại học cho thị xã Đà Nẵng, tôi cũng dành nhiều thì giờ cho những hoạt động thuộc lãnh văn hoá khác, như sinh hoạt văn nghệ, đào luyện cho học sinh Phan Chu Trinh vô Saigòn thi vào những những đại học nổi tiếng tại thủ đô.

Kết quả, học sinh trường Phan Chu Trinh của tôi luôn là những học sinh đậu đầu trong nhiều kỳ thi tuyển.

Có người hỏi tôi tại sao, hay cách nào tôi có thể đạt được những kết quả rực rỡ như vậy? Trong khi nhiều người vẫn quan niệm học sinh các tỉnh không thể nào giỏi bằng hay giỏi hơn học sinh Saigòn?

Câu trả lời của tôi, trước nhất là tôi có trong tay một đội ngũ giáo sư không những giỏi mà còn là những người có tâm huyết.

Đối với những giáo sư này, thì chẳng có điều gì quan trọng hơn việc dạy dỗ, hướng dẫn học sinh trên con đường học tập, mở mang kiến thức.

Bên cạnh đó, tôi cũng cho mở những khóa học đặc biệt. Tổ chức những cuộc diễn thuyết, nói chuyện về văn chương, khoa học, kỹ thuật…

Chính những sinh hoạt tưởng như phụ này đã nâng cao tinh thần hiếu học của học sinh. Chúng tôi tạo nhiều cơ hội cho học sinh vừa học vừa thực hành. Hay vừa học vừa sinh hoạt văn nghệ lành mạnh.

Hằng tuần, tôi cũng tổ chức những buổi diễn thuyết tại hội trường Phan Chu Trinh để các học sinh diễn thuyết, hay nói chuyện về những đề tài mà các giáo sư hướng dẫn chỉ đóng vai trò tiếp tay cố vấn, khi được các em hỏi ý kiến hoặc nhờ cậy mà thôi.

Tôi cũng mở ra trong sân trường những tổ chức như Du Ca, Trình diễn Văn Nghệ. Nói cách khác là mở rộng sinh hoạt học đường, để các em học mà vui. Vui mà học…

Có một chuyện mà tôi cho là sẽ rất khiếm khuyết nếu không thẳng thắn ghi nhận. Đó là vào thời gian này, ở Đà Nẵng, số học sinh thân cộng vì bị tuyên truyền, được các cán bộ Cộng Sản móc nối rất đông!

Số học sinh này đi theo đường lối chỉ đạo của những cán bộ Cộng Sản nằm vùng luôn tìm cơ hội để đả kích chế độ, tấn công chính quyền VNCH.

Nếu chúng ta ngăn cấm họ một cách khe khắt, họ sẽ bị ấm ức, bị dồn nén. Sự ức chế này, có thể dẫn họ tới những phản ứng có tính cách bạo động mà mình không thể ngừa trước.

Bởi thế, chúng tôi cũng mở ra những cơ hội cho họ diễn thuyết. Cho họ lên tiếng trong một chừng mực nào đấy…

Trong buổi lễ cuối năm, có một chuyện trầm trọng, bất ngờ đã xẩy ra.

Đó là chuyện tôi chọn một học sinh giỏi trường trung học Phan Chu Trinh, để cho em thay mặt toàn thể học sinh, đọc một diễn văn với nội dung chào mừng và cảm ơn ông Thị trưởng cùng toàn thể quan khách.

Tôi đâu ngờ cậu ta lại là một trong những học sinh thân cộng!

Cậu ta lợi dụng cơ hội, dùng bài diễn văn của mình, từ đầu đến cuối để đả kích chế độ VNCH.

Ông Thị trưởng Thị xã giận lắm. Ông muốn bỏ ngang buổi lễ, ra về ngay vì chuyện xấu xa, phản tuyên truyền đó, đã xẩy ra ngay trong thị xã của ông.

Tôi phải năn nỉ ông ở lại (Thị trưởng hồi đó là Đại Tá Nguyễn Ngọc Khôi, là thân phụ của Giáo Sư Nguyễn Lâm Kim Oanh).

Tôi xin ông khoan tâm, cứ từ từ, chịu đựng trong ít phút.

Tôi nói, tôi đã có cách hoá giải bài diễn văn của cậu học trò thân cộng kia.

Khi tới phiên tôi đọc diễn văn, sau khi đi qua những thủ tục tối thiểu như chào mừng ông Thị trưởng, quan khách, phụ huynh và các học sinh hiện diện, tôi đã ngỏ ý khen bài diễn của cậu học trò thân cộng.

Tôi khen bài diễn văn của cậu là một bài diễn văn hay. Một bài diễn văn cởi mở, can đảm nói lên những cảm nghĩ sâu kín của cậu ta. Tôi chấp nhận những ý kiến của cậu, ý kiến nào hay và đúng tôi sẽ trình với Bộ Giáo Dục, chứ tôi không giải quyết vì thật ra trường chỉ thi hành lệnh của Bộ. Ý kiến nào sai thì cho cậu biết vì sao phải hủy bỏ.

Để rồi, ngay sau đó, tôi chứng minh cho mọi người, cho chính cậu ta và những học sinh cùng lập trường thân cộng với cậu thấy rằng, rõ ràng chỉ có miền Nam, chỉ có chế độ Việt Nam Cộng Hòa mới có một nền dân chủ thực sự là dân chủ như thế. Giả sử một học sinh ở Bắc có dám đọc một bài diễn văn chống đối chính phủ VC ở Hà Nội hay không?

Mặt khác, nó cũng chứng tỏ một cách cụ thể, rất hùng hồn rằng, thị xã Đà Nẵng là thị xã đã có một nền dân chủ mà nhiều thị xã hay thành phố khác, khó có thể bì kịp.

Đó là một nền dân chủ mà không một ai có thể chờ đợi trong hoàn cảnh chiến tranh ngặt nghèo như đã và còn đang diễn ra ngay tại thành phố Đà Nẵng này…

Khi tôi dứt lời cả hội trường gần như muốn bật dậy với những tràng pháo tay kèo dài, không ngớt.

Nhờ vậy, sau này khi bên tòa Thị Chính Thị xã Đà Nẵng, muốn ra lệnh bắt một giáo sư thân cộng ở trường Phan Thanh Giản tên là Vĩnh Linh, tôi đã trình bày hơn thiệt với ông Thị trưởng là không nên bắt.

Nếu chính quyền bắt giáo sư này, có thể học sinh Đà Nẵng sẽ xuống đường biểu tình… Xét cho rốt ráo, điều đó sẽ không có lợi cho sinh hoạt chung của cả thành phố.

Và cuối cùng, ông Thị trưởng nghe theo lời khuyên của tôi, huỷ bỏ việc bắt giam Giáo sư này, chỉ theo dõi và chận đứng, đề phòng, cảnh giác.

## CHƯƠNG MƯỜI BA

## CUỘC CÁCH MẠNG GIÁO DỤC TÔI ĐÃ MANG ĐẾN CHO TỈNH QUẢNG NAM NGAY KHI NHẬN CHỨC GIÁM ĐỐC SỞ HỌC CHÁNH THỊ XÃ ĐÀ NẴNG.

Cuối năm 1972, Bộ Quốc Gia Giáo Dục ở Saigòn có những thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức, tôi được đề nghị vào chức vụ Giám đốc Sở Học Chánh Đà Nẵng.

Đây là một biến chuyển quan trọng, đáng kể trong cuộc đời nhà giáo của tôi.

Từ vai trò của một Hiệu trưởng trung học, tôi được đề cử đảm nhận một chức vụ rất lớn là Giám đốc sở học chánh.

Ở vị trí mới này, tôi không chỉ trách nhiệm cai quản tất cả các trường trung học, tiểu học công lập cũng như tư thục thuộc thị xã Đà Nẵng, mà tôi còn phải trông nom luôn cả các trường kỹ thuật, các tổ chức thanh niên v.v…

Nói cách khác, chức vụ Giám đốc Sở học chánh có quyền hạn bao trùm nhiều thành phần và nhiều lãnh vực thuộc về thanh niên, học sinh.

Ở chức vụ mới này, để chu toàn nhiệm vụ, tôi phải tiếp xúc rất nhiều với đại diện các ngành, các giới cũng như những thành phần phụ huynh thanh niên, học sinh.

Mặt khác, tôi cũng phải cân nhắc, thận trọng trong việc ký giấy bổ nhiệm tất cả nhân viên ngành giáo dục thuộc địa bàn Quảng Nam, Đà Nẵng.

Thời gian đó, tôi cũng là Chủ tịch đảng Dân Chủ Thị xã Đà Nẵng. Với những vai trò, chức vụ vừa kể, chẳng những tôi không thể đứng ngoài lãnh vực chính trị mà còn phải xen vào lãnh vực này rất nhiều.

Nhưng cũng chính từ vị trí cùng vai trò đó mà tôi có cơ hội tiếp xúc với Trung tướng Ngô Quang Trưởng, người giữ vai trò Tư lệnh Quân đoàn I, thuộc vùng I chiến thuật.

Tưởng cũng nên nhấn mạnh rằng, thời gian đó, là thời gian chính quyền trung ương ở Saigòn đã có những thay đổi lớn về tổ chức quân sự và hành chánh.

Điển hình như chính phủ đã quyết định hủy bỏ vai trò độc lập của Tòa đại biểu Trung phần, để trở thành trực thuộc Bộ Tư Lệnh Quân đoàn.

Điều này cho thấy Tư lệnh Quân đoàn có một quyền hạn rất lớn, bao quát  tất cả mọi lãnh vực của cả một vùng gồm rất nhiều thành phố hợp lại.

Ở chức vụ Giám đốc Học chánh thị xã Đà Nẵng, mỗi tuần, vào buổi sáng Thứ Hai, tôi phải họp với Tướng Ngô Quang Trưởng và Bộ Tham mưu của ông.

Là một giáo chức, lại là người có tinh thần trách nhiệm với đất nước và dân tộc của mình, những cuộc họp như vừa kể, đối với tôi rất quan trọng. Tôi không cho phép mình trong tất cả các buổi họp chỉ biết lắng nghe hoặc ghi chép.

Tôi nghĩ, khi ông Tướng Tư Lệnh Quân Khu mời từ cấp Giám đốc trở lên, tham dự những buổi họp của Quân khu là để nghe được những đề nghị, nhận được những đóng góp thiết thực từ phía hành chánh, song song với những nhận định về phía quân sự, chứ ông không chờ đợi sự ù lì của các

giới chức cao cấp trong vùng lãnh thổ mà ông ta phải trách nhiệm.

Có thể vì Tướng Trưởng thấy được tinh thần trách nhiệm và nhiệt tâm đóng góp phần cá nhân mình cho đất nước nói chung, miền Trung nói riêng, nên tiếng nói của tôi, mỗi khi cất lên trong các buổi họp, đã được ông lắng nghe, đón nhận một cách đặc biệt.

Cũng có thể tiếng nói của tôi là tiếng nói của một người nắm được trong tay lực lượng thanh niên, học sinh của thị xã Đà Nẵng. Một lực lượng không nhỏ. Cái con số tuổi trẻ to lớn này rất dễ tạo nên những khó khăn, nguy hiểm cho người lãnh đạo, một khi không kiểm soát được cái lực lượng bồng bột, liều lĩnh đó.

Chính vì thế mà sau những giờ họp chính thức, Trung tướng Trưởng và tôi thường có những giờ phút thăm hỏi, trò chuyện riêng với nhau.

Qua những cuộc trò chuyện riêng tư kia, tôi hiểu thêm rằng, ông Trưởng rất quan tâm tới lớp thanh niên học sinh Quảng Nam.

Cũng từ sự kiện ông Trưởng thường thăm hỏi tôi mà, người chánh văn phòng của ông thời đó là nhà văn Duy Lam, về sau cũng đã có với tôi một tình thân rất đặc biệt.

Một trong chỉ dấu rõ ràng, cụ thể nhất về cái tình thân hay lòng quý mến tôi của nhà văn Duy Lam là sau này, có lần ông đã đề nghị tôi nên ra ứng cử dân biểu.

Ông nói, ông thấy tôi không những hội đủ điều kiện căn bản đối với dinh Độc Lập ở Saigòn vì tôi là Chủ tịch đảng Dân Chủ tỉnh Quảng Nam mà tôi còn uy tín với tất cả mọi thành phần quan dân cán chính ở Quảng Nam - Đà Nẵng nữa.

Nhà văn Duy Lam nói:

"Tôi đã nhìn ngắm rất kỹ tất cả những nhân sĩ có mặt tại tỉnh nhà, tôi không thấy một nhân vật nào có đủ mọi điều kiện như ông. Ngay trung ương cũng có cái nhìn giống tôi. Nên phải nói là chính đảng Dân Chủ muốn ông ra ứng cử chức vụ dân Biểu tỉnh Quảng Nam chứ không phải đó là ý

kiến của riêng cá nhân tôi hay của Trung tướng Ngô Quang Trưởng đâu…"

Tôi trả lời ông Duy Lam, tôi xin ghi nhận với tất cả lòng biết ơn. Tuy nhiên, cũng xin cho tôi một thời gian, để suy nghĩ, cân nhắc và nhất là sắp xếp công việc của mình.

Thời gian này cũng là thời gian tôi đang để tâm trí vào việc sửa đổi, chấn chỉnh lại nền giao dục của tỉnh Quảng Nam theo mô hình giáo dục của nước Mỹ mà tôi đã từng quan sát, ghi nhận và rút tỉa được.

Kế hoạch thay đổi nền giáo dục cũ kỹ, lạc hậu của Việt Nam mà tôi muốn áp dụng tại Quảng Nam, như một thí điểm, trước khi đề nghị áp dụng cho toàn quốc sẽ bắt đầu từ bậc tiểu học.

Tôi cho rằng mọi thay đổi, sửa chữa phải bắt đầu từ cái gốc, từ nền móng chứ không thể khởi đi từ cai ngọn.

Vì thế, tôi muốn bắt đầu cải tổ nền giáo dục của đất nước mình, từ bậc tiểu học.

Thời gian du hành, quan sát nước Mỹ cho tôi thấy rằng, nền giáo dục của nước Mỹ bắt đầu từ bậc tiểu học là một nền giáo dục rất căn bản và hữu ích.

Ngay từ thời gian đó tôi đã ghi nhận được rằng: Từ khi còn tấm bé, trẻ em Hoa kỳ tới trường, khởi đi từ lớp mẫu giáo, đã được nhà trường dạy cho những thói quen trật tự, tôn trọng quyền lợi của người khác.

Tôi thí dụ như các em tuy còn rất nhỏ mà đã được dạy phải tuân thủ kỷ luật xếp hàng, nối đuôi nhau khi vào lớp cũng như lúc ra về. Phải xếp hàng nối đuôi nhau đi ăn. Sau khi đi restroom, các em phải nhớ rửa tay, lau tay cho sạch trước khi làm bất cứ một việc gì khác.

Đối với học sinh bậc trung học, tôi đã cho lập một Thư viện Thị xã. Tôi cũng đã cho biệt phái hẳn một giáo sư có trình độ qua trông nom thư viện.

Vị giáo sư này có nhiệm vụ hướng dẫn các em học sinh vào thư viện tìm sách, mượn sách cũng như làm bài tập ngay tại thư viện…

Nếu học sinh có được thói quen và cung cách học tập này ngay từ thời trung học thì điều ấy sẽ giúp ích cho họ rất

nhiều khi bước lên đại học cũng như khi đi du học ở các nước tây phương.

Sự không bỡ ngỡ, không lúng túng khi bước chân vào một thư viện, sẽ giúp gia tăng sự tư tin và giảm bớt rất nhiều sự phí phạm thời gian cho học sinh. Nhất là với những học sinh có nhu cầu tìm hiểu hay nghiên cứu những vấn đề chuyên môn mà học trình đòi hỏi nơi các em.

Chỉ một thời gian ngắn sau khi khánh thành Thư viện Thị xã, tôi đã ghi nhận được sự thành công rất khích lệ khi thấy một số học sinh bắt đầu tìm vào thư viện để học hỏi hoặc sưu tầm, nghiên cứu.

Về phía các học sinh thuộc những trường kỹ thuật, tôi cũng khuyến khích các em tìm tòi, sáng chế máy móc… Tất cả những nhóm học sinh kỹ thuật nào có những kế hoạch nghiên cứu, sáng tạo máy móc ứng dụng cho đời sống hàng ngày hay cho những phát kiến tương lai… tôi đều ra lệnh cung ứng tài chánh cho các em.

Mục đích của tôi một phần là cung cấp phương tiện cụ thể cho các em thực hiện kế hoạch, phần khác còn khuyến khích các em thêm hăng say trong việc theo đuổi những công trình sáng chế của họ.

Về phía thanh niên, để tránh việc các em có dư thì giờ, không biết làm gì, sẽ dễ rơi vào những hoạt động thiếu lành mạnh, hoặc cũng có thể bị dụ dỗ đi vào con đường xấu như gây xáo trộn, rối rắm xã hội, tôi đã tổ chức những đội túc cầu, những phòng sinh hoạt thể thao với đầy đủ những phương tiện cho các em giải trí, như bóng bàn, đu giây, chạy nhảy.

Tôi cũng tổ chức những cuộc thi đá banh có thưởng giữa các đội banh, những cuộc cắm trại và những cuộc thi đấu bóng bàn giữa những em yêu thích bộ môn thể thao này…

Hôm nay nhìn lại, tôi có thể tự hào rằng mình đã làm được một việc tưởng chừng như nhỏ bé nhưng thật ra là rất quan trọng cho tương lai của thanh niên học sinh tỉnh Quảng Nam. Đó là sự kiện tôi đã tránh cho các em rơi vào cạm bẫy dụ dỗ theo cộng sản của những tổ chức cộng sản nằm vùng hay thiên tả, chống chính quyền ở thị xã Đà Nẵng.

Việc làm âm thầm của tôi những tưởng không được nhiều người nhìn ra… vậy mà những giới chức Hoa Kỳ ở cơ quan UNICEF đã nhìn ra rất sớm.

Họ ca ngợi việc làm thiết thực và hữu ích của tôi dành cho sự thay đổi tự căn bản của nền giáo dục của thị xã Đà Nẵng.

Họ cũng kết luận rằng, tôi là vị Giám đốc học khu đầu tiên của tỉnh này có quan niệm cấp tiến, có trình độ cao và nhất là đã có dịp nhìn thấy những gì được coi là tốt nhất của nền giáo dục Hoa Kỳ…

Rất tiếc vận nước đến hồi suy đồi, đưa tới những đau thương, bất hạnh cho cả một đân tộc… Nên tôi chỉ mới bắt đầu chương trình cải tổ giáo dục của mình được hơn hai năm, thì biến cố 30 tháng 4-1975 ập tới.

Tuy thế sau này, khi tôi tình cờ gặp lại một số giới chức Việt cũng như Mỹ ở Hoa Kỳ thì những người này đã nói với tôi rằng, họ không quên những gì tôi đã làm được cho tỉnh Quảng Nam, trong chức vụ Giám đốc Học chánh vào những năm cuối cùng của miền Nam Việt Nam.

Không dưới một người còn nói thẳng với tôi rằng:

"Thầy có quyền hãnh diện về tất cả những gì thầy đã cống hiến cho con người và mảnh đất miền Trung, trong những năm miền Nam còn có được tự do ấy…"

## CHƯƠNG MƯỜI BỐN

### ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ ỨNG CỬ CHỨC VỤ DÂN BIỂU ĐÀ NẴNG.

Cuối năm 1974 đầu năm 1975 tôi được một người bạn học cùng lớp là giáo sư Nguyễn Thanh Liêm, khi đó là Thứ trưởng bộ Giáo Dục ủng hộ tôi ra ứng cử chức vụ Dân Biểu thành phố Đà Nẵng.

Ông bạn của tôi tin rằng chắc chắn tôi sẽ đắc cử vì ông căn cứ trên những việc tôi làm được cho thành phố này, ngay từ thời tôi mới nhận chức Hiệu Trưởng trường trung học Phan Chu Trinh. Những thành quả của bao nhiêu năm ở chức vụ Hiệu Trưởng cũng như sau này là Giám Đốc Sở Học Chánh Đà Nẵng của tôi, vẫn theo đánh giá của người bạn học cũ thì những việc làm đó, không chỉ ảnh hưởng tới học sinh, sinh viên, gia đình phụ huynh học sinh mà còn ảnh hưởng tốt đẹp cho các thành phần thị dân khác của cả thành phố nữa.

Ông Nguyễn Thanh Liêm còn tính tới ảnh hưởng của tôi đối với các cơ quan công quyền sở tại cũng như thành phần quân đội và, công tư chức ở thành phố này.

Thời gian đó cũng là thời gian nhà tôi muốn di chuyển gia đình vào Sài Gòn vì tình hình miền Trung càng lúc càng cho thấy khá nhiều rối reng và bấp bênh.

Dư âm của trận tổng tấn công mùa hè đỏ lửa 1972, và sau đó là vụ cộng sản lấn chiếm tỉnh Quảng Trị không chỉ là ám ảnh của nhà tôi, mà gần như của tất cả thị dân miền Trung ở thời điểm đó.

Trước những thực tế thời sự và xã hội lúc bấy giờ, tôi nghĩ, cũng đã đến lúc tôi phải thu xếp, chuyển hướng cuộc sống của tôi để thích hợp với tình thế.

Có ba lý do đưa tôi đi đến quyết định sẽ ra ứng cử chức vụ Dân Biểu thành phố Đà Nẵng, đó là:

- Thứ nhất: Các con tôi bắt đầu lớn. Tôi thấy mình có bổn phận phải thu xếp một nơi cư ngụ tương đối ít xáo trộn, để chúng có thể duy trì việc học một cách liên tục, không bị đứt đoạn bởi những biến chuyển thời cuộc, chiến tranh.

- Thứ nhì: Đó cũng là ước muốn của nhà tôi. Người vợ tào khang đã hy sinh một đời cho tôi và cho các con. Nhà tôi rất xứng đáng được thỏa mãn ước muốn hợp tình hợp lý này.

- Thứ ba: Tôi nghĩ dù ở cương vị hay vai trò nào, nếu mình là người có tâm, có lòng trước sau muốn cống hiến cuộc đời mình cho đồng bào, cho đất nước thì không nhất thiết mình cứ phải ở trong lãnh vực giáo dục mới giúp ích được đồng bào, trả ơn được tổ quốc.

Tôi cho rằng, biết đâu ở vai trò một Dân Biểu đại diện cho người dân thành phố mà tôi gắn bó, thương yêu mấy mươi năm, có khi tôi có thể giúp ích thị dân trong thành phố của tôi, hữu hiệu và thiết thực hơn cả vai trò Giám đốc sở Học Chánh là chức vụ mà tôi đang giữ.

Tôi biết bản chất tôi là người ưa hoạt động, thích đương đầu với những thử thách mới trong tinh thần cố gắng vượt qua để phục vụ đồng bào, nên con đường chuyển từ giáo dục qua tranh đấu nghị trường ở cơ quan lập pháp của cả nước, với tôi cũng là một kích thích, quyến rũ giống như thể tôi sẽ đặt chân vào một cuộc phiêu lưu mới với rất nhiều hứa hẹn bất ngờ, nhưng tốt đẹp vậy.

Lại nữa, nếu không ra ứng cử chức vụ Dân Biểu, tôi sẽ không thể có cơ hội đưa toàn bộ gia đình vào Sài Gòn.

Chưa kể ở ngành giáo dục tức công chức chính phủ, tôi đã lên tới ngạch trật công chức Thượng hạng ngoại hạng. Nghĩa

là trong nấc thang công chức, không còn một bậc thang nào cho tôi đi lên được nữa. Nó đã đụng trần rồi.

Vì thế, sau khi cân nhắc, phân tích thiệt hơn và chính tôi tự xét một cách khách quan, tôi cũng thấy nếu ra ứng cử, chắc chắn tôi sẽ đắc cử. Tôi báo cho nhà tôi biết, quyết định của mình.

Một điều thêm nhỏ thôi, nhưng với tôi rất đáng kể, đó là sự kiện nhà tôi đã vui vẻ, đồng tình với quyết định của tôi.

Là một nhà giáo xuất thân từ bộ môn khoa học, lại thêm tính vốn trật tự, ngăn nắp từ nhỏ, nên ngay sau khi có cho mình quyết định chuyển hướng cuộc đời để thích ứng với thời cuộc, tôi đã soạn thảo khá chi tiết cả một kế hoạch hay chương trình làm việc bận rộn, tích cực để bảo đảm kết quả trước ngày bầu cử sẽ diễn ra.

Một trong những việc tôi làm ngay được khi đó là sự rà soát những mối giây liên hệ tốt đẹp vốn có từ lâu với các giới chức thẩm quyền, từ chính trị, hành chánh tới quân sự ở thành phố Đà Nẵng.

Tôi cũng thực hiện một cách nhẹ nhàng kín đáo những cuộc viếng thăm các cơ sở tôn giáo, các vị lãnh đạo tinh thần ở sở tại…

Tôi cũng lập sẵn trong đầu những tên tuổi, những cá nhân từ già tới trẻ mà tôi nghĩ, tôi sẽ phải vận động, mời họ tham gia vào ban vận động tranh cử của tôi khi cuộc tranh cử chính thức cho phép.

Tôi cũng nghĩ tới những người bạn học, những ông thầy hay những giới chức cao cấp ở tuy ở Sài Gòn, nhưng uy tín của họ có thể giúp tôi phần nào ở Đà Nẵng, để khi cần họ sẽ lên tiếng qua báo chí, qua đài phát thanh, cho thấy sự ủng hộ của họ dành cho tôi.

Những liên hệ chằng chịt như một mạng lưới, một thế trận chính trị đan kết chặt chẽ từ thủ đô là thành phố Sài Gòn, tới địa phương là thành phố Đà Nẵng, theo tôi cũng là một ưu thế, một hỗ trợ tích cực và tốt đẹp cho cá nhân tôi sau khi đắc cử, bước chân vào tòa nhà Lập Pháp ở Sài Gòn.

Về phương diện điều lệ ứng cử chức vụ Dân Biểu thì, thời gian tôi nghe lời bạn tôi, giáo sư Nguyễn Thanh Liêm ra ứng

cử chức vụ Dân Biểu, cũng là thời gian mà luật tranh cử quy định rằng: Tất cả các ứng cử viên muốn tranh cử chức vụ Dân Biểu đều phải rời khỏi chức vụ mà họ đang nắm giữ, để bảo đảm sự công bằng đồng đều cho tất cả mọi người. Luật này nhằm tránh trước hoặc giới hạn tối đa những ứng cử viên vốn có những chức vụ có thể ảnh hưởng tới kết quả bầu cử, như lợi dụng hay lạm dụng chức vụ, phương tiện để vận động cho cá nhân mình.

Trường hợp của tôi thì tôi phải từ chức Giám đốc sở Học Chánh thành phố Đà Nẵng.

Tuy nhiên, tôi phải xin giữ vai trò xử lý thường vụ chức vụ Giám đốc sở Học Chánh để đủ điều kiện ứng cử.

Đúng như suy luận và tiên liệu của tôi bằng vào sự theo dõi sát mọi biến chuyển trong cũng như ngoài Việt Nam, tôi thấy càng lúc tình hình chính trị của miền Nam càng xấu đi một cách đáng lo ngại. Dường như không một ai còn có thể tính được chuyện gì dài lâu.

Những người nặng lòng với đất nước, tổ quốc cũng loay hoay với những toan tính, vận động, thăm dò, kết hợp quân sự và chính trị với hy vọng mong manh là có thể thay đổi được tình hình, cứu vãn được nguy cơ mất miền Nam trước những cuộc tấn công nhiều mặt, bằng tất cả những mũi nhọn hữu hiệu của đảng cộng sản Hà Nội kể từ sau ngày bản hiệp định Paris được ký kết.

Tôi muốn nói trong lúc quân đội VNCH bị trói tay, chặt chân dần dần với những giới hạn viện trợ súng đạn, chiến cụ từ phía chính phủ Hoa Kỳ thì miền Bắc lại nhận được nhiều viện trợ hơn từ cả hai đồng minh chính của họ là Trung Cộng và Liên Bang Xô Viết.

Tôi muốn nói chế độ hợp hiến của miền Nam với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ngày một bị áp lực nhiều hơn từ thủ đô Washington cùng rất nhiều tin đồn đảo chánh, và những tin tức bất lợi ở các mặt trận từ miền Trung về tới cao nguyên và một số tỉnh miền Nam thì phe cộng sản lại nhận được những ủng hộ tinh thần vô giá của các tổ chức phản chiến ở khắp nơi trên thế giới. Nhất là tại Hoa Kỳ và Âu Châu.

Đồng thời, họ cũng nhận được những tình cảm gần như công khai của một số đài phát thanh, truyền hình ngoại quốc. Điển hình như đài phát thanh và truyền hình BBC có trụ sở chính tại Luân Đôn.

Theo tôi, đây là những đạo quân có khả năng tàn phá tinh thần, uy tín của người dân và chính quyền Sài Gòn hiệu nghiệm hơn bất cứ một chiến dịch tuyên truyền nào khác của Hà Nội.

Tuy nhiên, cũng như rất nhiều bạn bè của tôi, những người vẫn tin tưởng vào khả năng đứng vững của nền đệ nhị Công Hòa, cũng như tinh thần và khả năng chiến đấu tuyệt vời của quân lực miền nam Việt Nam, tôi tin cuối cùng, miền Nam cũng sẽ không đến nỗi nào! Sóng gió rồi sẽ đi qua. Tai ương rồi cũng sẽ có ngày phải chấm dứt. Để chân lý tự do, quyền được sống như một con người, sẽ được thế giới tiếp tay duy trì, nếu không được sự ủng hộ chính thức của Tổ chức Liên Hiệp Quốc, ở Nữu Ước.

Nhưng, thực tế, tôi không biết vì trời đất không còn thương dân tộc Việt Nam nữa; hay ngược lại? (Tôi sẽ nói sau, về biến cố di tản sau 30 tháng 4-1975, cho hơn triệu người Việt có cơ hội xuất ngoại túa đi khắp năm châu để duy trì nòi giống cũng như phát huy văn hóa và truyền thống Việt…). Một khi vụ thất thủ thành phố Ban Mê Thuột, đã mở đầu cho cuộc cáo chung nửa phần đất Việt Nam Tự Do chỉ một khoảng thời gian ngắn sau đó!

Để các thế hệ con cháu sau này có chút sử liệu khi muốn tìm hiểu về những ngày tháng cuối cùng của một nửa phần đất nước, cũng như hiểu rõ ngọn nguồn vì đâu mà ông bà, cha mẹ chúng phải bỏ nước ra đi, tôi xin ghi lại dưới đây những biến chuyển chính liên quan tới cuộc thất thủ Ban Mê Thuột.

Cũng chính vì cuộc thất thủ này mà nhà tôi đã phải quyết định đem 6 con vô Sài Gòn, trong khi vì công vụ, tôi phải ở Đà Nẵng.

Được sự giúp đỡ tích cực của người bạn học thuở xưa là giáo sư Nguyễn Thanh Liêm, khi đó, ông đang giữ chức vụ Thứ trưởng bộ Giáo Dục nên nhà tôi được bổ nhiệm dạy tại

trường trung học Trưng Vương ở Sai Gòn. Các con tôi cũng được trường này nhận vào học ngay.

Riêng cá nhân tôi, ở lại Đà Nẵng, một thân một mình nên tôi dành hết thì giờ có được trong nỗ lực xoa dịu phần nào hốt hoảng, lo lắng của đồng bào Đà Nẵng, những người nằm trong cái mà tôi muốn gọi là đại gia đình ruột thịt của tôi từ nhiều năm qua, ở thành phố thân yêu này.

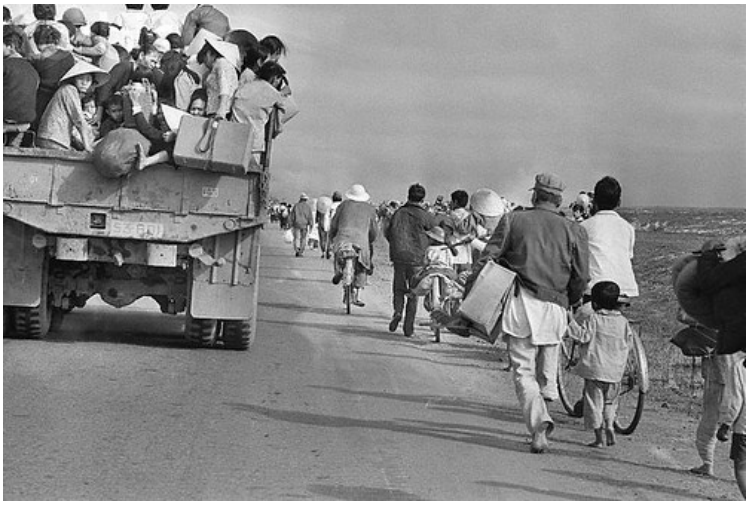

Đà Nẵng, cảnh di tản trong những ngày hỗn loạn.

## CHƯƠNG MƯỜI LĂM

### NHỮNG NGÀY CUỐI THÁNG 3-1975 Ở ĐÀ NẴNG.

Vào dịp Tết âm lịch đầu năm 1975, khi còn ở Đà Nẵng, một người bạn rủ tôi qua Sơn Chà ăn Tết với bạn cho vui. Tôi nhận lời vì cũng muốn có được vài ngày đầu năm tạm quên công việc, ra khỏi những khắc khoải, lo lắng, ưu tư trước tình hình đất nước nói chung, đời sống hàng ngày của thị xã Đà Nẵng nói riêng, ngày một tồi tệ hơn.

Trong mấy ngày ở chơi với bạn, một hôm, một người bạn của tôi thuở ấy mang cấp bậc Trung tá và một người bạn khác mang cấp bậc Đại úy của QL/VNCH, rủ tôi viếng thăm một ngôi miếu dưới chân núi Sơn Chà.

Người bạn tôi nói:

"Ngôi miếu này rất đáng cho chúng ta viếng thăm, để thắp một nén hương vào dịp đầu năm. Chưa kể nhân đó chúng ta có thể xin một quẻ xăm xem vận hạn tương lai của mỗi anh em chúng ta ra sao…"

Tôi đáp:

"Tôi cũng có nghe nhiều người nói về sự linh thiêng của miếu Sơn Chà ấy. Nhưng chưa có dịp nào rảnh rỗi để tới viếng. Nhưng cái khoản xin xăm thì chắc tôi phải tính lại…"

Rồi tôi nói thêm có tính cách nửa đùa nửa thật rằng:

"Tình hình đất nước mình như ri, chưa cần tới thần phán, tôi cũng đã thấy trước là số phận chúng ta chẳng ra gì rồi…"

Nói là nói vậy, trong bụng tôi thiệt sự cũng muốn thử xin một quẻ xăm coi xem vận hạn của vợ chồng con cái gia đình tôi ra sao trong những ngày tới.

Ông Trung tá bạn tôi cũng gật đầu biểu đồng tình. Ông bảo tôi nói đúng!

"Trời đất này, thời thế này thì chỉ có Thượng đế mới cứu nổi đất nước của chúng ta mà thôi. Tuy nhiên tôi vẫn nghĩ bên cạnh vận mạng chung của cả dân tộc, mỗi người còn có một vận mạng riêng nữa. Hình như bên nhà Phật gọi đó là "biệt nghiệp" để phân biệt với "cộng nghiệp".

Người bạn tôi tình cờ nói tới chữ "nghiệp" khiến tôi không khỏi suy nghĩ rất nhiều về cuộc đời tôi. Những việc tốt tôi đã làm được trong đời mình. Những may mắn bất ngờ khó tin cuối cùng đã đến với tôi và gia đình tôi như một phép lạ. Chính nhờ những phép lạ xẩy ra đó mà tôi còn được sống tới hôm nay.

Tôi không biết có phải gần đây, càng lúc tôi càng bi quan về vận mạng của đất nước mình, cũng như càng lúc tôi càng hoang mang về tương lai con cái, gia đình nên tôi đã nhớ lại như một hình thức tự kỷ ám thị, dù khó khăn hay tai họa nào chăng nữa thì cuối cùng tôi và gia đình tôi cũng sẽ được quý nhân phò trợ…

Những ý nghĩ miên man này giăng mắc đầu óc tâm hồn tôi từ lúc ra khỏi nhà cho tới khi đứng trước ngôi Miếu Sơn Chà.

Như đã bàn tính với nhau từ trước khi đi, ba anh em chúng tôi lần lượt khấn vái, cầu nguyện với tất cả tâm thành trước khi lắc ống xăm để xin một thẻ xăm cho vận hạn của riêng cá nhân mình.

Khi anh em chúng tôi mỗi người đã có sẵn trong tay một thẻ xăm, chúng tôi mang tới ông Thầy hiện diện sẵn nơi miếu, để nhờ giải.

Riêng cá nhân tôi, thực sự tôi không muốn nhờ ông Thầy giải giùm cho thẻ xăm của mình.

Chẳng phải vì tôi xuất thân là dân khoa học nên không tin tưởng lắm vào những chuyện có tính cách dị đoan, huyễn hoặc… Nhưng thâm tâm tôi vẫn thường tự nhủ tôi rằng, cứ cố gắng ăn ở cho tốt lành, không hại ai, hãy tận lực giúp người mỗi khi có thể được… Thì rồi mình sẽ nhận được ơn phước, được may mắn… Chứ có cầu nguyện van xin cho cố

mà ăn ở không ra làm sao thì cũng sẽ chẳng có Trời Phật nào chứng cho…

Tôi nói với ông Trung tá bạn tôi rằng:

"Hai ông cứ nhờ Thầy giải trước đi. Phần tôi, chắc tôi không nhờ thầy đâu…"

Tôi viện cớ tôi sợ nếu mình biết trước vận hạn mình không ra gì thì mình sẽ lo lắng lắm. Có khi mình còn làm khổ lây cho vợ con nữa.

Trước câu nói của tôi, ông bạn tôi cười cười giống như ngạo tôi là "chết nhát"…

Ông bảo:

"Không có sao đâu anh. Nếu kết quả lời giải là tốt thì mình tin. Xấu thì mình… quên luôn. Đã mất công tới đây, xin xăm mà không nhờ thầy giải thì còn ý nghĩa gì nữa?"

Trước sự tha thiết của bạn, tôi đành phải gật đầu, chiều ý bạn.

Tôi nói:

"Vậy hai ông coi trước đi, tôi sẽ nhờ thầy giải sau cùng…"

Tôi thật tình không biết những người khác nếu rơi vào trường hợp của tôi, sẽ có tâm trạng như thế nào?

Riêng cá nhân tôi, tôi thật áy náy, thật bối rối tới mức độ giống như ngỡ ngàng khi cả 2 lời giải của ông thầy giải thẻ xăm cho hai người bạn của tôi đều là những tiên đoán ở mức tận cùng của tai họa và bất hạnh.

Người thứ nhất là ông Đại úy bạn của tôi, với thẻ xăm mà ông rút được là:

- Sẽ mất hết chức vụ quyền hành.
- Cá nhân ông ta sẽ bị tù tội.
- Ông sẽ bị vợ bỏ.
- Gia đình ông sẽ rơi vào hoàn cảnh ly tán, tan nát!

Thẻ xăm của người bạn thứ hai, khi đó mang cấp bậc Trung tá, cũng gần như vậy. Nghĩa là ông ta cũng sẽ bị:

- Mất chức vụ.
- Ở tù.

- Và trong trường hợp này thì đương nhiên gia đình của ông không thể nào an lành được.

Tới phiên tôi, như đã nói ở trên, dù không muốn nhờ giải quẻ, nhưng vì chiều theo ý bạn, tôi cũng đã đưa thẻ của mình, nhờ thầy giải giúp.

Nhưng riêng tôi thì kết quả lại hoàn toàn trái ngược hẳn với hai người bạn đi cùng với tôi.

Ông thầy giải quẻ nói, trường hợp tôi chỉ bị mất chức vụ mà thôi. Tuy nhiên tôi sẽ không bị tù mà tôi còn thoát được nhiều tai họa khác nữa, và được xuất ngoại.

Mặc dù theo quẻ xăm thì tôi may mắn hơn hai bạn của tôi rất nhiều, dù cho tôi cũng sẽ bị mất chức như họ… Theo quẻ xăm tôi sẽ không bị tù đầy và gia đình tôi không tan nát…

Nhưng không vì thế mà tôi cảm thấy mình hân hoan, sung sướng khi biết bạn của mình có thể bị những hoạn nạn quá to lớn.

Trước khi rời khỏi Miếu Sơn Chà, tôi trấn an hai người bạn tôi rằng:

"…Ông thầy đó chỉ giải theo những gì mà quẻ xăm đã ghi mà thôi. Điều đó, chưa chắc đã đúng. Chưa kể, tôi biết có nhiều người khi xin được một thẻ xăm xấu thì họ đã xin những thẻ xăm khác, cho tới khi nào có được xăm tốt mới thôi…"

Để cho sự trấn an của mình có thêm sức thuyết phục, sau đấy tôi lại nói thêm với hai người bạn của tôi rằng:

"Tôi nghĩ ông thầy giải xăm chỉ là một người bình thường như tất cả chúng ta mà thôi. Ông ấy có phải là thần thánh chi mô…"

Tôi không biết hai người bạn của tôi có chú ý tới những lời nói của tôi hay không? Mà suốt đường về cả ba chúng tôi sau đấy cùng im lặng.

Cái im lặng nặng nề, khó thở chụp lên tâm trí chúng tôi cho tới khi về lại nhà.

Và người cảm thấy khó… thở hơn cả lại là chính tôi. Bởi vì tôi tự thấy giống như tôi không phải, tôi không đúng với hai người bạn của mình vì tôi đã may mắn hơn họ vậy!

Mặt khác, tôi biết khi tôi tìm lời để an ủi hai bạn thì thâm tâm tôi cũng vẫn bị bán tín bán nghi. Có nghĩa là chính tôi cũng không tin lắm nơi lời nói của mình.

Chỉ có một điều tôi không chối cãi, không phủ nhận rằng, tôi có khấp khởi mừng cho hoàn cảnh của tôi!

Tất nhiên là tôi đã giữ kín nỗi vui mừng kia trong lòng mình. Tôi hiểu rằng, tôi không được phép để lộ ra ngoài mặt hay lời nói dù xa xôi liên quan tới sự may mắn của riêng gia đình tôi, nếu những lời giải xăm của ông thầy kia là đúng.

Nhiều ngày sau, vì vẫn còn áy náy cho hai bạn, tôi vẫn thầm mong, cuối cùng phần số của các bạn tôi sẽ không đến mức tệ hại quá như vậy.

Tôi muốn nói, tôi cầu xin lời giải của ông thầy dành cho hai người bạn của tôi, hoàn toàn sai…

Nhưng thực tế cuối cùng đã cho thấy, cầu xin của tôi chỉ là một hy vọng hão huyền mà thôi.

Bởi vì khi biến cố 30 tháng 4 xảy ra, tôi được biết những gì thầy giải xăm nói đã đúng. Hoàn toàn đúng với kết quả sau cùng là:

- Ông Đại úy bạn của tôi bị tù cải tạo. Vợ ông đi lấy người khác. Gia đình tan tác. Con cái mỗi đứa đi một ngả.

- Trường hợp ông Trung tá bạn của tôi cũng vậy. Ông vô được Sài Gòn. Nhưng cuối cùng vẫn phải đi tù cải tạo tới 15 năm mới được trả tự do. Con cái của ông cũng tứ tán, nổi trôi…

Riêng cá nhân tôi, dĩ nhiên là tôi bị mất chức vụ… Nhưng chẳng những tôi không bị tù đầy mà tôi còn đưa được gia đình đi thoát khỏi Việt Nam trước khi bức màn sắt chụp xuống và mọi cánh cửa hy vọng bị khóa chặt.

Nhưng đó là chuyện tôi sẽ xin kể lại đầy đủ hơn, ở những chương sách kế.

Bây giờ tôi xin trở lại với Đà Nẵng, thành phố thân yêu, thành phố như một máu huyết, một phần thân thể tôi, những ngày cuối tháng 3 năm 1975, trước khi tôi kịp lên máy bay vô Sài Gòn.

Như tôi đã nói ở chương sách trước, ngay từ đầu tháng 3 - 1975, tình hình an ninh của thị xã Đà Nẵng cực kỳ chộn rộn và phức tạp.

Tình trạng mất an ninh, chộn rộn càng trở nên phức tạp hơn sau khi cố đô Huế bị rơi vào tay quân cộng sản. Đồng bào chạy trốn nạn cộng sản ở khắp nơi ùn ùn đổ về Đà Nẵng. Một thành phố vốn đã quá tải về dân số, nay càng phải trân mình đón nhận thêm những đồng bào ruột thịt kém may mắn của mình.

Đây cũng là thời điểm mà bọn du kích, những tổ chức hay cơ sở nằm vùng của cộng sản ở Đà Nẵng gần như ra mặt hoạt động, hầu tạo thêm sự rối rắm, lộn xộn, hoang mang và bất an cho thành phố này.

Vì tính cách lịch sử cũng như để quý bạn đọc, nhất là những thế hệ con cháu của chúng tôi mai sau có được một cái nhìn tương đối chi tiết, đầy đủ về toàn cảnh của bức tranh thị xã Đà Nẵng, chúng tôi xin ghi lại ở đây một bài viết của một ký giả bỏ công tóm tắt những biến chuyển quan trọng, dựa theo hồi ký của những vị tướng có thẩm quyền hay trách nhiệm ở thời điểm ấy, như các ông Cao Văn Viên, Ngô Quang Trưởng, Nguyễn Duy Hinh, Bùi Thế Lân như sau:

"… Kể từ ngày 21/3 đến 23/3/1975, Cộng quân mở các cuộc tấn công vào một số vị trí phòng ngự của các đơn vị VNCH tại Thừa Thiên, trong đó có 1 số xã thuộc quận Phú Lộc, quận cực nam của tỉnh Thừa Thiên. Ngày 24/3/1975, đặc công Cộng quân đột nhập vào Tam Kỳ.

Ngày 25/3/1975, các đơn vị VNCH tại phòngTuyến Thừa Thiên triệt thoái, rút về Đà Nẵng.

Trong 2 ngày 26/3 và 27/3, Cộng quân mở các đợt pháo kích vào các vị trí của một số đơn vị thuộc Sư đoàn 3 Bộ binh.

Tại Đà Nẵng, sáng ngày 28 tháng 3/1975, Trung tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn I và Quân khu I, mở cuộc họp khẩn với các đơn vị trưởng tại bộ Tư lệnh Quân đoàn. Nhiều biện pháp được đưa ra để vãn hồi trật tự và gấp rút tái tổ chức các đơn vị các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Tín rút về. Tất cả các quân nhân từ những nơi khác về

Đà Nẵng trong những ngày trước cũng được tập trung để bổ sung cho các đơn vị trú phòng.

Tại khu vực trách nhiệm của Sư đoàn 3 Bộ Binh, Trung đoàn 56BB được lệnh rút về tuyến vàng (Cầu Lầu-Thu Bồn). Cộng quân tung chiến xa đuổi theo, một chiếc M113 của Thiết đoàn 11 bị bắn cháy.

Tại phòng tuyến Đại Lộc, Cộng quân đã chiếm bộ chỉ huy Chi khu quận và lập hệ thống công sự phòng thủ ở đây. Trung đoàn 57BB được lệnh phải triệt phá các chốt chận của Cộng quân quanh quận lỵ. 1 giờ trưa, Bộ Chỉ huy Tiểu khu Quảng Nam mất liên lạc với Bộ Tư lệnh Sư đoàn 3.

Theo lời Đại tá Phạm Văn Chung, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Quảng Nam, thì trưa ngày 28/3/1975, ông đã đến Duyên đoàn 15 Hải quân dùng tàu nhỏ đi quan sát việc bố phòng quanh thị xã Hội An. Sau đó ông liên lạc về Bộ chỉ huy Tiểu khu thì không có ai trả lời.

Cũng vào trưa ngày 28-3-1975, Cộng quân tung một tiểu đoàn thuộc B44 lập các chốt chận tại Thanh Quít, ngay sau đó, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 3 BB điều động một Tiểu đoàn của Trung đoàn 2 BB giải tỏa khu vực này, hai Tiểu đoàn còn lại và Bộ chỉ huy Trung đoàn 2BB phụ trách phòng ngự phòng tuyến Điện Bàn - Hội An.

Đến chiều ngày 28/3/1975: ba Tiểu đoàn của Liên đoàn 915 Địa phương quân do Trung tá Võ Vàng chỉ huy được điều động phòng thủ thị xã Hội An. Sau lưng của ba trung đoàn thuộc Sư đoàn 3BB, là các đồn Địa phương quân và Nghĩa quân lúc đó đã bỏ ngỏ.

Trưa ngày 28/3/1975, một sự kiện xảy ra tại trung tâm huấn luyện Hòa Cầm là binh sĩ các đơn vị Địa phương quân tỉnh Quảng Tín phá kho lương thực của trung tâm này, khóa sinh theo học tại trung tâm đã bỏ đi, chỉ còn lại khoảng Đại đội phụ trách phòng thủ của trung tâm.

Khoảng 2 giờ chiều, Bộ Tư lệnh Quân đoàn I nhận được mật điện của Phòng 2 bộ Tổng Tham Mưu báo tin là Cộng quân sẽ tấn công vào Đà Nẵng vào khuya ngày 28 rạng ngày 29/3/1975.

Cùng với thông tin tình báo của Phòng 2, Bộ Tổng Tham

Mưu cũng đưa ra thêm một lệnh nữa là Sư đoàn 1 Không quân phải đưa hết số trực thăng và phản lực của Sư đoàn vào căn cứ Không quân tại Phù Cát hoặc Phan Rang. Trung tướng Tư lệnh Quân đoàn I/Quân khu I Ngô Quang Trưởng cho lệnh báo động đỏ, tất cả các đơn vị đều được đưa ngay đến vị trí phòng thủ. Để ổn định tình hình trật tự trong thành phố, Trung tướng Ngô Quang Trưởng cử Chuẩn tướng Nguyễn Văn Điềm, Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh, làm quân trấn trưởng quân trấn Đà Nẵng. Các đại đội Quân Cảnh được điều động tuần tra quanh thị xã và kiểm soát quân nhân đi lẻ tẻ trên đường phố.

Màn đêm vừa buông xuống thì Cộng quân bắt đầu pháo kích vào phi trường và căn cứ Hải quân.

Bộ Tư lệnh Quân đoàn I và nhiều căn cứ quân sự khác cũng bị pháo kích. Cộng quân đã kéo pháo 130 ly từ đèo Mũi Trâu để bắn vào phi trường, một thành phần pháo binh khác từ hướng thung lũng Phước Tường cũng pháo kích dồn dập vào khu vực Đà Nẵng. Hai khẩu đội đại bác 175mm của Pháo binh Quân đoàn I liền phản pháo và được phi cơ quan sát điều chỉnh tọa độ nhưng kết quả không mấy khả quan. Cộng quân vẫn gia tăng nhịp độ pháo kích.

Trung tướng Ngô Quang Trưởng báo cáo tình hình cho Đại tướng Cao Văn Viên và Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Theo lời của Đại tướng Cao Văn Viên thì khi nhận được báo cáo của Trung tướngTrưởng, Tổng thống Nguyễn VănThiệu không có lệnh nào dứt khoát, không cho Trung tướng Trưởng biết là nên rút hay nên cố thủ. Tổng thống chỉ hỏi Trung Tướng Trưởng là nếu di tản thì có bao nhiêu người có thể đi được an toàn. Tổng thống Thiệu không hài lòng với những diễn biến đang xảy ra, ông không muốn ra lệnh nữa để phải chịu thêm một nỗi đau thứ hai.

- 10 giờ đêm 28/3/1975: Lực lượng VNCH tại Quân khu I được lệnh triệt thoái Đà Nẵng.

- 7 giờ 30 tối ngày 28/3/1975, Trung tướng Tư lệnh Quân đoàn I Ngô Quang Trưởng và vài sĩ quan tham mưu Quân đoàn I đến Bộ Tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ Binh tại căn cứ Hòa Khánh. Ông bắt tay thật chặt từng sĩ quan tham mưu Sư đoàn

3BB dàn chào ông ở sân chờ bộ Tư lệnh. Một vị trưởng phòng kể lại là Trung tướng Trưởng đã nhìn thẳng vào mặt từng người như muốn nói với họ một điều gì đó. Không ai nghĩ rằng đó là cái bắt tay vĩnh biệt của vị tư lệnh Quân đoàn.

Theo nhật ký hành quân của Thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh, Tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ Binh, thì trong nửa giờ họp riêng tại văn phòng tư lệnh Sư đoàn, Trung tướng Trưởng đã bàn với Tướng Hinh cả hai kế hoạch: phòng thủ và rút lui nếu áp lực Cộng quân quá mạnh. 8 giờ tối cùng ngày, Trung tướng Trưởng rời căn cứ Hòa Khánh và bay một vòng quan sát thành phố Đà Nẵng trong khi Cộng quân tiếp tục pháo kích vào thành phố.

- 9 giờ 30 tối, Trung tướng Tư lệnh Quân đoàn I Ngô Quang Trưởng bay đến Bộ tư lệnh Hải quân Vùng 1 Duyên Hải và triệu tập một cuộc họp với các tướng và tư lệnh các đại đơn vị ngay tại văn phòng của Phó Đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại (Phó đề đốc: tương đương cấp Chuẩn tướng).

Tham dự cuộc họp có Trung tướng Lâm Quang Thi, Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn I, Thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh, Thiếu tướng Bùi Thế Lân và Phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại.

Trước khi bắt đầu cuộc họp, Tướng Trưởng gọi điện thoại xin quyết định của Đại tướng Viên và Tổng thống Thiệu. Các vị tướng ngồi chờ kết quả.

- Theo lời kể của Thiếu tướng Bùi Thế Lân thì chỉ sau vài phút nói chuyện với Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu, đôi mắt Trung tướng Trưởng đỏ ngầu, khuôn mặt buồn bã. Rời điện thoại, Trung tướng Tư lệnh Quân đoàn I/Quân khu I Ngô Quang Trưởng tiến về các vị tướng đang chờ lệnh của ông và giọng nghẹn ngào: Lệnh bỏ Đà Nẵng. Bấy giờ là 10 đêm ngày 28 /3/1975".

Quay trở lại với sinh hoạt của cá nhân mình, trong những ngày cuối cùng của tháng 3-1975, trước khi Đà Nẵng mất hẳn vào tay Bắc Quân, tôi nhớ sáng sớm ngày 26 tháng 3 (lúc này Huế đã bị mất), bất ngờ có một người đàn ông mặc sắc phục Cảnh sát Dã Chiến đến gõ cửa nhà tôi.

Anh ta lạnh lùng nói:

"Chào ông Chánh Sở. Chúng tôi được lệnh đến để canh chừng ông".

Tôi kinh ngạc nhìn người đàn ông này từ đầu tới chân. Giống như thể tôi không tin nơi mắt mình và tai của mình.

Mặc dù anh ta mặc quân phục Cảnh sát Dã chiến nhưng chân anh ta lại đi… dép râu!

Phát hiện này khiến tôi tái mặt. Và tôi hiểu ngay rằng, tổ chức Việt Cộng ở thành phố Đà Nẵng đã cho người đến canh chừng hoặc đúng hơn là họ chính thức quản thúc tôi.

Trước tình cảnh nguy hiểm này tôi nghĩ mình phải hết sức bình tĩnh. Không thể để lộ bất cứ một tính toán nào khiến tên cán bộ cộng sản này có thể làm ẩu với những quyết định nguy hiểm hơn cho bản thân tôi.

Tôi giữ vẻ thản nhiên như không hề biết gì hết. Tôi trả lời hắn:

"Thầy cám ơn em. Để thầy đi rửa mặt, ăn sáng xong thầy sẽ xuống gặp em".

Lý do, khi đó, mọi sinh hoạt của tôi ở tầng lầu trên chứ không phải ở dưới nhà.

Sau khi để cho tên Việt Cộng này yên tâm về tôi, tôi dùng cửa sau đi tới chiếc xe jeep của mình.

Tới lúc này, tôi lại gặp một bất ngờ khác nữa! Đó là sự kiện chú tài xế của tôi đã ngồi sẵn trong xe từ lúc nào, tôi cũng không biết nữa.

Vẫn cố giữ cho mình cái thái độ thản nhiên, bình tĩnh như thể không biết chuyện gì đã xảy ra, tôi hỏi chú tài xế tên Ngạc của tôi rằng:

"Răng bữa ni em tới sớm rứa?"

Tôi hỏi vậy cho có chuyện vì theo lệ thường mỗi ngày, thì 8 giờ sáng Ngạc mới phải có mặt ở nhà tôi, để đưa tôi đi làm. Mà sáng đó thì anh ta đã có mặt tại nhà tôi khi đồng hồ chỉ chưa tới 7 giờ!

Bây giờ tôi không nhớ Ngạc trả lời tôi ra sao. Nhưng ngay lập tức, tôi nghĩ trong đầu rằng, phải đẩy được tên Việt Cộng thứ hai này khỏi chiếc xe của mình thì mới hy vọng có thể thoát thân được.

Tôi liền rút trong túi 1000 đồng, đưa cho Ngạc và bảo hắn:

"Còn sớm lắm. Thầy chưa đi làm hay đi đâu cả. Nên em cầm đỡ khoản tiền này đi ăn phở xong rồi thư thả trở về đây cũng còn dư chán thì giờ em à!"

Tôi nhớ khi đó một tô phở giá chỉ có 120$ thôi. Do đó, số tiền tôi đưa hắn đủ cho hắn ăn tới 4, 5 tô phở lận.

Rất may cho tôi là ngay sau khi nhận tiền, Ngạc bỏ xe đi liền. Đợi hắn đi khá xa rồi tôi mới lấy xe chạy thẳng tới phi trường Đà Nẵng.

Thời gian đó, vì là Giám đốc sở Học Chánh nên tôi được cấp giấy phép ưu tiên đi trong giờ giới nghiêm cũng như ưu tiên vào ra phi trường.

Tôi quyết định vào ngay phi trường vì trước đó, tôi đã có trong tay 3 phi vụ tức ba cơ hội rời khỏi Đà Nẵng vô Sài Gòn.

Cơ hội thứ nhất của tôi là cơ hội do người bạn đi xin xăm cùng với tôi.

Như tôi đã kể, ông ta là Đại úy, lái máy bay phản lực A37. Loại phản lực cơ chiến đấu này chỉ có hai chỗ ngồi. Một cho phi công chính và một cho phi công phụ.

Ông bạn của tôi cho biết, ông sẽ để người phi công phụ ở lại, để lấy chỗ ngồi cho tôi.

Tuy nhiên, khi vào tới phi trường rồi tôi mới biết hôm đó, chiếc phản lực cơ A37 của người bạn tôi không đáp được ở phi trường Đà Nẵng.

Do đấy, cơ hội này của tôi, coi như bị hỏng vào phút chót.

Cơ hội thứ hai rời khỏi Đà Nẵng của tôi là tôi có sẵn một vé máy bay đi Sài Gòn của hãng Hàng Không Việt Nam (HKVN).

Lúc bấy giờ việc có được một vé máy bay của hãng HKVN đi Sài Gòn phải kể là chuyện thiên nan vạn nan. Không phải cứ có tiền mà có thể mua được.

Lý do tôi có được chiếc vé đó là nhờ bà cô của ông Đào Trọng Tường, Thị trưởng Thị xã Đà Nẵng, can thiệp với quầy vé HKVN. Họ ưu tiên dành cho tôi một vé đi Sài Gòn.

Tôi những tưởng sau khi mình vào được phi trường, lại có sẵn vé trong tay, thế nào mình cũng sẽ vô được Sài Gòn.

Sự tin tưởng của tôi càng gia tăng hơn nữa khi tôi gặp ông Giám đốc chi nhánh hãng HKVN ngay tại phi trường.

Là chỗ quen biết nhau đã từ lâu, ông ta bảo tôi:

"Thầy cứ yên trí, an tâm ngồi đợi. Khi nào có máy bay tôi sẽ ưu tiên đưa thầy ra…"

Phần tin tưởng chắc chắn mình sẽ đi được vì có vé đàng hoàng, lại được ông giám đốc chi nhánh hãng HKVN bảo đảm, nên tôi cứ bình thản ngồi nhìn máy bay lên xuống.

Nhưng sau khi tôi chờ hơn 2 tiếng, gần 3 ba tiếng vẫn không thấy ông ta gọi. Trong khi chung quanh tôi rất nhiều người đã ra sân bay.

Quá sốt ruột, tôi đứng lên bước lại phía cửa dẫn ra sân bay, với định tâm coi thử tình hình ra sao… Thì bất ngờ tôi gặp một người bạn thể thao, cùng chơi tennis với tôi, tên là Vĩnh Tháp.

Chắc hẳn anh ta thấy vẻ mặt lơ ngơ của tôi nên mới buột miệng bảo tôi rằng:

"Thầy Ngà, tụi nó đi hết cả rồi. Sao thầy vẫn còn đứng đây làm gì?"

Nghe anh ta hỏi tôi mới chợt hiểu, hóa ra người ta đã khóa cửa ra sân bằng một cục đá lớn. Tôi bèn kể anh ta nghe trường hợp của tôi.

Khi ấy Tháp đang đứng bên trong phi trường. Anh ta mới xê cục đá qua một bên, hé mở cánh cửa cho tôi lẻn vào sân bay.

Khi tôi vừa mới lách người để bước vào sân bay, thì tôi thấy Đại tá Ph., tay cầm súng, miệng la lớn:

"Yêu cầu đồng bào xê ra cho ông Chánh Sở cùng gia đình ra phi cơ vì ông và gia đình có vé máy bay…"

Tôi ngạc nhiên quay lưng nhìn thì hóa ra vợ con ông Ph. đã bám sát ngay sau lưng tôi!

Sau này nhớ lại, tôi nghĩ nếu không có tôi, không biết vợ con ông Ph. khi nào mới vào được Sài Gòn.

Khi chúng tôi chui được vào lòng máy bay thì cũng là lúc cửa máy bay khóa lại.

Chiếc phi cơ chở chúng tôi ì ạch bay. Nó gần như không bay nổi vì quá tải!

Nó phải bay là là dưới thấp, ráng lết vào tới Sài Gòn.

Hầu như tất cả mọi hành khách trên chuyến bay đó, đã nhìn sự kiện về được Sài Gòn như một phép lạ.

Tôi gọi đó là một phép lạ vì thời điểm đó, bất kể máy bay quân sự hay dân sự, hễ thấy máy bay là cộng sản chĩa súng cao xạ, súng phòng không bắn ngay. Nhất là những chiếc máy bay nào bay thấp… Nó như một thứ mồi ngon trong tầm súng của họ.

Chưa kể một số quân nhân của chúng ta, vì bất mãn khi thấy dân chúng ào ào ra đi trong khi vợ con họ vẫn loay hoay không lối thoát… Nên chính họ cũng là những người chĩa súng lên trời nhắm bắn những chiếc phi cơ bay ngang vùng đóng quân của họ!

Sở dĩ tôi nhấn mạnh tới điểm này vì cũng ngày 26, như tôi đã nói ở khúc trên rằng, tôi có tới ba cơ hội khác nhau, để rời Đà Nẵng.

Cơ hội thứ ba tôi muốn nói tới đó là sự kiện Đại tá Trứ một người bạn cũ của tôi, đã hứa dành cho tôi một chỗ trong số 10 chỗ trên chiếc trực thăng của ông, sẽ cất cánh vào buổi tối cũng cùng ngày 26.

Vì cuối cùng, tôi đi được với hãng HKVN, nên Đại tá Trứ đã lấy chỗ của tôi cho người khác.

Không may cho Đại tá Trứ và những người đáp chuyến bay trực thăng của ông, đã bị những người lính ở dưới đất bắn trúng. Máy bay nổ tung giữa không trung.

Toàn thể 14 người trên máy bay đều tử nạn. Trong số đó, có Đại tá Trứ!

Ở Sài Gòn, khi hay tin buồn này, tôi đã đến thăm bà Trứ. Vừa nhìn thấy tôi, bà bật khóc.

Lúc đó, tôi hiểu rõ hơn bao giờ hết rằng sống chết di tản được hay không đúng là hoàn toàn do số mệnh.

Số mệnh dù cho tốt hay xấu thì nó vẫn giống như chiếc bóng đeo theo cuộc đời của mỗi chúng ta, cho tới ngày người đó không còn nữa!

## CHƯƠNG MƯỜI SÁU

## SÀIGÒN THÁNG 4-1975: TÌM ĐƯỜNG DI TẢN.

Hai tuần lễ đầu của tháng 4 -1975, người dân miền Nam nói chung, thị dân Sài Gòn nói riêng đã nhận được rất nhiều tin tức đau thương liên quan tới vận mạng của 20 triệu đồng bào được sống trong chế độ Tự Do.

Tôi muốn ví những tin tức này, cũng giống như những mũi đinh lần lượt đóng lên náp ván quan của nền Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa vì hy vọng, mọi lối thoát dường đã bị định mệnh khắc nghiệt khóa kín.

Trước nhất là tin tức chiến sự trong những ngày đầu của tháng 4 ghi nhận rằng, các tỉnh thành, các thị xã thuộc miền Trung đã lần lượt bị lọt vào tay CS Hà Nội!

Từ vùng đất này cộng quân sắp xếp lại hàng ngũ, với hai ngả tiến quân, một từ miền Bắc và một từ Tây Nguyên, mở những mũi dùi tiến về vùng đồng bằng Nam Bộ. Khi ấy, thành phố Phan Rang là "chốt" đầu tiên mà Bắc quân muốn nhổ trước nhất.

Phải chăng vì đoán được ý định của địch, nên QL/VNCH tập hợp những đơn vị còn lại của Quân đoàn 2 nhập vào quân số của Quân đoàn 3 với chủ đích lập một phòng tuyến ngăn chặn cộng quân tràn về Phan Rang.

Nhưng mãnh hổ nan địch quân hồ, nên cuối cùng những đơn vị anh hùng của QL/VNCH đã không chặn được quân Cộng Sản mà tư lệnh chiến trường của quân đội chúng ta ở mặt trận này đã bị cộng quân bắt được.

Sự kiện này về phương diện quân sự và lãnh thổ cho thấy Quân khu 1 và 2 của Việt Nam Cộng hòa đã bị xóa bỏ. Ngay sau đó, Bắc quân đã ào xuống đồng bằng Đông Nam Bộ nơi vùng trấn giữ thuộc quân đoàn và quân khu 3 của VNCH, một địa giới chỉ cách thủ đô Sài Gòn hơn kém khoảng 100 cây số.

Theo tài liệu mà tôi đọc được trong những ngày này thì, nỗ lực cuối cùng của QL/VNCH là trông vào tuyến phòng thủ từ xa của Sư đoàn 18 tại thị xã Xuân Lộc thuộc tỉnh Long Khánh.

Ngay từ thời đó, đối với những ký giả ngoại quốc nào theo dõi trận địa ở miền nam Việt Nam, nếu còn chút lương tâm và danh dự nghề nghiệp thì họ cũng phải ghi nhận rằng, đó là trận đánh cuối cùng tiêu biểu cho khả năng, kinh nghiệm và tinh thần chiến đấu dũng cảm của QL/VNCH.

Nhất là những chiến sĩ sư đoàn 18 của miền Nam khi ấy phải chiến đấu với tình trạng eo hẹp, giới hạn về vũ khí và sự tiết giảm tối đa về phương diện yểm trợ của pháo binh và không quân.

Tôi muốn nhắc tới việc thời gian, đó cũng là thời gian mà người Mỹ không còn viện trợ súng đạn cho QL/VNCH nữa!

Mặc dù lực lượng của miền Nam Việt Nam chỉ có một Sư đoàn 18 nhưng họ vẫn chặn đứng được sức tiến công ồ ạt của cả một Quân Đoàn Cộng Sản với quân số không phải gấp đôi

mà gấp 4 tới 5 lần hơn. Đó là quân đoàn 4 CS, được Bắc quân gọi là Binh đoàn Cửu Long. Quân đoàn CS này được thành lập từ các sư đoàn và đơn vị tại miền đông Nam Bộ với mục đích tấn chiếm Xuân Lộc.

Nhưng Sư đoàn 18 đã chống cự dũng cảm, vượt ngoài dự đoán của Bắc quân. Trận đánh kéo dài nhiều ngày với mức tổn thất nặng nề nghiêng về phía địch quân, khiến Quân đoàn 4 CSBC phải bổ xung quân số, thay đổi chiến thuật.

Nếu tôi không lầm thì quân đoàn CS này đã phải chia đôi quân số. Một nửa tiếp tục bao vây Xuân Lộc. Một nửa bôn tập về tỉnh Biên Hòa…

Chính vì Biên Hòa bị đe đọa mà cuối cùng, vào ngày 21 tháng 4, Sư đoàn 18 của QL/VNCH được lệnh bỏ Xuân Lộc về gần Sài Gòn, lập tuyến phòng ngự ở bên kia sông Đồng Nai. Coi đây như là một tuyến phòng thủ mới, và là tuyến phòng thủ cuối cùng, bảo vệ cửa ngõ của thủ đô miền Nam.

Tôi không biết vì tình hình không thể cứu vãn được nữa hay vì áp lực của chính phủ Mỹ mà tối ngày 21 tháng 4, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã lên truyền hình, đọc bài diễn văn cuối cùng trong đời ông với tư cách một Tổng Thống và cũng là vị Tổng Tư Lệnh tối cao của QL/VNCH. Người để lại cho chúng ta và nhiều thế hệ sau, câu nói bất tử:

"Đừng nghe những gì cộng sản nói mà hãy nhìn những gì cộng sản làm".

Trong diễn văn này, Tổng Thống Thiệu tuyên bố từ chức. Giao quyền điều hành quốc gia cho Phó tổng thống Trần Văn Hương…

Cùng với những tin tức u ám như tôi mới ghi lại ở trên, tôi nghĩ, có lẽ cũng nên nhắc lại ở đây, một biến cố bất ngờ góp thêm vào sự căng thẳng tinh thần, cuộc sống hoang mang đầy bất định của người dân Sài Gòn.

Đó là sự kiện ngày 8 tháng 4, tên Trung úy Nguyễn Thành Trung lái một chiếc phản lực cơ A-37 từ phi trường Biên Hòa, trên đường đi yểm trợ hành quân cho QL/VNCH thì y đã tách khỏi phi đội, bay về Sài Gòn, bỏ bom Dinh Độc Lập.

Sau khi thất bại vì không đạt được mục tiêu, Trung đã bay qua khu Nhà bè, bỏ bom kho xăng dự trữ ở nơi này, trước

khi đáp xuống phi trường Lộc Ninh, vốn đã thuộc về Bắc quân.

Sống trong thảm cảnh hầm hập sức nóng của những bủa vây, bế tắc với những cơn sốt hốt hoảng, hoang mang của Sài Gòn ở thời điểm đó, gia đình tôi chỉ là một chiếc lá nhỏ bé bị cơn gió cuồng nộ cuốn theo.

Tuy chúng tôi có mừng rỡ vì cuối cùng vợ chồng, cha con cũng được an lành, đoàn tụ một nơi. Nhưng điều đó không có nghĩa là chúng tôi thoát khỏi cơn bão thời thế, nguy cơ đất nước bị xâm chiếm đã nhìn thấy không phải ở cuối chân trời mà đã chờn vờn ngay trên đầu mình.

Tôi vẫn muốn nhắc lại ở đây, một lần nữa rằng, nhờ sự can thiệp, giúp đỡ của người bạn học cũ là giáo sư Nguyễn Thanh Liêm, khi ấy ông đang giữ chức vụ Thứ trưởng bộ Giáo Dục nên nhà tôi được đi dạy học lại ngay lập tức ở trường trung học Trưng Vương. Các con tôi cũng được trường này cho nhập học ngay. Nhưng đó chỉ là một phần của những khó khăn ban đầu khi gia đình chúng tôi chạy từ Đà Nẵng vào Sài Gòn.

Phần còn lại, là đời sống thực tế hàng ngày cộng với thực tế bi quan của vận mạng đất nước khiến tinh thần của vợ chồng chúng tôi sa sút thấy rõ.

Với tư cách người chủ gia đình, trước tình cảnh mờ mịt, bấp bênh này, người xuống tinh thần nhiều nhất là tôi!

Ở thời điểm này, đi đến đâu, chỗ nào, ngay cả tại các văn phòng, cơ quan chính phủ, người ta cũng gần như chỉ bàn luận về chuyện đi ở, bên cạnh những tin tức thất trận, QL/VNCH phải bỏ vùng này hay vùng kia; tin cắt đất, tin hòa giải hòa hợp và luôn cả những tin đồn đãi về vùng trái độn, về giải pháp trung lập miền Nam Việt nam…

Nói cách khác, những ngày đầu tháng 4-1975, người dân Sài Gòn sống với tin buồn thất trận, tin những người đã được di tản, và những tin đồn vô căn cứ.

Những tin đồn vô căn cứ này, giải pháp trung lập phần nào lại là những liều thuốc an thần có khả năng làm dịu lại cơn khủng hoảng tinh thần của thị dân thành phố trong ít phút, ít giờ nào đấy.

Tôi nói những tin đồn vô căn cứ có giá trị an thần cho nhiều người trong một giây phút nào đó mà thôi bởi vì thực tế thành phố Sàigòn vốn đã quá tải, nay lại chứng kiến cảnh mỗi ngày lại nhận thêm cả ngàn đồng bào tỵ nạn từ khắp nơi tuôn về, giữa lúc chính quyền, các cơ quan phủ bộ phụ trách dân tản cư hoàn toàn tê liệt.

Những người chạy giặc không có thân nhân, không có khả năng thuê mướn nhà cửa ở tạm, đành phải cắm lều, giăng bạt ở lây lất bất cứ nơi nào có thể ở được. Sàigòn những ngày này, bề ngoài còn có vẻ như chưa đến nỗi nào, nhưng sâu trong ruột đã nát ngấu.

Khi dân số Sài Gòn vùn vụt tăng thêm từng ngày như tôi vừa kể thì nhiều sinh hoạt xã hội đời thường, nếu không đình trệ thì cũng chỉ còn ở mức độ cầm chừng. Họ nghe ngóng, hồi hộp đợi chờ tai họa cuối cùng sắp giáng xuống.

Trong số những tin tức mà thị dân Sài Gòn muốn nghe, muốn biết nhiều hơn cả ngoài tin chiến sự là những tin liên quan tới di tản, xuất ngoại!

Chung quanh chúng tôi, lần lượt những người quen biết thân cũng như sơ, lần lượt ra đi.

Có người trước khi đi, vì tình thân hoặc lòng tin cậy, tìm đến gửi chúng tôi một lời chào.

Có người sợ phải tiết lộ đường giây xuất cảnh, sợ bất trắc có thể xảy ra vào phút chót cho gia đình họ, dù thân thiết cách mấy với gia đình chúng tôi, họ cũng đã ra đi lặng lẽ…

Trước thực trạng này, dù là người rất mực yêu đất nước, yêu đồng bào của mình, và yêu cả những công trình tâm huyết trong lãnh vực giáo dục… tôi cũng không thể ngồi yên.

Tôi có thể quên cá nhân mình. Nhưng tôi không thể làm ngơ trước tương lai bấp bênh, nhiều phần bất hạnh cho tương lai của 6 đứa con và người vợ tào khang, tình nghĩa, bao năm đầu gối tay ấp của tôi.

Do đó, một mặt tôi cố tạo một không khí tương đối bình an cho gia đình. Mặt khác, tôi cũng không ngừng nghe ngóng, suy tính, cân nhắc tất cả những ngõ ngách, những đầu

mối có thể dẫn tới việc đưa được tất cả gia đình tôi ra ngoại quốc.

Vì thế, khi được tin bác sĩ Hà Xuân Du rủ về Cần Thơ, ông là cháu gọi nhà tôi bằng Dì, cho hay ông có thể dành cho gia đình chúng tôi một số chỗ di tản khỏi Việt Nam, từ thành phố Cần Thơ, thì tôi và nhà tôi đã tức tốc đi ngay.

Tại Cần Thơ chúng tôi gặp ông chủ tàu người Hoa (Vợ bác sĩ Hà Xuân Du là ca sĩ Phương Tâm).

Chủ tàu thuyết trình đầy đủ cho tôi và Du nghe về phương tiện di tản cũng như thủy trình cùng những bất trắc có thể gặp trong chuyến đi.

Ông nói, chiếc ghe tầu ông có là loại ghe tầu lớn. Không những đi biển mà còn có thể chịu đựng được sóng to, bão lớn nữa.

Ông đã cho mang xuống tàu một số lương thực đủ dùng cho 6 tháng lênh đênh giữa biển khơi…

Ông cũng đã lập xong danh sách những người có mặt trên chiếc tầu ấy. Tuy nhiên, vì nghĩ tới chúng tôi, nên ông đã để dành 2 chỗ cho gia đình chúng tôi.

Đó là con số lớn nhất, tình nghĩa nhất mà ông có thể nhín cho chúng tôi.

Trong tình cảnh và thời thế hỗn loạn lúc đó, thâm tâm tôi cảm kích và biết ơn ông vô cùng.

Ngặt nỗi ông chủ tàu đã nói rõ, ông chỉ có thể dành 2 chỗ là tối đa cho gia đình tôi mà thôi. Nên chúng tôi trả lời ông rằng, cho chúng tôi ít ngày, để chúng tôi có thì giờ thảo luận, cân nhắc với nhau, xem ai ở ai đi!

Trên đường trở về lại Sài Gòn, vợ chồng chúng tôi rất phân vân trước đề nghị mà như tôi đã nói, là từ lòng tốt của ông chủ tàu.

Chúng tôi phân vân bởi vì nhân số của gia đình chúng tôi, tổng cộng 8 người. Nếu chỉ có thể dành cho chúng tôi hai chỗ thì ai đi? Ai ở?

Nếu phải chọn 2 trong số 6 cháu nhỏ của chúng tôi, thì 2 cháu nào sẽ được ưu tiên?

Hai cháu lớn nhất, là Thái Diệu My, Thái Vy Thy, hay hai cháu nhỏ nhất là Thái Doãn Kim và Thái Doãn Khê?

Rồi ai sẽ trông nom, hướng dẫn 2 cháu này nơi đất khách quê người khi mà nhà tôi không thể đi theo với 2 cháu đó?

Lại nữa hai vợ chồng chúng tôi, sau mấy chục năm chung sống, phải nói là chúng tôi rất tâm đầu ý hợp. Mặc dù gia đình nào cũng có lúc bất hòa lớn hay bé… Nhưng vợ chồng chúng tôi đối với nhau được cái là người này vì người kia mà quên tự ái hay dẹp đi cái tôi của mình.

Mỗi lần vợ chồng chúng tôi có những xung khắc tưởng như khó giải quyết, chúng tôi lại nhớ lại thời gian đầu, cả hai chúng tôi đã phải kiên nhẫn, chịu đựng phấn đấu biết bao nhiêu năm tháng, cuối cùng mới lấy được nhau thì mọi bất hòa đều được xóa tan ngay.

Tôi rất hãnh diện, sung sướng để nói rằng, sau mấy chục năm vợ chồng, trước sau chúng tôi vẫn có một cuộc sống gia đình ấm êm, hạnh phúc.

Nhưng trước chuyện chia nhỏ gia đình, với kẻ sẽ ra nước ngoài, người ở lại quê hương, thì tôi phải tự hỏi:

- Nếu tôi muốn cho hai cháu ra đi để ít nhất trong gia đình còn có 2 đứa con có tương lai… liệu nhà tôi có đồng ý với tôi về quyết định sống chết này?

Tôi biết người phụ nữ nào thương con cũng không muốn rời xa con cái khi chúng còn qua nhỏ, trừ những trường hợp bất khả kháng.

Những câu hỏi phải nói là quá khó khăn ấy khiến cho vợ chồng tôi vừa suy nghĩ nát óc. Chưa gì chúng tôi đã cảm thấy quá đau lòng khi nghĩ tới chuyện, nếu cùng đường, vợ chồng phải chọn lựa rời xa hai đứa con dù lớn hay bé của mình!

Tất cả mọi băn khoăn của tôi may mắn thay, được giải tỏa sớm!

Số là, khi về đến Sài Gòn vợ chồng chúng tôi có dịp đi ăn cơm với ông luật sư Trần Tiễn Tự, vốn là chỗ quen biết từ xưa với chúng tôi.

Trong bữa ăn, khi đề cặp tới di tản, chuyện người ở người đi, luật sư Tự nổi hứng thuyết giảng cho chúng tôi nghe về tình yêu quê hương, tình yêu tổ quốc! Trách nhiệm của sĩ phu, những người trí thức đối với dân tộc và đất nước của

mình, trong hoàn cảnh nhiễu nhương của quê hương, tổ quốc như hiện tại…

Luật sư Tự nói hay tới mức, cả hai vợ chồng tôi cùng thấy ông đúng.

Rất đúng.

Người sai sẽ là chúng tôi, nếu chúng tôi cứ bỏ nước ra đi bằng mọi cách.

Bài thuyết giảng hùng hồn của luật sư Trần Tiễn Tự khiến chúng tôi giống như bừng tỉnh.

Chúng tôi bảo nhau:

"Vợ chồng mình không thể sống ích kỷ như vậy được".

Tôi nói nhà tôi rằng, dù sao thì quê hương này cũng đã ân cần nuôi dưỡng, bảo bọc chúng ta từ khi tấm bé.

Dù sao thì đất nước này cũng đã dành cho chúng ta khá nhiều ưu đãi…

Chưa kể khi bỏ đi như vậy, chúng ta chẳng những bỏ lại cha mẹ, anh em nội ngoại hai bên, mà chúng ta còn bỏ lại cả mồ mả cha ông nữa!…

Vốn có cùng một cảm nghĩ như tôi, nhà tôi hoàn toàn đồng ý ngay.

Nhà tôi chia sẻ với tất cả những gì tôi nghĩ tới.

Chúng tôi quyết định ở lại. Chúng tôi đồng ý nhau rằng:

"Thôi từ hôm nay, chúng ta sẽ không loay hoay, lùng xục tìm đường di tản nữa!". Gần như cùng một lúc với quyết định thôi không bỏ nước ra đi nữa, thì một người bạn của tôi làm lớn ở Bộ Giáo Dục gọi điện thoại bảo tôi tới Bộ, nhận nghị định bổ nhiệm.

Nghị định này có nội dung bổ nhiệm tôi vào chức vụ Tổng Thư ký Bộ Quốc Gia Giáo Dục.

Người bạn cũ ở bộ cho tôi biết thêm:

"Quyết nghị đó do chính Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn ấn ký".

Lời nhắn của người bạn học cũ khiến tôi nhớ lại rằng, mới đây trước khi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức, ông đã bổ nhiệm Chủ tịch Hạ Viện Nguyễn Bá Cẩn vào chức vụ Thủ tướng chính phủ, thay thế Đại tướng Trần Thiện Khiêm đã đệ đơn từ chức và được chấp thuận.

Trong vai trò tân Thủ tướng, ông Nguyễn Bá Cẩn được lệnh Tổng thống Thiệu thành lập gấp nội các mới.

Trước sự kiện được chọn vào chức vụ Tổng thư ký bộ Quốc Gia Giáo Dục bởi Thủ tướng Cẩn, vị trí lớn thứ ba của một bộ, tôi thấy cần phải đi ngược lại quá khứ ít năm, để quý độc giả cũng như con cháu chúng tôi sau này, hiểu rằng đấy là một biến chuyển bất ngờ, giống như từ trên trời rớt xuống, chứ không phải do tôi chạy chọt hay đút lót gì hết.

Tôi muốn nhắc lại mùa hè năm 1972, tôi được bộ Giáo Dục chỉ định làm Chánh Chủ Khảo Hội đồng thi Tú Tài tại thành phố Nha Trang.

Khi đó ông Nguyễn Bá Cẩn - tôi biết ông qua dân biểu Anh giới thiệu - đã làm Chủ tịch Hạ Viện. Ông có người con trai thi tại hội đồng này.

Tôi biết con ông Cẩn học rất giỏi. Tuy nhiên, có thể vì tính cẩn thận, phòng xa mọi rủi ro, hoặc muốn con đậu cao hầu đủ điều kiện xin du học, nên trước ngày thi, cả hai ông bà đã bay ra Nha Trang gặp tôi. Ông nói:

"Chúng tôi có đứa con trai thi trong hội đồng thi của thầy. Chúng tôi bay ra đây để gửi cháu cho thầy. Thầy để tâm giúp đỡ cho cháu".

Tôi đáp:

"Cũng là bậc cha mẹ, nên tôi hiểu, cha mẹ nào cũng lo lắng cho con cái, nhất là khi con cái phải trải qua những kỳ thi quan trọng như kỳ thi Tú Tài này. Nhưng như tôi biết thì cháu nhà là một học sinh giỏi. Tôi tin sẽ không có một tục trặc nào cho cháu đâu. Chẳng qua ông bà Chủ Tịch quá lo lắng cho cháu mà nói vậy thôi…"

Sợ ông bà Cẩn hiểu lầm là bị từ chối khéo, tôi phải nói thêm:

"Xin ông bà yên tâm trở về Sài Gòn, việc của cháu, tôi sẽ hết sức quan tâm…"

Ông bà ngỏ lời cảm ơn tôi và không quên dặn dò tôi rằng, nếu tôi có cần gì ở Sài Gòn, xin đừng ngần ngại, cứ gọi điện thoại hoặc liên lạc với ông bà.

"Chúng tôi sẽ lo cho thầy với cả khả năng của mình".

Ông bà nhấn mạnh.

Trước mối ưu to lo lắng và cung cách lịch sự, tế nhị của ông bà Cẩn, tôi đã thực hiện lời hứa với họ.

Dù thực tế, tôi cũng chẳng phải lo giúp gì nhiều. Vì như tôi đã nói, căn bản con của ông bà là một học sinh giỏi.

Phần cá nhân mình, tôi cũng quên khuấy chuyện đó. Khi nhà tôi và các cháu chạy loạn từ Đà Nẵng về Sài Gòn trước, rồi tới phiên tôi, tôi không hề nghĩ nhớ tới chuyện liên lạc hay nhờ cậy gì ông Cẩn.

Bởi thế, tôi ngạc nhiên lắm, khi biết ông bà Cẩn vẫn nhớ chuyện xưa.

Theo suy luận đơn giản của tôi thì có thể ông bà Cẩn muốn cho tôi thấy, ông bà không quên ơn xưa (dù quá nhỏ), nên khi lên làm Thủ Tướng, ông bà nhớ tới tôi, và quyết định bổ nhiệm tôi vào chức vụ mà tôi đã kể (Có thể ông bà muốn tôi rời khỏi Đà Nẵng).

Trước sự việc nằm ngoài chờ đợi của mình, nhà tôi khuyên tôi nên sớm đến Bộ nhận nghị định.

Nhà tôi nói:

"Biết đâu, sau này nhờ chức vụ ấy mà người Mỹ sẽ lo cho cả gia đình xuất ngoại…"

Tôi nghĩ nhà tôi có lý.

Hôm sau vào sáng thứ Sáu tôi dự trù tới Bộ Giáo Dục nhận nghị định, thì được điện thoại của nữ ca sĩ Thái Xuân mời đi ăn sáng.

Tôi quen biết với nữ ca sĩ Thái Xuân đã lâu, qua người cháu dâu của nhà tôi là nữ ca sĩ Phương Tâm, vợ bác sĩ Hà Xuân Du, như tôi đã đề cập nơi mấy trang sách trên cũng ở chương này.

Gặp lại nhau sau nhiều năm xa cách, cả hai chúng tôi dường không ai dấu được niềm vui.

Tôi có ngay câu hỏi cho ca sĩ Thái Xuân:

"Lâu nay chị đi đâu, làm việc gì mà cả 10 năm tôi không gặp chị. Tôi cũng không nghe tin chị hát ở phòng trà nào hết là sao vậy?"

Bà Thái Xuân vẫn với cung cách nồng nhiệt, nhẹ nhàng, đáp:

"Xuân đi Mỹ cả chục năm rồi anh Ngà. Tại Xuân lập gia đình với một người Mỹ. Ông ấy là pilot… Ông ấy hiện đang lái máy bay cho một hãng hàng không dân sự PANAM Mỹ."

Rồi chừng như để tôi hiểu tại sao bà lại xuất hiện vào những ngày Sài Gòn đang nhiễu nhương, hỗn độn và bất trắc như thế này…", bà thêm rằng:

"Xuân về Việt Nam để đưa gia đình đi Mỹ. Chắc anh Ngà đã biết, người Mỹ có chương trình di tản một số công dân và những người có liên hệ với chính phủ của họ sang Mỹ… Trước khi tình hình Việt Nam biến chuyển ở mức độ mà họ sợ họ sẽ không kịp trở tay..."

Tôi gật đầu, tỏ ý mình có biết chuyện này. Đồng thời trong óc tôi cũng lóe lên một tia hy vọng. Tôi có cảm tưởng như tôi mới được chạm tới đường giây xuất ngoại mà Trời Phật muốn cứu độ gia đình tôi.

Cảm nghĩ này khiến tôi khấp khởi mừng thầm. Nhưng tôi cố nén giữ trong lòng. Tôi không muốn đường đột nói thực suy nghĩ hay mơ ước của mình.

Dù sao tư cách tôi cũng không cho phép tôi ngỏ ý đột ngột như thế.

Sau đó, cả hai chúng tôi đều không đi sâu vào câu chuyện đi Mỹ mà ca sĩ Thái Xuân vừa hé mở.

Tôi hỏi thăm đời sống của bà cũng như những kiều bào người Việt ở Mỹ sinh sống, hoạt động ra sao?

Phần bà, bà hỏi thăm tôi về một số bạn bè, những người quen biết cũ. Những người mà bà nghĩ rằng cả hai chúng tôi cùng quen biết.

Khi buổi ăn sáng kết thúc, nữ ca sĩ Thái Xuân ngỏ ý nhờ tôi giúp bà đi chợ, để mua ít trái cây…

Bà nói: "Anh có xe hơi, sẽ dễ dàng giúp tôi di chuyển giữa đường phố Sài Gòn xô bồ, hỗn loạn này một cách an toàn".

Tôi đáp:

"Được chị Xuân. Bao nhiêu năm chị mới về nước, chỉ nhờ tôi một chuyện nhỏ như vậy thì có đáng chi đâu…"

Mặt khác, vì số trái cây bà Thái Xuân mua không nhiều, nên tôi đề nghị, để tôi được trả tiền.

Như một cử chỉ bày tỏ sự vui mừng một cách cụ thể, được gặp lại bà sau nhiều năm vắng bóng.

Bà vui vẻ nhận lời và có lẽ cũng vì sự thân thiện, thoải mái của tôi mà sau đó, bà lại ngỏ ý nhờ tôi chở bà vào cơ quan DAO, nơi người Mỹ lập danh sách và sắp xếp chuyến bay cho những người được cơ quan này cho di tản bằng phương tiện của người Mỹ.

Cũng vì bà nhờ tôi chở đi, nên tôi mới biết khi tới cổng của cơ quan DAO, nữ ca sĩ Thái Xuân xuất trình tại trạm kiểm soát một tấm thẻ gì đó. Tôi không rõ.

Điều tôi thấy trước mắt, và tôi rất ngạc nhiên là bà đã được ưu tiên vào cơ quan, mà không phải trải qua bất cứ một thủ tục nào khác.

Những Nhân viên an ninh tại cổng cũng không hề hỏi tôi là ai? Hoặc liên quan thế nào với bà?

Xong công việc ở DAO, nữ ca sĩ Thái Xuân lại hỏi tôi:

"Anh Ngà à, nếu anh không bận lắm thì Xuân lại phiền anh, cho Xuân về nhà đón gia đình của Xuân trở lại nơi này nhé anh Ngà?"

Tôi đáp:

"Vâng thưa chị. Tôi hiện rảnh rỗi mà. Sáng nay trước khi chị gọi, tôi định đi nhận sự vụ lệnh cho một công việc mới. Nhưng đó chỉ là nghị định bổ nhiệm. Chưa rõ ngày giờ tôi phải trình diện, nhận việc".

"Ồ thế thì quý quá. Sài Gòn lúc này, trong tình cảnh này Xuân khó có thể nhờ được ai có xe mà lại tin cậy được như anh Ngà. Trong khi công việc của Thái Xuân lại không tiện cho Xuân đi xe Taxi…"

Chị nói trong vui mừng. Tôi đáp, cũng rất thành thật với lòng mình:

"Chị là bạn của Phương Tâm. Mà Phương Tâm là vợ của Bác sĩ Du, cháu của nhà tôi người thân trong gia tộc chúng tôi. Nên chị đừng ngại…"

Trên xe của tôi, trong chuyến trở lại cơ quan DAO, có nhiều người đủ mọi hạng tuổi.

Lựa lúc nữ ca sĩ Thái Xuân không có trong xe, tôi hỏi họ đi đâu? Có bà con gì với bà Thái Xuân không?

Họ cho biết:

"Đi Mỹ".

Có người mau miệng nói rõ:

"Chúng tôi nhờ bà Thái Xuân, lo cho chúng tôi được đi trong danh sách gia đình của những người làm việc cho chính phủ Mỹ…"

Tới lúc này tôi càng thấy cảm tưởng gia đình tôi được Trời Phật ngó tới, hay định mệnh một lần nữa lại không quên dành cho chúng tôi những cơ hội tốt nhất vào phút chót, là phép lạ đang trở thành sự thật!

Tôi đã định bụng trước khi chia tay với nữ ca sĩ Thái Xuân, tôi sẽ hỏi bà để biết thêm chi tiết và liệu xem mình có khả năng nhờ tới đường giây, sự giúp đỡ của bà hay không.

Nhưng tôi chưa kịp hỏi thì vào lúc 4 giờ chiều, khi công việc của bà đã tạm xong, bất ngờ, bà hỏi tôi:

"Anh Ngà à, nẫy giờ Xuân bận việc, Xuân quên. Giờ sực nhớ ra, Xuân hỏi thiệt anh Ngà nha. Anh Ngà có muốn đi Mỹ không?"

Tôi đáp:

"Có. Tôi muốn lắm chứ. Nhưng hoàn cảnh công chức, giáo chức Việt Nam, lương ba cọc ba đồng như chúng tôi thì chị biết rồi…"

"Xuân biết. Xuân chỉ muốn hỏi anh có muốn đi hay không mà thôi?"

Thái Xuân nói.

Bà nhìn thẳng vào mặt tôi, như chờ đợi sự xác nhận, hay quyết định dứt khoát của tôi, để từ đó bà sẽ liệu định.

Phần tôi, tôi cũng thấy đã tới lúc nên nói thẳng và nói rõ hoàn cảnh của mình.

Lại nữa, lúc này, tôi có cảm tưởng sau gần một ngày sinh hoạt chung với nhau, sự ngỡ ngàng ban đầu, sau nhiều năm tháng không gặp nhau đã tan loãng.

Tôi thấy giữa chúng tôi đã bắt có lại được cái tình thân như hồi chúng tôi gặp nhau 10 năm về trước.

Tôi đáp:

“Tôi xác nhận với Xuân là tôi rất muốn. Tuy nhiên nếu có đi thì tôi muốn đi cả gia đình chứ tôi không chấp nhận cảnh người đi người ở…”

Thái Xuân gật đầu, thông cảm:

“Xuân biết”.

Nương theo đà tình thân có lại, tôi nói:

“Nhưng tôi không có tiền, Xuân à!”

Vẫn rất thẳng thắn và chân tình, Thái Xuân hỏi:

“Vậy tối đa anh lo được bao nhiêu?”

Tôi đáp với ít nhiều rụt rè:

“Mười cây cho tất cả 8 người!”

Rất mau chóng, dứt khoát như đàn ông, nữ ca sĩ Thái Xuân bảo:

“Vậy anh về nhà đi. Chở ngay tất cả mọi người vào đây!”

Lúc đó, đồng hồ trên tay tôi chỉ 4 giờ 10 phút chiều, ngày 26 tháng 4 năm 1975.

## CHƯƠNG MƯỜI BẢY

### PHI TRƯỜNG TÂN SƠN NHẤT,
### NHỮNG GIỜ PHÚT CHẠY ĐUA VỚI TỬ THẦN.

Chia tay ca sĩ Thái Xuân, một mình lái xe trên đường về lại nhà, trong đầu tôi nôn nao nhiều câu hỏi!

Tôi không biết mình sẽ phải quyết định thế nào, một khi lát nữa đây, các con không có mặt đông đủ? Tôi sẽ làm gì, ra sao khi thiếu một trong 6 đứa?

Nếu đợi cho tới khi đủ mặt các con, thì liệu ca sĩ Thái Xuân còn ở phi trường hay đã lên máy bay đi mất?

Đó là một trong những điều tôi lo ngại nhất. Tôi vẫn nhớ lời nói ngắn gọn của người phụ nữ mà với tôi, lúc đó là người có quyền thế nhất tại phi trường.

Tôi nhớ, như lời bà kể thì chồng bà là 1 trong 4 người lái chiếc phản lực cơ của hãng Pan Am, bốc trẻ em mồ côi ra khỏi Việt Nam, mà một trong 4 chiếc đã bị rớt ngay khi vừa cất cánh… Ông ta là phi công chính rất giỏi, lại rành rẽ địa thế, đường bay ở miền Nam, nên ông được hãng Pan Am đặc biệt tin cậy và quý trọng.

Từ sự quý trọng này mà vợ ông, nữ ca sĩ Thái Xuân đã trở thành một người rất có quyền thế với những chuyến bay của hãng hàng không này.

Tôi cũng lo ngại, đắn đo, không biết phải nói với ba mạ tôi ra sao, thế nào để hai cụ bớt phần đau khổ trong giờ phút chia tay giống như là một cuộc chia ly vĩnh viễn khi không một ai có thể nói trước tương lai?

Lại nữa, chỉ với một chiếc xe hơi của tôi, liệu tôi có thể chất tất cả mọi người cùng với những valise quần áo không?

Đó là chưa kể ca sĩ Thái Xuân quyết định rất mau chóng, gần như không đắn đo suy nghĩ gì cả, khi mà tôi cho bà biết số cây vàng tôi có… Số vàng này ở thời điểm đó, như tôi biết chưa chắc đã đủ cho một người ra đi, nói chi tới cả một gia đình 8 người.

Mối băn khoăn, hồi hộp của tôi nẩy sinh từ ý nghĩ: Có khi nào sau một hai tiếng suy nghĩ chín chắn lại, ca sĩ Thái Xuân sẽ đổi ý? Chẳng những bà từ chối không cho gia đình tôi lên máy bay, có khi bà còn từ chối can thiệp cho tôi vào bên trong vòng rào của phi trường nữa!

Tôi lái xe vừa cẩn thận tránh xe, tránh người vì không muốn có một tai nạn dù nhỏ như cọ quẹt nào trên đường về nhà, vừa nghĩ ngợi lan man…

Tôi biết chỉ cần một va chạm nhỏ thôi trên đường đi, trong tình cảnh hốt hoảng, nóng bỏng này, hậu quả có thể trở thành to lớn, nguy hiểm không lường.

May mắn cho tôi, khi về tới nhà thì 6 đứa con của chúng tôi cùng có mặt.

Thời gian đó, trong nhà tôi cũng có đủ hai ông bà nội của các cháu.

Tôi gọi nhà tôi vào phòng riêng, nói vắn tắt sự kiện bất ngờ mới xẩy ra.

Tôi nhấn mạnh với nhà tôi rằng:

"Đây là cơ hội giống như Phật độ, Trời giúp. Chúng ta không thể chùng chình, để chậm một giây phút nào…"

Tôi cũng dặn dò nhà tôi là không nên nói gì trước với ông bà nội để tránh cảnh đau lòng cho hai cụ và cũng cho cả vợ chồng tôi và các cháu nữa.

Nhà tôi đồng ý và cho biết, tuy chưa có đường giây ra đi nào chắc chắn, nhưng nhà tôi cũng đã chuẩn bị cho mỗi cháu một túi xách.

Trong túi nhà tôi để sẵn cho các cháu một số mì gói, ít thuốc cảm, thuốc tiêu chảy và một chút tiền.

Nhà tôi nói:

"Phòng khi hữu sự các con cũng có đủ thực phẩm, thuốc men sống trong ít ngày…"

Tôi nghĩ nhà tôi muốn nói tới trường hợp chạy loạn, con cái, cha mẹ thất lạc nhau… Nhưng có thể vì kiêng cữ cho nên nhà tôi không muốn nói rõ ra…

Tôi không biết có phải một khi Trời Phật đã quyết định phù trợ cứu vớt chúng ta, thì tất cả mọi chuyện sẽ xấy ra ăn khớp nhau như những vòng răng cưa của một bánh xe ăn khớp với vòng răng cưa của những bánh xe khác vậy.

Tôi muốn nói, bên cạnh việc ông bà nội của các cháu có mặt ở nhà khi ấy, tôi còn thấy có sự hiện diện của người em trai tôi nữa. Tôi không biết chú em đã ghé thăm chúng tôi từ lúc nào?

Tôi tính nhanh trong đầu rằng, với sự có mặt của chú em, tôi có thể nhờ cậu lái xe của tôi về lại nhà sau khi chúng tôi đã lọt vào được bên trong phi trường Tân Sơn Nhất.

Trong trường hợp này, tôi cũng có thể để mẹ của nhà tôi đi cùng, tức tiễn đưa chúng tôi tới phi trường; vì sau đó, đã có người chở bà cụ về…

Tôi không biết từ khi tôi thông báo với nhà tôi, sự xuất hiện và hảo ý của ca sĩ Thái Xuân dành cho gia đình tôi cho tới lúc chúng tôi ra xe, nổ máy vào phi trường Tân Sơn Nhất là bao nhiêu phút.

Tôi chỉ nhớ thời gian qua rất nhanh. Mỗi một phút trôi qua, lòng tôi một thêm nóng ran nỗi sốt ruột, hồi hộp và cũng lung túng, luống cuống nữa.

Để tránh tình trạng mất bình tĩnh vì quá căng thẳng do lo lắng, hồi hộp, tôi nhờ chú em lái xe đưa cả gia đình ra đi.

Tới phi trường Tân Sơn Nhất, tôi nói với chú em tôi, làm ơn lái xe về nhà ngay lập tức. Ý tôi muốn cắt ngắn những giây phút chia tay, bịn rịn.

Chủ tâm của tôi là muốn tránh cảnh đau lòng cho kẻ ở cũng như người đi. Và thực tế, trong hoàn cảnh này, tôi nghĩ cả hai phía đều không biết phải nói, nên nói những gì với nhau?

Kẻ đi không biết tương lai mình ra sao đã đành! Người ở lại cũng không hơn gì!

Kẻ ở lại cũng không thể biết được ngày mai, tương lai sống chết ra sao…

Ai biết trước được? Khi mà cả một nửa đất nước, với hơn 20 triệu dân đang như những con cá nằm trên thớt…

Nghe lời tôi, chú em tôi lái xe chở bà mẹ của nhà tôi rời ngay khỏi phi trường Tân Sơn Nhất.

Chúng tôi cùng cố gắng không ngoái nhìn nhau….

Nhưng dù cố gắng và tự khơi dậy rất can đảm, cứng rắn trong mình bao nhiêu, thì cuối cùng chúng tôi vẫn ngoái nhìn và trông theo chiếc xe chở bà mẹ của nhà tôi nhỏ dần, rồi lẫn trong ánh nắng chiều thoi thóp trên cảnh vật. Phương tây, mặt trời như ứa máu.

Vì là giờ tan sở, nên đường phố chen chúc người xe. Những chiếc xe, những con người chạy ngược xuôi như một bầy thú cùng đường.

Tôi chạnh lòng tự hỏi, rồi cuộc đời họ, con cái họ, thân nhân gia đình họ sẽ ra sao, ngày mai?

Đó là giây phút cuối cùng, Saigòn, một phần khu vực phi trường Tân Sơn Nhất, tôi ghi lại được, trong ký ức buồn bã của mình. Ký ức của một nhà giáo, một ông thầy từng gắn bó một đời với đất nước, với đồng bào và với học sinh của mình…

Nhưng kết cuộc là gì?

Kết cuộc là tôi đã không thể có một chọn lựa nào khác cho mình, ngoài sự phải quyết định lìa bỏ quê hương! Rời xa mồ mả, biệt ly nơi chôn nhau, cắt rốn của mình!

Tôi tự hỏi không biết tổ tiên tôi, những bậc công thần khai quốc đã tạo nên những oan nghiệt, khổ đau nào cho các dân tộc khác, mà hôm nay con cháu ở cả hai miền Nam, Bắc phải nhận chịu những thương đau, tang chế, bất hạnh, chia lìa tận gốc này?

Trở lại với những giây phút đầu tiên ở phi trường Tân Sơn Nhất, sau khi gia đình tôi được ca sĩ Thái Xuân đón vào trong phi trường một cách suôn sẻ.

Bà bảo tôi tìm một chỗ ngồi đâu đó cho cả gia đình.

Bà cẩn thận nhắc nhở:

"Anh Ngà nhớ tập trung gia đình ở một chỗ mà thôi. Đừng để các cháu đi lung tung. Tuy tối nay máy bay mới cất cánh, nhưng Xuân muốn khi Xuân tìm hoặc gọi gia đình anh lên máy bay thì khi ấy chúng ta không phải đi tìm hay đợi chờ một người nào cả".

Tôi gật đầu:

"Xuân yên lòng lo công việc. Nhà tôi và các cháu sẽ ngồi cố định ở một nơi…"

Ca sĩ Thái Xuân có vẻ hài lòng lắm vì sự hiểu biết của chúng tôi.

Tuy nhiên, ngay sau đó bà gọi tôi rời xa gia đình tôi một chút, và nói nhỏ gần như thầm thào vào tai tôi rằng:

"Có một tin giờ chót không vui…Xuân thấy cần phải cho anh Ngà biết sớm để chúng ta cùng định liệu…"

Dù ca sĩ Thái Xuân chưa dứt lời, trực giác của tôi đã báo cho tôi biết, có thể đó là một biến cố có ảnh hưởng lớn tới gia đình chúng tôi.

Tôi ngắt lời bà, hỏi ngay:

"Tin thế nào, cô Xuân?"

Người đàn bà quyền uy nhất của phi trường Tân Sơn Nhất trong mắt tôi, ở giờ phút và ngày tháng ấy, hạ thấp giọng thêm nữa, tựa không muốn cho một người nào khác, dù đứng sát chúng tôi có thể nghe được.

Bà bảo:

"Ông Trần Văn Hương mới ra lệnh chỉ cho phép con nít và phụ nữ lên máy bay. Thanh niên và đàn ông tuyệt đối không được ra khỏi nước…"

Tôi lặng người. Tôi choáng váng trước tin "sét đánh ngang tai" này. Tôi có cảm tưởng như không chỉ tay chân mà toàn bộ thân thể tôi lạnh dần vì một luồng hơi giá buốt cực mạnh vừa xuyên suốt cơ thể.

Phản ứng tự nhiên của tôi là liếc mắt nhìn về góc phòng đợi của phi trường. Nơi nhà tôi và các cháu đang đứng ngồi lóng ngóng.

Không biết có phải do thần giao cách cảm hay vì trực giác vốn mạnh mẽ mà trời phú cho người phụ nữ, tôi bắt gặp ánh mắt nhà tôi, đang hướng về phía tôi.

Tất nhiên là nhà tôi không biết chuyện gì, cũng không nghe được một chữ nào từ cuộc nói chuyện thì thầm giữa tôi và ca sĩ Thái Xuân…

Nhưng ngay trong ánh mắt của nhà tôi, tôi đọc được ít nhiều nỗi âu lo, bồn chồn mơ hồ nào đấy…

Bên cạnh những câu hỏi mà nhà tôi không thể cất lên, không thể chuyển bằng lời cho tôi, như:

"Có trục trặc gì không anh?"

"Liệu cả gia đình mình có thể được đi cùng một lần? Một chuyến?"

"Sao em lo quá, anh Ngà ơi?..."

Tôi còn cảm được trong đôi mắt lo âu của nhà tôi nỗi buồn bã, khắc khoải, hay ân hận là vì hoàn cảnh, vì chồng con nên nhà tôi đã phải cắn răng, nén lòng chia tay, bỏ lại người mẹ già đã bước vào tuổi gần đất xa trời, sau lưng mình…

Trong thoáng chốc tôi bỗng thấy thương yêu, tội nghiệp nhà tôi, giống như thể chưa có một lần nào tôi cảm thấy thương yêu, tội nghiệp nhà tôi đến như thế.

Nếu ai ở hoàn cảnh tôi lúc đó, tôi nghĩ cũng không thể làm được gì khác hơn là quay mặt đi; cố che dấu những giao động, hốt hoảng trong lòng mình.

Tôi không biết ca sĩ Thái Xuân có cảm nhận, có đọc thấu tâm trạng rối bời của tôi lúc đó hay không? Chỉ biết, bà rất bình tĩnh, đặt nhẹ tay lên vai tôi, và vẫn bằng giọng nói chỉ đủ cho một mình tôi nghe:

"Trong lúc chờ chuyến bay cất cánh, Xuân đề nghị anh Ngà nên tạm lánh mặt đâu đó… Hoặc anh chọn một giải pháp nào đó, để những người phụ trách phần an ninh, phần kiểm soát của chính phủ Việt Nam không để ý theo dõi anh…"

Tôi gật đầu, cầm tay bà xiết mạnh:

"Được rồi cô Xuân. Tôi sẽ tự lo được cho mình được, cô Xuân à. Tất cả ưu tiên mà tôi muốn… mà tôi tha thiết nhất mong cô Xuân giúp cho là sự ra đi của vợ con tôi…"

Tôi không biết điều gì khiến tôi buột miệng nói với ca sĩ Thái Xuân, như những lời trăn trối, gửi gấm vợ con lại cho

người đàn bà không hề có một chút huyết thống nào với gia đình tôi, trong hoàn cảnh loạn lạc, bấp bênh, sinh tử cùng cực này?

Nhớ lại, dường như trong tôi lúc đó, một đoạn phim quá khứ đã xa, bỗng trở lại rõ nét, mạnh mẽ như những vết khắc chạm nổi cộm trên bức tường thời gian, đã trở về lung linh, rực rỡ trong tâm trí tôi.

Đó là hình ảnh nhà tôi từ thuở còn là tiểu thư, kín cổng cao tường, nữ sinh trường Đồng Khánh, chọn yêu tôi, một học sinh Quốc Học nghèo, sau đó trở thành một nhà giáo trẻ chưa có được bao nhiêu sự nghiệp.

Nhưng tình yêu chân thật, thanh khiết từ tuổi hoa niên giúp chúng tôi vượt qua bao khó khăn để trở thành vợ chồng mà kết quả cụ thể của tình yêu bền vững và nghĩa nặng phu thê là sáu đứa con của chúng tôi, như sáu bông hoa hàm tiếu; hứa hẹn những tương lai ngời ngợi rực rỡ…

Trong một thoáng mơ hồ, tôi thấy nếu cần tôi sẽ hy sinh tất cả. Hy sinh ngay cả bản thân, sự sống của tôi, để nhà tôi và các con của chúng tôi được sống một đời sống tự do như một con người chứ không phải là những nô lệ.

Tôi nghĩ nhà tôi từ lúc sinh ra và các cháu từ thuở lọt lòng chưa hề làm một điều ác. Họ cũng chưa hề được hưởng trọn vẹn một niềm vui vì sinh ra và lớn lên trong chiến tranh, tang tóc…

Tôi nghĩ, họ rất xứng đáng để được hưởng cuộc sống mà nhân phẩm được tôn trọng, tương lai được bảo đảm, tài năng, trí tuệ được phát triển…

Tôi cũng nghĩ không một ai có quyền chôn sống, có quyền bóp chết những cuộc đời lương thiện và trong sáng như thế…

Vì thế, nếu tôi có phải đánh đổi sinh mạng của mình, để bảy sinh mạng, bảy viên ngọc quý báu nhất đời tôi, được sống dưới bầu trời tự do, thì tôi cho sự hy sinh kia vẫn là một giá quá rẻ…

Tôi không biết có phải vì ánh mắt âu lo của nhà tôi, vì sự ngơ ngác hoang mang hiện rõ trên những gương mặt trẻ thơ,

còn quá non nớt của các con tôi… đã khiến tôi không khỏi thương cảm, bùi ngùi?

Tôi cũng không biết có phải trong tôi, giây phút ấy những ngọn sóng thương yêu, lo lắng cho vợ con cuồn cuộn dâng lên, khiến tôi không thể kiểm soát mình?

Nhớ lại, tôi chỉ biết lúc đó tôi đã không thể ngăn giữ được mình.

Tôi không thể không nói ra câu nói đau đớn ấy. Dù cho người nghe là ca sĩ Thái Xuân, có nhận nó như những lời trăn trối, những lời nói cuối cùng của một tử tội chăng nữa!

Tôi nghĩ nhiều phần ca sĩ Thái Xuân cảm nhận được những rung động sâu kín, chân thành của tôi trước giờ phút định mệnh bấp bênh, sống chết chỉ trong gang tấc của vợ chồng, con cái chúng tôi…

Bà xiết chặt tay tôi, lay lay như dỗ dành, như trấn an một người đang ở miệng vực tuyệt vọng rằng:

"Không sao đâu anh Ngà. Anh yên tâm. Anh cứ tạm lánh mặt cái đã. Thế nào rồi Xuân cũng có cách anh à… Anh tin Xuân đi…"

Tôi gật đầu.

Tôi muốn nói lời biết ơn, tôi muốn bày tỏ lòng cảm kích sự tử tế, tận tình, chu đáo của người phụ nữ, phút chót xuất hiện giữa một Sài Gòn hấp hối…Nhưng cổ họng tôi khô nghẹn. Lưỡi tôi tê dại…

Tôi nhớ dường như tôi đã có có một lời nào khác hơn những cái gật đầu.

Tôi gật đầu như dấu hiệu ngỏ ý phó thác mọi chuyện cho bà. Cho người phụ nữ bất ngờ hiện ra với gia đình chúng tôi, như một cứu tinh ngoài dự tính.

Chúng tôi buông tay nhau.

Tôi đứng nhìn theo ca sĩ Thái Xuân lẫn vào đám đông lố nhố đứng ngồi, trước khi bà mất hẳn trong một phòng làm việc nào đấy của phi trường.

Lúc này, bình tâm lại tôi mới có thể nghĩ thêm về cái lệnh không cho thanh niên, đàn ông ra đi theo gia đình của Tổng thống Trần Văn Hương.

Tôi không biết trước khi ông được ông Thiệu trao quyền Tổng thống, tiếp tục lèo lái con thuyền VNCH đang nổi chìm trong bão tố, ông có biết rằng đã có biết bao nhiêu thanh niên, bao nhiêu người đàn ông chủ những gia đình quyền thế hoặc khá giả đã ra đi một cách công khai, chính thức?

Tôi cũng tự hỏi, không biết Tổng thống Hương có biết, trước khi ông ngồi vào chiếc ghế Tổng thống, ông có hỏi các cố vấn, các phụ tá của ông rằng, đã có bao nhiêu người làm cho các cơ quan liên hệ tới chính quyền?

Hoặc ông có biết những công ty Mỹ cho phép nhân viên người Việt Nam của họ, được phép mang theo gia đình ra ngoại quốc, bao nhiêu ngày trước đây?

Phải nói là cả ngàn người trước khi ông ban hành lệnh cấm!

Tôi hiểu Tổng thống Hương đâu có thì giờ để quan tâm tới chuyện nhỏ nhặt như vậy!

Tôi nghĩ, ông ra lệnh cấm như vừa kể, chỉ có tánh cách tâm lý, tượng trưng, nhằm trấn an phần nào dư luận hay sự hoảng loạn của dân chúng mà thôi.

Phần cá nhân mình, tôi nghĩ tôi không thể tự trói tay tôi trong cái lệnh được ban hành vào phút chót, mang ý nghĩa vớt vát của những lệnh lạc chỉ cho thấy rõ thêm cái tình cảnh tuyệt vọng chung của đất nước.

Ý nghĩ này khiến tôi thấy rằng việc đầu tiên tôi cần làm ngay là phải thay hình đổi dạng bề ngoài của mình.

Tôi muốn nói, tôi thấy tôi phải có được cho mình một phong cách chững chạc, đàng hoàng của một công chức cao cấp của chính phủ.

Tôi không thể lẩn tránh đâu đó, trong phi trường nhốn nháo, nhộn nhạo giữa hàng trăm, hàng ngàn con người như hiện tại ở đây, trong bộ dạng của một người đàn ông hoang mang, thất thần tìm đường ra khỏi nước.

Tôi phải tạo được cho mình một sự kính trọng nào đấy nơi mắt nhìn soi bói của thành phần an ninh, kiểm soát người ra đi tại phi trường Tân Sơn Nhất lúc này.

Ý nghĩ đó khiến tôi chợt nhớ rằng, ngay trong phi trường này, tôi có để sẵn nơi nhà riêng của Đại tá Không quân Hà

Xuân Vịnh (anh ruột của bác sĩ Hà Xuân Du), một ít bộ veston...

Tôi cũng không rõ trong trường hợp nào, hay tại sao tôi lại làm công việc ấy… Lúc đó tôi không có thì giờ để tìm hiểu mà chỉ biết rằng phải đi ngay. Phải có ngay cho mình "bộ cánh" nghiêm chỉnh, sang trọng…

Tôi bước lại chỗ nhà tôi và các cháu. Tôi nói nhỏ với nhà tôi:

"Em và các con yên trí chờ ở đây. Anh ghé qua nhà Hà Xuân Vịnh lấy bộ veston của anh để mặc vào trông cho nó đàng hoàng…"

Nhà tôi còn đang ngơ ngác như muốn hỏi tôi, liệu việc làm ấy có cần thiết trong lúc này không?

Nhưng tôi không để nhà tôi kịp hỏi vì tôi không muốn phải thuật rõ mọi chuyện. Tôi nghĩ nó sẽ chỉ khiến nhà tôi thêm giao động, hoang mang…

Sự hoang mang giao động của nhà tôi, có thể đưa nhà tôi tới những quyết định mà tôi sẽ khó có thể cứu vãn được.

Tôi nói thêm:

"Trong thời gian anh đi, nếu bà Thái Xuân gọi em và các con lên máy bay… Em thay anh lo cho các con… Phần anh, sẽ tự lo lấy. Anh sẽ lên sau. Thế nào thì gia đình mình cũng sẽ đi được một lần em à…"

Tôi nói như thể tôi nắm trong tay mọi chuyện.

Dù vậy nhà tôi vẫn không an lòng. Nhà tôi nhìn tôi, cái nhìn khẩn khoản phản ảnh nỗi lo của một người vợ dành cho chồng trong những giờ phút mà sự rời xa nhau giây lát, có thể trở thành mất nhau vĩnh viễn!

Nhà tôi rụt rè bảo:

"Anh đi lẹ. Thật lẹ rồi về quay về ngay với em và các con nhé anh".

Đặt tay lên vai nhà tôi, tôi quả quyết:

"Anh sẽ về ngay. Nhà anh Hà Xuân Vịnh ngay đây thôi em ạ…"

Tôi cũng không hiểu vì lý do gì khiến tôi có thể đoan chắc với nhà tôi như vậy?

Chỉ tôi biết cho tới phút đó, tôi vẫn còn bị ám ảnh bởi cái tin mà nữ ca sĩ Thái Xuân đã nói riêng với tôi.

Để tránh sự mất thì giờ, cũng như để tránh việc nhà tôi có thể bất ngờ, hỏi tôi những câu hỏi mà tôi không thể trả lời được tôi quầy quả đi ngay.

Vừa ra khỏi phòng đợi của phi trường tôi thấy một quân nhân giống như lái xe ôm.

Tôi ngỏ ý nhờ anh chở tới nhà riêng của Đại Tá Vịnh.

Ngồi sau xe của người lính này, tôi mới biết anh là Trung sĩ Không Quân, phục vụ trong vòng đai phi trường.

Nhưng chuyện đáng nói là tôi không biết anh ta thấy tôi và ca sĩ Thái Xuân trong trường hợp nào, hoặc anh biết được bao nhiêu phần trăm sự liên hệ giữa tôi và cô Thái Xuân mà anh đã năn nỉ tôi viết cho anh ta mấy chữ, giới thiệu với ca sĩ Thái Xuân.

Tôi hiểu anh ta muốn ra đi hoặc lo cho gia đình, thân nhân ra khỏi nước.

Nhưng thoạt tiên tôi có ngập ngừng, suy nghĩ.

Tôi tự hỏi tôi:

"Mình có nên làm việc đó?"

Câu trả lời đến với tôi rất nhanh, khi tôi suy từ cá nhân mình…

Tôi nghĩ anh ta cũng là con người. Anh ta cũng có một gia đình, có một người vợ và những đứa con như tôi…

Mà phàm là con người thì ai cũng có bản năng sinh tồn giống nhau.

Trước tai họa, trước nguy cơ của cái chết, có ai không tận lực, tận sức mưu tìm phương cách cứu lấy vợ con, cứu lấy sinh mạng của mình?

Lại nữa, bẩm sinh tôi vốn là người không thể từ chối bất cứ một nhờ cậy nào của ai nếu điều đó nằm trong khả năng của tôi và nhất là không phạm vào những điều cấm kỵ như ác nghiệp, như phản đạo lý…

Tôi nghĩ:

"Vậy thì tại sao mình lại từ chối, lại bóp chết hy vọng của anh ta khi mà người quyết định sau cùng đâu phải là tôi!"

Thêm nữa:

"… Người quyết định sẽ cứu giúp anh ta hay không là ca sĩ Thái Xuân chứ đâu phải là quyền của mình…"

Qua những đắn đo, cân nhắc vừa kể, cuối cùng tôi nhận lời giúp.

Anh ta đưa cho tôi một mảnh giấy và tôi viết xuống ít dòng vắn tắt:

"*Trân trọng giới thiệu với chị Thái Xuân, người cầm giấy này. Nhờ chị nếu được giúp cho. Cảm ơn chị. Ký tên: Thái Doãn Ngà"*.

Như tôi hằng nghĩ và từng nói rằng, mỗi cuộc đời, mỗi con người có những phần số mà không ai có thể ngờ trước, đoán trước!

Nếu phần số người đó, được Trời Phật định sẵn cho nhận hưởng những điều may mắn tốt lành thì trước sau gì họ cũng sẽ nhận được, không từ cơ duyên này thì cũng sẽ gặp được những cơ duyên khác.

Ngược lại, nếu bất hạnh hay đau thương là bản án đã được định mệnh ghim sẵn thì dù trốn chạy đi đâu, làm gì người đó cũng khó bề trốn thoát!

Tôi muốn nói, số người trung sĩ không quân chạy xe ôm trong vòng đai phi trường chiều ngày 26 tháng 4 kia, được hưởng điều may mắn.

Nói vắn tắt là vì miếng giấy giới thiệu của tôi, ca sĩ Thái Xuân đã giúp cho người cầm miếng giấy đó cùng gia đình rất đông người đã lên được máy bay, đi ngoại quốc.

Nhưng người lên máy bay trong đêm đó, cùng với toàn thể gia đình rất đông người của ông ta, lại không phải là anh trung sĩ lái xe ôm kia mà là gia đình của một người khác!

Viết tới đây, tôi nghĩ trong số bạn đọc sẽ có người muốn cất tiếng hỏi tôi rằng, làm sao tôi biết được chuyện đó?

Tôi xin trả lời ngay rằng, một người bạn của chúng tôi là Trung tá Không quân Nguyễn Viết Di (xếp của anh Trung sĩ, người năn nỉ tôi viết giấy giới thiệu cho ca sĩ Thái Xuân), ở lại Sài Gòn sau biến cố 30 tháng 4-1975.

Một hôm người bạn tôi tình cờ gặp lại người nhân viên dưới quyền ngày xưa, ngạc nhiên thấy anh ta trở nên giầu có lớn! Người bạn tôi bèn hỏi thăm lý do.

Anh Trung sĩ xe ôm năm nào mới thành thật kể lại cho xếp cũ của mình biết rằng:

Khi anh được tôi viết giấy giới thiệu với bà Thái Xuân, thay vì chính anh ta và gia đình ra đi, anh ta đã đưa tấm giấy đó cho một ông nhà giầu…

Ông nhà giầu này trả cho anh Trung sĩ xe ôm kia bao nhiêu tiền, anh ta không tiết lộ!

Chỉ biết sau đó, anh ta dùng số tiền có được đó để mua một vạt đất rất lớn gần phi trường…

Khi đất lên giá, anh ta phân lô, bán đi một nửa. Nửa miếng đất còn lại, anh xây một biệt thự 7 tầng và anh ta hiện là một đại gia ở Sài Gòn.

Trước khi chấm dứt tâm sự giữa thầy trò cũ, anh Trung sĩ này, đã không quên nhờ Trung tá Nguyễn Viết Di, sau này nếu có dịp gặp lại tôi thì cho anh ta gửi lời thăm cộng với lòng biết ơn.

Kết thúc câu chuyện của mình, anh Trung sĩ Không quân ngày nào nói:

"Nếu không có ông Thái Doãn Ngà, em không thể có ngày hôm nay đâu Trung tá à…"

Sau này tình cờ gặp lại bạn, Trung tá Nguyễn Viết Di kể lại cho tôi nghe đầu đuôi câu chuyện đặc biệt đó.

Tôi có nói với bạn tôi, Trung tá Di rằng:

"Tôi đâu ngờ một việc mình làm trong lúc đất nước loạn lạc, lầm than, mà chính mình cũng đã quên tuốt, lại có kết quả bất ngờ là đổi hẳn cuộc đời của một người xa lạ…"

Bạn tôi bảo:

"Âu đó cũng là một trong những việc làm phước đức mà anh đã làm được trong đời của mình…"

Trở lại chuyện của riêng tôi, khi anh xe ôm chở tôi quay lại phòng đợi thì đúng lúc đó, chiếc C130 sắp cất cánh. Vợ con tôi đã lên máy bay.

Đến hôm nay tôi vẫn còn nhớ chiếc vận tải cơ C130 có hai cửa để lên xuống. Một cửa ngang hông và một cửa ở cuối máy bay.

Đó là tấm bửng lớn hạ xuống hết để người ta có thể chất hàng hóa, luôn cả những loại hàng to lớn, cồng kềnh như xe jeep, xe tăng hay những container cồng kềnh vào máy bay một cách dễ dàng.

Tới giây phút đó, tôi vẫn còn nhớ rằng, tôi sẽ không thể lên máy bay bằng cửa ngang hông, có cầu thang bước lên tử tế vì rất có thể tôi sẽ bị nhân viên an ninh, kiểm soát chặn lại đuổi xuống theo lệnh của ông Trần Văn Hương.

Tôi bảo với chú lái xe ôm chở tôi chạy ra phía sau, kè sát chiếc bửng sắt ở phía đuôi phi cơ.

Khi chú vừa áp chiếc Honda vào tấm bửng sắt này, tôi phóng người vào phi cơ bằng chiếc cửa chất hàng đó.

Khi máy bay đã cất cánh, tôi mới dám tìm đến chỗ nhà tôi và các cháu đang ngồi.

Vợ chồng nắm tay nhau, nhìn nhau mừng mừng, tủi tủi.

Chúng tôi cố gắng để không nói gì nhiều với nhau. Nhưng trong lòng chúng tôi, cả hai đã thầm hỏi:

- Nếu tôi không lên được chuyến bay đó, liệu gia đình chúng tôi sẽ ra sao?

Hay:

- Chỉ cần tôi trở lại sân bay chậm trễ chừng ít phút… Máy bay cất cánh rồi, thì tôi không thể biết được số phận vợ chồng chúng tôi, con cái chúng tôi, sẽ trôi dạt thế nào, về đâu ở những ngày trước mặt!

Trong suốt chuyến bay, tôi và nhà tôi không ngớt thầm ngỏ lời cảm ơn Trời Phật đã bảo bọc cho gia đình chúng tôi được toàn vẹn.

Tới hôm nay, mỗi khi nhớ lại những biến chuyển bất ngờ chỉ trong ít tiếng đồng hồ, bắt đầu lúc 9 giờ sáng ngày 26 tháng 4 năm 1975, tôi vẫn thấy sao nó giống như một giấc mơ.

Một giấc mơ thần tiên, đẹp ngoài dự trù của gia đình tôi.

US Naval Base - Subic Bay

## CHƯƠNG MƯỜI TÁM

## BƯỚC ĐẦU TỴ NẠN VÀ CUỘC ĐỐI THOẠI NGẮN VỚI TƯỚNG TRƯỞNG TRONG FORT CHAFFEE.

Chuyến bay chở những người chạy trốn cộng sản, trong số đó có gia đình tôi, rời khỏi phi trường Tân Sơn Nhất vào lúc Saigòn đã lên đèn.

Từ trên cao nhìn xuống, thành phố với những khu đèn sáng như những đám lửa nhỏ nhoi lác đác giữa một vùng bát ngát bóng đêm. Mặc dù vẫn còn bị chi phối bởi cảm giác hồi hộp, sợ hãi bị giữ lại. Nhưng trong sâu thẳm tâm hồn mình, tôi vẫn nghe được nỗi buồn như những con sóng dâng lên.

Nỗi buồn của một kẻ vì quá yêu quê hương, mà phải đành đoạn chối bỏ quê hương, bỏ nước ra đi.

Một ra đi trong hốt hoảng, một ra đi trong bất an, mang tính cách phó mặc cho định mệnh. Không một ai trong hàng

trăm con người chen chúc trong lòng máy bay, biết được điều gì sẽ đợi chờ mình ở phía trước? Tương lai của chính mình và nhất là của vợ, con mình, rồi sẽ đi về đâu nơi đất khách quê người?

Trong nỗi buồn như thấp thoáng mặc cảm, tan lẫn trong những con sóng bạc đầu, ào ạt dâng lên trong lòng tôi, còn có hình ảnh mẹ cha, anh em ruột thịt phải bỏ lại, còn có hình ảnh những ngôi nhà chúng tôi đã ở; những trường lớp tôi tận tụy vun xới, gầy dựng trọn vẹn những năm tháng làm thầy của mình…

Chuyến bay càng lên cao, tôi càng cảm thấy mình xa cách thêm quê hương.

Mỗi phút trôi qua, tôi một thêm cảm thấy sự đứt lìa, sự đoạn tuyệt giữa tôi và tổ quốc thân yêu của mình.

Trong tôi không một chút, dù chỉ mơ hồ thoảng qua cái ý tưởng sẽ có ngày trở lại.

Tôi không biết cảm nghĩa của những người khác, những hành khách đồng hành trong cùng một chuyến bay với tôi nghĩ gì… Riêng tôi thấy rõ, giống như định mệnh đã xuống tay, đã dùng lưỡi dao sắc bén nhất, để "đoạn bào", cắt đứt vạt áo hay thân thể tôi với nơi chốn chôn nhau, cắt rốn của mình…

Nhưng dù hồi hộp, lo âu, bất an hay buồn bã tới đâu thì cuối cùng chuyến bay cũng phải tới nơi nó đã được ấn định để đáp xuống.

Chuyến bay của chúng tôi nửa đêm đã đáp xuống một phi trường ở Philippines.

Từ đây, chúng tôi được di chuyển bằng đường thủy tới Subic Bay.

Subic Bay như tôi biết, là một căn cứ quân sự hoàn toàn thuộc quyền điều hành của chính phủ Mỹ.

Trên tầu, sau nhiều giờ không ăn uống, lại quá căng thẳng và mệt mỏi, lúc tôi được phát cho một lon nước mà tới hôm nay tôi vẫn còn nhớ, đó là lon nước Coca Cola.

Vừa uống xong, chưa kịp trôi hết, tôi đã nôn thốc nôn tháo!

Khi tôi bị nôn ra hết như vậy, lúc đầu có cảm thấy dễ chịu thật. Nhưng sau đó, tôi cảm thấy mình yếu hơn nữa. Tôi nghe tôi như muốn lả đi vì đuối sức…

Dù vậy, tôi vẫn nhận ra rằng nơi mà người Mỹ chọn làm chỗ cho dân tỵ nạn Việt Nam tạm trú là một khu đất trống huơ, trống hoác. Chưa hề có một công trình xây dựng, dù tạm bợ nào!

Tôi nghĩ, có thể do tình hình biến chuyển quá nhanh, nên những người trách nhiệm đón dân Việt tỵ nạn ở đây đã trở tay không kịp?

Cũng may là trước khi di tản, nhà tôi đã chu đáo, cẩn thận chuẩn bị cho mỗi đứa con của chúng tôi một cái gối… Trong chiếc gối này, nhà tôi thồn sẵn cho các cháu quần áo, thuốc men, dăm gói mì khô, và 20 đô la, phòng khi hữu sự.

Tôi không biết nhà tôi đã mất bao nhiêu giờ để hoàn tất công việc này. Nhưng tôi đoán là không thể ít vì như đã nói, chúng tôi có tới 6 cháu tất cả.

Ngày hôm sau khi trời sáng, quan sát chung quanh với mục đích kiếm tìm người quen, bất ngờ chúng tôi thấy gia đình bác sĩ Võ Văn Tùng. Ông bà cũng có 6 đứa con như gia đình chúng tôi.

Gặp gỡ này trong bước chân đầu tiên rời khỏi quê nhà với tôi là một may mắn, một mừng rỡ, an ủi không nhỏ.

Vì là chỗ quen biết với tình thân lâu đời, về phương diện tinh thần, hai gia đình chúng tôi đã nương nhau để giảm bớt phần lạc lõng, hoang mang trước một tương lai bất định.

Nếu tôi nhớ không lầm thì cũng phải mấy ngày sau, ủy ban hay nhóm người Mỹ phụ trách lo việc ăn ở cho người tỵ nạn mới xuất hiện.

Với phương tiện dồi dào, nhóm người này đã bắt tay vào việc xây dựng nơi ăn chốn ở cho người tỵ nạn rất nhanh chóng…

Tôi nghiệm thấy ủy ban này làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và có vẻ như họ chia sẻ được với người Việt tỵ nạn, những khó khăn, mất mát ban đầu của những con người vốn không có truyền thống bỏ nước ra đi.

Sau khoảng một vài tuần ở Subic Bay, gia đình tôi cùng một số đồng bào tỵ nạn khác được đưa lên máy bay để tới đảo Guam, coi như đó mới là cửa chính vào nước Mỹ.

Tới đảo Guam, các con tôi lại bị đói thêm một trận nữa vì ban tổ chức chưa kịp lo phần ăn cho những người mới tới.

Lúc này, tôi lại càng thấy sự chuẩn bị chu đáo của nhà tôi mới giá trị, hữu ích làm sao!

Nếu không có mấy gói mì khô mà nhà tôi đã chuẩn bị sẵn cho mỗi cháu thì tôi không biết làm sao các cháu có thể cầm cự nổi cho tới khi có được phần ăn chính thức?

Cũng tại đảo Guam, lần đầu tiên tôi được nếm mùi cái nóng cháy da, nóng nổ đom đóm mắt của hòn đảo mênh mông cát trắng này.

Những người đến trước cũng như các cư dân tại địa phương cho biết, nhiệt kế khi đó có lúc lên tới con số 120 độ F.

Dù đã núp trong lều, để trốn nắng, cũng như chiết giảm tối đa mọi vận động để tránh tình trạng kiệt sức vì nóng, vậy mà mỗi chúng tôi vẫn thoi thóp thở như nhưng con cá thình lình bị cách ly khỏi dòng nước vậy!

Kịp khi tôi cảm thấy hơi quen với khí hậu của hải đảo cũng như sinh hoạt thường nhật của trại tỵ nạn ở Guam thì tôi tình cờ gặp một Mục sư Tin Lành người Việt Nam tại văn phòng trại.

Tôi không biết ông Mục sư Tin lành này tới Guam để giúp đỡ, chăm sóc phần tinh thần cho bổn đạo của ông? Hay ông cũng là thành phần di tản khỏi Sài Gòn như tôi?

Nhưng điều tôi ngạc nhiên nhất là ngay khi vừa thấy tôi, ông đã vui vẻ vồn vã chào tôi bằng tiếng Việt khá chuẩn:

"Chào ông Chánh Sở!"

Tôi ngỡ ngàng nhưng cũng rất vui vì bất ngờ gặp được một người biết mình.

Tôi nói:

"Xin lỗi ông, ông ở đâu mà ông biết tôi vậy?"

Ông mục sư vẫn giữ nguyên nụ cười thân thiện trên môi, đáp:

"Tui ở ngay trước nhà ông Chánh Sở ở thành phố Đà Nẵng đó ông Chánh Sở…"

Tới lúc này thì tôi không còn thấy ông Mục sư là một người ngoại quốc nữa. Mà ông giống như một người hàng xóm của tôi. Một người hàng xóm đàng hoàng mà vì công việc hay do sự giữ gìn, ý tứ khiến tôi đã không tiếp xúc với ông ta, trong thời gian chúng tôi ở cùng một con đường với nhau.

Sau một hồi thăm hỏi, trao đổi tin tức, tình hình Việt Nam cũng như tình trạng của những người tỵ nạn, ông Mục sư hỏi tôi có muốn rời khỏi đảo sớm không?

Tôi nói:

"Tôi rất muốn. Vì nhà tôi và các cháu chịu không nổi cái nóng trên đảo này. Nhưng tôi không quen ai, cũng không biết cách nào để có thể rời đảo sớm…"

Ông Mục sư đáp ngay:

"Được thôi ông Chánh Sở. Tôi có thể giúp ông đưa bà nhà và các cháu rời khỏi đây sớm… Chỉ với một điều kiện…"

"Điều kiện gì ông Mục sư?"

Tôi hỏi.

Ông Mục sư cho biết một cách rất thẳng thắn, không xa xôi, úp mở rằng, khi vào tới đất liền, tôi phải hứa cả gia đình tôi sẽ theo đạo Tin Lành.

Điều mà ông Mục sư đưa ra làm tôi ngỡ ngàng!

Từ hồi nào giờ, gia đình tôi qua bao nhiêu đời vốn theo đạo Phật. Nay tôi đột ngột cải đạo, liệu điều ấy có đúng không? Thâm tâm tôi, nhiều phần câu trả lời là không. Tôi không thể chấp thuận. Nhưng trước sự khẩn khoản của nhà tôi, cuối cùng, tôi đã đồng ý điều kiện mà ông Mục sư đưa ra.

Tôi không biết bằng cách nào mà chỉ một ngày rưỡi sau khi tôi chịu ký giấy xác nhận vào Mỹ sẽ theo đạo Tin lành, thì gia đình chúng tôi được sắp xếp chuyến bay để được vào đất liền.

Trại tạm cư trong đất liền mà gia đình chúng tôi được đưa đến là Fort Chaffee.

Những ngày ở Fort Chaffee chúng tôi được ở trong những căn nhà xây, có máy lạnh, có nước nóng. Người tỵ nạn chúng tôi cũng được ra vào PX mua đồ dùng không có thuế. Tôi nhớ có những lúc một hai giờ khuya tôi tìm vào PX uống café ăn cánh gà… thật ngoài mơ ước của thân phận tỵ nạn!

Cũng tại trại Fort Chaffee này, tôi gặp lại Trung tướng Ngô Quang Trưởng, vị Tư lệnh cuối cùng của Quân Đoàn 1, Quân khu 1.

Nhân gặp Trung tướng Trưởng, tôi cho đây là cơ hội tốt nhất để hỏi ông một số nghi vấn mà tôi nghĩ chỉ ông là người có thẩm quyền hơn hết để trả lời.

Sau phần xã giao, tôi bước vào ngay cái thắc mắc, ưu tư chính của mình.

Tôi hỏi:

"Thưa Trung tướng, tôi không hiểu lý do gì khiến Trung tướng nghe lời Tổng thống Thiệu, bỏ Huế vô Đà Nẵng, rồi từ Đà Nẵng lại chạy vào Sài Gòn? Trong khi dưới quyền của Trung tướng lúc đó, Trung tướng vẫn còn đủ Hải, Lục, Không quân? Tôi nghĩ, nếu lúc đó, Trung tướng điều động lực lượng trong tay Trung tướng đánh thẳng ra miền Bắc… thì tình hình nước mình đã đổi khác?"

Trong lúc ông Trưởng còn ngơ ngác trước câu hỏi cũng như ý kiến bất ngờ của tôi, tôi nói thêm:

"Trung tướng đừng quên rằng, khi đó, Việt cộng đã bỏ ngỏ miền Bắc. Họ đã vét hết quân để ném vào chiến trường miền nam rồi! Ở Hà Nội chỉ còn lại 13 vị trong bộ chính trị. Lại nữa theo tôi nghĩ, giả dụ Trung tướng có thất bại, có chết tại Hà Nội thì Trung tướng cũng trở thành một vị anh hùng của dân tộc chứ không phải như một thường dân di tản, ngơ ngác nơi xứ lạ quê người như thế này…"

Hôm nay, nhớ lại, tôi tự hỏi không biết vì lý do gì, tôi có thể nói thẳng với ông Trưởng những cảm nghĩ của tôi, như vừa trình bày ở trên mà không sợ mếch lòng ông?

Tôi không biết có phải chính vì cái tinh thần yêu mến, đặt kỳ vọng quá cao nơi ông, đã khiến tôi thấy không cần phải giữ lời?

Tôi không biết. Ngay giờ đây, tôi cũng không biết động cơ chính là gì.

Nhưng tôi nhớ là chừng vài phút sau khi nghe tôi nói, Trung tướng Trưởng đã buột miệng than:

"Trời ơi! Sao khi ấy không ai nói tôi một điều tương tự như vậy? Và cũng không biết tại sao, khi ấy chính bản thân tôi cũng không nghĩ ra được chuyện đó?"

Khi Tướng Trưởng dơ tay, dường như hơi ngước mặt lên trời để than mấy câu mà tôi vừa viết lại, thì đó cũng là lúc tôi sực nhớ rằng, ngay khi Tướng Trưởng về Sài Gòn trình diện Tổng thống Thiệu, ông đã bị Tổng thống Thiệu giam lỏng tại bộ Tổng Tham Mưu, vì sợ ông sanh tâm manh động.

Phút chót, như Tướng Trưởng cho biết, nếu ông Nguyễn Cao Kỳ không ghé vào Bộ Tổng Tham Mưu và nếu ông Kỳ không thấy ông Trưởng đang đứng lơ ngơ ở nơi đó, thì nhiều phần ông Trưởng đã kẹt lại ở Việt Nam, như một số tướng lãnh miền Nam khác rồi!

Lúc chia tay Tướng Trưởng, một người tôi rất khâm phục và kính trọng, tôi đã trộm nghĩ rằng:

"Than ôi! Chẳng qua tất cả cũng chỉ vì vận nước đến hồi mạt vận?"

Đảo Guam

## CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

### NẾU KHÔNG ĐƯỢC TRỜI PHẬT RA TAY CỨU GIÚP...?

Nếu những đồng bào tỵ nạn qua Mỹ sau đợt tỵ nạn đầu tiên, có những khó khăn riêng thì những người Việt tỵ nạn tới Hoa Kỳ năm 1975 cũng có nhiều khó khăn, trở ngại khiến nhiều người, nhiều gia đình phải trải qua một thời gian lao đao rất dài lâu, tưởng chừng như không thể vượt qua được.

Một trong những khó khăn lớn lao nhất mà, những người Việt tỵ nạn đợt đầu tiên tới nước Mỹ như gia đình chúng tôi, ngoài trở ngại ngôn ngữ là sự không thông thạo, chưa quen thuộc với sinh hoạt cũng như luật lệ của xã hội mới mẻ này.

Sau khoảng thời gian tương đối ngắn ở trong trại Fort Chaffee, gia đình tôi được xuất trại sớm nhờ cá nhân tôi, từ năm 1970 đã viếng thăm nước Mỹ. Tôi muốn nói hồ sơ về an ninh của tôi đã có sẵn.

Thời đó, một cá nhân hay một gia đình tỵ nạn chỉ được xuất trại sau khi đã có được một tổ chức hay một nhà thờ bảo trợ.

Tổ chức hay nhà thờ, có thể giao việc trông nom săn sóc cá nhân hoặc gia đình được bảo trợ cho một thành viên trong tổ chức hoặc nhà thờ đứng vai đại diện.

Tuy nhiên, nếu cá nhân hay một gia đình có thân nhân hội đủ điều kiện thì cá nhân đó cũng có thể xin bảo trợ cho thân nhân của mình ra khỏi trại mà không cần phải qua trung gian một tổ chức hay một nhà thờ, một họ đạo nào.

Gia đình chúng tôi ở trường hợp thứ hai.

Số là nhà tôi có một người em ruột là bà Nguyễn Khoa Diệu Lê; định cư tại California trước năm 1975.

Bà đủ điều kiện để bảo lãnh gia đình chúng tôi gồm hai vợ chồng và 6 con về California.

Nhưng cũng chính vì gia đình tôi được bảo trợ bởi cá nhân, em ruột của nhà tôi mà chúng tôi không được hưởng bất cứ một trợ cấp xã hội nào từ chính phủ Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, điều quan trọng, với cá nhân tôi, nó luôn luôn là mối quan tâm hàng đầu là việc học của con cái, dù ở bất cứ hoàn cảnh nào.

Sự xuất trại sớm của chúng tôi nhờ bà Nguyễn Khoa Diệu Lê, nên tôi nghĩ tôi có đủ thì giờ để lo thủ tục cho con cái nhập học kịp với thời gian khai giảng niên khóa mới bắt đầu sau mùa hè năm 1975.

Giữa lúc còn đang hoang mang ngổn ngang với trăm mối bận tâm lo lắng thì tôi đã phải đương đầu với một "biến cố lớn"! Tôi dùng chữ biến cố lớn theo đúng như kích thước của sự việc xảy ra chứ không phải tôi cố tình khuếch đại sự việc.

Đó là khi bà Nguyễn Khoa Diệu Lê đón gia đình chúng tôi ở phi trường, đã quên không thông báo cho chúng tôi biết rằng bà và người bạn đời của bà sắp bán nhà.

Vì thế khi người chồng của bà báo cho chúng tôi biết rằng, chúng tôi chỉ có thể tá túc trong căn nhà của ông bà nhiều lắm là 4 tuần lễ!

Sau bốn tuần lễ, tôi phải dọn đi một nơi nào khác chứ không thể tiếp tục ở trong nhà của ông bà nữa!

Tin này đến với tôi như sét đánh. Tôi bối rối không biết phải giải quyết nơi ăn chốn ở cho gia đình mình thế nào, ra sao?

Cũng tới lúc này tôi mới biết rằng luật lệ ở đây chỉ cho phép mỗi phòng được ở tối đa 2 người. Gia đình tôi 8 người thì tôi phải thuê một căn apartment có 4 phòng ngủ. Không một chung cư nào đồng ý cho tôi thuê một căn apartment có 4 phòng ngủ!

Nếu thuê một căn apartment có 4 phòng ngủ thì nó lại vượt quá khả năng tài chánh của chúng tôi trong giai đoạn chân ướt, chân ráo này!

Đang khi hai vợ chồng chúng tôi gần như muốn điên đầu vì chưa thấy lối thoát cho nhu cầu phải sớm dọn nhà của mình thì tôi gặp ông Luật sư Ngoạn Văn Đào. Ông Đào là bạn của Diệu Lê, em nhà tôi, đồng thời ông cũng là bạn học của tôi thời còn ở Việt Nam.

Nếu tôi nhớ không sai thì tôi và Luật sư Ngoạn Văn Đào từng có thời gian học chung với nhau ở các lớp đệ tam và đệ nhị ở trường Quốc Học Huế.

Năm đệ nhất tôi phải di chuyển vào Sài Gòn, học trường Chu Văn An, để giúp ông cậu làm nhà in, như đã kể ở những chương trước… Rồi sau khi tốt nghiệp trung học, tôi thi vào Đại học Sư Phạm thì ông Ngoạn Văn Đào cũng lên Đại học và du học ở Hoa Kỳ.

Ông Ngoạn Văn Đào cũng là người đã định cư tại Hoa Kỳ trước năm 1975, như bà Nguyễn Khoa Diệu Lê.

Khi biết được hoàn cảnh của gia đình tôi, ông Ngoạn cho tôi một ý kiến và nhờ ý kiến đó, tôi đã giải quyết được sự bế tắc ngay từ ít ngày đầu tiên vừa ra trại.

Ông Ngoạn bảo tôi rằng, tôi nên mua hẳn một căn nhà.

"Dù lớn hay bé, nhưng nếu là nhà của anh chị, thì anh chị muốn ở bao nhiêu người cũng được…"

Ông Ngoạn giải thích.

Giống như người sắp chết đuối vớ được một bè chuối, tôi bàn với nhà tôi về ý kiến của ông Ngoạn.

Khi ấy vợ chồng chúng tôi chỉ có trong tay tất cả 30 lượng vàng. Trong số này, chúng tôi phải để riêng ra 10 lượng, không đụng tới.

Đó là số vàng mà tôi đã hứa với ca sĩ Thái Xuân, sẽ đưa cho bà ấy, khi gia đình tôi tới Mỹ. Nghĩa là chúng tôi chỉ được phép tiêu pha, xoay trở trong số 20 lượng vàng còn lại mà thôi!

Hai mươi lượng vàng cho một gia đình 8 người, không được bất cứ một trợ cấp xã hội nào từ chính phủ. Không chỗ ở. Không việc làm!

Tôi xin hỏi bạn đọc, trong tình cảnh ấy, liệu chúng tôi sống được bao nhiêu ngày?

Nhưng mặt khác, đối với gia đình chúng tôi, ngay giờ phút này, khi các con của chúng tôi đã thành đạt, có địa vị trong xã hội, chúng tôi vẫn không bao giờ quên ơn ca sĩ Thái Xuân.

Chúng tôi vẫn luôn nhớ, thuở đó, chẳng những bà đã không buộc chúng tôi phải đưa vàng ngay cho bà, trước khi lên máy bay mà ngay cả khi chúng tôi đã đến Mỹ, những năm đầu, bà cũng không hề liên lạc, nhắc nhở.

Tôi nghĩ, nếu không do những duyên nghiệp có với nhau từ nhiều đời kiếp trước, chúng tôi không thể gặp được một người có lòng tốt đến như thế… Nhất là trong tình cảnh của Sài Gòn, chỉ ít ngày trước khi rơi hẳn vào tay người Cộng Sản.

Tôi không biết có dịp nào ca sĩ Thái Xuân đọc được tập hồi ký này của tôi chăng?

Nhưng dù cho bà có hay không đọc, nhân đây, chúng tôi cũng muốn được gửi tới bà, lòng biết ơn sâu xa của chúng tôi.

Tôi muốn nhấn mạnh rằng, dù hôm nay gia đình chúng tôi ở hoàn cảnh nào chăng nữa, chúng tôi cũng vẫn nhớ ơn bà. Chúng tôi vẫn không quên sự tử tế hiếm hoi mà chúng tôi gặp được, trong cuộc đời của cá nhân mình.

Nhà tôi nói, trong lúc bà Thái Xuân chưa cần, chưa hỏi tới, mà mình thì đang ở trong tình trạng không còn đường

nào khác để tính, thì thôi mình bán số vàng đó đi, đặt xuống mua cái nhà cho con cái ở…

"Từ từ rồi mình sẽ dành dụm, gom tiền trả cho bà ấy sau… Em nghĩ, nếu bà biết hoàn cảnh ngặt nghèo của mình thì bà ấy cũng sẽ không trách cứ gì đâu anh ạ…"

Tôi thấy nhà tôi nói có lý và hơn nữa, cũng chẳng còn cách nào khác, tôi quyết định nghe theo lời bàn của nhà tôi…

Viết tới đây, có thể có nhiều bạn đọc, đồng nghiệp hoặc các học sinh cũ của tôi muốn lên cất tiếng hỏi tôi rằng, thời ở Việt Nam, bao nhiêu năm tôi chỉ là một giáo sư, một hiệu trưởng, lương ba cọc ba đồng làm cách nào mà chúng tôi có thể để dành một số vàng nhiều đến như thế?

Tôi xin cảm ơn những ai muốn gửi đến cho tôi một câu hỏi như vậy.

Tôi xin cảm ơn bởi vì nhờ câu hỏi đó mà tôi có dịp trình bày rõ nguồn gốc số vàng tuy quá nhỏ nhoi vô nghĩa với những nhà giầu, những người làm thương mại, chạy áp phe, nhưng lại quá lớn với một nhà giáo trọn đời như cá nhân chúng tôi.

Bạn đọc nào đọc hồi ký này từ đầu hẳn chưa quên rằng, ở những chương trước, tôi có kể rằng thời gian còn dạy học tại Huế, nhờ dạy nhiều lại không ăn chơi, không sa hoa xài phí, tôi có để dành được một khoản tiền.

Nhờ khoản tiền dành dụm ấy mà chúng tôi đã mua được căn nhà cổ ở gần bờ sông Hương với giá rẻ, và lần hồi trả góp, tôi đã được làm chủ căn nhà này.

Căn nhà cũ nhưng là một biệt thự khá đẹp, được xây cất theo kiểu Pháp của một vị quan triều Nguyễn đã về hưu.

Khi tôi được bộ Giáo Dục điều động vào Đà Nẵng làm hiệu trưởng trường trung học Phan Chu Trinh căn nhà đó bỏ trống.

Cá nhân tôi, rất phân vân trước chọn lựa có nên bán căn nhà đó?

Trước tết Mậu Thân 1968, giá nhà cửa ở Huế không cao lắm. Thêm nữa, trong thâm tâm tôi cũng muốn giữ căn nhà để khi về hưu, tôi sẽ đưa nhà tôi trở lại căn nhà đầu tiên của

chúng tôi. Căn nhà như một kỷ niệm đẹp của vợ chồng chúng tôi những ngày còn son trẻ.

Tuy nhiên, sau Mậu Thân 68, có một ông thầu khoán rất giầu có ở Huế thích căn nhà ấy. Ông nài nỉ chúng tôi để căn nhà đó lại cho ông.

Ông ta chịu mua với giá 1 triệu rưỡi là giá rất cao tính theo thời điểm ấy.

Nhà tôi cũng bàn vào rằng, vợ chồng con cái hiện ở Đà Nẵng, nhà bỏ trống. Không người trông nom có thể nó sẽ bị xuống cấp với thời gian.

"Chi bằng được giá thì mình bán đi. Mai mốt khi anh về hưu rồi, lúc đó, ở đâu thì mình sẽ mua nhà ở đó, cũng đâu có muộn gì…"

Vì thế, tôi đồng ý bán căn biệt thự ở gần sông Hương cho ông thầu khoán.

Với số tiền có trong tay, nhà tôi đem ra mua vàng.

Tôi nhớ giá vàng thuở đó rất thấp. Chỉ có 6000 đồng cho một lượng mà thôi.

Sau đó, một người bạn với nhạc mẫu của tôi, có căn nhà rất lớn, rất đẹp ở Sàigòn. Bà cụ muốn bán cho chúng tôi, nếu chúng tôi muốn, chỉ với giá 10 triệu đồng. Nghĩa là thấp hơn giá thị trường lúc đó rất nhiều.

Tôi không dám mơ tưởng. Nhưng nhà tôi có vẻ như không muốn bỏ qua cơ hội hiếm có này.

Từ ý muốn này, nhà tôi đã nẩy ý làm chủ một vài bát hụi.

Nhà tôi tin rằng với uy tín của cả hai vợ chồng, nhà tôi sẽ thành công trong việc gầy hụi. Cuối cùng, nhà tôi gọi được 2 bát hụi.

Trên nguyên tắc, như tôi biết, tiền hụi thu được của tháng đầu tiên, chủ hụi không phải trả cho ai mà có quyền giữ lại cho chính mình.

Thế là với số vàng bán ra lúc đó gấp 10 lần so với giá mua vào, cộng với tiền thu được từ hai bát hụi tôi mới kể, cuối cùng chúng tôi đã mua được căn nhà ba tầng, rất nguy nga của người bạn nhạc mẫu của chúng tôi, ở Sàigòn.

Theo tính toán của nhà tôi thì căn nhà đó nằm gần khu Đệ Nhất Khách Sạn nên giá trị thương mại của nó rất lớn.

Kết quả, đúng như suy tính của chúng tôi, ngay sau khi làm chủ căn nhà ba tầng lầu này, chúng tôi đã ký hợp đồng dài hạn 3 năm cho người Mỹ thuê.

Nhờ số tiền cho thuê nhà kia mà chúng tôi đã trả được hết tất cả mọi nợ nần.

Hôm nay nghĩ lại, tôi nghĩ âu cũng là cái số trời cho.

Trở lại việc phải giải quyết gấp rút chỗ ở cho con cái, tôi quyết dịnh bán hết số vàng có được, lấy tiền nhờ luật sư Ngoạn Văn Đào kiếm cho một căn nhà thích hợp với số tiền tôi có cũng như với tình trạng số người của gia đình tôi.

Là bạn học cũ, lại là luật sư, ở Mỹ lâu năm, luật sư Ngoạn Văn Đào đã tìm cho chúng tôi một căn nhà ba phòng ngủ, bán theo dạng "By Owner" với nghĩa là người mua, nên đã cắt giảm được khá nhiều lệ phí.

Tôi nhớ người bạn học cũ của tôi, luật sư Ngoạn, cuối cùng đã mua được căn đó cho chúng tôi với giá chỉ có 25,000$.

Đó là một căn nhà ở thành phố Reseda. Chủ là người Mỹ. Nhà xấu nhưng đất thì lại rất rộng.

Cả gia đình chúng tôi từ vợ chồng đến con cái không khỏi mừng rỡ, và thầm cám ơn Trời Phật đã giúp cho chúng tôi có được một chỗ ở trước khi chồng bà Diệu Lê bán nhà.

Đồng thời chúng tôi cũng rất mừng là đã không gây trở ngại di họa cho bà Diệu Lê chỉ vì lòng tốt của bà muốn giúp đỡ gia đình chúng tôi, những ngày đầu bỡ ngỡ, khó khăn nơi đất khách, quê người.

Từ căn nhà mới mua này, tôi đi học lại ngay. Tôi nhớ, buổi sáng tôi học Anh Văn. Chiều tôi đi học accounting, tức kế toán để chuẩn bị cho mình một nghề chuyên môn nuôi gia đình. Tôi cũng muốn nói thêm, dạo đó tôi không đi làm ngay như các đồng nghiệp của mình, anh Nguyễn Ngọc Thanh, anh Đỗ Viết Lê… Những người này tất cả đều vào làm tại các công xưởng. Phần tôi, những ngày ở quê nhà quen làm việc văn phòng, lại cũng có một chút quyền hành, nay vào làm chân tay, cũng khiến tôi thấy tủi phận. Do đấy tôi quyết định ghi tên học ngành accounting, ngành này cũng ít dùng đến ngôn ngữ. Dĩ nhiên là không cách gì tôi có thể trở lại

ngành giáo dục của mình, vì ngôn ngữ là điều hạn chế của những người di dân bấy giờ!

Các con tôi cũng kịp nhập học ngay những ngày đầu tiên của niên khóa 1975-1976.

Riêng nhà tôi nhận đồ may, mang về nhà, làm bất kể đêm ngày…

Vì hoàn cảnh của chúng tôi, như đã nói là không thể xin hưởng trợ cấp của chính phủ, nên cả gia đình chúng tôi đã sống thật tằn tiện trong suốt 2 năm trời, tính tới ngày tôi ra trường, tốt nghiệp ngành accounting.

Công việc accounting của tôi năm 1977, khởi đầu được trả lương 4$50 xu một giờ. Khi đó giá xăng chỉ có 60 xu / 1 gallon.

Và cuộc đời tỵ nạn của gia đình chúng tôi, bắt đầu thay đổi từ đấy!

## CHƯƠNG HAI MƯƠI

### NHỮNG NĂM THÁNG LÀM LẠI CUỘC ĐỜI VÀ GẦY DỰNG TƯƠNG LAI THẾ HỆ THỨ HAI.

Cơ quan, nơi tôi phục vụ trực thuộc chính quyền sở tại, và Giám Đốc là một người Mỹ. Tôi không biết có phải vì cùng là dân tỵ nạn hay di dân đến từ Âu Châu hay không mà người chủ này đã tỏ ra rất quan tâm tới tôi.

Ông ta đọc rất kỹ "résumé" xin việc của tôi.

Sau khi nghiên cứu có thể ông ta thấy tôi có nhiều kinh nghiệm văn phòng hoặc thấy tôi từng giữ những chức vụ quan trọng trong lãnh vực giáo dục ở miền nam Việt Nam, nên ông ta đã không che đậy việc ông ta có một cái nhìn khác về tôi. Tôi nghĩ đúng nhất có là lẽ là hai chữ "biệt nhãn" nghĩa là cái nhìn đầy trân trọng, ưu ái.

Phải chăng vì thế mà chỉ một năm sau, khi công ty có một công việc có tính cách điều hành bị trống, thì tôi đã được chọn để ngồi vào chức vụ ấy.

Đó là một trong những chức vụ chỉ huy thuộc Department Kế Toán.

Dưới quyền tôi khi đó toàn là người Mỹ và người Mễ.

Sau khi nhận chức vụ điều hành, tôi thấy nhân viên dưới quyền tôi hầu hết không có khả năng. Chính vì thế mà hiệu quả công việc không cao. Tôi nghĩ tới việc phải tuyển dụng người Việt nếu muốn cho công ty phát triển tốt đẹp hơn.

Sự kiện đưa tôi tới quyết định phải tuyển dụng người Việt, ngoài phản ứng tự nhiên là nghĩ tới đồng hương của mình, tôi còn căn cứ trên tính cần cù, hiếu học và tính siêng năng trong công việc, vốn là bản chất của người Việt Nam nữa.

Người Việt Nam tỵ nạn đầu tiên mà tôi tuyển dụng để làm việc dưới quyền tôi là một cựu nhân viên tòa Đô Chánh. Người thứ nhì là ông Trần Tuệ.

Trước biến cố 30 tháng 4-1975, ông Trần Tuệ là Thanh tra Trung học ở bộ Giáo dục, Sài Gòn. Ông cũng có một thời gian là giáo sư của trường Phan Chu Trinh, Đà Nẵng.

Tiếp theo gồm những người sau đây:

Bà Bác sĩ Đoàn Bửu.

Bà Giáo sư Hoàng Ngọc Trác.

Ông Vĩnh Kỳ, nguyên Giám đốc Bưu Điện Đà Nẵng.

Ông Hồ Đình Chỉnh, nguyên Phó thị trưởng Nha Trang.

Ông Giáo sư Trương Văn Hậu.

Bà Giáo sư Đỗ Viết Lê.

Ông Giáo sư Nguyễn Ngọc Thanh.

Ông Giáo sư Ngô Viết Diễn v.v...

Đặc biệt một người, cũng là bạn học cũ của tôi: Cựu dân biểu Trần Văn Sơn, người mà tôi đã có dịp đề cập ở những chương hồi ký trước.

Vì thích làm chính trị cho nên cựu dân biểu Trần Văn Sơn trước khi rời khỏi Nhật, đã chọn Thủ đô Hoa Thịnh Đốn làm nơi định cư.

Khi chúng tôi liên lạc được với nhau thì ông Sơn đã trải qua 6 tháng liên tiếp không tìm được việc làm.

Tôi ngỏ ý mời ông về Cali với tôi. Tôi bảo đảm là tôi có thể xin việc cho ông.

Mới đầu ông Sơn tỏ dấu nghi ngờ. Ông không tin, vì tôi cũng chỉ là một người tỵ nạn như ông, mới tới Mỹ vài ba

năm, làm sao có thể can thiệp hay thu xếp cho ông một công việc mà ông nghĩ sẽ thích hợp với ông.

Tôi không ngạc nhiên cũng không buồn lòng gì hết khi thấy bạn không tin mình. Bởi vì, đặt tôi vào trường hợp của ông Sơn, có thể tôi cũng sẽ có những nghi ngại như ông mà thôi.

Tôi nhớ lại thời gian, tất cả chúng tôi mới qua Mỹ được ba năm. Nhiều người còn trong thời gian đi học lại. Những người phải lao vào xã hội, kiếm việc lo cho bản thân và gia đình thì hầu hết đều phải nhận làm những công việc không tương xứng với khả năng, hoặc nếu có được việc ưng ý thì hầu như ai cũng hồi hộp lo lắng cho ghế ngồi của mình. Đâu mấy ai có cái may mắn được điều động vào một vị trí cao, và lại có quyền tuyển dụng nhân viên như tôi.

Tôi biết người bạn học cũ của tôi không tin tôi có thể cho ông công việc, nên để bảo đảm và để ông Sơn có thể an tâm di chuyển về tiểu bang Cali. Một hôm tôi mời ông xếp lớn của tôi tên là Micheal Zimmerman về nhà.

Trong bữa ăn, tôi trình bày trường hợp của người bạn tôi, cựu dân biểu Trần Văn Sơn. Tôi nhờ ông đích thân phỏng vấn người bạn tôi, để ông Sơn biết rõ rằng, chuyện tôi lo việc cho ông là chuyện thật, rất nghiêm chỉnh chứ không phải là chuyện cao hứng, đuổi hươu trong rừng…

Xếp lớn của tôi đồng ý.

Ngay ngày hôm sau, ông ta dùng điện thoại phỏng vấn ông Trần Văn Sơn.

Tôi không biết hai bên đã nói chuyện những gì với nhau? Chỉ nhớ đâu khoảng 5 phút thôi, ông xếp tôi bỏ máy xuống.

Ông nói với tôi rằng, ông đã đồng ý và muốn ông Sơn đi làm ngay ngày mai!

Trước kết quả tốt đẹp quá nhanh chóng kia, tôi vừa mừng vừa lo.

Tôi mừng vì như vậy người bạn học của tôi ngày nào, sẽ có việc sau nửa năm tìm kiếm không ra.

Nhưng, tôi lại lo lắng, thật sự lo lắng vì ông xếp lớn của tôi quên không để ý rằng người bạn tôi hiện đang ở Washington DC.

Làm sao bạn tôi có thể về kịp trong ngày để hôm sau đi làm?

Giống như tôi, ông Trần Văn Sơn cũng hoảng quớ trước sự việc biến chuyển quá bất ngờ, nhanh chóng như vậy!

Ngoài nhu cầu tìm việc, ông Sơn còn không muốn tôi bị mất uy tín với ông xếp lớn cũng như với công ty mà tôi đang làm việc… Nhưng chính ông cũng không biết phải giải quyết cách nào cho thỏa đáng! Khi mà việc đầu tiên là phải giải quyết ngay là một chiếc vé máy bay đi từ Hoa Thịnh Đốn về phi trường Los Angeles.

Giá vé máy bay mua hôm trước hôm sau đi, rất đắt, dù cho chỉ mua một lượt.

Tôi không nghĩ người bạn học cũ của tôi có điều kiện sẵn sàng để giải quyết việc đầu tiên căn bản này. Tôi nói với ông Sơn rằng, ông cứ yên tâm chuẩn bị hành lý về Cali. Phần còn lại, trong đó có vé máy bay ông để tôi lo…

Và, kết quả tôi rất hãnh diện, rất sung sướng khi buổi sáng hôm sau, tôi đã đón ông Trần văn Sơn ở phi trường Los Angeles và chở thẳng ông tới sở làm của tôi.

Chẳng là, hôm trước, ngay sau khi bỏ máy xuống, tôi đã bỏ tiền mua vé máy bay cho người bạn học cũ của mình.

Anh em bạn xưa được gặp nhau ở xứ người, trong hoàn cảnh lưu vong, chúng tôi không khỏi mừng tủi.

Nhiều năm sau này, trong một lần kể lại cuộc đời mình, những năm tháng đầu của đời lưu vong nơi đất khách, ông Trần Văn Sơn đã viết nguyên một bài văn, về chuyện ấy.

Ở vai trò là một trong những cấp chỉ huy của sở Kế Toán của công ty của mình, ngoài những người bạn, những đồng hương do tôi có cơ hội tuyển dụng, tôi còn tuyển dụng được người em ruột của nhà tôi là bà Diệu Lê, một ân nhân của gia đình chúng tôi, khi bà tình nguyện bảo trợ gia đình tôi sớm ra khỏi trại Fort Chaffee.

Cũng vì tôi ưu tiên tuyển dụng nhân viên người Việt mình nên sau này tôi đã bị các nhân viên của các sắc dân khác trong công ty của tôi, kiện tôi về tội "kỳ thị chủng tộc".

Chính vì những đơn tố cáo đó mà một lần ông xếp lớn của tôi đã hỏi thẳng tôi là trong số những nhân viên Việt nam mà tôi đem vào công ty, có ai là bà con với tôi không?

Trước tình cảnh này, và trong tư cách của một cấp chỉ huy, tôi không thể nói dối.

Tôi trả lời là có một người. Người đó là em ruột của vợ tôi.

Sau đó, để giữ sự trong sáng và hữu hiệu cho công việc, tôi đã rất đau lòng khi đi tới quyết định cho bà Diệu Lê nghỉ việc.

Hôm nay, khi ngồi nhớ và viết lại những việc làm của mình trong những năm tháng đầu tiên của cuộc đời lưu đầy nơi đất khách quê người, tôi vẫn nhớ những đơn khiếu nại của nhân viên dưới quyền, kiện tôi về tội mà họ gọi là "kỳ thị chủng tộc"!

Tôi không biết tôi có phải là người thực sự có máu kỳ thị chủng tộc trong người hay không?

Tuy nhiên, ngay cả khi tôi có thực sự là người có tinh thần kỳ thị chủng tộc thì cá nhân tôi, cũng không lấy thế làm buồn. Tôi không cảm thấy có một điều gì đáng hối hận về sự việc nầy.

Bởi vì, với tôi, lúc nào, ở đâu, trong hoàn cảnh nào, mối quan tâm hàng đầu của tôi cũng vẫn là ưu tiên lo cho đồng bào ruột thịt của mình.

Mỗi khi giúp được cho ai một điều gì, dù nhỏ hay lớn, tôi đều cảm thấy mình sung sướng, hạnh phúc.

Cái cảm giác sung sướng, hạnh phúc này ở nơi tôi, những năm tháng nơi quê người dường như nó càng lớn lao, càng ý nghĩa hơn, nếu đem so sánh với những việc làm tương tự như vậy, khi tôi còn ở Việt Nam.

Kể lại chuyện này, tôi muốn nói tới thời Tổng thống Jimmy Carter mới lên nắm chính quyền. Chính quyền của ông đã đẻ ra chương trình CETA.

Đó là một chương trình huấn nghệ cho những người thất nghiệp, những người chưa có một nghề chuyên môn nào trong tay; hoặc những người đã có nghề chuyên môn, nhưng muốn đổi hoặc học thêm nghề mới.

Tôi nghĩ, những người Việt ở Mỹ trong khoảng thời gian đầu thập niên 1980, nếu có tham dự chương trình CETA hẳn còn nhớ, những ưu đãi mà chương trình này dành cho những người thất nghiệp.

Tôi muốn nói tới sự kiện rất hay của chương trình này là, học viên vừa được học nghề ngày 8 tiếng mà trong thời gian học, họ còn được trả lương nữa.

Tôi không biết chương trình CETA ra đời có phải hoàn toàn nhằm giúp cho đồng bào Việt tỵ nạn hay còn nhắm tới những cộng đồng thiểu số khác…?

Nhưng như ghi nhận của tôi thì số lượng học viên theo học chương trình này đa số là người Việt tỵ nạn.

Lý do tôi nói nhiều tới chương trình CETA vì khi chương trình này ra đời, ngay từ buổi đầu, tôi đã được chọn làm học viên của chương trình này. Tôi còn nhớ, mỗi người tham gia chương trình CETA, học một nghề chuyên môn, đều được lãnh tới 800$/1 tháng.

Ở thời điểm đó, giá sinh hoạt của xã hội Mỹ còn rất thấp. Số tiền trợ cấp 800$ một tháng không phải là con số nhỏ.

Một căn apartment 2 phòng ngủ, trong một chung cư sạch sẽ, có đầy đủ tiện nghi, giá chỉ từ 200 tới 250$/ 1 tháng mà thôi.

Cũng có những apartment khác, ở những khu lao động hay xô bồ thì tiền thuê nhà còn rẻ hơn nữa.

Cũng vẫn do may mắn nên khi tôi trở thành một trong những người Việt được làm ở chương trình này, tôi lại mang được rất nhiều đồng bào tham gia chương trình.

Trong số những người tôi đem vào được trong chương trình CETA ở những ngày đầu, có cả hai người bạn học ngày xưa của tôi là các ông Trần Tuệ và Trần Văn Sơn…

Hai ông Sơn, Tuệ sau này đã trở thành những cấp chỉ huy có thế giá trong ngành kế toán…

Nhiều người Việt Nam khác, sau khi tốt nghiệp chương trình CETA cũng đã có những thành công rạng rỡ.

Cuộc sống của họ và gia đình họ thăng tiến thấy rõ. Nhiều người trở thành chủ nhân những cơ sở do chính họ làm chủ.

Ở cương vị chủ nhân, họ lại trở thành tuyển dụng nhân viên.

Họ thành những người mang công ăn việc làm đến cho nhiều đồng bào khác.

Cùng với sự biến chuyển hay thăng tiến tốt đẹp trong công việc của cá nhân mình, gia đình tôi cũng lần lần tiến tới ổn định, bình yên cùng đạt nhiều thành quả đáng kể.

Trong tinh thần đó, xin mọi người, luôn cả những bạn đọc đã đọc tới trang sách này của cá nhân chúng tôi, Thái Doãn Ngà, xin tất cả nhận ở nơi đây lòng biết ơn chân thành của gia đình chúng tôi, hôm nay, còn ở nơi quê người.

**THÁI DOÃN NGÀ**,
(California, tháng 5 năm 2010.)

## HỒI KÝ PHẦN 2

# VỢ TÔI

## (NHŨ DANH NGUYỄN KHOA DIỆU TRÀ)

## LỜI NÓI ĐẦU.

Bản chất nhà tôi là một phụ nữ khiêm tốn, êm đềm và luôn luôn nghĩ tới người khác, trước khi nghĩ tới cá nhân mình.

Tuy nhà tôi được sinh ra và lớn lên trong bóng rợp của một dòng họ uy tín, nổi tiếng nhân đức và đạo hạnh, nên đã nhận được nhiều sự kính trọng của lối xóm chung quanh. Nhưng trong hơn nửa thế kỷ chung sống với nhau, trải qua bao thăng trầm, chưa bao giờ tôi thấy nhà tôi biểu lộ một cử chỉ hay một thái độ kiêu hãnh hay tự mãn nào với bất cứ ai, dù là người trên hay kẻ dưới.

Hơn thế nữa, dường như nhà tôi không bao giờ muốn nói tới nguồn gốc của mình. như thể nhà tôi chỉ muốn thu mình làm một chiếc bóng nhỏ mờ nhạt giữa những xôn xao, ồn ào của dòng sống xô bồ, đầy những chân giả.

Trong gia đình thì nhà tôi là một người phụ nữ Việt Nam thuần túy, với những truyền thống có từ nghìn năm trước của một người phụ nữ Việt Nam. Đó là chăm sóc chồng con, thu vén, hy sinh bản thân mình cho gia đình.

Bước ra ngoài xã hội, cũng với hàng nửa thế kỷ trong vai trò của một nhà giáo, nhà tôi là một nhà giáo đúng nghĩa, do đó mà được đồng nghiệp quý mến, học sinh tôn trọng và thương yêu.

Những năm tháng đầu của đời tỵ nạn, nhà tôi đã bắt tay ngay vào những công việc lao động thức sự. Những công việc cực nhọc mà trong đời nhà tôi, chưa từng phải chạm mặt.

Tôi muốn nói tới những năm tháng, những sớm mai và những khuya khoắt nhà tôi còng lưng trên chiếc máy may kỹ nghệ, nhận may gia công để phụ giúp gia đình, lo cho con cái ăn học mà, không hề có một lời than van, không hề có một tiếng thở dài…

Ngay giờ phút này khi con cái chúng tôi đã thành đạt, đời sống gia đình ổn định, êm ấm nhà tôi cũng không vì thế mà tỏ ra hãnh tiến hoặc chê bai, coi thường một người nào khác.

Chính vì vậy mà tôi hiểu rằng, nhà tôi sẽ không thích một chút nào nếu tôi viết những dòng chữ mang tính cách hồi ký về nhà tôi.

Tôi đã cân nhắc, đã suy nghĩ thật nhiều trước khi bắt tay vào việc viết những dòng chữ này về cuộc đời nhà tôi.

Tôi thấy tôi không có chọn lựa nào khác vì, tôi vẫn quan niệm, đằng sau một người đàn ông thành đạt, dù thành đạt đó lớn hay nhỏ, đều có phần tiếp tay, góp sức, hy sinh không ít của người bạn đời của người đó.

Nếu không có những hy sinh tưởng chừng như nhỏ nhoi, không đáng kể của người bạn đời, tôi không tin người đàn ông (hay ngược lại, là người phụ nữ) có thể có những thành đạt đáng kể, như họ đã có.

Lại nữa, tôi cũng muốn con cháu chúng tôi sau này, có trong tay một tài liệu chính xác, như một tấm gương trung thực khi chúng muốn tìm hiểu về nguồn gốc, cuộc đời của đấng sinh thành.

Trong tinh thần ấy, tôi đã mạnh dạn ngồi xuống để viết những trang sách kế tiếp về cuộc đời của nhà tôi, dù tôi sẽ cố gắng để viết rất vắn tắt, chiết giảm tối đa những vinh quang mà dòng họ của nhà tôi đã được xã hội công nhận.

Nhưng thưa quý bạn đọc, dù cho tôi có tôn trọng sự khiêm tốn của nhà tôi cách mấy thì, tôi cũng không thể không nói về những gì liên quan tới nhà tôi, từ gia thế cho tới những sự việc mà nhà tôi đã thực hiện được trong đời của bà.

Do đấy, nếu có những thất thố nào nơi những chương sách mà quý bạn đọc sẽ đọc tiếp theo đây thì đó là lỗi của cá nhân chúng tôi chứ không phải đó là những điều nhà tôi muốn nhắc tới.

Và một lần nữa, xin quý bạn học hiểu rằng nhà tôi không hề muốn có phần hồi ký tiếp theo này.

Trân trọng,
Giáo sư Thái Doãn Ngà.
California, tháng 6 năm 2010.

Đại Gia Tộc dòng họ Nguyễn Khoa

**Chương Một**

## NGƯỢC DÒNG LỊCH SỬ: NGUỒN GỐC DÒNG HỌ NGUYỄN KHOA.

Trong đời sống hàng ngày, nhà tôi luôn tâm niệm rằng, là con cháu, chúng ta phải nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ và xa hơn ông bà tổ tiên, đã ăn ở phước đức, đã kiên tâm tu hành thế nào khiến cho con cháu đời sau, đã được hưởng phước báu.

Dù là bậc cha mẹ, nhưng nhà tôi cũng vẫn muốn bày tỏ sự hài lòng, cám ơn con cái.

Nhà tôi thường nói với tôi rằng, đối với nhà tôi thì không có một món quà nào to lớn hơn, ý nghĩa mà con cái tặng cho cha mẹ ngoài lòng hiếu thảo, lễ nghĩa và sự thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.

Vì thế, nhà tôi cho rằng điều may mắn nhất đời bà, là bà đã có được những đứa con biết tôn kính người trên, hiếu thảo với cha mẹ, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau và ân cần với người dưới.

Tôi cho rằng, con cái của chúng tôi có được cái tinh thần, nếp sống mà nhà tôi hài lòng như vừa kể, ít nhiều gì thì các cháu cũng thừa hưởng được cái mà người xưa gọi là truyền thống dòng họ, gia đình hoặc nói một cách vắn tắt là "nếp nhà".

Chính vì thế, tôi xin phép quý bạn đọc, để được có đôi dòng nói về nguồn gốc của gia thế hay gia đình nhà tôi.

Sự đề cập đó theo tôi, trước nhất là để con cháu chúng tôi biết được một cách rõ ràng về dòng họ ngoại của các cháu. Kế đến, tôi nghĩ điều này cũng giống như sự ghi nhớ hay biết ơn tổ tiên, những đấng sinh thành của nhà tôi; một người phụ nữ mà cá nhân tôi cho là may mắn được gặp, tới hết cuộc đời mình.

Tôi nhớ, không ít lần nhà tôi dạy dỗ, khuyên nhủ các cháu phải biết nguồn cội của mình qua một câu ca dao, tục ngữ rất quen thuộc. Đó là câu "chim có tổ người có tông".

Áp dụng sự nhắc nhở đó vào nguồn gốc của nhà tôi thì tôi được biết rằng, nhà tôi mang họ "Nguyễn Khoa"; một dòng họ có thể gọi là khá lớn ở Huế.

Vì lòng yêu quý và biết ơn người bạn đầu gối tay ấp của mình, tôi đã sưu tầm, tìm hiểu cũng như thăm hỏi những bậc trưởng thượng trong dòng họ Nguyễn Khoa, và những điều tôi biết được một cách chính thức, rõ ràng, có thể ghi lại như sau:

Khởi nguồn, dòng họ Nguyễn Khoa chính gốc là ở làng Trạm Bạc, tỉnh Hải Dương, Bắc Việt. Mặc dù đền thờ tổ của

dòng họ hiện ở làng Dương Nổ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên. Theo tài liệu mà tôi hiện có trong tay thì:

"Đời thứ nhất của dòng họ Nguyễn Khoa là ông Nguyễn Đình Thân, sinh năm Quý Sửu (1552). Năm 1558, mới có sáu tuổi đã theo cha phò chúa Nguyễn Hoàng vào trấn Ái Tử, thuộc tỉnh Quảng Trị bây giờ. Đến đời thứ ba được chiếu vua ban, cho đổi họ Nguyễn Đình thành Nguyễn Khoa.

Qua các triều đại nhà Nguyễn, lúc nào họ Nguyễn Khoa cũng có người giữ chức vụ quan trọng. Đời thứ 5 có Nguyễn Khoa Đăng là được nhắc nhở nhiều nhất. Ông sinh năm Tân Tị (1691) dưới triều Minh Vương (1691-1725), ông giữ chức vụ Chánh Dinh Nội Tán Thống Tri Quân Quốc Trọng Sự. Vì tính tình ngay thẳng lại thông minh nên ông được vua tin dùng. Ở Huế ai cũng nghe câu hò:

*"Thương anh em cũng muốn vô*
*Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang".*

"Truông nhà Hồ" là vùng sỏi cát nhưng rậm rạp thuộc vùng Hồ Xá, tỉnh Quảng Bình bây giờ. Ngày trước, khi tỉnh này còn là Ô Châu ác địa, Hồ Quý Ly đã dùng chính sách di dân bắt đầy các tội phạm vào đây sinh sống. Sau khi nhà Hồ mất, luật pháp không còn, các phạm nhân đi cướp bóc, quấy nhiễu khách buôn lương thiện. Quan Nội Tán **Nguyễn Khoa Đăng** xin lập kế diệt cướp. Ông cho lính núp trong các thùng gỗ, giả làm hàng hóa, rồi cho khách buôn gánh đi, duy chiếc thùng cuối được khoét lỗ cho lính có thể rải giấy làm dấu chỉ đường cho quân lính theo sau. Khi quân cướp mở các thùng gỗ thì quân lính xông ra nhập với đoàn tiếp viện cũng vừa tới, nội công ngoại kích nên bắt được trọn ổ. Từ đó về sau, truông nhà Hồ không còn là mối lo ngại cho những khách buôn nữa. Chàng trai Huế, muốn trấn an người em gái Bắc, liền hát:

*"Phá Tam Giang ngày rày đã cạn*
*Truông nhà Hồ Nội Tán cấm nghiêm".*

Nói đến "Phá Tam Giang", có rất nhiều chuyện truyền khẩu về những lượn sóng thần làm lật úp thuyền bè qua lại.

Biết rằng khúc sông trước khi ra phá Tam Giang, chạy qua vùng Bàu Ngược (thuộc làng Vĩnh Xương và Kế Môn, huyện Quảng Điền) rất sâu lại quanh co, nên đến thu đông, gió lớn, gây những vụ đắm thuyền, nên một mặt quan Nội Tán đêm đêm cho lính đào một con sông thẳng, để thuyền bè dễ qua lại. Mặt khác, biết dân chúng hay mê tín dị đoan, ông cho đóng một chiến thuyền, bốn bề che kín, duy chỉ để chừa một lỗ vừa đủ cho họng súng thần công, rồi dưới sự chứng kiến của nhà vua, chiếc thuyền vượt ra khơi bắn hai phát súng làm gẫy hai con sóng. Phát thứ ba vì nhắm trật nên thần sóng chạy thoát. Lúc đào sông, gặp chỗ đất phù sa, dòng sông nhuộm đỏ như máu, làm dân càng tin là hai vị thần sóng đã bị súng thần công bắn chết.

Quan Nội Tán Nguyễn Khoa Đăng đã lập rất nhiều công trạng nên được vua thương, vì thế, có nhiều người ganh tị, trong đó có tên Nguyễn Cứu Thế, bày mưu ám sát, nhưng cũng phải đợi đến lúc vua Minh Vương băng hà (1725) mới dám ra tay.

Đến đời thứ bảy có **Nguyễn Khoa Kiên**, sanh năm Giáp Tuất (1754) và mất năm Ất Vị (1775). Dưới đời Huệ Vương (1765-1777), ông Kiên giữ chức Khâm Sai Đốc Chiến Triệu Thành Hầu. Ông cao to, vạm vỡ, sức mạnh hơn người, được vua phái đi đánh dẹp Nhà Tây Sơn. Mặc dù quân lính ít hơn, nhưng ông đánh đâu thắng đó, nên được ví như Triệu Tử Long (một danh tướng nhà Hán, thời Tam Quốc bên Tàu). Quân Tây Sơn, biết địch không nổi, nên tìm cách lẩn tránh. Trong một trận thủy chiến ngoài khơi Phú Yên, chiến thuyền ông gặp bão, phải tấp vào đảo Tam Sơn và bị giặc bắt sống. Lúc bấy giờ ở Quảng Nam có hai tướng Tôn Thất Quyên và Tôn Thất Xuân, chống trả với quân Tây Sơn rất dũng mãnh. Giặc bèn dùng kế nồi da xáo thịt phong cho ông Kiên chức Đại Tướng, sai cầm quân đánh lại quân của tướng Quyên và tướng Xuân. Ông Kiên xỉ vả sứ thần rồi rút kiếm tự vận để khỏi mắc mưu địch.

Về sau ông được phong Dực Vận Kiệt Tiết Công Thần Chiêu Dõng Tướng Quân, Cẩm Y Vệ, Chưởng Vệ Sự (tạm

dịch là Tướng thông minh vạm vỡ, Tư Lệnh đại quân của Vua).

Đến thời Minh Mạng, ông được vua tri ân cho đem bài vị thờ trong điện dành cho các vị công thần đã vị quốc vong thân, ngày đêm có lính hầu bên mộ.

**Nguyễn Khoa Hào** là em của Nguyễn Khoa Kiên, đời thứ bảy, sinh năm Kỷ Hợi (1779) là một đại thần triều Nguyễn. Năm Minh Mạng thứ năm (1824) ông giữ chức Tổng Trấn Nghệ An đặc trách việc ngoại giao với nước Ai Lao. Vài tháng sau, vua nước Lào bị quân nổi loạn truất phế, phải qua nhờ Hào che chở. Ông Nguyễn Khoa Hào đem quân giúp vua Lào dẹp loạn, xong đưa vua Lào lên ngôi trở lại. Vua Minh Mạng ban thưởng vàng bạc và phong chức Tham Tán Kinh Lược Đại Thần, phụ trách việc bang giao với các lân bang.

Dưới triều Minh Mạng thứ 12, **Nguyễn Khoa Dục**, sinh năm Mậu Thìn (1808) là một danh tướng được các lân bang kính nể. Năm Tự Đức thứ nhất (1854), ông giữ chức Bố Chánh tỉnh Quảng Yên (Bắc Việt). Lúc bấy giờ, giặc Tàu Ô thường qua quấy nhiễu, nên Nguyễn Khoa Dục xuất quân bắt sống tên đảng trưởng cùng với 164 quân cướp. Vua Tàu sai Tổng Trấn Quỳnh Châu (đảo Hải Nam bây giờ) đem thuyền chở lễ vật xuôi dọc theo sông Bạch Đằng đến khen thưởng.

Ông trả lời:

"Tôi đã được vua chúng tôi ban thưởng nên không dám nhận báu vật của Ngài…"

Quân Tàu Ô thuộc vùng duyên hải tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, Tô Giang, Tích Giang được quân Tây Sơn cấu kết, cấp súng ống phong chức tước, để quấy phá Quảng Yên là nơi có đền thờ của dòng họ Nguyễn Khoa, trung thành với nhà Nguyễn. Nguyễn Khoa Dục tức giận vì mồ mả tổ tiên mình ở làng Trạm Bạc thường hay bị phá quấy nên có âm mưu gây chiến luôn cả với Trung Quốc. Vua Tàu nghe tin, liền gởi tối hậu thư cho vua Tự Đức chất vấn lý do Nguyễn Khoa Dục đòi đánh Trung Hoa và yêu cầu giao Dục cho sứ thần Trung Quốc mang về để trị tội. Vì nể dòng họ Nguyễn Khoa đã bao đời tận tụy với triều đình, nên vua giao một

phạm nhân cho sứ thần, rồi gọi Nguyễn Khoa Dục về triều đình, chỉ quở trách:

"Trẫm biết khanh thường hay quá tửu; vậy phải chừa đi, để khỏi hổ danh dòng họ…"

Vì biết không ai trấn giữ nổi tỉnh Quảng Yên ngoài Nguyễn Khoa Dục, nên Vua phục hồi chức vụ, phong ông làm Án Sát để dẹp giặc. Trong một trận giao tranh, vì quân số địch quá đông, nên ông đã đền nợ nước vào năm 1860. Bài vị ông được thờ trong đền Trung Nghĩa…"

Và, sau đây là phần gia phả của dòng họ *Nguyễn Khoa*, theo tài liệu riêng mà chúng tôi có được.

Tài liệu này không khác bao nhiêu với tài liệu theo sử sách chính thức và phổ biến rộng rãi. Tuy nhiên vì nó mang tính gia phả nên phần chi tiết của các chi, hệ có phần đầy đủ và rõ ràng hơn.

Căn cứ theo gia phả của dòng họ Nguyễn Khoa thì:

Khi Chúa Nguyễn vào miền Nam lập nghiệp, thì trong số những cận thần đi theo phò Chúa ngay tự những ngày đầu tiên, có một cận thần tên là Nguyễn Đình Thân, vốn gốc người miền Bắc, ở làng Trạm Bạc, thuộc tỉnh Hải Dương, Bắc phần.

Trong thời gian làm quan ở miền nam, dòng Nguyễn Đình Thân có nhiều con cháu đỗ đạt cao, nghĩa là thuộc thành phần khoa bảng, nên được vua ban cho hai chữ "Nguyễn Khoa" làm họ.

Từ đó, dòng họ "Nguyễn Khoa", ra đời.

Song song với thành tích có tính cách khoa bảng của con cháu cận thần Nguyễn Đình Thân, tổ tiên của dòng họ chúng tôi còn có một người phụ nữ tên Nguyễn Khoa Thị Thu; vốn nổi tiếng xinh đẹp, nết na.

Bà được một người chú ruột của Chúa Nguyễn Ánh kết hôn. Nên tương quan giữa tổ tiên chúng tôi với triều vua Nguyễn Ánh càng thêm gắn bó, mật thiết.

Năm 1802, sau khi chúa Nguyễn Ánh lên ngôi vua, chọn cho mình hai chữ "Gia Long" làm Đế hiệu; một hôm, ông nói với bà Nguyễn Khoa Thị Thu rằng:

"Thím đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong thời gian tôi khôi phục lại giang san nhà họ Nguyễn. Bây giờ là lúc tôi muốn đền công ơn cho Thím. Bằng cách tôi sẽ thỏa mãn bất cứ điều gì Thím muốn".

Nghe Nhà Vua ban như thế, bà thưa: "Chỉ muốn xin một miếng đất làm hương hỏa"!

Miếng đất đó sẽ là nơi chôn cất những người thuộc dòng họ Nguyễn Khoa, khi họ qua đời…!

Trước lời xin chân thành đầy tình nghĩa gia tộc của bà Nguyễn Khoa Thị Thu, vua Gia Long bèn đem bà tới chân núi Ngự Bình mà bảo rằng:

"Bây giờ tôi đi cùng với Thím tới khi mô Thím mỏi chân, không đi nổi nữa thì chỗ đó là giới hạn phần đất hương hỏa của dòng họ Nguyễn Khoa của Thím vậy…"

Sự kiện này đã giải thích lý do tại sao tài sản của dòng họ Nguyễn Khoa rộng bát ngát, có thể nói là không thua gì một gia đình đại thần nào khác ở cố đô Huế.

Trong phần đất của dòng họ Nguyễn Khoa, hữu duyên sao, lại có ngôi chùa cổ nổi tiếng: Chùa Trà Am.

Nói tới chùa cổ Trà Am, người dân Huế hầu như ít ai không biết.

Mặc dù vùng đất hương hỏa của dòng họ Nguyễn Khoa rộng lớn như vậy, nhưng theo truyền thống có từ thời xa xưa, nghĩa trang dòng họ Nguyễn Khoa chỉ là chôn cất con trai và con dâu khi từ trần mà không chôn con gái!

Nhà tôi đồ chừng rằng, có thể tổ tiên dòng họ của nhà tôi thuở ấy, quan niệm "*nữ nhân ngoại tộc*" nên không cho đàn bà con gái được chôn chung chăng?

Sau khi lược thuật những vị khai sáng dòng Nguyễn Khoa, trở lại gần hơn với thế hệ của nhà tôi thì ông cố của nhà tôi tên Nguyễn Khoa Luận.

Ông làm quan tới chức Tổng đốc dưới triều nhà Nguyễn.

Giai đoạn ông cố Nguyễn Khoa Luận làm Tổng đốc thì đó cũng là giai đoạn quân Pháp đã mở những cuộc tấn công thôn tính Việt Nam mà mục tiêu chính của họ ở thời điểm đó là kinh đô Huế…

Sau nhiều cố gắng chống trả tuyệt vọng vì vũ khí thô sơ so với quân xâm lược, cuối cùng cố đô Huế thất thủ.

Triều đình nhà Nguyễn phải buông súng đầu hàng quân Pháp.

Bất mãn trước thời cuộc, uất ức trước nỗi bất hạnh quá sức to lớn của dân tộc, ông cố Nguyễn Khoa Luận đã từ quan, âm thầm bỏ nhà ra đi!

Sự biến mất bất ngờ, đầy bí ẩn của ông cố khiến cả dòng họ hốt hoảng, lo lắng. Không một ai biết thực sự chuyện gì đã xảy tới cho ông.

Trước tình cảnh đau lòng này, 7 người con của ông Cố đã chia nhau đi khắp nơi để tìm kiếm, dò la tin tức.

Sau nhiều ngày lặn lội kiếm tìm, cuối cùng một trong 7 người con của ông Cố, đi tới chân một ngọn núi, hỏi thăm người dân địa phương thì, một người cho biết:

"… Có thấy có một vị coi bộ giống như một quan lớn của triều đình, đến tu ở núi …"

Người con mừng rỡ đi theo những chỉ dẫn của người dân địa phương.

Kết cuộc, người con này đã tìm thấy cha.

Và khi người con gặp cha, thì ông lại có cảm tưởng như đã gặp một người khác!

Không cầm được nước mắt, người con bèn thưa với cha rằng:

"Nếu Cha muốn tu, xin cha trở về để con cháu lập chùa riêng cho cha tu. Chúng con không đành để cha tu tại đây… Nó đã hẻo lánh, lại thiếu thốn, kham khổ…"

Cảm được lòng hiếu thảo của con, ông Cố đồng ý trở về.

Tới đây, tôi thấy cần phải ghi thêm rằng, sinh thời, ông Cố của nhà tôi là một người học rộng, tài cao, được giữ chức lớn trong triều.

Vì thế một ông hoàng trong phủ Định Viễn, có 2 người con gái tức hai công chúa đã tới tuổi lập gia đình nhưng vẫn chưa tìm được nơi xứng đáng… Nên, cuối cùng, ông Hoàng Định Viễn đã gả con 2 gái cho ông Cố.

Theo giải thích của một đôi người lớn trong gia đình, thì có thể ông hoàng phủ Định Viễn là người tính xa, trông rộng…

Ông cho rằng, trước sau gì thì ông Cố của nhà tôi, ở chức vụ Tổng đốc, cũng sẽ cưới thêm vợ bé, như tục lệ thuở đó.

Vậy thì tại sao không gả một lần cả hai chị em cho ông Tổng đốc Nguyễn Khoa Luận, để ngăn ngừa hậu họa. Nghĩa là khi đã có tới hai người vợ, có thể phần ông cố sẽ không thấy cần phải có thêm một người vợ bé nữa.

Chưa kể, theo suy luận của nhiều người thì ông hoàng phủ Định Viễn có thể đã suy tính rằng, bề gì hai chị em ruột cũng dễ dàng trong việc nhường nhịn, chia sẻ tình vợ chồng cũng quyền lợi của nhau hơn một người đàn bà xa lạ…

Tôi kể lại chuyện này để dẫn tới việc khi ông Cố của nhà tôi chịu quay về nhà thì hai chị em, tức hai người vợ của ông Cố đã chọn mua ngay một miếng đất thuộc phủ Định Viễn.

Họ cho khởi công xây dựng một ngôi chùa thật lớn, rất khang trang.

Ngôi chùa được đặt tên là chùa Ba La.

Và ông Cố đã tu ở đấy cho tới ngày người viên tịch.

Ở Hoa Kỳ, cách đây mười năm, nhà tôi được tin ông Nguyễn Khoa Điềm, nguyên là Đại Tá Không Quân thời Đệ Nhị Cộng Hòa ở Việt Nam, ông cùng các em đã về lại phủ Định Viễn, trùng tu ngôi nhà của ông nội, và biến thành ngôi chùa Sư Nữ gần bên chùa Ba La.

Thân phụ của nhà tôi, ông Tuần Phủ Nguyễn Khoa Nghi sinh trưởng trong thời quan lại cũ, vì nhu cầu nối dõi tông đường, ông Tuần Phủ đã cưới tất cả 3 người vợ.

Người vợ thứ ba của thân phụ nhà tôi chính là nhạc mẫu của tôi sau này.

Nói cách khác, đó là người sinh ra nhà tôi.

Hồi còn trẻ, ông đã sớm nổi tiếng thông minh và học giỏi.

Cụ thể năm 16 tuổi, thân phụ của nhà tôi đã đậu Cử nhân Hán học. Đồng thời ông cũng là người giỏi tiếng Pháp tới mức độ được nhiều người biết tiếng.

Sau khi đậu cử nhân chữ Hán, thân phụ của nhà tôi thi vào trường Hậu Bổ. (Trường Hậu Bổ ở trong nội thành Huế, là trường dành cho những người có bằng tú tài theo học. Sau khi tốt nghiệp ra trường, họ sẽ được bổ đi làm quan. Vì thế mà có tên là "Hậu bổ").

Ngoài là người tinh thông Hán Học, thân phụ của nhà tôi còn mời Thầy về nhà dạy thêm Pháp Văn.

Khi sắp tốt nghiệp ông được một Thượng Thư trong triều đình Huế, gọi gả con gái cho ông.

Đây là một một cuộc hôn nhân hoàn toàn theo tập quán xưa, nghĩa là thân phụ của nhà tôi không hề biết mặt người con gái mà ông sẽ lấy làm vợ.

Người vợ đầu tiên của thân phụ nhà tôi là một người mộ đạo Phật.

Đêm ngày lấy sự tụng kinh làm chính, nên lớp con cháu sau này, gọi bà một cách thương yêu và quý trọng là "*Mẹ Phật*".

- Mẹ Phật của tôi sinh được 7 người. Tất cả đều là gái. Bốn người mất sớm, chỉ nuôi được 3 người.

Có lẽ vì sinh nở quá nhiều nên Mẹ Phật của nhà tôi sớm nhuốm bệnh. Bà không thể sinh nở thêm!

- Khi ấy thân phụ của nhà tôi mới 40 tuổi, lại không con con trai nối dõi tông đường… Nên bà nội của nhà tôi có ý định cưới cho con trai, người vợ thứ hai, dù cho ông gần như không quan tâm tới chuyện ấy.

Khi biết mẹ chồng có ý kiếm thêm vợ cho con trai của mình, Mẹ Phật đề nghị chồng cưới người em gái ruột của mình. Vì bà cho rằng nếu muốn có một người vợ ngoan hiền dễ thương thì không ai bằng cô em gái của bà.

Khi Dì Hai sinh được cho chồng một người con trai thì, tin vui đó không chỉ riêng cho thân phụ của nhà tôi, mà còn là niềm vui lớn cho cả đại gia đình.

Ông mở tiệc ăn mừng, khoản đãi hằng trăm khách và thân bằng quyền thuộc xa gần.

Tên ở nhà của người con trai nối dõi là Lê Dương. Nhưng có lẽ định mệnh cay nghiệt vẫn chưa chịu buông tha thân phụ

của nhà tôi, nên khi anh Lê Dương được 1 tuổi rưỡi thì qua đời vì bệnh thương hàn!

Thân phụ của nhà tôi rơi vào tình trạng thất vọng não nề!

Cả dinh từ lớn tới bé, từ xa tới gần ai cũng ngỏ lời khuyên can… Nhưng tất cả những lời can gián kia, vẫn không có một chút hiệu quả nào!

Trái lại, tinh thần của nhạc phụ tôi mỗi ngày một thêm sa sút.

Sau này, một người bạn của ông là bác sĩ Phan Hy, thấy tinh thần ông xuống thấp một cách đáng ngại, bác sĩ Hy đã không quản ngại thì giờ, thường đến nhà thân phụ của nhà tôi chuyện trò, an ủi, vỗ về bạn, lòng chỉ mong bạn quên chuyện buồn phiền để vui mà sống.

Từ đó, ông Tuần vũ Nguyễn Khoa Nghi và bác sĩ Hy trở thành hai người bạn tâm đầu ý hợp.

Chuyện gì ông Tuần vũ cũng có thể nói hết với bạn…

Rồi một ngày kia, tình cờ thân phụ của nhà tôi gặp một thiếu phụ đoan trang, bạn thân của vợ bác sĩ Hy. Ngay từ gặp gỡ thứ nhất, ông đã bị thiếu phụ trẻ tuổi ấy thu hút vì nét đẹp sang cả, quý phái của cô.

Viết tới đây, tôi nghĩ, trước khi bước qua một chương sách khác của phần thứ hai, cuốn hồi ký này, tôi xin được tóm tắt ở đây phần gia phả của dòng Nguyễn Khoa, dưới hình thức một cây hệ phả, giúp cho con cháu sau này nắm vững được những chi, những nhánh và tương quan thế nào giữa những người cùng một gốc "Nguyễn Khoa" hầu biết cách xưng hô làm sao cho đúng.

**Cây hệ phả dòng Nguyễn Khoa kể từ ông cố Nguyễn Khoa Tân:**

Ông cố: Nguyễn Khoa Luân (sinh ngày 2 tháng 7 năm 1834, mất ngày 27 tháng 6 năm 1900. Ông là đời thứ 9 của dòng họ Nguyễn Khoa).

Tự là: Đạm Trai.

Chức vụ là Bộ Chánh Sứ.

Tu quán xuất gia.

Đạo hiệu là Viên Giác Đại Sư.

Pháp Danh là Thanh Chân.

Tổ khai sơn: Ba La Mật Tự.

Ông có hai vợ.

- Người vợ đầu tiên là: Công Tôn Nữ Thị Thu (Cháu nội của Vua Gia Long). Ông bà có với nhau 4 con trai:

1. Nguyễn Khoa Lương (sinh ngày 2 tháng 2 năm 1860, mất ngày 11 tháng 8 năm 1898). Chức vụ Tri Huyện.

2. Nguyễn Khoa Huân (Hoan) (sinh ngày 22 tháng 12 năm 1865, mất ngày 15 tháng 2 năm 1921). Chức vụ: Viện sĩ Hàn Lâm Viện.

* Cháu nội là: Tướng Nguyễn Khoa Nam.

3. Nguyễn Khoa Đàm (sinh ngày 13 tháng 3 năm 1869, mất ngày 25 tháng giêng năm 1951). Chức vụ: Thượng thư trị sự.

**4. Nguyễn Khoa Tân** (sinh ngày 9 tháng 12 năm 1870, mất ngày 28 tháng 12 năm 1938). Chức vụ: Thượng thư Bộ Hộ.

Ông, Bà Nội của Diệu Trà:
Nguyễn Khoa Tân và Phạm Thị Lợi

Gia đình Ông Bà Nguyễn Khoa Tân

5. Nguyễn Khoa Trâm (sinh ngày 23 tháng 1 năm 1873, mất ngày 10 tháng 9 năm 1907). Cử nhân.

6. Nguyễn Khoa Tùng (sinh ngày 14 tháng 9 năm 1873, mất ngày 10 tháng 9 năm 1932). Chức vụ: Nghị Viên.

- Người vợ thứ hai là: Công Tôn Nữ Thị Xuân (cùng cha khác mẹ với bà Công Tôn Nữ Thị Thu.) Ông bà có với nhau hai con trai:

1. Nguyễn Khoa Đồng (sinh ngày 21 tháng 12 năm 1878, mất ngày 30 tháng 10 năm 1943). Chức vụ: Đốc học.

2. Nguyễn Khoa Trạch (sinh ngày 12 tháng 2 năm 1882, mất năm 1959). Chức vụ: Thống sứ công chánh.

Ông nội: Nguyễn Khoa Tân (Ông là đời thứ 10 của dòng họ Nguyễn Khoa).

Hiệu là Bình Nam.

Chức vụ: Thượng Thư Bộ Hộ, Sung Cơ Mật Viên Đại Thần, Đồng Các Đại Học Sĩ.

Ông sinh ra Nguyễn Khoa Nghi.

Thân phụ: **Nguyễn Khoa Nghi**
Tuần Vũ Phú Yên, Hà Tĩnh
Ông có ba vợ.

- Người vợ thứ nhất, được các con gọi là "Mẹ Phật": Sinh được 7 con gái, nhưng chỉ còn sống 3 cô.

- Người vợ thứ hai, là em ruột của Mẹ Phật, được các con gọi là "Dì Hai": Dì Hai có 5 con:

1. Lê Dương (tên hiệu).
2. Nguyễn Khoa Bảo.
3. Nguyễn Khoa Ba.
4. Nguyễn Khoa Diệu Phương.
5. Nguyễn Khoa Diệu Dung.

- Người vợ thứ ba: Bà…. được các con gọi là "Đẻ". Đẻ có 4 con:

1. Nguyễn Khoa Lai.
2. **Nguyễn Khoa Diệu Trà.**
3. Nguyễn Khoa Diệu Lê.
4. Nguyễn Khoa Vũ (mất khi mới mấy tháng).

Nhạc phụ
Ông Nguyễn Khoa Nghi

Nhạc mẫu
Bà Tôn Nữ Thoại Quy

**Chương Hai**

## CHUNG QUANH CUỘC TÌNH CỦA THÂN PHỤ VÀ THÂN MẪU NHÀ TÔI: NGUYỄN KHOA DIỆU TRÀ.

Nếu hai người vợ đầu của nhạc phụ tôi được nhà tôi và mọi người gọi bằng những danh từ đầy thương yêu và thân thiết là "Mẹ Phật" và "Dì Hai" thì tới người vợ thứ ba của ông, tức người sinh đẻ ra nhà tôi, lại được mọi người gọi bằng một danh từ khác, cũng thương yêu và thân thiết không kém, đó là danh từ "*Đẻ*" ("*Đẻ*" là một chỉ danh dành cho người mẹ, rất được người Huế yêu chuộng).

Như tôi đã viết xuống ở chương một rằng, thân mẫu của nhà tôi là niềm hạnh phúc hay tình yêu mà nhạc phụ của tôi, cuối cùng đã gặp được trong phần đời còn lại của ông.

Viết tới đây tôi nghĩ sẽ có không ít quý độc giả và luôn cả một vài con cháu của chúng tôi, có thể sẽ có những câu hỏi đại ý:

- Trong hoàn cảnh một người đàn ông, dù làm quan lớn, mà có tới ba bà vợ cùng một lúc thì làm sao nhạc phụ chúng tôi có thể "thu xếp" ổn thỏa hai ba đường cho được?

- Lại nữa, mấy bà vợ trước của nhạc phụ tôi, tuy họ cùng thuộc về một gia đình danh gia vọng tộc, nhưng họ cũng biết ghen chứ?

Vâng, thưa quý độc giả, tôi công nhận đó là một câu hỏi rất chính đáng, rất nên hỏi, cho rõ mọi chuyện.

Chính tôi, có lần, tôi cũng đã đánh liều, hỏi nhạc phụ của tôi rằng:

- Cậu làm cách nào để có thể giữ hòa khí, sự êm ấm giữa ba người mẹ của chúng con như vậy?

Nhạc phụ tôi cho biết, đại ý:

Thứ nhất, thời kỳ của nhạc phụ tôi là thời kỳ mà tục lệ cho phép một ông quan lớn được lấy nhiều vợ. Nên đó là chuyện bình thường. Không có chút gì gọi là bất thường hay khó coi ở thời đó.

Do đấy, hai bà mẹ trước không hề có một biểu lộ ghen tuông nào hết, khi nhạc phụ của chúng tôi, cưới người vợ thứ ba.

Cũng có thể hai người mẹ trước của nhà tôi, trong sâu thẳm của trái tim, có buồn bã, có ghen tuông nhưng vì nề nếp, phong tục thời đó đã là những rào cản kiên cố, kềm chế mọi bộc lộ tình cảm bất ưng của hai bà…

Thứ nhì, nhạc phụ của tôi nói, ông may mắn có hai bà vợ hiền từ, nhân hậu. Họ chỉ biết một điều là sống hết lòng cho chồng con mà thôi.

**Chương Ba**

## NHÀ TÔI, NGUYỄN KHOA DIỆU TRÀ, NHỮNG NGÀY THƠ ẤU.

Thưa quý bạn đọc, tôi vẫn thấy cần phải nhắc lại thêm một lần nữa ở đây rằng, nhà tôi hoàn toàn không muốn tôi hoặc các con viết về bà. Nhà tôi lại càng không muốn hơn nữa khi nói về nguồn gốc gia thế của bà…

Nhưng như chúng tôi đã thưa với quý bạn đọc ở những trang trước rằng, nếu cuộc đời của tôi có đạt được một số thành tựu lớn hay nhỏ nào đó, thì người góp phần không nhỏ cho những thành tựu kia, không ai khác hơn là nhà tôi.

Ngay sự thành đạt, nên người của con cái chúng tôi phần công sức của bà cũng là phần chính yếu. Do đó, nếu tôi có ghi lại ở đây một chút tiểu sử của nhà tôi thì tôi cho đó cũng là điều hợp lẽ và cần thiết.

Một kỷ niệm khác của thời thơ ấu mà nhà tôi tới bây giờ vẫn không quên. Đó là chuyện liên quan tới thời gian thân phụ của nhà tôi được bổ đi làm Tuần vũ ở Hà Tĩnh.

Nhà tôi kể rằng, khi nhà tôi được đâu 4 tuổi thì thân phụ của nhà tôi được thuyên chuyển về Phú Yên. Ở Phú Yên không bao lâu, thân phụ của nhà tôi, lại được bổ nhiệm về Hà Tĩnh, làm Tuần Vũ ở tỉnh này.

Thời gian ở trong dinh Tuần Vũ ở tỉnh Hà Tĩnh, có một chuyện mà tới bây giờ tôi vẫn còn nhớ. Đó là chuyện buổi sáng ngày 9 tháng 3 năm 1945, quân dội Nhật đảo chánh quân dội Pháp trong toàn cõi Việt Nam.

Riêng tại tỉnh Hà Tĩnh thì vào khoảng 5 giờ sáng ngày tháng vừa kể, khi nhà tôi còn ngủ cùng với thân phụ của bà thì bà bị đánh thức dậy bởi rất nhiều tiếng súng nổ chát chúa ngay trong dinh. Thân phụ của nhà tôi không biết chuyện gì, vội vàng chạy xuống lầu… Lúc đó, ông mới biết là lính Nhật đã bao vây phủ Tuần vũ.

Khi thấy thân phụ nhà tôi xuất hiện, một đại diện của quân đội Nhật đưa cho ông một thư viết bằng tiếng Nhật.

Rất may, thân phụ của nhà tôi cũng giỏi chữ Nho cho nên ông đọc và hiểu được lá thư này nói gì.

Nội dung lá thư không hàm chứa một đe đọa nào mà trái lại, chỉ nói rằng, ông Tuần vũ và gia đình đừng sợ hãi gì hết. Quân đội Nhật chỉ yêu cầu ông Tuần vũ và gia đình dọn qua dinh Công Sứ. Bao nhiêu quyền hành của ông Tuần vũ vẫn được quân đội tôn trọng và giữ nguyên như cũ.

Nghĩa là thân phụ của nhà tôi chỉ bị một thay đổi nhỏ là dọn qua dinh Công Sứ vì người Pháp đã bị quân đội Nhật đảo chính. Và, do đấy, thân phụ của nhà tôi sẽ thay Công Sứ người Pháp điều hành tất cả mọi vấn đề thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Thoạt đầu, thân phụ nhà tôi rất hoang mang, sợ hãi. Vẻ hoang mang, sợ hãi hằn rõ trên gương mặt ông. Khiến bao nhiêu năm sau, nhà tôi vẫn không quên được hình ảnh đó.

Thời kỳ quân Nhật đô hộ Việt Nam chấm dứt rất sớm bởi cuộc nổi dậy của phong trào Việt Minh.

Khi phong trào Việt Minh thay quân đội Nhật nắm chính quyền, những tưởng họ sẽ hành tội thân phụ của nhà tôi vì ông là quan chức cao cấp của Pháp và triều đình Huế cũ. Nhưng, may mắn sao, Việt Minh đã không bỏ tù ông mà chỉ đuổi ông về lại Vỹ Dạ, Huế.

Trong lúc nhà tôi vui mừng vì được đi học lại thì, thân phụ của nhà tôi lại cảm thấy lo lắng, buồn bã nhiều.

Thời gian bị chỉ định nới cư trú là Vỹ Dạ, Huế, với ông, giống như một thứ tù giam lỏng, không biết ngày giờ nào sẽ bị công an của Việt Nam hỏi tới!

Ông trải qua nhiều đêm âu lo, mất ngủ!

Ông trải qua nhiều tháng sống khép kín với một tinh thần ưu uất ngày một gia tăng….

Cuối cùng thân phụ của nhà tôi đã có một chọn lựa phải nói là khá nguy hiểm thời buổi đó. Đó là việc ông tới cơ quan công an của Việt Minh, hỏi thẳng về trường hợp hay tình trạng của cá nhân ông trong chế độ mới.

Hành động này của nhạc phụ chúng tôi, phải nói là cũng giống như ông tự nhắc nhở công an của Việt Minh về sự hiện hữu của ông, trong khi trên thực tế, ông đã được họ bỏ quên…

Tuy nhiên, không ngờ nhân viên hữu trách của Ty công an Việt Minh lại cho nhạc phụ của chúng tôi biết rằng, ông không nằm trong danh sách bị bắt!

Dẫu vậy, câu trả lời kia cũng không giúp cho thân phụ của nhà tôi an tâm được bao nhiêu!

Để chấm dứt những ngày tháng sống trong phập phồng, lo sợ, cuối cùng, thân phụ của nhà tôi đã quyết định di chuyển hết vợ con ra Vĩnh Linh.

Lý do ông chọn Vĩnh Linh để bắt đầu lại cuộc đời trong hoàn cảnh mới, vì tại nơi đây, có sẵn môt đồn điền của ông nội nhà tôi để lại.

Ở nơi chốn mới đó, gia đình của nhà tôi bắt đầu sinh sống bằng những thu hoạch liên quan tới chè, mít, thơm… vốn là những vườn cây trái được gieo trồng từ trước bên trong đồn điền.

Để tăng thêm lợi tức, chung quanh đồn điền, tức ở bên ngoài đồn điền, thân phụ của nhà tôi cho trồng thêm một số loại cây sinh lợi khác, như tre nứa, khoai sắn… Nên chẳng bao lâu, gia đình đã thu hoạch thêm măng, khoai sắn…

Nhờ thế gần như lúc nào khu đồn điền của thân phụ của nhà tôi cũng có nhiều loại nông sản khác nhau, giao cho người làm mang ra chợ bán lấy tiền.

Nhà tôi kể, những năm tháng ở đồn điền cũng là những năm tháng để lại nhiều dấu ấn đáng kể trong tuổi ấu thơ của nhà tôi.

Một trong những kỷ niệm khó quên, đó là để bảo đảm có đủ chất tươi hay vitamine C, mỗi ngày nhà tôi bị ép phải ăn một chén mít trước khi ăn cơm.

Về việc học của nhà tôi thì vì đồn điền xa trường, nên những ngày đi học, sáng nào nhà tôi cũng phải dậy từ lúc 5 giờ, hầu có thể kịp tới lớp sau khoảng 1 tiếng. Gặp những ngày mưa gió, thời gian di chuyển đến lớp chắng những dài hơn, nhà tôi còn phải mặc cái tơi đến trường…

Không biết có phải vì đau lòng khi thấy cảnh con cái quá vất vả trong việc học hành hay không mà cuối cùng thân phụ của nhà tôi đã quyết định rời bỏ đồn điền trở về thành phố.

Ở giai đoạn này, tôi thấy có lẽ cần phải nói thêm rằng, thời gian ở đồn điền, nhà tôi được học với cô Nguyễn Khoa Diệu Cúc, một người chị con chú bác với nhà tôi.

Lý do tôi nhắc tới cô Nguyễn Khoa Diệu Cúc vì sau này, cô lại chính là chiếc cầu nối, hay một cơ duyên giúp cho gia đình của nhà tôi rời bỏ đồn điền trở về Huế một cách an lành.

Nhưng đó là chuyện tôi sẽ xin kể sau.

Trở lại với những ngày tháng lánh nạn ở đồn điền của gia đình nhà tôi, tuy về phương diện vật chất có thể nói là tương đối đầy đủ, không đến nỗi quá thiếu thốn. Nhưng về mặt an ninh thì lại rất bấp bênh, đôi khi khá nguy hiểm.

Lý do, tại Vĩnh Linh, nhất là vùng có khu đồn điền của gia đình nhà tôi, lâu lâu lại bị quân đội Pháp mở những cuộc hành quân càn quét!

Các lớp học cứ phải di chuyển từ địa điểm này qua địa điểm khác…

Tuy vậy, cả thầy cô lẫn đám học trò vẫn tiếp tục duy trì việc học hành. Không ai muốn bỏ lớp.

Về phần cá nhân của thân phụ nhà tôi đối với chính quyền Việt Minh cũng không tốt đẹp hơn!

Ông cụ bị công an Việt Minh theo dõi, rình rập ngày đêm!

Phải chăng họ vẫn nghi ngờ nhạc phụ của chúng tôi có thể âm thầm làm việc cho quân đội Pháp hoặc cho chính quyền

quốc gia? Vì bề gì thì ông cũng từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chế độ cũ.

Sự kiện này đã khiến ông không cảm thấy an tâm dù đã quyết định "quy điền"! Ông chỉ muốn mọi người sớm quên ông, để ông có thể sống một cách bình yên với vợ con những ngày còn lại, sau cuộc đổi đời.

Nhà tôi kể, cũng không biết có phải vì sự vắng mặt của nhạc phụ của tôi tại đồn điền hay không, hay vì một lý do nào khác, đúng lúc đó, chính quyền Việt Minh cho người gặp nhạc mẫu của chúng tôi. Họ thuyết phục bà đi theo họ vào chiến khu!

Họ hứa sẽ bảo vệ và bảo đảm an toàn cho toàn thể gia đình của nhà tôi, nếu nhạc mẫu của chúng tôi đồng ý bỏ vùng quốc gia vào vùng cộng sản.

Phần là phụ nữ không biết gì về chính trị, phần cả tin nơi miệng lưỡi tuyên truyền, dụ dỗ của cán bộ Việt Minh, thân mẫu của nhà tôi đồng ý sẽ theo họ vào chiến khu!

Ngay lập tức một cuộc hẹn hò với địa điểm và những chi tiết cần thiết khác, đã được thỏa thuận giữa nhạc mẫu của chúng tôi và đại diện của mặt trận Việt Minh.

Tôi hoàn toàn đồng ý với nhà tôi, khi nhà tôi cho rằng dòng họ nhà tôi bao nhiêu đời vốn có nếp ăn chay niệm Phật. Ai cũng coi chuyện làm phước là kim chỉ nam của đời sống.

Nên khi nhạc mẫu của tôi dẫn con cái tới điểm hẹn với Việt Minh, để từ đây, họ sẽ đưa cả gia đình của nhà tôi vào chiến khu, thì không biết chuyện gì xảy ra vào phút chót, mà không có một cán bộ nào xuất hiện để tiếp nhận gia đình…

Nói cách khác, việc nhạc mẫu của chúng tôi, đồng ý theo Việt Minh vào chiến khu cuối cùng không thành.

Trước tình cảnh dở dang này, thân mẫu của nhà tôi không có một chọn lựa nào khác hơn là lại dắt díu con cái quay trở về đồn điền.

Tuy sự trở về được trót lọt, không gặp một bất trắc nào; nhưng khi bước chân vào đồn điền thì trước mắt mọi người là một cảnh tan hoang, đổ nát.

Chẳng là khi gia đình nhà tôi bỏ đi, dân quê quanh đó đã hè nhau tìm đến hôi của!

Không chỉ trâu bò, heo gà bị mất mà họ còn lấy đi tất cả những gì có thể lấy, có thể tháo gỡ được!

Giữa tình cảnh tuyệt vọng này, thân mẫu của nhà tôi nhận được lời khuyên của một Trung úy người Việt Nam ở trong quân đội Pháp. Ông ta khi ấy là trưởng đồn binh gần khu đồn điền của gia đình. Ông khuyên gia đình của nhà tôi nên tản cư về Huế.

Ông Trung úy đó, không chỉ đưa ra lời khuyên mà sau đó còn hết sức giúp đỡ cho gia đình, là Trung úy Lam Sơn - Nguyễn Đình Thứ.

(Như tôi biết thì cấp bậc sau cùng của ông, tính tới ngày 30 tháng 4-1975 là Chuẩn tướng thuộc QLVNCH).

Nói nào ngay, không phải khi không mà ông Lam Sơn – Nguyễn Đình Thứ cho lời khuyên và tận tình giúp đỡ gia đình nhà tôi đâu.

Nguyên nhân sâu xa là bởi vì ông mê người chị con chú bác với nhà tôi: Cô Nguyễn Khoa Diệu Cúc. Người mà tôi đã đề cập tới, ở mấy trang sách trước. Thời gian đó, ông Lam Sơn - Nguyễn Đình Thứ còn độc thân. Và chị Nguyễn Khoa Diệu Cúc của nhà tôi lại ở trong tình trạng góa chồng.

Chính vì chỉ có một thân một mình mà chị Diệu Cúc ra đồn điền ở chung với gia đình của nhà tôi.

Tôi không biết có phải tới lúc này, định mệnh hay phước báu của tổ tiên dòng họ Nguyễn Khoa, một lần nữa, lại đưa tay, mở đường dẫn dắt gia đình của nhà tôi về nơi an lành hay không mà, cùng lúc đó, nhạc phụ của tôi ở Huế lại nhắn tin cho vợ con trở về Vỹ Dạ.

Nếu không có tin nhắn tới đúng lúc này, tôi không biết thân mẫu của nhà tôi có dám tự ý, nghe theo lời khuyên của Trung úy Lam Sơn - Nguyễn Đình Thứ hay không?

Nhân có xe của Trung úy đồn trưởng Lam Sơn - Nguyễn Đình Thứ về Huế, toàn bộ gia đình của nhà tôi đã quá giang chuyến xe ấy, về lại ngôi nhà cũ.

Gia đình được đoàn tụ. Chấm dứt những ngày ly tán với quá nhiều bất ngờ hung hiểm.

Cảm kích trước ơn nghĩa của Trung úy Lam Sơn - Nguyễn Đình Thứ, cuối cùng, chị Diệu Cúc của nhà tôi đã nhận lời lấy ông.

Ở Vỹ Dạ, khi nhà tôi đang theo học lớp ba thì người Pháp chính thức trở lại Huế. Họ bổ nhiệm thân phụ của nhà tôi làm Tỉnh trưởng Quảng Bình lúc nhà tôi đang theo học lớp nhì.

Đây là thời gian vui nhất của đời học trò của nhà tôi.

Vui vì có được nhiều bạn bè, lại thường xuyên được đi chơi biển, và nhất được tắm ở sông Nhật Lệ…

Việc buôn bán tạm đủ cho gia đình sống qua ngày.

Không hiểu có phải vì thấy công việc buôn bán có tính cách thiết thực cho nền kinh tế gia dình hay không mà ông bà thân sinh ra nhà tôi, một lần bảo với nhà tôi rằng:

- Con Trà là con gái, thôi đừng đi học nữa. Ở nhà để ra chợ trông hàng, buôn bán phụ với Đẻ…

Nhà tôi kể, ngay sau đấy, nhà tôi xin nghỉ học, ra chợ coi hàng cho mẹ.

Nhà tôi nói, tiếng gọi là buôn bán nhưng thực ra nhà tôi có buôn bán gì đâu!

Nhà tôi nhỏ quá mà! Chỉ ngồi đó, trông ngó hàng hóa; người ra người vô mà thôi.

Tôi nghĩ có lẽ bản chất của nhà tôi, không thích hợp với công việc buôn bán.

Lại nữa, với tính nhân đức, bản chất thương người, có lần nhà tôi thấy một người vô cửa hàng ăn cắp đồ… Nhưng nhà tôi đã lơ đi. Không nói năng chi cả.

Thân mẫu của nhà tôi muốn con coi hàng là để đỡ mất cắp.

Nhưng kết quả có phần ngược lại! Cuối cùng nhà tôi được cho… nghỉ việc. Ở nhà. Trở lại trường học.

Tính ra trước sau nhà tôi nghỉ học đúng có một tháng.

Cuối niên học đó, khi hè tới là thời gian thân phụ nhà tôi được bổ về trông coi tỉnh Quảng Bình, như tôi đã kể ở trên.

Thân phụ của nhà tôi làm Tỉnh trưởng Quảng Bình đâu được hai năm, một hôm cha Cao Văn Luận tìm tới, báo cho thân phụ của nhà tôi một hung tin.

Cha Luận cảnh cáo:

- Cụ ơi! Tụi nó sắp ám sát cụ đấy. Cụ liệu về hưu ngay đi…

Thân phụ của nhà tôi bàng hoàng trước tiết lộ động trời bất ngờ này! Ông bỏ hết mọi chuyện, vội vàng về Huế, làm đơn xin thôi việc!

Cũng vì quá sợ bị ám sát nên thay vì đem vợ con về căn nhà do chính phủ cấp phát, nhạc phụ của tôi đã quyết định để vợ con ở tạm nơi nhà Bác sĩ Bửu Du, là chỗ quen biết thân tình với thân phụ của nhà tôi.

Nhà tôi kể, ngay khi thân phụ của nhà tôi từ chức, chính quyền Pháp đã cử người thay thế.

Nhưng người này ở chức vụ Tỉnh trưởng Quảng Bình chẳng bao lâu, đã bị Việt Minh ám sát chết.

Ở thời điểm ấy, Mặt trận Việt Minh có chủ trương ám sát những quan chức cao cấp bị coi là làm việc cho Pháp.

Cũng thời gian này, nhà tôi học lớp nhất trường Đoàn Thị Điểm.

Đó là thời gian thân phụ của nhà tôi chính thức được về hưu với tiền lương hưu trí khá lớn…

Tuy nhiên, sau này, nghiệm lại, nhà tôi thấy thương vô cùng hoàn cảnh của cha mình.

Bởi vì theo nhà tôi thì gần như suốt cả một cuộc đời của ông, lúc nào ông cũng sống trong bồn chồn lo sợ. Tuy ông từng giữ những chức vụ lớn trong triều đình, trong chính phủ, nhưng khi bình thản tính lại thì ông chẳng có được bao ngày thanh thản thân tâm. Lúc nào ông cũng hồi hộp, âu lo khi tham chính cũng như lúc đã lui về quy ẩn…

Viết tới đây, tôi thấy có lẽ cũng nên ghi lại dù vắn tắt thôi một sự việc có tính cách lịch sử ít người biết liên quan tới một vài nhân vật trong dòng họ "Nguyễn Khoa".

Đó là chuyện nhà tôi có một người anh ruột, là bác sĩ Nguyễn Khoa Lai. Ông mới mất cách đây hai năm.

Trước khi biến cố đau thương 30 tháng 4-1975 xảy ra, thì bác sĩ Nguyễn Khoa Lai tùng sự tại bệnh viện Cần Thơ.

Khi được tin Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, một người bà con khác trong dòng họ của nhà tôi quyết định tử thủ tại

Bộ tư lệnh Quân đoàn 4, Quân khu 4 với tư cách Tư lệnh của Quân khu này, nhiều người đã tìm tới bác sĩ Nguyễn Khoa Lai, ngỏ ý muốn nhờ ông, với tính cách anh em con chú con bác trong đại gia tộc, khuyên Tướng Nam bỏ quyết định tử thủ của ông.

Ông anh nhà tôi, bác sĩ Lai nhận lời.

Khi biết bác sĩ Nguyễn khoa Lai nhận lời đi thuyết phục Tướng Nguyễn Khoa Nam nên đầu hàng, một người bạn, cũng là bác sĩ không muốn bạn đi một mình, nên đã tình nguyện theo bạn.

Khi bác sĩ Lai tới dinh Tư Lệnh Quân đoàn 4, ông dùng loa kêu gọi Tướng Nguyễn Khoa Nam đầu hàng…

Bất đồ, những người lính trong bộ tư lệnh của tướng Nam xả súng bắn ra như mưa… Khiến người bạn bác sĩ của bác sĩ Lai và tài xế trúng đạn chết tại chỗ. Riêng ông Lai bị thương vì một viên đạn trúng bụng.

Thê thảm và nguy hiểm hơn nữa, lúc đó nhà thương bị cúp điện, phương tiện cấp cứu lại thiếu hụt, thô sơ… Nên về sau, tuy bác sĩ Lai được bình phục, nhưng ông không thể trở lại bình thường! Ông luôn sống trong tình trạng thẫn thờ, ngơ ngác…

Ông anh ruột của nhà tôi, bác sĩ Nguyễn Khoa Lai chỉ có được một điều may mắn duy nhất, nhưng lại vô cùng lớn lao và không thể phước đức hơn, theo cách nói của nhà tôi. Đó là cái may ông có được một người vợ tuyệt hảo. Một người vợ, như một tấm gương sáng cho rất nhiều phụ khác noi theo.

Người bạn đời của ông là dược sĩ Phạm Thị Như Khâm. Nhà tôi nói, nếu ông không có được một người vợ như bà Như Khâm thì chẳng những ông ấy không thể bình phục mà cũng không có cơ hội sống thêm tới mấy chục năm sau, sau tai họa mà tôi vừa mới kể.

Tôi nghĩ, phải chăng đúng như người xưa thường nhắc nhở chúng ta rằng, đừng quên "*ông Trời có mắt*".

Nếu chúng ta, dù lớn bé, có giữ chức vụ gì hay không, nhưng giữ được nếp sống hiền lành, đạo đức thì cuối cùng thế nào người đó, cũng sẽ được Trời Phật đền bù. Ngay cả

khi người đó có không may kinh qua những tai họa ghê gớm nhất.

Điển hình là trường hợp bác sĩ Nguyễn Khoa Lai, ông anh ruột của nhà tôi.

Khi nói đến liên hệ giữa chị dâu em chồng, từ ngàn xưa đã để lại biết bao điều không đẹp về mối liên hệ đó. Thật may mắn, nhà tôi lại có những người chị dâu hiền lành, đảm đang thương yêu chồng và gia đình chồng như chính gia đình mình. Ngoài chị Như Khâm, nhà tôi còn may mắn có những người chị dâu đáng kính khác, như Chị Bảo, Chị Hy, Chị Thiều, Chị Cẩm (người phụ nữ không những đảm đang công việc nhà mà còn làm biết bao bài thơ rất hay mà thuở đó nhà tôi rất thán phục).

Trong những lần trò chuyện gia đình, nhà tôi luôn nhắc đến các chị dâu của mình với lòng thương mến và biết ơn đã ăn ở rất tốt đẹp với gia đình chồng.

Một điều rất thiếu sót nếu không nhắc đến cô em gái rất dễ thương của nhà tôi. Cô Nguyễn Khoa Diệu Lê. Người phụ nữ hiền thục, đẹp người đẹp nết. Những ngày đầu chân ướt chân ráo đến Mỹ, gia đình tôi với hai vợ chồng và những đứa con nheo nhóc, đã đến tá túc ở nhà cô. Cô và người bạn đời đầu tiên của cô đã tận tình giúp đỡ, không quản ngại nhà cửa chật chội. Sau này khi đã sống ở Mỹ nhiều năm chúng tôi mới thấm nỗi khó khăn của một gia đình phải cưu mang một gia đình khác trong nhà. Sự tự do, sự yên tịnh, họ đã phải hy sinh trong những ngày chúng tôi ở chung. Chúng tôi chẳng bao giờ quên cái ơn ấy.

Sau này vì vợ chồng không hạp tính nhau, Diệu Lê và chồng đã đi đến quyết định ly hôn, dù vậy họ vẫn đối xử với nhau rất tốt đẹp, lịch sự và tôn trọng lẫn nhau. Họ có cung cách của những người có học.

Sau này Diệu Lê đã kết hôn với Trần Tiển Khanh, anh là hậu duệ của cụ Trần Tiển Thành. Khanh là người có chí, học hành uyên thâm, anh đã vừa hoàn thành một công trình rất lớn lao cho văn học là dịch bộ kinh Địa Tạng gồm 2 ngàn cuốn. Hiếm thấy một người đàn ông giống Khanh. Anh bao giờ cũng đối với vợ như thuở ban đầu, trong sự tương kính,

luôn là ắp đầy lòng yêu thương. Nhìn em gái hạnh phúc nhà tôi cũng lộ niềm vui ra mặt. Mỗi khi nhắc đến em gái nhà tôi không dấu được niềm thương yêu trìu mến dành cho. Bên cạnh đó dù sau lưng hay trước mặt, luôn luôn nhà tôi tỏ lộ sự hài lòng dành cho người em rể là Trần Tiến Khanh.

Nhắc đến chị dâu, nhắc đến em rể, nhà tôi cũng muốn nhắc đến một người rể là Mai Đông Tuấn, chồng của Thái Diệu My.

Mai Đông Tuấn là cháu nội của cụ Mai Thọ Truyền. Làm cha mẹ chúng tôi không mong gì hơn là khi con cái ra trường thì được yên bề gia thất. Ngay khi cháu Thái Diệu My ra trường, cũng rất nhiều bạn bè thân hữu thương mến mà muốn kết sui gia với chúng tôi. Nhưng nói cho cùng thì vợ chồng là do duyên số. Cháu Diệu My cũng không thoát khỏi điều đó. Ở trường, trong sinh hoạt bạn bè, cháu cũng quen biết nhiều, nhưng rồi trong những bạn đến nhà, gia đình đã chọn cháu Tuấn làm người con rể đầu tiên.

Tuấn là bác sĩ chuyên về chụp hình. Một kỷ niệm cũng đáng ghi lại về sự liên quan giữa công việc của Tuấn và bệnh trạng của nhà tôi. Số là trong đợt mua máy móc trang bị cho phòng mạch. Cháu Tuấn đã mua một máy kiểm tra sức khỏe toàn thân. Dĩ nhiên những người "thử máy" đầu tiên là những người trong gia đình và bạn bè thân hữu. Tất cả mọi người đều được máy báo: không bệnh. Chỉ riêng nhà tôi, máy báo cho biết có một cái bướu rất nhỏ, nhỏ lắm!

Tuấn cẩn thận đem kết quả đi hỏi một bác sĩ chuyên khoa và có quá trình kinh nghiệm về ung bướu. Vị bác sĩ kia cho biết, bướu quá nhỏ, có thể sau hai tháng sẽ tự tan đi.

Lời tuyên bố của vị bác sĩ chuyên khoa không làm cho tôi an lòng. Bản tính cẩn thận, cộng thêm với óc suy luận của một người học khoa học, tôi muốn họp các con lại để có một quyết định chung. Ngay tối đó, gia đình chúng tôi họp lại, và khi nghe tôi đưa ra câu hỏi: "Nếu sau 2 tháng nữa mà đó là bướu của ung thư thì mẹ có còn đủ thời gian để chữa trị không?"

Nghe câu hỏi của tôi, nhất loạt các con tôi đều đồng ý sẽ đi hỏi một bác sĩ thứ hai.

Và, lời tuyên bố của bác sĩ thứ hai là: Chớm đầu của bệnh ung thư

Rất là may mắn! Nhà tôi được cứu thoát qua sự chữa trị tận tình của các bác sĩ. Mặc dù chỉ là một cuộc khám nghiệm tình cờ do con rể chúng tôi thực hiện. Chúng tôi cũng cám ơn cháu rất nhiều, nhờ thế mà nhà tôi đã được chữa trị kịp thời nếu không muốn nói là rất sớm.

Tôi muốn dừng bút ở chương sách này với lời cám ơn Trời Phật đã dành rất nhiều đặc ân cho gia đình chúng tôi nói chung, và với cá nhân tôi nói riêng. Những may mắn mà tưởng chừng như chẳng bao giờ đến tay mình.

Giáo sư
**Thái Doãn Ngà**,
California, tháng 7 năm 2010.

Diệu Trà

Ngày Vu Quy của chị Nguyễn Khoa Diệu Liên, chị của Diệu Trà. (Người nhỏ nhất bà nội bồng là anh Nguyễn Khoa Lai).

# PHỤ LỤC

*Nhà tôi, Diệu Trà là người mê thơ phú từ những ngày còn trẻ. Có khi lòng bâng khuâng trước cảnh tình, cảnh đời, nhà tôi cũng hay có những bài thơ nhỏ.*

*Tuy nhiên khi đọc lại không bao giờ nhà tôi ưng ý. Có lẽ do thế mà nhà tôi ít giữ lại.*

*Nay, nhìn các cháu cứ như mầm xanh mới nhú, mơn mởn lớn từng ngày, nhìn các cháu mà lòng hớn hở vui mừng không ngăn được thi hứng.*

*Nhà tôi phóng bút viết mấy dòng gọi là chút quà kỷ niệm cho các cháu.*

**<u>Hai con của Thái Diệu My - Mai Đông Tuấn</u>**:

**- Johnathan Mai Khoa Thái**
*(Con trai, sinh ngày 1-28-1994)*

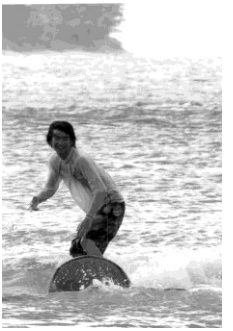

Văn võ song toàn âu phải tới
Bởi chừng chập chững đã khôn ngoan.
Con dòng cháu giống mai nở đóa.
Một buổi vinh danh mộng thái hòa.

**- Catherine Thảo My**
*(Con gái, sinh ngày 5-24-1996)*

Duyên dáng có thừa qua ánh mắt
Tương lai nắm chặt giữa đôi tay
Đài các cao sang nồng hương mẹ
Tựa cỏ bồng thơm ngát tháng ngày.

**<u>Hai con của Thái Vy Thy - Trương Hải Lý</u>**:

**- Natasha Trương Trà Vy**
*(Con gái, sinh ngày 7-23-1987)*

Từng bước nâng niu hẹn với đời
Tuổi nhỏ ngoan hiền quá thảnh thơi
Tương lai chắc chắn mau thành đạt
Mộng ước rồi đây quá tuyệt vời

**- Oliver Trương Thái Duy**
*(Con trai, sinh ngày 6-12-1989)*

Mắt hướng thẳng tới muôn trùng hải lý
Đường tương lai như sóng vỗ bờ quen
Nét trầm mặc in hằng trên vừng trán
Đường thênh thang thẳng tắp vững niềm tin.

**<u>Con trai của Thái Doãn Sơn - Vân Mỹ Võ</u>**

- **Kevin Thái Doãn Minh**
  *(Con trai, sinh ngày 1-2-1996)*

Bước chậm nhưng chừng vững đôi chân
Có chí thì nên chẳng ngại ngần
Niềm vui tuổi lớn trong hò hẹn
Mai mốt rồi đây ngập tin mừng

**<u>Con gái của Thái Quỳnh Thư -Vũ Quốc Định</u>**

**- Emily Thái Vy Vũ**
*(Con gái, sinh ngày 8-26-1999)*

Như chim như sáo như hoa nở
Trí huệ hồn nhiên nét định phần
Tương lai thư thái như gương mẹ
Rộn tiếng cười vang chẳng ngại ngần.

**Các con của Thái Doãn Kim - Nguyễn Dao Thảo**

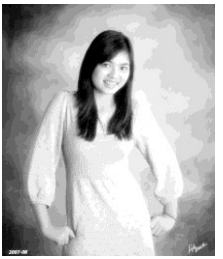

**- Megan Thái Tường Anh**
*(Con gái, sinh ngày 11-30-1994)*

Nghiêm trang giữ mực như người lớn
Tuổi nhỏ hồn nhiên đến không ngờ
Quả xứng với dặm dài dưỡng dục
Tương lai thành đạt cứ như mơ

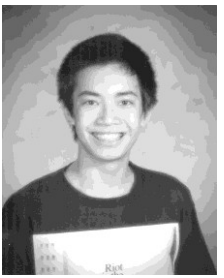

**- Daniel Thái Doãn Ân**
*(Con trai, sinh ngày 2-16-1996)*

Bước đi chững chạc từ thở bé
Khiêm, cần gom lại nhớ công cha
Đường kim mối chỉ gìn ơn mẹ
Dệt lối tương lai ngập trời hoa

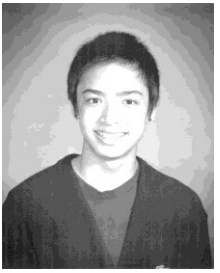

**- Kenneth Thái Doãn Khiêm**
*(Con trai, sinh ngày 7-14-1997)*

Nội ngoại khen thầm khi mới lớn
Khôn ngoan điềm đạm vẫn hiên ngang
Học hạnh vững vàng trong kim sắc
Tương lai rồi rạng thảo gia trang

**Hai con của Thái Đoan Khê – Guy Vian**

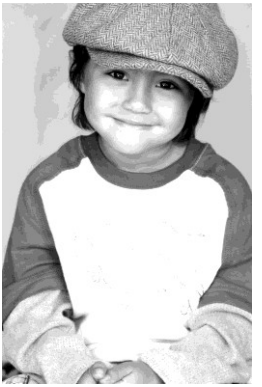

**- Milo Viau**
*(Con trai, sinh ngày 11-30-2001)*

Mắt môi đậm nét tình viễn xứ
Khuôn phép không ngờ quý hóa thay
Thông minh đỉnh ngộ tìm đã thấy
Tuấn tú mai sau rạng tháng ngày

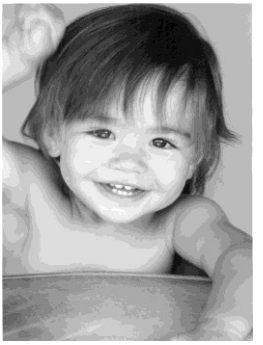

**- Lino Viau**
*(Con trai, sinh ngày 4-27-2005)*

Thương quá là thương lúc em cười
Mắt xanh rạng ánh một niềm tin
Mai đây chắc chắn rồi sẽ thấy
Một nét tài ba sánh với đời

# NỘI DUNG

## HỒI KÝ PHẦN I: Thái Doãn Ngà

Lời mở đầu .....07
CHƯƠNG MỘT: Những thời niên thiếu .....09
CHƯƠNG HAI: Trở lại trường, thời Đệ Nhất Cấp .....18
CHƯƠNG BA: Trở lại trường, thời Đệ Nhị Cấp.....25
CHƯƠNG BỐN: Cậu Tú Ngà giữa ngã ba đường .....33
CHƯƠNG NĂM: Trở về trường cũ,
trong tư cách Giáo sư .....41
CHƯƠNG SÁU: Với tình duyên,
định mệnh cũng không quên nụ cười hoan hỉ ...48
CHƯƠNG BẢY: Có an cư mới có lạc nghiệp.....54
CHƯƠNG TÁM: Tiếp tay hình thành
phong trào "Giáo dục mới" .....62
CHƯƠNG CHÍN: Từ Giám Học, rồi Hiệu trưởng P.C.T.
đến việc xây dựng Nữ trung học Hồng Đức .....67
CHƯƠNG MƯỜI: Từ Trưởng ban cứu trợ nạn nhân tết Mậu
Thân tới Chánh chủ khảo kỳ thi Tú Tài Huế.....79
CHƯƠNG MƯỜI MỘT: Xây lại trường Phan Chu Trinh,
nhận học bổng đi Mỹ .....87
CHƯƠNG MƯỜI HAI: Xây dựng trường Đại Học đầu tiên
cho Thị xã Đà Nẵng .....98
CHƯƠNG MƯỜI BA: Cuộc Cách mạng Giáo dục tôi đã
mang đến cho tỉnh Quảng Nam.....108
CHƯƠNG MƯỜI BỐN: Được đề cử chức vụ
Dân biểu Đà Nẵng.....114

CHƯƠNG MƯỜI LĂM: Những ngày cuối tháng 3-75
ở Đà Nẵng .....120
CHƯƠNG MƯỜI SÁU: Sàigon tháng 4-75,
tìm đường di tản .....133
CHƯƠNG MƯỜI BẢY: Phi trường Tân Sơn Nhất, những
giờ phút chạy đua với tử thần.....147
CHƯƠNG MƯỜI TÁM: Bước đầu tị nạn, và cuộc đối thoại
ngắn ngủi với Tướng Trưởng.....161
CHƯƠNG MƯỜI CHÍN: Nếu không được Trời Phật
ra tay cứu giúp?.....168
CHƯƠNG HAI MƯƠI: Những năm tháng làm lại cuộc đời
và gầy dựng tương lai thế hệ thứ hai.....176

**HỒI KÝ PHẦN II: Vợ Tôi**

Lời nói đầu .....185
**Chương Một:** Ngược dòng lịch sử,
dòng họ Nguyễn Khoa .....188
**Chương Hai:** Chung quanh cuộc tình của thân phụ và
thân mẫu nhà tôi, Nguyễn Khoa Diệu Trà .....202
**Chương Ba:** Nhà tôi, Nguyễn Khoa Diệu Trà,
những ngày thơ ấu.....204

**PHỤ LỤC**.....216

In tại KV PRINTING
9371 Kramer Ave., #E
Westminster, CA 92683
**Tel: 714-404-7955**